

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TRÚNG THƯỞNG**CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MÃI GIAO DỊCH ĐẸ DÀNG – CHIA QUÀ HỮ VÀNG****1. Hũ Phong (Từ 11/11/2025 – 16/11/2025):**

STT	Họ tên	Tổng số giao dịch	Số tiền chi thưởng
1	NGUYEN LAN HUONG	35	73,300
2	LE VAN TOAN	35	73,300
3	DUONG MINH HIEU	1,048	2,194,400
4	HO XUAN PHUONG	5	10,500
5	NGUYEN THI TRANG	2	4,200
6	PHAM THI LINH CHI	1	2,100
7	TRAN HA MY	228	477,400
8	PHAM VAN BINH	426	892,000
9	HOANG TUAN SON	154	322,500
10	DOAN THAO NAM	6	12,600
11	NGUYEN HUY BACH	6	12,600
12	PHAM THU VAN	1	2,100
13	TRAN THI KIEU TRANG	2	4,200
14	VO VAN DAO	7	14,700
15	LE TO UYEN	4	8,400
16	DOAN VAN HOANG	28	58,600
17	LE DUC ANH	460	963,200
18	TRAN THI XUAN	1	2,100
19	LE THI NGA	2	4,200
20	LA NGOC KIM	1	2,100
21	NGUYEN THI HANG	1	2,100
22	VU THI HUYEN TRANG	3	6,300
23	PHAN VAN THINH	9	18,800
24	TANG MINH DOAN	2	4,200
25	NGUYEN QUOC TOAN	5	10,500
26	NGUYEN PHU PHUC	15	31,400
27	TRAN THI HIEN	3	6,300
28	DO QUYEN DI LINH	1	2,100
29	NGUYEN THI TU	1	2,100
30	VU NGOC DUC	4	8,400
31	VU HOAI NAM	1	2,100
32	VU CHIEN THANG	6	12,600
33	VU THI HUE	3	6,300
34	DIEP BAO PHA	1	2,100
35	NGUYEN THI HUYEN	160	335,000

36	DO THI HAI ANH	3,691	7,728,500
37	DAO THU THUY	1	2,100
38	KIM HUYEN LINH	1	2,100
39	VU MINH TUAN	350	732,900
40	NGO THI NGOC MAI	4,015	8,407,000
41	NGUYEN THI THU HIEN	2	4,200
42	HA THI TRANG	215	450,200
43	NGUYEN NHAT MINH THU	1	2,100
44	BACH THI THUY	4,253	8,905,300
45	TRAN ANH VAN	1,373	2,874,900
46	PHAM MINH KHUE	566	1,185,100
47	NGUYEN THI THU TRANG	1	2,100
48	NGUYEN THI KIM THU	3	6,300
49	TRAN DUC TUNG	1	2,100
50	NGUYEN TRA MY	2,256	4,723,800
51	LE THI THOA	3	6,300
52	PHAM LE NHAT MINH	3	6,300
53	NGUYEN NGOC MINH	1	2,100
54	NGUYEN THI LY	1	2,100
55	VU THI MY LINH	1,469	3,075,900
56	TRAN THIEN THONG	1	2,100
57	VU THI HUONG	10	20,900
58	VUONG QUOC DUC	1	2,100
59	NGUYEN TAI MANH	2	4,200
60	PHAN THI TU QUYNH	2	4,200
61	DAO THU VAN	1	2,100
62	NGUYEN TRAN DUY PHUC	1	2,100
63	TRAN THI TUOI	1	2,100
64	PHAM THI PHUONG NGOC	2	4,200
65	NGUYEN MINH THONG	2	4,200
66	NGUYEN THI KIEU TRANG	1	2,100
67	BUI MINH THUY	1	2,100
68	TANG THI THAO NHUNG	1	2,100
69	DO MY LINH	3	6,300
70	HOANG KHANH LINH	1	2,100
71	VU THI BAC	1	2,100
72	PHAN THI KHANH LY	2	4,200
73	LU TUAN ANH	3	6,300
74	TRAN THI HUONG GIANG	947	1,982,900
75	HOANG THI HAI YEN	1,036	2,169,300
76	TRAN THI HUE	1	2,100

77	DAO THI HUYEN TRAM	1	2,100
78	PHAN THI HUE	3,395	7,108,800
79	NGUYEN HAI BINH	3	6,300
80	PHAN NHAT PHUONG	1	2,100
81	NGUYEN VAN TIN	1	2,100
82	NGUYEN THI TRA MY	2	4,200
83	NGUYEN CUU THI HOAI	100	209,400
84	TRAN CHUNG TUAN HUNG	5	10,500
85	NGO THAI SON	1	2,100
86	LE THI BAO CHI	1	2,100
87	LE THI THUY TRANG	100	209,400
88	NGUYEN CUU HOANG	100	209,400
89	TRAN THI HONG	100	209,400
90	NGUYEN CUU MY HUE	100	209,400
91	NGUYEN CUU NHO	100	209,400
92	DOAN MINH CHAU	5	10,500
93	NGUYEN THI THU HUONG	1	2,100
94	TRUONG DINH DUY	1	2,100
95	PHAM THI MAI ANH	1	2,100
96	NGUYEN DINH LINH	1,831	3,833,900
97	QUACH THU NGAN	3	6,300
98	NGUYEN CONG HOANG	2	4,200
99	LE THI XUAN	2	4,200
100	NGUYEN HOANG VU	3	6,300
101	VU TIEN DAT	1	2,100
102	VU TRUNG NGHIA	1	2,100
103	TRAN THI THUY	1	2,100
104	DOAN VAN HOANG	1	2,100
105	NGUYEN DUY HAO	2	4,200
106	LE THI THANH MAI	1	2,100
107	NGUYEN BAO AN	1	2,100
108	THAI VAN NHAT	1	2,100
109	TRUONG PHU LE	1	2,100
110	LAI PHU AN	1	2,100
111	NGUYEN HUONG QUYNH	1	2,100
112	NGUYEN DUC DAO	4	8,400
113	PHAN CAM BINH	2	4,200
114	TA NGOC HIEU	1	2,100
115	DINH HUYNH PHUONG DUNG	1	2,100
116	NGUYEN HONG DIEP	1	2,100
117	NGUYEN THI MUI	2	4,200

118	HUYNH MINH KHANH	1	2,100
119	PHAM VAN KHIEM	31	64,900
120	TRINH DUY KHOI	2	4,200
121	VU DANG LUONG	2	4,200
122	PHAM THI THU HOA	1	2,100
123	HAU QUANG TRONG	1	2,100
124	TRAN THI OANH	1	2,100
125	LE HUYEN TRANG	1	2,100
126	VO PHUONG TOAN	1	2,100
127	NGUYEN THI THANH TU	2	4,200
128	NGUYEN THI LAN ANH	35	73,300
129	NGUYEN MANH QUAN	1	2,100
130	LE THU THUY	1	2,100
131	TRAN DUC DUONG	9	18,800
132	PHAN THI LAM OANH	1	2,100
133	TAO THI CAM	2	4,200
134	NGUYEN VAN DAT	1	2,100
135	NGUYEN DINH VIET	2	4,200
136	NGUYEN DUC HAI	1	2,100
137	LE THI HOA	1	2,100
138	NGUYEN THI HUONG	1	2,100
139	TRAN QUOC VIET	1	2,100
140	DINH QUYNH TRANG	1	2,100
141	NGUYEN THI THAO NGUYEN	1	2,100
142	VU BANG	6	12,600
143	CAO THI HANH	2	4,200
144	QUAN CHAU NGOC MAI	2	4,200
145	PHAM TRUONG SON	1	2,100
146	NGUYEN THI MINH NGUYET	1	2,100
147	HA THI MINH THAO	1	2,100
148	NGUYEN TO TAM	5	10,500
149	NGUYEN THI BICH HONG	1	2,100
150	NGUYEN THI THANH TRA	1	2,100
151	NGUYEN DUC KIEN	1	2,100
152	LE THI QUYNH MAI	1	2,100
153	NGUYEN PHUC LINH	1	2,100
154	TAO THI LIEU	6	12,600
155	NGUYEN THAI HA	1	2,100
156	NGUYEN DUY NAM	1	2,100
157	NGUYEN PHUONG THAO	1	2,100
158	PHAM THANH HAI	1	2,100

159	TRAN DUNG	1	2,100
160	DUONG NGOC LAN	1	2,100
161	NGUYEN THI THAO	1	2,100
162	DAO QUANG QUY	1	2,100
163	NGUYEN PHUC HOA	1	2,100
164	VU THANH LONG	1	2,100
165	BUI THI MINH HUONG	1	2,100
166	NGUYEN THI THUY DUONG	2	4,200
167	LE QUANG THIEN	3	6,300
168	NGUYEN VAN MINH LOI	1	2,100
169	NGUYEN NGOC THAO	1	2,100
170	CHAU VIET VUONG	1	2,100
171	NGUYEN THI YEN	3	6,300
172	LE THANH NAM	1	2,100
173	VU THANH HIEN	1	2,100
174	LE DUC DONG	1	2,100
175	TRAN MAI THONG	2	4,200
176	VU XUAN HUNG	1	2,100
177	NGUYEN MINH THUAN	1	2,100
178	TRAN QUANG HIEU	3	6,300
179	TRAN THI KIM HOAN	1	2,100
180	PHAM QUANG THANG	1	2,100
181	NGUYEN XUAN VIEN	1	2,100
182	HUYNH VAN PHAP	2	4,200
183	DANG THI THU	1	2,100
184	NGUYEN THI THU DAO	1	2,100
185	LE THUY HOANG OANH	1	2,100
186	TRAN TRUNG NGHIA	3	6,300
187	NGUYEN THE QUAN	10	20,900
188	PHAN THI PHI	2,287	4,788,700
189	NGUYEN VAN DAT	44	92,100
190	PHAM THI HUE	3	6,300
191	CAO THI BICH NGOC	1	2,100
192	LE TRA MY	1	2,100
193	GIAP THI HIEN	1	2,100
194	NGUYEN MAI HAI YEN	3	6,300
195	NGO LE PHUONG	1	2,100
196	VU THI THU HIEN	3	6,300
197	VU DUC ANH	1	2,100
198	PHUNG QUANG HUY	1	2,100
199	NGUYEN HOANG DUY THUC	1	2,100

200	NGUYEN DUC TOAN	1	2,100
201	LUONG QUYNH THU	1	2,100
202	HOANG KIM SON	2	4,200
203	NGO THI BICH PHUONG	1	2,100
204	HUYNH THI NGOC BICH	1	2,100
205	NGUYEN THI PHUONG	1	2,100
206	NGO VAN LOC	1	2,100
207	NGUYEN TAN HAI	1	2,100
208	TRAN THI MINH TUYEN	1	2,100
209	PHAM DO HUY THANH	6	12,600
210	LAM NHU TUYEN	2	4,200
211	NGUYEN THUY HOANG GIA	2	4,200
212	LE THI THU HIEN	1	2,100
213	HA VAN CUONG	1	2,100
214	NGUYEN TIEN VUONG	1	2,100
215	NGUYEN DON VU HUY	1	2,100
216	PHAN THI HONG NHUNG	1	2,100
217	DANG THI MINH TAM	14	29,300
218	NGUYEN THI THUY DUNG	1	2,100
219	LAM CHI QUANG	1	2,100
220	LE THI XUAN	16	33,500
221	TRAN QUANG PHUOC	8	16,800
222	NGUYEN THI NHUNG	1	2,100
223	TRAN THI NHAT THAO	11	23,000
224	PHUNG THI HA	1	2,100
225	NGUYEN CONG DAT	1	2,100
226	NGUYEN NGOC BON	101	211,500
227	NONG THI HUYEN	2	4,200
228	NGUYEN THI THU NGAN	1	2,100
229	NGHIEM KIM THIEM	2	4,200
230	HO THI THANH THUONG	1	2,100
231	NGUYEN THI TUONG VY	136	284,800
232	NGUYEN THI ANH TUYET	40	83,800
233	NGUYEN THI THANH BINH	1	2,100
234	LUU PHUNG ANH	2	4,200
235	TRAN THI MINH HAI	3	6,300
236	PHUONG BAO TRAN	43	90,000
237	PHUONG HAI DANG	42	87,900
238	LE THI KIM LOAN	42	87,900
239	DO THI BICH LE	1	2,100
240	NGUYEN XUAN VONG	31	64,900

241	VO THI KIM PHUONG	1	2,100
242	PHAM THI LE	1	2,100
243	NGUYEN DINH CHIEN	2	4,200
244	NGUYEN ANH THY	64	134,000
245	LE QUOC HUY	2	4,200
246	LUU LAM TUNG	1	2,100
247	HOANG THI THAO LY	1	2,100
248	NGUYEN THI HUYNH NHU	62	129,800
249	LE TRAN THANH	1	2,100
250	NGUYEN MAI THY	54	113,100
251	HOANG THANH SON	1	2,100
252	NGUYEN HOANG NHUNG	1	2,100
253	NGUYEN TRUNG DUC	3	6,300
254	VUONG THI TAM	1	2,100
255	TRUONG THI KIM LIEN	1	2,100
256	NGO ANH TUYET	1	2,100
257	NGUYEN MINH NHAT	1	2,100
258	BUI HUYEN TRANG	2	4,200
259	NGUYEN THI NHU Y	3	6,300
260	DINH THI HANG	1	2,100
261	NGO BAO TRAM	1	2,100
262	NGUYEN HO XUAN DUC	1	2,100
263	NGUYEN THAI MINH	1	2,100
264	NGUYEN HUU THA	2	4,200
265	NGUYEN THI THANH THAO	13	27,200
266	PHAM LAN HUONG	1	2,100
267	NGUYEN THI NHU PHUONG	1	2,100
268	NGUYEN KHOA TOAN	2	4,200
269	LE DINH BAO LONG	1	2,100
270	LE THANH MINH	1	2,100
271	TRAN VU NHAT ANH	1	2,100
272	PHAM ANH DUC	2	4,200
273	DANG XUAN DUONG	1	2,100
274	NGUYEN QUOC TAN DAT	2	4,200
275	NGUYEN QUANG LINH	1	2,100
276	TRAN TUAN ANH	6	12,600
277	TRAN THUY DUNG	1	2,100
278	LUU THUY HANG	3	6,300
279	GIAP THI CHUYEN	1	2,100
280	TA THU THAO	1	2,100
281	NGUYEN THI HOA	1	2,100

282	LE THI THUY TRANG	1	2,100
283	HOANG VAN TRUONG	2	4,200
284	TRAN DIEU THU	1	2,100
285	PHAM MINH AN	5	10,500
286	NGUYEN VAN DANG	1	2,100
287	NGUYEN VAN DIEP	1	2,100
288	BUI THI THU HA	1	2,100
289	NGUYEN HOANG ANH	1	2,100
290	ON THANH TRA	1	2,100
291	DANG HOANG KHUONG	2	4,200
292	NGO DIEU QUYNH	1	2,100
293	NGUYEN THI THU HA	2	4,200
294	TRAN THI MAI	1	2,100
295	LE THI PHUONG THAO	1	2,100
296	TO XUAN HIEU	4,745	9,935,500
297	HOANG THI LY	4	8,400
298	NGUYEN VAN KHANH	55	115,200
299	LE THI BICH XUAN	1	2,100
300	HONG NHAT TAN	2	4,200
301	TRAN VAN HUNG	1	2,100
302	LU VAN MINH	1	2,100
303	NGUYEN THI KIM DIEU	1	2,100
304	DUONG MINH NHAT	1	2,100
305	LE NHAT YEN	1	2,100
306	LAI VAN THUONG	2	4,200
307	NGUYEN VIET HUNG	124	259,600
308	NGUYEN ANH DUC	1	2,100
309	BUI DINH BAO	11	23,000
310	PHAM NGUYEN NGOC BAO	1	2,100
311	PHUNG THI HUONG TRANG	143	299,400
312	HOANG DO QUYEN	1	2,100
313	NGUYEN THI TUYEN	1	2,100
314	NGUYEN HONG HAI	1	2,100
315	NGUYEN THI LAN	2	4,200
316	DUONG TRUNG KIEN	1	2,100
317	LE DIEU LINH	1	2,100
318	LE THI HONG KHANH	1	2,100
319	VO HOANG GIA BAO	1	2,100
320	MAI THI XUAN HAU	562	1,176,800
321	LE NGOC MAI	1	2,100
322	HA VAN TUAN	1	2,100

323	LE THI YEN	1	2,100
324	PHAM DUY KHANH	1	2,100
325	DAO THUY LINH	1	2,100
326	TRAN THI DAO	1	2,100
327	TRAN HOANG LONG	1	2,100
328	NGUYEN VAN HIEU	1	2,100
329	NGUYEN HUONG GIANG	1	2,100
330	NGUYEN THI HUYEN	1	2,100
331	NGUYEN TRAN PHUONG DUY	1	2,100
332	NGUYEN TRAN PHUONG DUY	1	2,100
333	MAI THI MEN	63	131,900
334	PHAM THI LUYEN	1	2,100
335	NGUYEN THI THAO LY	2	4,200
336	BUI MANH CUONG	1	2,100
337	CAO THI PHUNG	1	2,100
338	LE BICH LY	2	4,200
339	DAO THI THU PHUONG	1	2,100
340	NGUYEN NHAT LINH	1	2,100
341	LE THI HUYEN LINH	2	4,200
342	TRAN TRUNG HIEU	1	2,100
343	CAO THI LAN HUONG	1	2,100
344	NGUYEN VAN OANH	1	2,100
345	NGUYEN THE ANH	1	2,100
346	LE THI HONG THU	2	4,200
347	LE VAN THE	1	2,100
348	PHAM THI HONG ANH	2	4,200
349	NGUYEN THI HIEN	1	2,100
350	NGUYEN DUY KHANH	1	2,100
351	NGUYEN QUANG HUY	1	2,100
352	NGUYEN TUONG VY	1	2,100
353	NGUYEN KIEU PHUONG THAO	5	10,500
354	TRANG THANH DUY	1	2,100
355	DOAN PHUOC TAI	2	4,200
356	DINH TRONG PHONG	1	2,100
357	NGUYEN DUC MINH NGOC	1	2,100
358	TA KHANH TOAN	1	2,100
359	BUI DOAN THANH	1	2,100
360	LE VIET TRUONG	1	2,100
361	LE VAN TIEN	20	41,900
362	NGUYEN XUAN THANG	1	2,100
363	CAP THI PHUONG THINH	1	2,100

364	TRAN THI THU	1	2,100
365	NGUYEN DUC SON	1	2,100
366	HO PHU HAI	1	2,100
367	NONG THU TRANG	2	4,200
368	LE KHAC LONG	1	2,100
369	TRAN THI THANH THAO	1	2,100
370	BUI THI NHINH	1	2,100
371	TRUONG NGUYEN NGOC CHIEU	2	4,200
372	KIEU THANH NGOC	1	2,100
373	HOANG TRONG TOAN	1	2,100
374	NGUYEN TONG QUOC	2	4,200
375	VU QUANG HUNG	2	4,200
376	NGUYEN MINH THUY	1	2,100
377	HOANG THI HUONG	1	2,100
378	BUI THI LAN HUONG	2	4,200
379	MAI THANH NGA	1	2,100
380	LUONG BA NAM	1	2,100
381	TRAN TAN TAI	1	2,100
382	BUI THI BICH PHUONG	1	2,100
383	HOANG DUNG NHI	1	2,100
384	CHU HONG VIET	1	2,100
385	MAI QUOC VIET	3	6,300
386	NGUYEN THU THUY	1	2,100
387	HOANG ANH HIEU	1	2,100
388	TRAN TRUC HUYNH	1	2,100
389	NGUYEN THI THUY NGA	1	2,100
390	LE VAN KHANH	1	2,100
391	PHAM ANH TUAN	1	2,100
392	NGUYEN ANH TUAN	1	2,100
393	PHAM NGOC LINH	1	2,100
394	LUONG GIA AN	1	2,100
395	NGUYEN THI THUY TRANG	1	2,100
396	NGUYEN THUY HANG	1	2,100
397	PHAM THI NGOC QUY	1	2,100
398	DOAN VAN GIANG	1	2,100
399	NGUYEN HUU QUYET	1	2,100
400	NGUYEN VIET ANH	1	2,100
401	NGUYEN THI KIM HONG	2	4,200
402	NGUYEN THI THU UYEN	1	2,100
403	NGUYEN DUONG QUOC BAO	1	2,100
404	THAI ANH NGUYET	1	2,100

405	NGUYEN THAI THIEN HA	1	2,100
406	DUONG TRAN HOANG LONG	1	2,100
407	TRAN THI OANH	1	2,100
408	BUI THI NGOC HUONG	3	6,300
409	HOANG THI NGAN	1	2,100
410	NGO THI MINH TAM	1	2,100
411	NGUYEN XUAN HAI	1	2,100
412	NGUYEN THI MAI HUONG	1	2,100
413	DANG THI NGOC THUY	2	4,200
414	TRINH DINH TUAN ANH	1	2,100
415	NGUYEN THI THU QUYNH	2	4,200
416	DO HOANG VU	1	2,100
417	PHAM HUU LONG	1	2,100
418	NGUYEN THI THU	1	2,100
419	NGUYEN THI HUYEN THANH	1	2,100
420	TRUONG LE HANH QUYEN	1	2,100
421	PHAM THI HUYEN	1	2,100
422	NGUYEN THI BINH	2	4,200
423	LE THI NGOC TRAN	2	4,200
424	PHUNG NGUYEN	2	4,200
425	NGUYEN THI BICH NGOC	2	4,200
426	LE NGUYEN QUYNH HUONG	1	2,100
427	CAN THI LAN ANH	2	4,200
428	NGUYEN TUAN HUY	1	2,100
429	NGUYEN THI TO TRANG	1	2,100
430	DUONG THI MAI	1	2,100
431	LE DUC ANH	2	4,200
432	NGUYEN THI THANH TRA	1	2,100
433	HOANG BA MANH	2	4,200
434	VU THI LAN	1	2,100
435	NGUYEN THI YEN	2	4,200
436	DAO QUE TRAM	1	2,100
437	DUONG THI ANH THO	1	2,100
438	TRAN THI TUYET TRINH	1	2,100
439	PHAM THI LINH XUAN	1	2,100
440	HOANG DUC THANH	1	2,100
441	HO NGOC TOAN	1	2,100
442	NGUYEN THU THAO	1	2,100
443	NGUYEN THI HUYEN	2	4,200
444	GIAP THI THAO	1	2,100
445	NGUYEN THI HUYEN MY	2	4,200

446	NGUYEN THI HUONG GIANG	2	4,200
447	TRAN THI TRA MY	2	4,200
448	NGUYEN HOANG THAI	1	2,100
449	PHAM NGOC MINH	1	2,100
450	NGUYEN THI HA	1	2,100
451	DINH THI BICH	1,070	2,240,500
452	NGUYEN VU QUYNH NHU	1	2,100
453	NGUYEN HUYEN MY	1	2,100
454	BUI MINH DUC	1	2,100
455	NGUYEN LUAN	2	4,200
456	TRAN TRONG	2	4,200
457	MAC NGUYEN KIM HOANG	1	2,100
458	NGUYEN DAC VI HANG	1	2,100
459	BUI THI LAN HUONG	1	2,100
460	TRAN DINH LUONG	4	8,400
461	NGUYEN THI NGOC LAN	1	2,100
462	NGUYEN HONG HOA	1	2,100
463	VO DUC KIEN	1	2,100
464	KHONG MANH DUC	3	6,300
465	NGUYEN THI BAO NGAN	1	2,100
466	THACH THI CAM TIEN	1	2,100
467	TO THI CHUNG	1	2,100
468	PHAM SI HOAN	1	2,100
469	HO QUANG THANG	3	6,300
470	VU THI HONG DIEU	3	6,300
471	LE TRUNG HAI	1	2,100
472	HUYNH PHUONG THAO	1	2,100
473	PHAM HUNG ANH DUNG	1	2,100
474	TRAN MINH TUNG	2	4,200
475	NGUYEN VIET HUNG	1	2,100
476	BUI VAN HUNG	3	6,300
477	PHAN TUAN MINH	1,107	2,317,900
478	NGUYEN VU GIAP	1	2,100
479	NGUYEN QUY TUAN	1	2,100
480	PHAN NGUYEN NHU TU	2	4,200
481	PHAM PHUONG THAO	1	2,100
482	NGUYEN THI THU THUY	1	2,100
483	NGUYEN NGOC KHANH	1	2,100
484	NGUYEN THI MINH TRANG	1	2,100
485	LE THUY DUNG	2	4,200
486	NGUYEN TRUONG ANH DUY	1	2,100

487	NGUYEN THANH XUAN	1	2,100
488	NGUYEN THI QUYNH HOAN	1	2,100
489	PHAM THI BICH HANH	1	2,100
490	TA THIEN HUONG	1	2,100
491	NGUYEN THI DIEU HUONG	1	2,100
492	LUC MINH THUY	1	2,100
493	TRAN VAN TUNG	1	2,100
494	PHAN THANH NAM	1	2,100
495	NGUYEN PHUOC VINH HIEN	1	2,100
496	DINH TUYET LAN	1	2,100
497	HA THU	1	2,100
498	TRINH VAN TRONG	1	2,100
499	NGUYEN THI NGOC	1	2,100
500	PHAM THU QUYNH	1	2,100
501	LUONG NGOC ANH	1	2,100
502	NGUYEN DIEU PHUONG	1	2,100
503	PHAN THI QUYNH NGA	1	2,100
504	NGUYEN MAI KHANH	1	2,100
505	MAI THI THU HA	2	4,200
506	PHAM THI ANH	1,444	3,023,600
507	NGUYEN THANH TAM	3	6,300
508	NGUYEN THI CAM VAN	1	2,100
509	PHAM NGOC ANH	1	2,100
510	NGUYEN THU HUYEN	1	2,100
511	TRAN THI KIM NGAN	2	4,200
512	PHAM ANH CHI	1	2,100
513	DO XUAN PHU	1	2,100
514	PHAM DUONG BA QUY	2	4,200
515	LE TAN SI	10	20,900
516	NGO VAN TINH	1	2,100
517	NGUYEN MINH DUC	4	8,400
518	NGUYEN THANH TUYEN	2	4,200
519	PHAM ANH PHAT	1	2,100
520	NGUYEN THI HIEN	421	881,500
521	HO VAN NEN	10	20,900
522	TRAN THU TRANG	1	2,100
523	NGUYEN VIET HAI	1	2,100
524	HOANG MINH ANH	1	2,100
525	TRUONG ANH TU	1	2,100
526	VU THI MINH	1	2,100
527	NGUYEN THI LINH CHI	1	2,100

528	DANG BAO NGOC	43	90,000
529	TRAN DAI DUONG	1	2,100
530	DO TRONG NHAN	4	8,400
531	DO THU HANG	1	2,100
532	NGUYEN TUAN ANH	2	4,200
533	NGUYEN THI VAN ANH	1	2,100
534	DINH DUY TRUNG	4	8,400
535	LE MINH PHUC	1	2,100
536	NGUYEN THI ANH NGUYET	1	2,100
537	DO THI LY	1	2,100
538	NGUYEN TRONG HUNG	1	2,100
539	VU THI TRANG	1	2,100
540	PHAM VAN TUAN	1	2,100
541	NGUYEN THI ANH HONG	3	6,300
542	PHAM ANH KHOI	1	2,100
543	NGUYEN MINH CHAM	1	2,100
544	PHAM VAN DANG	1	2,100
545	LE NGUYEN HAO NHIEU	1	2,100
546	NGUYEN CHIEN THANG	1	2,100
547	NGUYEN THI TUONG VI	1	2,100
548	LAM VAN THAI	1	2,100
549	DANG THONG TUAN KIET	1	2,100
550	TRAN THI HUONG LAN	1	2,100
551	NGO DUY SON	2	4,200
552	MAI PHUONG THUY	1	2,100
553	TRAN NGOC DUNG	1	2,100
554	NGUYEN TUAN NGHIA	1	2,100
555	DAO DUONG KHA	2	4,200
556	NGO HA VI	1	2,100
557	NGUYEN THI BICH PHUONG	1	2,100
558	PHAM DANG THANH TRUNG	1	2,100
559	HO THI NGOC QUYNH	1	2,100
560	TRAN THI CAM TU	3	6,300
561	NGUYEN THI HANG	1	2,100
562	HOANG HONG QUAN	1	2,100
563	NGUYEN THANH HOA	1	2,100
564	TRAN THI ANH NGUYET	1	2,100
565	PHAN THI THU NGAN	2	4,200
566	TRAN THANH MY	1	2,100
567	NGUYEN LE THANH PHUONG	1	2,100
568	TRAN BICH DAO	2	4,200

569	TRAN QUANG HUY	1	2,100
570	DO THI THUY LINH	1	2,100
571	VO THI THU HUYEN	1	2,100
572	NGUYEN THI HOANG GIANG	1	2,100
573	BUI THI BICH PHUONG	1	2,100
574	DINH THI LIEN CHI	1	2,100
575	NGUYEN THI BICH NGOC	2	4,200
576	NGUYEN NGOC THUY LINH	1	2,100
577	NGUYEN VAN NGOC	1	2,100
578	TRUONG THI KIEU MY	1	2,100
579	PHAM THU HUYEN	1	2,100
580	PHAM HA LE VI	1	2,100
581	VO TRUNG KIEN	1	2,100
582	LE HOANG NHAN	40	83,800
583	LAI DUC HAU	1	2,100
584	DINH HOANG LUOM	1	2,100
585	DINH VU THIEN	1	2,100
586	LE VAN MINH	2	4,200
587	LE THI QUYNH	1	2,100
588	NGUYEN NGOC QUYNH	2	4,200
589	LE THI NHU Y	1	2,100
590	HOANG BAO VI	4	8,400
591	HO DAC QUY	1	2,100
592	NONG VIET ANH	1	2,100
593	LA HOANG THANH THAO	1	2,100
594	TRAN HUU ANH KHOI	1	2,100
595	NGUYEN TRUNG NGUYEN	1	2,100
596	PHUNG THI THANH HUONG	1	2,100
597	NGUYEN THI MEN	2	4,200
598	NGUYEN THI LAN	1	2,100
599	DINH THI HUE	1	2,100
600	THIEU THI MY HANH	1	2,100
601	NGUYEN HAI THINH	2	4,200
602	LE HUU MANH	1	2,100
603	PHAM THI THU HA	1	2,100
604	LE LONG HIEN	2	4,200
605	VUONG QUANG ANH	1	2,100
606	LE THI KHUYEN	1	2,100
607	TRAN THI HOANG ANH	1	2,100
608	PHUNG THI LINH	1	2,100
609	NGUYEN THI HIEN	1	2,100

610	DANG THI MY LOC	3	6,300
611	LY YEN NHI	2	4,200
612	NGUYEN HONG MY CHI	1	2,100
613	HOANG THUY LINH	1	2,100
614	PHAM HOANG ANH	1	2,100
615	NGUYEN VIET NGAN ANH	1	2,100
616	NGUYEN LUU HOANG NGHIA	1	2,100
617	PHAM HUNG	2	4,200
618	BUI THI NGOC HOA	1	2,100
619	HOA TIEN ANH	1	2,100
620	NGUYEN THI THUY LINH	1	2,100
621	CAO TIEN HANH	1	2,100
622	NGUYEN THI YEN	2	4,200
623	NGUYEN THI THUY	1	2,100
624	NGHIEM PHUONG THAO	1	2,100
625	VUONG HONG NGOC	1	2,100
626	HO MINH PHUONG	1	2,100
627	NGUYEN THI GIANG THANH	1	2,100
628	VAN CONG THUAN	1	2,100
629	NGUYEN NHU HOANG	4	8,400
630	DUONG DINH TRUNG	1	2,100
631	HUYNH MINH THUAN	2	4,200
632	NGUYEN DUC CHUNG	1	2,100
633	NGUYEN THI THU HIEN	1	2,100
634	NGUYEN THI SINH	1	2,100
635	TRAN MINH THI	1	2,100
636	NGUYEN HOANG THI TUONG VI	1	2,100
637	HOANG THI LAN	2	4,200
638	TA QUANG CUONG	3	6,300
639	NGUYEN THI HANG	1	2,100
640	TU QUYNH NGAN	2	4,200
641	LE PHAM KHANH HUONG	1	2,100
642	CAO THI HONG NHUNG	2	4,200
643	HOANG THI ANH TU	2	4,200
644	LAI VAN KHANH	191	399,900
645	NGUYEN NGOC THAO	1	2,100
646	NGUYEN THI HUONG	1	2,100
647	HUYNH CONG TY	4	8,400
648	NGUYEN TRUNG VINH	18	37,700
649	NGUYEN BICH PHUONG	3	6,300
650	NGUYEN THI HUYEN	3	6,300

651	VO THI UYEN	1	2,100
652	NGUYEN VAN DAP	1	2,100
653	NGUYEN THI NHU NGOC	1	2,100
654	KHUAT THI XUYEN	2	4,200
655	DAO DINH THIEN	1	2,100
656	NGUYEN THI SINH	1	2,100
657	NGUYEN LOI QUOC	1	2,100
658	HO VIET NAM	1	2,100
659	TRAN KHAC DUNG	1	2,100
660	PHAM TIEN NAM	1	2,100
661	SA THI THAO	1	2,100
662	LANG VAN DIEN	1	2,100
663	LE NGUYEN QUYNH NHI	1	2,100
664	NGUYEN THI THU TRANG	2	4,200
665	NGUYEN NGOC ANH	1	2,100
666	NGUYEN HUU TIEN	1	2,100
667	TRAN HUYNH THANH AN	3	6,300
668	NGUYEN PHUONG LOAN	1	2,100
669	TRAN THI THANH HOA	1	2,100
670	NGUYEN THI NGA	1	2,100
671	NGUYEN QUOC THANG	1	2,100
672	TRAN THIEN THANH	2	4,200
673	MA THANH TU	1	2,100
674	NGUYEN HUU DAT	1	2,100
675	NGO HOANG THANH TRUC	2	4,200
676	HOANG PHUC THUAN	9	18,800
677	PHAM DUC SON	1	2,100
678	TRIEU THANH MINH	1	2,100
679	NGUYEN TRA MY	2	4,200
680	TRINH MINH CUONG	1	2,100
681	NGHIEM MINH THAI	1	2,100
682	LE NGOC DAN THUY	1	2,100
683	NGUYEN VAN DANG	8	16,800
684	NGUYEN THI HIEN	1	2,100
685	PHAN THI LAN ANH	1	2,100
686	NGUYEN THI THAO	1	2,100
687	DANG NGOC YEN NHI	3	6,300
688	NGUYEN DINH TUAN	1	2,100
689	NGUYEN THANH TU	4	8,400
690	PHAN VU THIEN THIEN	1	2,100
691	PHAM XUAN QUANG	1	2,100

692	DO MANH QUAN	3	6,300
693	PHAM VAN LINH	1,262	2,642,500
694	PHAM BUI THAO ANH	1	2,100
695	HOANG VU TRUNG KIEN	1	2,100
696	NGUYEN THU TRANG	1	2,100
697	PHUNG THI BICH TRAM	1	2,100
698	DUONG DIEU LINH	1	2,100
699	NGUYEN THI THA	1	2,100
700	NGUYEN THI TAM TUYEN	1	2,100
701	DAO XUAN TRUONG	1	2,100
702	DO THI HONG NGOC	1	2,100
703	LE THI HUYEN	1	2,100
704	NGUYEN THI CHAM	1	2,100
705	DANG XUAN CANH	1	2,100
706	VO XUAN PHUONG	1	2,100
707	GIANG HAN THANH	3	6,300
708	NGO MY LOC	2	4,200
709	MAI THI THUY AN	1	2,100
710	DO THANH SON	1	2,100
711	TRAN XUAN HUONG	2	4,200
712	LE THI DIEM QUYNH	1	2,100
713	TRUONG NGOC ANH	1	2,100
714	NGUYEN THI LAN NGOC	1	2,100
715	MAI THI HONG NGOC	1	2,100
716	NGUYEN BAO HOA	1	2,100
717	NGUYEN ANH NGUYET	1	2,100
718	VU XUAN TRUONG	1	2,100
719	PHAM VAN THUAN	1	2,100
720	CAO XUAN NAM	1,629	3,410,900
721	HOANG THI THUY	70	146,600
722	BUI NGUYEN LAN HUONG	1	2,100
723	PHAM HOANG NAM	1	2,100
724	NGUYEN DUC KIEN	2	4,200
725	BUI THI TRANG	1	2,100
726	MAI TRI BAO	2	4,200
727	DANG THI ANH THU	1	2,100
728	HAN THI ANH NGOC	1	2,100
729	BUI THI MUNG	1	2,100
730	VU THI MINH NGUYET	1	2,100
731	DINH KIM TUYEN	1	2,100
732	NGUYEN NHU HUYEN	1	2,100

733	MAC THANH THUY	4	8,400
734	NGUYEN THI THUY VAN	1	2,100
735	LE VAN HUNG	1	2,100
736	TRAN HUU DUC	1	2,100
737	NGUYEN DINH QUY	3	6,300
738	TRAN QUYNH NGA	1	2,100
739	DO THI MINH	1	2,100
740	NGUYEN DUC THINH	2	4,200
741	TRAN HOAI GIANG	25	52,300
742	DUONG DIEM HUONG	1	2,100
743	PHAM THANH TAM	1	2,100
744	PHAN NGOC HAN	1	2,100
745	HOANG THI QUYEN	1	2,100
746	PHAM VAN PHUONG	1	2,100
747	LE THI PHUONG THAO	1	2,100
748	NGUYEN THI QUYNH OANH	1	2,100
749	TRAN VAN TRANG	14	29,300
750	PHAM THI NHAI	1	2,100
751	NGUYEN THI HUE	1	2,100
752	HOANG THI THU XUAN	1	2,100
753	DANG THI QUYEN ANH	1	2,100
754	TRAN THI NGAN GIANG	1	2,100
755	NGUYEN THI HAI YEN	1	2,100
756	NGUYEN ANH DUY	1	2,100
757	NGUYEN TRUONG THIEN LOC	1	2,100
758	NGUYEN THI THANH SANG	2	4,200
759	LE MINH KHANH	1	2,100
760	NGUYEN THANH HIEN	1	2,100
761	NGUYEN THI VAN	1	2,100
762	LE HUYEN ANH	1	2,100
763	DAO DUY HOANG TUNG	1	2,100
764	NGUYEN HOANG THI VAN	2	4,200
765	NGUYEN HONG BAO NGOC	1	2,100
766	NGUYEN TRAN PHUONG DUNG	1	2,100
767	CHAU THE NGOC	1	2,100
768	TRAN XUAN TRUONG	1	2,100
769	NGUYEN THI LAN	321	672,100
770	NGUYEN THI HA TRANG	1	2,100
771	NGUYEN THI THU HA	1	2,100
772	NONG SIU PHU	1	2,100
773	PHAM THI THAM	1	2,100

774	HOANG THI YEN LUONG	1	2,100
775	TRAN CHANH THANH	1	2,100
776	NGUYEN THI THUY	2	4,200
777	NGUYEN THU PHUONG	1	2,100
778	LE THI NHU QUYNH	1	2,100
779	PHAM THI HUE	2	4,200
780	NGUYEN THI KIM THUY	2	4,200
781	DOAN THU THAO	1	2,100
782	NGUYEN DINH HAI	1	2,100
783	DANG THI HA	1	2,100
784	DU HIEU NGHIA	2	4,200
785	NGO XUAN QUANG	1	2,100
786	NGUYEN THAO LINH	1	2,100
787	DAO THI NHAN	1	2,100
788	NGUYEN TRUNG HIEP	1	2,100
789	LE THANH MAI	1	2,100
790	TRAN THI PHUONG THAO	1	2,100
791	NGO THI TU KHUYEN	1	2,100
792	NGO QUANG TAN	1	2,100
793	LE DUC HUNG	2	4,200
794	LE DOAN TRUONG QUANG	1	2,100
795	NGUYEN THI HONG TRANG	1	2,100
796	NGUYEN KHAC DUONG	1	2,100
797	KIEU THANH THUY	1	2,100
798	DAO THANH TUNG	1	2,100
799	TRAN DUC HAI	1	2,100
800	NGUYEN TUAN ANH	1	2,100
801	LAM THANH PHAT	1	2,100
802	DINH TIEN HOANG	4	8,400
803	TRUONG HOAI AN	1	2,100
804	DO THI KIM	1	2,100
805	LE DUC ANH	1	2,100
806	NGUYEN THI HUYEN THUONG	1	2,100
807	TRAN THAI HA	1	2,100
808	PHAM THI HUONG QUYNH	1	2,100
809	PHAM THI THUY LINH	1	2,100
810	LE THU HUONG	1	2,100
811	DO BA HAI	1	2,100
812	NGUYEN THI THU	6	12,600
813	TRAN HUYEN TRANG	2	4,200
814	NGUYEN THI KIM OANH	1	2,100

815	NGUYEN VAN HUY	1	2,100
816	DOAN THI MINH HUE	1	2,100
817	HOANG THI NHUY	1	2,100
818	NGUYEN MINH VIET	1	2,100
819	NGUYEN CONG ANH	2	4,200
820	LE VIET ANH	1	2,100
821	NGUYEN THI LAN ANH	1	2,100
822	NGUYEN THANH TUNG	1	2,100
823	DO THI NGOC	1	2,100
824	NGUYEN THI ANH	1	2,100
825	NGUYEN TRONG TUAN	1	2,100
826	NGUYEN THI PHUONG DUNG	1	2,100
827	VU THI ANH TUYET	1	2,100
828	LE TUAN ANH	1	2,100
829	NGUYEN NHO DINH	1	2,100
830	NGUYEN THI THOM	2	4,200
831	LE THUY TRANG	1	2,100
832	NGUYEN THI TRA GIANG	1	2,100
833	TRAN NGOC HUNG	1	2,100
834	PHAN NGUYEN UYEN VY	1	2,100
835	TRUONG MINH NGUYET	1	2,100
836	VO TRAN HOANG KHANH	1	2,100
837	VO TRUONG MINH THU	1	2,100
838	DUONG THI ANH	1	2,100
839	NGUYEN THI LE THU	1	2,100
840	LE BICH NGOC	1	2,100
841	DIEP BICH ANH	1	2,100
842	NGUYEN THI AN BINH	1	2,100
843	NGUYEN THI THANH HIEN	1	2,100
844	VU THI NHUNG	1	2,100
845	PHAM THI MY LINH	1	2,100
846	TRAN THI THUY LINH	1	2,100
847	NGUYEN QUOC TRUNG	1	2,100
848	DUONG THUY HUYEN	1	2,100
849	HOANG THI HOA	1	2,100
850	VU NGOC HA	1	2,100
851	TRAN HAI YEN	1	2,100
852	NGUYEN THI NHI	1	2,100
853	DO THANH DUY	1	2,100
854	THAI NGUYEN VAN ANH	1	2,100
855	TRAN THI HUONG GIANG	1	2,100

856	NGUYEN THI THUY LINH	1	2,100
857	NGHIEM HUY HOANG	1	2,100
858	TA THI NGOC	1	2,100
859	DANG THI TUOI	1	2,100
860	NGUYEN MAI LINH	1	2,100
861	LAM HOA SUNG	1	2,100
862	LE THI PHUONG ANH	1	2,100
863	HANG GIA LOI	1	2,100
864	TRAN TRUONG GIANG	1	2,100
865	NGUYEN THI MAI	1	2,100
866	NGUYEN LUU TRAN THE	1	2,100
867	PHAM NGOC THIEN	1	2,100
868	LE KIEU ANH	1	2,100
869	DOAN UYEN THAO	1	2,100
870	VU THUY LINH	1	2,100
871	BUI THI BICH LIEN	2	4,200
872	MAI VAN CONG	1	2,100
873	NGUYEN KIM TUYET	1	2,100
874	NGUYEN AN CAT THO	1	2,100
875	TRAN THI PHUONG THAO	1	2,100
876	NGUYEN DINH DUNG	1	2,100
877	NGO VAN THAO	1	2,100
878	PHAN VAN CONG	1	2,100
879	HOANG THI THU HANG	1	2,100
880	TRAN THI VAN ANH	2	4,200
881	NGUYEN THI LOAN	1	2,100
882	NGUYEN THI MY DIEM	1	2,100
883	VU THI THU TRANG	609	1,275,200
884	NGUYEN THI THAO	1	2,100
885	TRAN VIET HOANG	1	2,100
886	DUONG THI HONG THAM	1	2,100
887	HO THANH HUYEN	1	2,100
888	CHU NGOC SON	1	2,100
889	PHAM NGOC PHAP	1	2,100
890	DAO XUAN CHUNG	1	2,100
891	DUONG THI THUY LANH	2	4,200
892	CHU DUC THUAN	1	2,100
893	HUYNH THUY HUYEN TRANG	2	4,200
894	LE THI THUY	2	4,200
895	DUONG MINH HOANG	1	2,100
896	LE THI THU HIEN	1	2,100

897	PHAN ANH NHI	1	2,100
898	TONG THI THANH NGA	1	2,100
899	PHAM NGOC TUAN	1	2,100
900	TRAN MINH PHI	1	2,100
901	NGUYEN THI MINH TAM	1	2,100
902	VU MANH CUONG	1	2,100
903	LE THI HONG	1	2,100
904	TRAN NGOC HIEU	2	4,200
905	NGUYEN BA DO	1	2,100
906	NGUYEN HUY DONG	1	2,100
907	DANG VAN THU	1	2,100
908	MAI HAI ANH	1	2,100
909	NGO QUOC VIET	1	2,100
910	NGUYEN THI DUNG	3	6,300
911	TONG BA HUONG	1	2,100
912	NGUYEN HUYNH KHANH DUY	1	2,100
913	BUI LE NHUT TAI	1	2,100
914	NGUYEN DIEU THOM	1	2,100
915	HO THI KIM NGAN	2	4,200
916	LE THI THUY	6	12,600
917	NGUYEN DAC TUNG	1	2,100
918	BUI THI THU HUYEN	1	2,100
919	NGUYEN VAN HOANG	1	2,100
920	NGUYEN THI NGOC THAI	1	2,100
921	BUI QUANG HUY	1	2,100
922	LE THI THAO	1	2,100
923	NGUYEN THI KIM NGA	6	12,600
924	CHU VAN DONG	1	2,100
925	NGUYEN THI HANG	1	2,100
926	PHAM THI THANH LAM	1	2,100
927	NGUYEN THI BAO YEN	2	4,200
928	NGUYEN THI KIM HOA	1	2,100
929	NGUYEN THI NGAT	1	2,100
930	TRAN THI YEN	1	2,100
931	BUI VAN HUNG	1	2,100
932	NGUYEN THI HOANG ANH	1	2,100
933	PHUNG MINH NGUYET	2	4,200
934	TRAN THI HUONG	1	2,100
935	LUONG KHANH LINH	1	2,100
936	PHAN THI THUY	1	2,100
937	VU HOA ANH	1	2,100

938	BUI THANH TUYEN	2	4,200
939	HO QUOC VIET	1	2,100
940	VU HOAI DUONG	2	4,200
941	VU THANH HUNG	1	2,100
942	BUI THI HUONG	2	4,200
943	PHAM THI THU TRANG	2	4,200
944	DO VAN TAI	1	2,100
945	NGUYEN THI MINH TAM	2	4,200
946	DINH THI THOM	1	2,100
947	TRAN TINH QUYEN	1	2,100
948	DO THI ANH THU	1	2,100
949	HOANG THI NHU HIEU	1	2,100
950	NGUYEN THAO NHI	1	2,100
951	BUI NGOC HA	1	2,100
952	TRAN NHAT MINH	1	2,100
953	TRAN THI TO HIEN	1	2,100
954	DO THI THUY QUYNH	1	2,100
955	LE THI KIM DUNG	1	2,100
956	NGUYEN NU TRA MI	2	4,200
957	TRAN THI PHUONG ANH	1	2,100
958	DANG TON PHAM	1	2,100
959	LE PHUONG OANH	1	2,100
960	NGUYEN THI NGOC LIEN	2	4,200
961	DINH XUAN HOA	1	2,100
962	NGHIEM THI HUONG	1	2,100
963	VU VAN HIEU	1	2,100
964	VU THI HUYEN TRANG	1	2,100
965	NGUYEN VAN HAU	1	2,100
966	DUONG THI MY NHUNG	1	2,100
967	LE ANH TUYET	1	2,100
968	TRAN NGOC HUYEN	4	8,400
969	LE THANH THANH TRUC	1	2,100
970	DO LE THACH LAN	1	2,100
971	DANG HONG NGOC	1	2,100
972	NGUYEN THANH TUYEN	1	2,100
973	NGUYEN TRONG SON	1	2,100
974	TA THANH TUYEN	1	2,100
975	TRAN THI HUYEN	1	2,100
976	DANG THI HUONG DIU	1	2,100
977	NGUYEN HONG HANH	1	2,100
978	NGUYEN BA VUNG	1	2,100

979	NGUYEN THI LAN THANH	1	2,100
980	KHUAT THI VIET HA	1	2,100
981	DO NGOC LIEM	2	4,200
982	NGUYEN THI YEN	1	2,100
983	QUACH THI KIEU	1	2,100
984	NGUYEN THI MINH NGUYET	1	2,100
985	VU MANH LINH	1	2,100
986	NGUYEN THI GIANG	1	2,100
987	VU THI TUYET	2	4,200
988	NGUYEN HOANG HIEN GIANG	2	4,200
989	PHAN NGOC HAI	2	4,200
990	CAO THI HOAI THU	1	2,100
991	TRUONG TU QUYEN	1	2,100
992	NGUYEN THI THU HUYEN	2	4,200
993	MAI THI THANH VINH	1	2,100
994	BUI THI LAN	1	2,100
995	VU THUY HUONG	2	4,200
996	NGUYEN HUY ANH	1	2,100
997	PHAN VAN TRA GIANG	1	2,100
998	NGUYEN VU TUAN	1	2,100
999	NGUYEN DIEU LINH	2	4,200
1000	VO THI TUYET LANH	1	2,100
1001	TRIEU THI HONG NGOC	1	2,100
1002	TRAN MINH CUONG	1	2,100
1003	LE HONG BAO NGOC	1	2,100
1004	NGUYEN HUY HOANG	2	4,200
1005	NGUYEN THI YEN THANH	1	2,100
1006	PHAM QUANG HUY	1	2,100
1007	DIEP CHI DUNG	1	2,100
1008	LUU THI LAN HUONG	1	2,100
1009	NGUYEN THU HUYEN	1	2,100
1010	DO THI MINH	1	2,100
1011	PHUNG THI OANH	1	2,100
1012	NGUYEN THI THU HANG	1	2,100
1013	NGUYEN DINH GIAP	2	4,200
1014	HOANG TRUNG HIEU	1	2,100
1015	DONG MINH HAI	1	2,100
1016	NGUYEN VAN HIEN	1	2,100
1017	NGUYEN HUONG LY	3	6,300
1018	NGUYEN THI THOA	2	4,200
1019	HOANG ANH THANG	1	2,100

1020	LUONG THI THAO LINH	1	2,100
1021	DO VIET CUONG	1	2,100
1022	PHAM MINH CHIEN	1	2,100
1023	VONG CA SAU	1	2,100
1024	NGUYEN HUU CUONG	1	2,100
1025	PHAM TRUNG HAN	1	2,100
1026	NGUYEN THI BICH HUYEN	1	2,100
1027	HOANG CAM ANH	1	2,100
1028	MA LANG CU	1	2,100
1029	NGUYEN THI CHANH	2	4,200
1030	HUYNH LE ANH NHAT	1	2,100
1031	LA NGOC THANH TAM	2	4,200
1032	LE DUC NGHIA	1	2,100
1033	LE THE ANH	1	2,100
1034	HO THI NGHIA	1	2,100
1035	NGUYEN THANH LONG	1	2,100
1036	NGUYEN THI THANH BINH	1	2,100
1037	NGUYEN HAI YEN	1	2,100
1038	TRINH QUOC TAI	1	2,100
1039	NGUYEN THI THUY	2	4,200
1040	LE THI PHUONG	1	2,100
1041	NGUYEN THI HONG THAM	1	2,100
1042	DO TRA MY	1	2,100
1043	HUYNH NGOC THANH	1	2,100
1044	DO HUU THANG	1	2,100
1045	LUONG THI LINH	1	2,100
1046	CHAU VAN PHUC	1	2,100
1047	TRAN CONG DANH	2	4,200
1048	PHAN THANH HAI	3	6,300
1049	NGUYEN VAN VIEN	1	2,100
1050	HOANG THI NGON	1	2,100
1051	THAI THI THANH THUY	1	2,100
1052	LE THI THUC HIEN	1	2,100
1053	NGUYEN THI TU UYEN	1	2,100
1054	NGUYEN VAN CHI	1	2,100
1055	HA THI TUYET	1	2,100
1056	DINH QUANG DAO	1	2,100
1057	VU THI QUY	2	4,200
1058	DONG THI UT NGUYET	1	2,100
1059	PHUNG NGOC HUYEN	1	2,100
1060	NGUYEN THI THANH HUONG	3	6,300

1061	NGUYEN THI HONG TU	1	2,100
1062	NGUYEN THU HOAI	1	2,100
1063	NGUYEN PHU VINH	1	2,100
1064	TRAN CHI NGHIA	1	2,100
1065	LA VAN DIEN	1	2,100
1066	DANG TUAN ANH	1	2,100
1067	DO CONG LUONG	1	2,100
1068	DAO CONG TUAN	1	2,100
1069	TRAN NU BICH NGOC	1	2,100
1070	NGUYEN THI THUY TRANG	2	4,200
1071	HOANG THI DIEU LINH	1	2,100
1072	NGUYEN THANH CONG	2	4,200
1073	NGUYEN THI KIM DUNG	1	2,100
1074	LAM NHIEM TAI	1	2,100
1075	TRAN THI HUYNH GIAO	1	2,100
1076	NGUYEN VAN TOI	1	2,100
1077	NGUYEN HONG VIET	1	2,100
1078	TRAN THI HONG DOAN	2	4,200
1079	TRAN THI HANG	1	2,100
1080	NGO THI HIEN LUONG	1	2,100
1081	HA VAN THAO	1	2,100
1082	LUONG VAN CUONG	1	2,100
1083	TRUONG THI HANH	1	2,100
1084	NGUYEN DINH TOAN	1	2,100
1085	LE THI NGA	1	2,100
1086	DANG THI HANG	1	2,100
1087	PHAM THI AN NA	1	2,100
1088	TA DUC LONG	1	2,100
1089	TRAN GIA NHI	1	2,100
1090	NGUYEN VAN HOI	1	2,100
1091	QUACH TIEN DAT	1	2,100
1092	VU MANH CUONG	1	2,100
1093	DAO THI THANH NGOC	1	2,100
1094	MAI ANH TUAN	1	2,100
1095	DUONG ANH DUNG-VPB CF	1	2,100
1096	TRAN THU HUONG	1	2,100
1097	LE THI HUYEN GIANG	1	2,100
1098	NGUYEN THI GIANG	1	2,100
1099	TA TUONG MANH	1	2,100
1100	LE VAN TUAN	1	2,100
1101	VU NGUYEN THU HA	2	4,200

1102	LE HOANG TRAN CHAU	1	2,100
1103	TRAN THI NHUNG	2	4,200
1104	NGUYEN THI HANG	1	2,100
1105	NGUYEN TRAN CAO NGUYEN	1	2,100
1106	CHU THI HAI YEN	1	2,100
1107	DAM NGOC THANH CHAU	1	2,100
1108	DUONG LE HUYEN	6	12,600
1109	TRAN QUOC BAO	1	2,100
1110	MAI DUY HOA	2	4,200
1111	A MINH TUYEN	1	2,100
1112	PHAM THI HUYEN	2	4,200
1113	PHAM THI THUY HONG	1	2,100
1114	NGUYEN VAN ANH	3	6,300
1115	CHU THI ANH HONG	1	2,100
1116	DO THI DINH VAN	3	6,300
1117	TRAN THI HUONG CUC	1	2,100
1118	NGUYEN DUC BINH	1	2,100
1119	TRAN THI THU HANG	2	4,200
1120	NGUYEN MONG CAM	1	2,100
1121	NGUYEN THI NGAN	2	4,200
1122	TRAN THI HAI YEN	1	2,100
1123	LE THI PHUONG TRINH	1	2,100
1124	NGUYEN THI OANH	4	8,400
1125	NGUYEN DUC THINH	1	2,100
1126	PHAM MY HANH	1	2,100
1127	NGUYEN VIET DUNG	1	2,100
1128	MAI THUY NGAN	1	2,100
1129	TRAN ANH TU	2	4,200
1130	NGUYEN TRUNG HIEU	1	2,100
1131	VU THI HUYEN	1	2,100
1132	TRUONG QUANG THANH	1	2,100
1133	VU TIEN DUC	1	2,100
1134	LE SUONG NY	1	2,100
1135	HOANG THI LINH	2	4,200
1136	LE THI HONG NHUNG	1	2,100
1137	CAO CONG QUYEN	1	2,100
1138	BUI DUC AN	1	2,100
1139	LE THI BICH NGOC	1	2,100
1140	KHUONG THI THUY TRANG	1	2,100
1141	VU HONG HAI	1	2,100
1142	NGUYEN THI TRANG	1	2,100

1143	TRAN XUAN QUANG	1	2,100
1144	TRAN THI LAN	1	2,100
1145	DO HAI YEN	1	2,100
1146	HOANG THI BICH NGOC	1	2,100
1147	DINH THI KIM MAI	2	4,200
1148	CHAU DAT DANH	1	2,100
1149	LE MINH HOANG	1	2,100
1150	NGUYEN THI NGOC ANH	50	104,700
1151	DONG THI THU HUYEN	1	2,100
1152	NGUYEN THANH TRUNG	1	2,100
1153	DO THI THUY	1	2,100
1154	LE BACH THAI THUYEN	1	2,100
1155	LUYEN THI NGOC DUNG	1	2,100
1156	LE TUONG LAM	1	2,100
1157	NGUYEN THI NGOC LAN	1	2,100
1158	BUI THI TAM	1	2,100
1159	PHAM THI YEN	1	2,100
1160	PHAM QUANG HUY	2	4,200
1161	PHAM THANH TU	1	2,100
1162	NGUYEN THI MINH PHUONG	1	2,100
1163	NGUYEN XUAN GIAO	1	2,100
1164	HO ANH KHOA	1	2,100
1165	NGUYEN BA BACH	1	2,100
1166	BUI THI HA NINH	1	2,100
1167	NGUYEN DANG HOANG ANH	1	2,100
1168	NGUYEN QUY MY HUYEN	1	2,100
1169	VU THI THUY MAI	2	4,200
1170	LUONG KHA TRUC	1	2,100
1171	PHAM VU BICH NGOC	2	4,200
1172	NGUYEN THUY LINH	1	2,100
1173	DUONG CAM TU	1	2,100
1174	VU THI HUE	1	2,100
1175	HA THI LE CHI	1	2,100
1176	NGUYEN VIET HUNG	1	2,100
1177	VO PHUC THIEN	1	2,100
1178	NGUYEN TUNG SON	1	2,100
1179	TRAN THI NGOC MAI	1	2,100
1180	LE NGOC HUYEN	2	4,200
1181	VU THI HOA	1	2,100
1182	NGUYEN THI THUY NGAN	1	2,100
1183	NGUYEN THI NGOC HA	2	4,200

1184	NGUYEN THI NGOC MAI	1	2,100
1185	LUU HONG HOA	1	2,100
1186	PHAM THI THAO	1	2,100
1187	DUONG HUYNH HONG NHUNG	2	4,200
1188	TRAN NHU Y	1	2,100
1189	KHUAT HONG HAI	2	4,200
1190	NGUYEN THI NHANH	1	2,100
1191	NGUYEN THI NGOC PHUONG	2	4,200
1192	LO TIEN CUONG	1	2,100
1193	TRAN THI KIM DUNG	1	2,100
1194	NGO HAI NAM	1	2,100
1195	NGUYEN NGOC CHIEN	1	2,100
1196	LE PHI HANG	1	2,100
1197	NGUYEN THANH DAT	1	2,100
1198	NGUYEN THI NGOC HIEU	1	2,100
1199	TRAN NHAT DINH	1	2,100
1200	NGUYEN THANH DAT	2	4,200
1201	DANG QUOC HUYNH	1	2,100
1202	DAO PHUNG LINH	1	2,100
1203	NONG QUYNH NGA	1	2,100
1204	NGUYEN THI NGHIA	1	2,100
1205	HUYNH QUOC VUONG	1	2,100
1206	NGUYEN HA MY	1	2,100
1207	DANG QUOC VIET	1	2,100
1208	NGUYEN CONG TAM	1	2,100
1209	PHAM XUAN LAM	1	2,100
1210	TRAN THI THUY LINH	1	2,100
1211	TA THUY DUONG	1	2,100
1212	NGUYEN VAN HA	1	2,100
1213	LE DUY CONG	1	2,100
1214	MAI HA LINH	1	2,100
1215	NGUYEN VAN DANG	1	2,100
1216	LE LONG PHUNG	1	2,100
1217	NGUYEN THI THU QUYEN	1	2,100
1218	VU TU LINH	1	2,100
1219	VUONG THI NHUNG	1	2,100
1220	TO THI GAI LINH	1	2,100
1221	DUONG PHAP ANH	1	2,100
1222	LE ANH KIET	1	2,100
1223	DANG NGUYEN MINH TRUONG	196	410,400
1224	DAO THU TRANG	1	2,100

1225	HO THI THANH LOAN	1	2,100
1226	MAI PHUOC TOAN	1	2,100
1227	PHAM THI BICH PHUONG	1	2,100
1228	NGUYEN THANH HIEU	1	2,100
1229	PHUNG PHUONG THANH	1	2,100
1230	CHAU THUY VY	2	4,200
1231	NGUYEN TRUNG THAI	1	2,100
1232	TRUONG DINH VAN	1	2,100
1233	HOANG PHAN THUY TIEN	1	2,100
1234	DO THI HAI HA	1	2,100
1235	NGUYEN THI HUYNH NHU	1	2,100
1236	TRIEU HANH NGUYEN	1	2,100
1237	NGUYEN THI THUY HOANH	19	39,800
1238	NGUYEN VAN HOAN	1	2,100
1239	NGO HUY HUNG	1	2,100
1240	HOANG QUOC DAN	1	2,100
1241	NGUYEN HOANG TRUNG	1	2,100
1242	NGUYEN BAO QUOC	1	2,100
1243	TRAN KIM CUONG	1	2,100
1244	PHAM THI THUY	1	2,100
1245	PHAM THI NGOC HUONG	1	2,100
1246	TRAN HAI YEN	1	2,100
1247	NGUYEN THI DIEM PHUONG	1	2,100
1248	HO MICHAEL VINH	1	2,100
1249	LA TUAN HUNG	2	4,200
1250	PHAM THI THUY LONG	2	4,200
1251	HUYNH THI HONG THAO	1	2,100
1252	HOANG THI PHUONG	1	2,100
1253	LAM CAM XOAN	1	2,100
1254	NGUYEN VIET ANH	1	2,100
1255	NGUYEN THI MINH PHUONG	1	2,100
1256	TRAN ANH TUAN	1	2,100
1257	LO VAN TRAM	1	2,100
1258	TRAN QUOC HUY	1	2,100
1259	TRUONG NGOC LAN BINH	1	2,100
1260	KHUONG THI LAM OANH	2	4,200
1261	NGO THI TO UYEN	1	2,100
1262	TU THI THU	1	2,100
1263	DUONG THI LAN HUONG	2	4,200
1264	MA THI LANH	1	2,100
1265	NGUYEN VAN NAM	1	2,100

1266	PHAM THI MAI PHUONG	1	2,100
1267	PHAN XUAN ANH	1	2,100
1268	LE HUU LY	1	2,100
1269	VY VAN HUNG	1	2,100
1270	NGUYEN PHUONG ANH	1	2,100
1271	LUONG HONG THUC	1	2,100
1272	NHU KIM THANH	2	4,200
1273	NGUYEN THI MINH PHUONG	2	4,200
1274	DINH TRONG CUONG	1	2,100
1275	NGUYEN THI HUONG	2	4,200
1276	NGHIEM THI THU LINH	1	2,100
1277	VU THI HOA	1	2,100
1278	NGUYEN VAN HOP	1	2,100
1279	LE THI NGOC CHINH	1	2,100
1280	NGUYEN VU KIEU PHUONG	1	2,100
1281	TRAN THI THANH THAO	1	2,100
1282	DO HUU NGHIA	1	2,100
1283	TANG KIM CUC	1	2,100
1284	NGUYEN THI BE NGOAN	1	2,100
1285	NGUYEN THI HANH	1	2,100
1286	NGUYEN HUU NGHIA	78	163,300
1287	TRAN HUU MINH THANH	1	2,100
1288	NGO THI HUYEN	2	4,200
1289	NGUYEN ANH HUY	1	2,100
1290	TA THI TINH	1	2,100
1291	LE THI NGOC ANH	1	2,100
1292	NGO THI THANH HUYEN	1	2,100
1293	LE THI HONG TRANG	1	2,100
1294	LE THI THU HUYEN	2	4,200
1295	PHUNG THI KIM NGAN	1	2,100
1296	BUI THI HONG HUE	1	2,100
1297	VO THI HOANG TRINH	1	2,100
1298	DANG THI DUNG	1	2,100
1299	NGUYEN THI THUY	1	2,100
1300	VU THI KHANH LINH	1	2,100
1301	MAI THI HUONG LY	1	2,100
1302	PHAM MANH HAI	2	4,200
1303	PHUNG THI THUY HANG	1	2,100
1304	NGUYEN THI ANH THU	1	2,100
1305	DAO THI PHUONG	2	4,200
1306	DOAN KIEN CUONG	1	2,100

1307	NGUYEN THI THANH HOA	1	2,100
1308	NGUYEN LE LAN ANH	1	2,100
1309	PHAM THU HUONG	1	2,100
1310	NGUYEN THUY PHUONG	1	2,100
1311	NGUYEN DAC ANH DUONG	1	2,100
1312	NGUYEN THU PHUONG	1	2,100
1313	TRAN HUY	1	2,100
1314	DAO TIEN KHANG	1	2,100
1315	NGUYEN THE DU	1	2,100
1316	PHAM THI MY HANH	1	2,100
1317	DONG HAI DANG	1	2,100
1318	TRUONG TRONG PHUOC	1	2,100
1319	DOAN VIET ANH	2	4,200
1320	THIEU THI THUY	1	2,100
1321	PHU NGAN HAN	1	2,100
1322	TRUONG THE TUNG	2	4,200
1323	TRAN THI THU TRANG	1	2,100
1324	DU THI HONG DAO	1	2,100
1325	PHAM THI THU HIEN	1	2,100
1326	HUYNH THI THU DUYEN	1	2,100
1327	NGUYEN MINH HUONG	1	2,100
1328	LUONG THI LINH	1	2,100
1329	NGUYEN DAO THUY HANH	1	2,100
1330	NGUYEN THI OANH	1	2,100
1331	THAI THUY TU	1	2,100
1332	NGUYEN PHAM ANH TUAN	1	2,100
1333	NGUYEN LAC HUY HUNG	1	2,100
1334	NGUYEN QUOC HUY PHONG	1	2,100
1335	NGUYEN THI NGOC NGA	1	2,100
1336	NGUYEN THI THU ANH	1	2,100
1337	NGUYEN TRUNG KIEN	1	2,100
1338	TRIEU THI HANG	1	2,100
1339	TRUONG VAN TRUNG	1	2,100
1340	NGUYEN THI THANH THU	1	2,100
1341	DAO THU TRANG	2	4,200
1342	NGUYEN THUY DUNG	1	2,100
1343	DO THAI DUONG	1	2,100
1344	NGUYEN HONG HANH	1	2,100
1345	NGUYEN THI QUYNH LOAN	2	4,200
1346	VUONG TOAN DUC	1	2,100
1347	NGUYEN VAN CU	1	2,100

1348	TRUONG THI THANH THAO	1	2,100
1349	NGUYEN THI THAM	1	2,100
1350	LY THI AI NGA	1	2,100
1351	PHAM LONG VU	1	2,100
1352	NGUYEN KIM DUNG	1	2,100
1353	LE THI THU HONG	1	2,100
1354	NGUYEN VAN LONG	1	2,100
1355	PHUNG THI NGA	1	2,100
1356	LE THIEN LOC	1	2,100
1357	NGUYEN VAN HUNG	1	2,100
1358	NGUYEN NGOC ANH	1	2,100
1359	TRAN THI HUYEN LINH	1	2,100
1360	NGUYEN DINH DUNG	2	4,200

2. Hũ Thạch (Từ 11/11/2025 – 16/11/2025):

STT	Họ tên	Tổng số giao dịch	Số tiền chi thưởng
1	NGO THI THANH	93	442,600
2	VU THI NGOC LAN	23	109,500
3	NGUYEN THI THU TRANG	5	23,800
4	NGUYEN HONG NHUNG	1	4,800
5	PHAM XUAN TRUNG	1	4,800
6	LY THI THUY LINH	1	4,800
7	NGUYEN THI VAN	1	4,800
8	TANG VAN TOAN	1	4,800
9	TRAN GIA LINH	1	4,800
10	BUI THI MAI HUONG	167	794,800
11	TRUONG MINH NGUYET	1	4,800
12	MAI VAN TUYEN	1	4,800
13	TRAN MINH HIEU	2	9,500
14	LY NGOC HAN	1	4,800
15	DANG MANH TIEN	1	4,800
16	NGUYEN KIM CHUNG	1	4,800
17	PHUNG THI VAN ANH	1	4,800
18	CAO THI THUY TRANG	2	9,500
19	NGUYEN THI CAM ANH	1	4,800
20	PHAM THANH LOAN	1	4,800
21	NGUYEN DUC CHUNG	1	4,800
22	TRAN DIEM PHUONG	3	14,300
23	PHAM THI DIEM HUONG	1	4,800
24	NGUYEN THI HUYNH NGA	3	14,300

25	NGO THANH SI	1	4,800
26	LO THI NGA TRANG	1	4,800
27	HA KIEU ANH	1	4,800
28	MAI DUC TINH	1	4,800
29	NGUYEN THI LINH CHAU	2	9,500
30	NGO QUOC THANG	1	4,800
31	PHAM TRUNG HIEU	1	4,800
32	NGO VAN HAI	3	14,300
33	TRAN THI THU LIEU	1	4,800
34	NGUYEN MINH KHANG	1	4,800
35	VO THI THU HANG	1	4,800
36	NGUYEN LAN ANH	1	4,800
37	LE MINH HAI	1	4,800
38	TA DIEU ANH	2	9,500
39	TRINH BA DUC	1	4,800
40	VO NGOC NHU	1	4,800
41	NGUYEN THI NGOC ANH	2	9,500
42	DO NGOC LINH	1	4,800
43	DUONG THI NHAT THU	4	19,000
44	NGUYEN THI TRUC PHUONG	9	42,800
45	HA KINH LUONG	1	4,800
46	NGUYEN THI MY HANH	1	4,800
47	TRAN QUANG HUY	2	9,500
48	PHUNG DINH NAM	3	14,300
49	VO VAN TON	1	4,800
50	LE MINH TU	1	4,800
51	DANG VAN ANH	1	4,800
52	DANG HONG HANH	2	9,500
53	NGUYEN THI HA MY	1	4,800
54	DANH THANH TUAN	5	23,800
55	NGUYEN NGOC MINH CANH	1	4,800
56	DINH VAN THANG	1	4,800
57	NGUYEN PHI THONG	1	4,800
58	HO HUU NHAN	2	9,500
59	TRAN BACH KIM THANH DANH	1	4,800
60	BUI THI KIM YEN	2	9,500
61	DANH NGOC KIEU	1	4,800
62	DAO NGUYEN KIM QUYEN	1	4,800
63	TA DAT TRUNG	2	9,500
64	HO THANH NGUYET	1	4,800
65	NGUYEN PHI HUNG	2	9,500

66	NGUYEN VAN CHIEN	2	9,500
67	CHEO A KHE	1	4,800
68	TRAN DANG VU	1	4,800
69	LE VAN LINH	1	4,800
70	VO THI NGAN	2	9,500
71	DANG THAI BINH	1	4,800
72	NGUYEN VAN HAI	1	4,800
73	PHAN THI HUONG	1	4,800
74	NGUYEN THUY LINH	1	4,800
75	NGUYEN THE MINH HOANG	1	4,800
76	NGUYEN SON THIEN	1	4,800
77	TRINH THI TRA MY	10	47,600
78	NGUYEN QUANG TRUNG	1	4,800
79	NGUYEN CAO CUONG	1	4,800
80	CAO NGOC QUYNH	1	4,800
81	HA THI THIEN LY	3	14,300
82	TRINH HUY DU	3	14,300
83	TRAN THI HAI	1,150	5,472,900
84	DANG THI THAO TRAN	1	4,800
85	TRAN HUYNH MY LINH	1	4,800
86	HUYNH VAN TRA	1	4,800
87	LAI THI THIEU	1	4,800
88	NGUYEN THANH PHU	3	14,300
89	NGUYEN MINH THANH	1	4,800
90	BUI NGUYEN NHUNG	2	9,500
91	BUI THI THANH XUYEN	1	4,800
92	NGUYEN THE VU	2	9,500
93	DOAN THI KIM NGAN	1	4,800
94	NHAM BA ANH	1	4,800
95	TRIEU THI BINH	1	4,800
96	TRAN VAN AN	1	4,800
97	LUU THE CUONG	1	4,800
98	NGUYEN TRONG NHAN	1	4,800
99	VO THI NGOC DIEM	1	4,800
100	TRUONG QUANG TIN	1	4,800
101	PHAM THI VAN	1	4,800
102	HOANG CHI OAI	1	4,800
103	DANG VAN TUYEN	1	4,800
104	DANG THANH PHAT	2	9,500
105	PHAM VAN TAM	1,462	6,957,800
106	LE QUANG TUAN ANH	1	4,800

107	LE THANH LONG	3	14,300
108	HUYNH VU PHUONG MAI	2	9,500
109	DAO TUNG DUONG	2	9,500
110	ALANG THI CAM	1	4,800
111	NGUYEN MINH KHOA	1	4,800
112	NGUYEN THI DIU	1	4,800
113	BUI DUY KHANH	1	4,800
114	NGUYEN THI HONG THAM	2	9,500
115	DANG DUC HAI DANG	1	4,800
116	TRAN THI HUONG	1	4,800
117	TRAN LE KHANH	1	4,800
118	DO TIEN THANH	2	9,500
119	LE THI NGOC ANH	1	4,800
120	HY PHU KHANG	1	4,800
121	BUI VAN HUY	1	4,800
122	PHUNG HOA HIEP	1	4,800
123	LE THI THAO	1	4,800
124	NGUYEN THI KIM OANH	1	4,800
125	TRINH THI NGAN	1	4,800
126	GIANG HONG VAN	1	4,800
127	CHU CONG GIA BACH	1	4,800
128	TRAN TRUONG THUY TRANG	2	9,500
129	VU THI PHUONG	1	4,800
130	PHAM BICH PHUONG	4	19,000
131	NGUYEN TRUNG HIEU	1	4,800
132	THAI MINH SON	1	4,800
133	NGUYEN DUC HANH	1	4,800
134	TRUONG HONG THAM	1	4,800
135	NGUYEN HOAI PHUONG	2	9,500
136	DUONG VAN DUC	1	4,800
137	TRAN VIET DUC	1	4,800
138	DAO THI THAO	1	4,800
139	PHAM THI HOAI	260	1,237,400
140	HOANG THI THANH	1	4,800
141	LE THI CHUC LY	1	4,800
142	BAN VAN LINH	1	4,800
143	BUI DUC MINH	2	9,500
144	PHAM THI THUY	1	4,800
145	PHAM HONG HET	1	4,800
146	BUI VAN CHUC	1	4,800
147	LE THI BICH HIEU	1	4,800

148	DO VAN TU	1	4,800
149	VO HOANG TUNG	1	4,800
150	HA VAN DUONG	1	4,800
151	LE THI THUY LINH	2	9,500
152	NGUYEN VIET QUANG TIEN	1	4,800
153	BUI VAN HUNG	1	4,800
154	NGUYEN CONG MINH	1	4,800
155	TRAN QUOC THINH	1	4,800
156	NGUYEN KHANH LINH	3	14,300
157	HOANG THAI GIANG	2,615	12,445,000
158	NGUYEN THI TUONG VAN	1	4,800
159	NGUYEN THI TRUC LY	2	9,500
160	PHAM VAN NGOC	5	23,800
161	CAO THI KIM DUNG	2	9,500
162	LE NEN	2	9,500
163	NGUYEN VAN DUY	1	4,800
164	NGUYEN KIEN CUONG	1	4,800
165	NGUYEN HOANG DUNG	1	4,800
166	LE GIA LINH	1	4,800
167	PHUNG NGOC THANG	1	4,800
168	NGUYEN THI KIM THU	1	4,800
169	LE TRUONG AN	1	4,800
170	TRAN THI THU THUY	1	4,800
171	CAO MINH TRUONG	1	4,800
172	HOANG TIEN HOI	1	4,800
173	NGUYEN ANH TUYET	43	204,600
174	NGUYEN VAN HAI	1	4,800
175	NGUYEN THI KIEU TRINH	1	4,800
176	NA VAN HONG	1	4,800
177	NGUYEN VU UYEN MY	1	4,800
178	VU THI MY HUYEN	1	4,800
179	HUYNH PHU LONG	1	4,800
180	TRAN THI HIEN	1	4,800
181	NGUYEN HOANG KHANH DUY	1	4,800
182	DUONG THU TRANG	2	9,500
183	HO THI KIM CHUNG	1,196	5,691,900
184	HUYNH XUAN NONG	1	4,800
185	LE THI MAY	1	4,800
186	NGUYEN TAN PHAT	2	9,500
187	TU LAN VY	1	4,800
188	PHAM ICH QUANG	1	4,800

189	PHAM VU	8	38,100
190	NGUYEN TIEN	1	4,800
191	HUYNH QUOC THAI	1	4,800
192	DANG THI BICH LY	1	4,800
193	NGUYEN DUY TRUNG	1	4,800
194	NGUYEN THI LAN	2	9,500
195	NGUYEN THI HUYEN TRANG	1	4,800
196	DANG XUAN TRUONG	1	4,800
197	VU VAN TIEN	1	4,800
198	TRAN NHAT MINH	3	14,300
199	HO THANH LICH	1	4,800
200	NGUYEN THI TRANG	1	4,800
201	NGUYEN THAI HAU	2	9,500
202	TRUONG THI NGOC ANH	1	4,800
203	TRAN HONG QUAN	1	4,800
204	TRAN CHI CUONG	1	4,800
205	TRAN VU THAI NGUYEN	1	4,800
206	DO THI GIANG	1	4,800
207	NGUYEN MINH THANG	1	4,800
208	NGUYEN VAN SON	1	4,800
209	DAM THI VAN	1	4,800
210	DO THI HIEN	1	4,800
211	PHAM DUY KHANH	2	9,500
212	DUONG QUOC HUY	1	4,800
213	DAO VAN HUNG	1	4,800
214	PHAM VAN NGOAN	2	9,500
215	NGUYEN VAN DAT	2	9,500
216	NGUYEN TUAN ANH	1	4,800
217	NGUYEN THANH LONG	1	4,800
218	NGUYEN VO NHU QUYNH	1	4,800
219	CHAU HOANG HIEU	1	4,800
220	NGUYEN XUAN SANG	1	4,800
221	HO DUY HAI	1	4,800
222	NGUYEN THI THANH THUY	1	4,800
223	THAN VAN BAC	1	4,800
224	HA THI MINH THU	1	4,800
225	MAI THI LAN	1	4,800
226	MAI XUAN SON	1	4,800
227	HUYNH NGHIA NHAN	1	4,800
228	NGUYEN NGOC ANH	1	4,800
229	VU VAN DUY	1	4,800

230	LE DUC THO	1	4,800
231	BUI HONG KIM	1	4,800
232	LAI TAN TOAN	1	4,800
233	VI THI DUYEN	1	4,800
234	NGUYEN THI LIEU	1	4,800
235	TA THANH TUNG	1,040	4,949,400
236	NGUYEN THI BICH HANH	1	4,800
237	LE HONG DINH	1	4,800
238	TRAN DAI DUONG	2	9,500
239	HOANG MINH DUNG	2	9,500
240	LY VAN TIEN	1	4,800
241	DANG TRUNG KIEN	1	4,800
242	LE ANH QUOC	1	4,800
243	NGUYEN TUAN HUY HOANG	10	47,600
244	DANG THI VIEN	3	14,300
245	PHAM THI THAO	1	4,800
246	DO VAN THANG	1	4,800
247	VU THI THU TRANG	1	4,800
248	HA NGOC VY	1	4,800
249	TRAN VAN TRUONG	1	4,800
250	PHAN DO MINH HUY	1	4,800
251	LE HUYNH DUC	1	4,800
252	VU THI HOAI THU	1	4,800
253	VU DINH VIET	1	4,800
254	TRAN PHI LAM	1	4,800
255	PHAM THUY LINH	1	4,800
256	DO DUC VINH	1	4,800
257	NGUYEN THI GIANG	1	4,800

3. Hũ Hồng (Từ 17/11/2025 – 23/11/2025):

STT	Họ tên	Tổng số giao dịch	Số tiền chi thưởng
1	TA KHANH DUY	1	200
2	NGUYEN NGOC TOAN	1	200
3	THAI HUONG THAO	8	1,200
4	TRAN THI MINH HUONG	6	900
5	NGUYEN XUAN LOC	4	600
6	TRAN THI HOAI THUONG	1	200
7	MAI DUC HUNG	16	2,500
8	LUU THANH TRUC	6	900
9	NGUYEN THI HUYEN	1	200

10	THAI HOANG AN	1	200
11	LY HONG PHI PHUNG	1	200
12	CAO VIET HUNG	7	1,100
13	NGUYEN THI PHUONG	1	200
14	NGUYEN VIET ANH	8	1,200
15	DUONG MINH TRANG	1	200
16	HOANG GIA ANH	1	200
17	NGUYEN VAN LY	1	200
18	NGUYEN PHAM TUAN ANH	1	200
19	TRAN XUAN HUY	1	200
20	PHAM VAN VIET	4	600
21	GIANG HUNG TIEN	2	300
22	HOANG THI HOAI	1	200
23	PHAN QUOC NHAT	2	300
24	DONG MINH HAI	1	200
25	VU MANH CUONG	2	300
26	DAO VAN CUONG	28	4,300
27	HA THI TRANG	2,606	400,400
28	HA TRUNG KET	4	600
29	NGUYEN HUU TU	22	3,400
30	VU BANG	31	4,800
31	PHAM NGOC BAO	1	200
32	NGO MY LOC	1	200
33	NGUYEN THI HIEN	7	1,100
34	CAO XUAN NAM	39,838	6,121,600
35	LUU QUOC HUNG	3	500
36	NGUYEN THUY LINH	1	200
37	NGUYEN DANH DUY	5	800
38	DANG THI THEU	1	200
39	NGUYEN QUOC VIET	1	200
40	NGUYEN VAN CHI	1	200
41	TRAN CONG VIEN	1	200
42	TRINH VAN SU	3	500
43	DUONG MINH HIEU	8,904	1,368,200
44	VU THI HOA	2	300
45	NGUYEN TRONG HUNG	18	2,800
46	NGO VI SANG	5	800
47	VU THI THU TRANG	2,755	423,300
48	VU THI QUY	1,000	153,700
49	VU NGOC DUC	193	29,700
50	PHUONG THANH KHIEM	6	900

51	PHAM MINH DUC	1	200
52	NGUYEN VIET THAI	1	200
53	TRAN TRUC PHUONG	30,565	4,696,700
54	NGUYEN THI MINH THU	28,296	4,348,000
55	TRAN THI THU HUONG	6,335	973,500
56	GIAP THI CHUYEN	1	200
57	NONG QUOC DAI	1	200
58	VU TRONG TU	4	600
59	DANG NGUYEN MINH TRUONG	363	55,800
60	NGUYEN THI TUONG VY	820	126,000
61	NGUYEN THUAN HIEU	4	600
62	PHAM VAN LINH	6,703	1,030,000
63	TO XUAN HIEU	38,101	5,854,700
64	DANG THI MY LOC	2	300
65	DANG XUAN CANH	28	4,300
66	LE VAN QUY	3	500
67	HA THU	1	200
68	NGO THI TO UYEN	2	300
69	PHAM DO HUY THANH	25	3,800
70	NGO THI NGOC MAI	31,106	4,779,800
71	NGUYEN ANH THY	1	200
72	DOAN THI NGOAN	17	2,600
73	NGUYEN THI HIEN	1	200
74	TRAN THI THANH HOA	3	500
75	BACH THI THUY	29,268	4,497,400
76	NGUYEN KIEU PHUONG THAO	398	61,200
77	NGUYEN NGOC BON	247	38,000
78	PHAN THI THANH NHAN	2	300
79	DINH THI CHAM	2	300
80	DOAN MINH CHAU	31	4,800
81	NGUYEN THI HUYEN GIANG	1	200
82	PHAM VAN BINH	22	3,400
83	BUI XUAN QUI DAU	2	300
84	PHAM THANH CHIEN	3	500
85	LE HOANG NHAN	26,660	4,096,600
86	NGUYEN THI THUY	16,595	2,550,000
87	PHAN THI HUE	37,444	5,753,700
88	TRAN MANH TUNG	16	2,500
89	PHAN TUAN MINH	5,136	789,200
90	TAO THI CAM	2	300
91	TRAN VIET DUC	4	600

92	HOANG THI NHUY	1	200
93	CAO THI HIEN	1	200
94	NGUYEN HONG THUONG	9	1,400
95	LE CAO HOANG VI	1	200
96	DANG CAO HOANG PHUC	1	200
97	NGUYEN THE VU	1	200
98	DANG NGOC QUANG	1	200
99	TRAN QUANG VINH	1	200
100	NGUYEN HUY BACH	6	900
101	NGUYEN LAN HUONG	2,948	453,000
102	NGUYEN VAN ANH	5	800
103	NGUYEN MINH THUAN	5	800
104	BUI THI TRANG	2	300
105	NGUYEN THI DIEN	5	800
106	DINH THI BICH	19,980	3,070,200
107	PHAM THI THU HUONG	3	500
108	LE THI HIEN	1	200
109	NGUYEN TRA MY	19,000	2,919,600
110	NGUYEN NHU NAM	953	146,400
111	NGUYEN THI THU DAO	1	200
112	PHAM THI KIM LIEN	25	3,800
113	NGUYEN QUOC CUONG	2	300
114	TRUONG THI THANH THANH	11	1,700
115	TRUONG THE VINH	5	800
116	PHAM THU VAN	161	24,700
117	PHAN THI PHI	3,153	484,500
118	VU THANH HIEN	25	3,800
119	VU TUAN ANH	2	300
120	TRAN HA MY	2,393	367,700
121	BUI THI UYEN PHUONG	1	200
122	TRAN TRUNG THANG	6	900
123	VU THI HUYEN TRANG	4	600
124	LE XUAN VINH	3	500
125	NGUYEN THI HONG	1	200
126	NGUYEN THI NGOC HOA	19	2,900
127	LE THI NGA	4	600
128	HOANG VAN CONG	4	600
129	TRAN NGO VUONG CHI	3	500
130	HUYNH THAI VINH	1	200
131	LUONG THUY NGAN	8	1,200
132	VO HOAI PHONG	3	500

133	NGUYEN VIET HUNG	2,011	309,000
134	TANG THACH THU THAO	2	300
135	NGUYEN MINH NHU NGOC	2	300
136	NGUYEN QUANG HIEP	2	300
137	HUYNH THANH BINH	1,545	237,400
138	NGUYEN HAI LY	5	800
139	BUI QUANG HUY	4	600
140	NGO QUOC ANH	10	1,500
141	NGUYEN THI KIM HONG	4	600
142	VU THI THU HUONG	3	500
143	TRAN GIA PHU	2	300
144	NGO NGOC THUY	3	500
145	TRAN QUANG HUY	3	500
146	TRAN QUANG KHOI	5	800
147	PHAM THI THUY	2	300
148	LE THI THUY TRANG	1	200
149	TRAN THI KIEU TRANG	47	7,200
150	TRAN HUY	1	200
151	DANG THI LAN	6	900
152	NGUYEN VAN KHANH	88	13,500
153	NGUYEN CUU NHO	1	200
154	NGUYEN CUU HOANG	1	200
155	NGUYEN CUU THI HOAI	3	500
156	TRAN THI HONG	1	200
157	NGUYEN CUU MY HUE	1	200
158	MAI THI XUAN HAU	33	5,100
159	LAM THI MAI	6	900
160	LE PHAM KIM THUONG	8	1,200
161	HO THI KIM NGAN	1	200
162	PHAM NGOC TU	1	200
163	NGUYEN THI YEN	1	200
164	NGUYEN NGOC MINH	3	500
165	NGUYEN XUAN PHUC	2	300
166	PHAN THANH NGUYEN	325	49,900
167	PHUNG THI KIM NGAN	9	1,400
168	TRAN HOAI GIANG	1	200
169	PHAN NGUYEN HOANG TUAN	5	800
170	NGUYEN THI NGOC	7	1,100
171	NGUYEN VO DUC THINH	3	500
172	PHAM DINH THI	1	200
173	NGUYEN KHAC HUNG	1	200

174	PHAM MINH PHUOC	4	600
175	NGUYEN TRUNG HUY	1	200
176	TRUONG MINH CHANH	4	600
177	TRUONG THI PHUONG	1	200
178	NGUYEN THI THUY LINH	2,507	385,200
179	TA HOANG VIET	1	200
180	BUI XUAN TUNG	176	27,000
181	PHAM THI ANH	1,591	244,500
182	NGUYEN THI HOA	4	600
183	TRAN PHUONG ANH	1	200
184	HA THI PHUONG THAO	1	200
185	PHAM VAN PHUONG	1	200
186	TRINH THANH VINH	5	800
187	NGUYEN THI BICH PHUONG	16	2,500
188	DANG THI CAM DUNG	353	54,200
189	THAI HOANG DUNG	3	500
190	HO BAO NGOC	1	200
191	TANG MINH DOAN	112	17,200
192	DANG VAN BAO	200	30,700
193	LE DINH HUY	1	200
194	NGUYEN NGOC QUYNH	5	800
195	NGO THAI SON	2	300
196	NGUYEN THI HAI	1	200
197	NGUYEN CAM VAN	3	500
198	TANG THI HONG NHUNG	14,752	2,266,800
199	DINH TIEN HOANG	6	900
200	LE THI NHU VAN	2	300
201	VU THI TUYET	5	800
202	NGUYEN VAN HUNG	1	200
203	PHAM THI MINH HUONG	312	47,900
204	NGUYEN KHANH LINH	3	500
205	NGUYEN THI ANH TUYET	45	6,900
206	DO VAN DAT	26,882	4,130,800
207	TRAN THI LIEN OANH	5	800
208	NGUYEN THI LAN	38	5,800
209	NGUYEN THI KIM THOA	1	200
210	NGUYEN LE HUYEN VY	2	300
211	NGUYEN THI KIEU ANH	3	500
212	NGUYEN VAN ANH	3	500
213	DO THI HAI ANH	15,566	2,391,900
214	NGUYEN QUOC TAN DAT	7	1,100

215	LE DUC ANH	1	200
216	DO TRONG NHAN	4	600
217	HOANG THI HAI YEN	21,392	3,287,100
218	DOAN VAN HOANG	217	33,300
219	NGUYEN VAN KIEN	1	200
220	NGUYEN THI THANH HUE	2	300
221	TRAN THI THOM	7	1,100
222	NGUYEN THI TRANG	2	300
223	DOAN THI LOAN	29	4,500
224	LAI VAN KHANH	8,400	1,290,800
225	NGUYEN QUOC TOAN	555	85,300
226	PHAM THOI HUY	6	900
227	PHAM HUU LONG	6	900
228	TRAN DINH MINH	311	47,800
229	TRAN ANH VAN	2,262	347,600
230	NGUYEN ANH TUAN	2	300
231	NGUYEN THUY HOA	1	200
232	VU MANH TUAN	834	128,200
233	LE VAN TOAN	21	3,200
234	PHAM THAI SON	38	5,800
235	DANG THI MAI	1	200
236	TRAN DINH THIEN	285	43,800
237	LUU VIET NGA	1	200
238	HUYNH TRUNG TIN	13	2,000
239	NGUYEN THI THANH HUYEN	2	300
240	TRAN DINH KIEM	304	46,700
241	PHAN VAN THINH	2	300
242	NGUYEN THI VAN	1	200
243	NGUYEN THUY AN	1,075	165,200
244	VU THI BICH NGOC	2	300
245	NGUYEN VAN SANG	7	1,100
246	DANG THI MINH TAM	223	34,300
247	PHAM THOI HUNG	6	900
248	TRAN THI DUYEN	6	900
249	NGUYEN THI LOAN	3	500
250	NGUYEN THI THUY LINH	3,968	609,700
251	NGUYEN THI LE NGUYEN	3	500
252	VO HONG LAM	180	27,700
253	DOAN THI MINH HUE	11	1,700
254	VU THI MY LINH	15,960	2,452,500
255	HOANG TUAN SON	1,142	175,500

256	DIEP CHI DUNG	1	200
257	NGUYEN THI LY	5	800
258	TRINH THANH HUYEN	3	500
259	BUI DINH BAO	3	500
260	HUYNH THI LE HOA	5	800
261	PHAM THANH HA	1	200
262	NGUYEN THI NGOC ANH	3	500
263	TRAN VAN QUY	53	8,100
264	NGUYEN THI THU HA	1	200
265	DAO THI HUONG	4	600
266	NGUYEN THI PHUONG HOA	1	200
267	NGUYEN THI VAN	120	18,400
268	NGUYEN THI LE HANG	3	500
269	LE THI YEN	12	1,800
270	NGUYEN QUANG HUNG	1	200
271	VO BICH HANH	1	200
272	NGUYEN MANH QUOC	2	300
273	PHAM THI PHUONG	1	200
274	BUI THI HUYEN TRANG	1	200
275	PHAM VAN KHIEM	10	1,500
276	DAO ANH NGUYEN	10,764	1,654,000
277	NGUYEN THE TUAN	1	200
278	NGUYEN THI THUY NGA	24	3,700
279	TRAN HONG HANH	599	92,000
280	NGUYEN THI ANH	5	800
281	NGUYEN THI TUYET HANH	2	300
282	NGUYEN THU HUONG	28	4,300
283	DO THI THU HUYEN	2	300
284	CAO TRAN HONG PHUC	5	800
285	NGUYEN THI LIEN	2	300
286	TRAN THI HONG	1	200
287	PHAM NGUYEN KIEU TRAM	5	800
288	NGUYEN HUU NGHIA	19	2,900
289	TRAN THI CHAU GIANG	4	600
290	PHAM NGOC HOA	4	600
291	PHAM LE NHAT MINH	3	500
292	NGUYEN THI HUYEN TRANG	405	62,200
293	VO HONG HA	120	18,400
294	PHAM THI MAI THANH	3	500
295	NGUYEN TRUNG NGHIA	2	300
296	DO THI NHUNG	1	200

297	VU VAN DAT	785	120,600
298	DAO TUAN MINH	1	200
299	TRUONG NGUYEN HOAI DUY	2	300
300	NGUYEN PHAM THANH LINH	3,422	525,800
301	DO THI HUE	6	900
302	NGUYEN THI LAN	935	143,700
303	NGUYEN THI HIEN	1	200
304	NGUYEN CHI VUONG	6	900
305	CAO THI GIANG	12	1,800
306	NGUYEN DINH LINH	1	200
307	NGUYEN THI THANH THUY	14	2,200
308	VU THI HUYEN	15	2,300
309	TRAN TUAN NGOC	1	200
310	NGUYEN THI HUYEN TRANG	1	200
311	LE HOAI ANH	1	200
312	DO VAN HUY	1,159	178,100
313	NGUYEN XUAN HOP	1	200
314	TRUONG KIM CHI	1	200
315	QUACH THU NGAN	11	1,700
316	HOANG ANH THANG	37	5,700
317	NGUYEN HUONG LY	28	4,300
318	NGUYEN HAI LINH	1	200
319	VU CHI VY	1	200
320	HA ANH TUAN	2	300
321	HUYNH THI KIM TUYEN	2	300
322	PHAM THI THANH HUYEN	365	56,100
323	THACH HOANG CUONG	41	6,300
324	TRAN THI THU UYEN	2	300
325	CAO DUY DIEN	5	800
326	TRAN THI THU HA	1	200
327	LE THI KIEU DONG	1	200
328	PHAM THI KIM PHUONG	1	200
329	VO THI ANH XUAN	4	600
330	NGUYEN THI DUNG	1	200
331	LY THI THU THAO	1	200
332	PHAM THI THU HUONG	2	300
333	NGUYEN THU HA	2	300
334	DINH VIET HOAN	1	200
335	NGUYEN SINH VIEN	3	500
336	NGUYEN PHUONG THAO	1	200
337	DAO THI THANH HUONG	17	2,600

338	HOANG VAN DAT	1	200
339	CHAU VIET VUONG	1	200
340	PHAM THI CHANG	8	1,200
341	TRINH VAN KIEN	1	200
342	VU THANH HUNG	2	300
343	VO THI TU NHI	1	200
344	HUYNH CONG TAI	2	300
345	NGUYEN QUANG HUY	4	600
346	NGUYEN THI MAI CHI	2	300
347	NGUYEN THI LAN HUONG	100	15,400
348	NGUYEN HUY THAP	1	200
349	BUI THI MAI ANH	3	500
350	TRAN THI THU	1,976	303,600
351	NGUYEN HUU THANG	1	200
352	NGUYEN CHI CONG	268	41,200
353	HUYNH THI HONG NGOC	1	200
354	HUYNH LE KHOI NGUYEN	1	200
355	TRAN MAI LIEN	1	200
356	HA TUAN DUNG	1	200
357	TRAN DINH QUYET	209	32,100
358	VU THI MAI HUONG	1	200
359	NGUYEN THE HUONG	1	200
360	BUI THUY TRANG	1	200
361	NGUYEN THI HONG	2	300
362	PHAM KIM TUYEN	3	500
363	LAM VINH DANG	1	200
364	NGUYEN HUU HOANG SON	1	200
365	NGUYEN THANH TRUNG	5	800
366	NGUYEN THI HONG HA	2	300
367	NGUYEN THI PHUONG	2	300
368	VU DUC TU	1	200
369	CHUONG ANH LE	1	200
370	TRAN CHAU HOAI AN	2	300
371	NGUYEN XUAN TUYEN	1	200
372	NGUYEN TRUONG NHI	4	600
373	PHAM THI OANH	171	26,300
374	LAM VAN THANG	1	200
375	PHAM HONG UNG	1	200
376	CHU THI LE	1	200
377	PHAM THI THANH LAN	6	900
378	NGUYEN THI NHU HOA	2	300

379	TA QUANG TU	13	2,000
380	NGUYEN THAO NHI	336	51,600
381	BUI LE NHUT TAI	112	17,200
382	TRAN THI HUONG GIANG	13,121	2,016,200
383	NGUYEN THI THANH HUONG	4	600
384	NGUYEN HUU TAI	2	300
385	HANG THI MINH THUAN	1	200
386	NGUYEN THI KIM HUONG	3	500
387	TRUONG THI AN	1	200
388	NGUYEN TIEN DAT	2	300
389	PHAM THI NU	1	200
390	TRAN THI THUY TRANG	3,296	506,500
391	BUI HANG PHUONG	2	300
392	LE HONG CAM	13	2,000
393	HUA VUONG DUY BINH	2	300
394	PHAM DUY PHUONG	1	200
395	DOAN HUYNH MINH QUYEN	1	200
396	LE THI HONG	3	500
397	MAI ANH QUAN	1	200
398	NGUYEN KHOA HUYEN THUONG	1	200
399	LE MINH DUOC	2	300
400	NGUYEN HAI ANH	4	600
401	NGUYEN THI HONG NHUNG	1	200
402	LE TRONG NHAN	2	300
403	NGUYEN THI MY HUYEN	1	200
404	NGUYEN THI HONG THAM	1	200
405	MAI THI BICH TRAM	2	300
406	NGUYEN NGAN VUONG	2	300
407	TRAN THUY DUONG	2	300
408	NGUYEN LE NHAT MINH	2	300
409	TRAN ANH TUAN	2	300
410	NGUYEN PHUONG THAO	1	200
411	MAI THI HOA	9	1,400
412	NGUYEN DUC TIEN	1	200
413	TRUONG THI THU LOAN	1	200
414	NGUYEN THI MAI PHUONG	3	500
415	NGUYEN THI HA	1	200
416	NGUYEN HAI HA	1	200
417	TRAN NHAT HA	1	200
418	HOANG DUC DAT	3	500
419	NGUYEN HOANG QUOC BAO	5	800

420	NGUYEN THI TUYET NHUNG	2	300
421	NGUYEN QUOC DAT	2	300
422	CHU THI CHINH	1	200
423	TRUONG BACH CONG	3	500
424	DANG VIET PHUONG	1	200
425	DINH THI KIM NGUYEN	1	200
426	LUONG THUY NGAN	1	200
427	NGUYEN TIEN HUNG	5	800
428	PHAM THI NHAI	1	200
429	NGUYEN THI THOA	1	200
430	NGUYEN TRUNG HAU	2	300
431	PHAN THI YEN	1	200
432	BUI THI NGOC QUYNH	10	1,500
433	LAM CAM XOAN	1	200
434	NGO TRAN THINH	1	200
435	BUI THE NAM	2	300
436	DANG HOANG LONG	1	200
437	CHU DIEU LINH	1	200
438	MAI NGOC HIEN	1	200
439	LE HUY HOANG	1	200
440	DAM BINH THUONG	5	800
441	HOANG LE TUAN ANH	1	200
442	PHAM DANG TAI THU	1	200
443	VU THI HOAI	4	600
444	BUI HUYEN TRANG	9	1,400
445	LUONG VAN TIEN	3	500
446	LAM THUC TRAN	2	300
447	NGUYEN THI THUY NGAN	2	300
448	HOANG THI BA	6	900
449	NGUYEN VAN SON	2	300
450	DO HUU DUC	1	200
451	NGUYEN THI LY LE	2	300
452	VU THI ANH TUYET	1	200
453	NGUYEN VAN TOAN	8	1,200
454	NGUYEN THANH XUAN	1	200
455	TRAN MINH PHUONG	1	200
456	VU THANH DAT	1	200
457	NGO TUAN ANH	1	200
458	CHU DUC HIEU	4	600
459	DO MANH QUAN	1	200
460	NGUYEN THI THUY	1	200

461	NGUYEN MINH CHIEN	1	200
462	NGUYEN THI HONG HOA	1	200
463	DANG LAN PHUONG	1	200
464	LUONG QUYNH THU	1	200
465	NGUYEN THI HA	1	200
466	HOANG THANH XUAN	1	200
467	PHAM BANG TAM	1	200
468	VU NHAT ANH	1	200
469	LE DINH HUNG	200	30,700
470	HA KIM ANH	1	200
471	NGUYEN VAN CUONG	230	35,300
472	MONG HUYEN TRANG	3	500
473	PHAM NU HANH NGOAN	4	600
474	VU TUAN TAI	5	800
475	NGUYEN THUY LINH	4	600
476	TUONG THI THANH XUAN	1	200
477	PHAM ANH MINH	54	8,300
478	TRAN DUY DOANH	1	200
479	NGUYEN THI TU OANH	1	200
480	BUI THI NHAT	7	1,100
481	TRAN THI TU TRINH	3	500
482	VU XUAN SON	1	200
483	DINH QUANG THANH	1	200
484	HUYNH NGUYEN ANH THU	1	200
485	HUYNH THI BICH DAN	1	200
486	LE THI HOA	2	300
487	VO THANH PHAT	1	200
488	LE THI PHUONG THAO	38	5,800
489	NGUYEN THI ANH TUYET	6	900
490	NGUYEN THI HIEN	1	200
491	DUONG VAN HUU	4	600
492	TRAN THI NHU QUYNH	1	200
493	NGUYEN HAI QUANG	1	200
494	VO KIEN CUONG	15	2,300
495	NGO BICH NGOC	4	600
496	NGUYEN TIEN THANH	15	2,300
497	NGUYEN MINH THAI	3	500
498	NGUYEN THI NHAM	2	300
499	LE NGOC TOAN	3	500
500	PHAM THI THANH TUYEN	4	600
501	LE THANH DAT	2	300

502	HOANG VAN QUAN	1	200
503	DO TRUNG KIEN	6	900
504	TRAN HUU THUY DUONG	3	500
505	PHAM THI HUE	1	200
506	NGUYEN XUAN TUNG	74	11,400
507	NGUYEN PHAM HUNG	3	500
508	DINH THI THU PHUONG	3	500
509	LE THI THU HUONG	5	800
510	DINH THI HOA	1	200
511	HOANG THI KIEU	1	200
512	THAI THI THANH THUY	1	200
513	NGUYEN THI BICH HANH	2	300
514	HOANG ANH TUYET	3	500
515	NGUYEN ANH THU	1	200
516	PHAN ANH TUAN	1	200
517	HA VAN DUNG	3	500
518	NGUYEN KHAC VIET	5	800
519	NGUYEN HONG NHUNG	523	80,400
520	NGUYEN THI NGUYET	1	200
521	TRUONG MAN NGOC	2	300
522	TRAN THI TRANG	1	200
523	TRAN THANH HIEN	1	200
524	NGUYEN THI THUY NA	1	200
525	HUYNH NGOC BICH	2	300
526	VU THI HA	15	2,300
527	NGUYEN TRUNG HUY	1	200
528	NGUYEN XUAN THAI	3	500
529	NGUYEN THI THUY VAN	1	200
530	LE THI XUAN PHUONG	2	300
531	LUONG VAN DON	4	600
532	TRAN VAN THANH	3	500
533	NGUYEN THI NGOC LINH	3	500
534	LE PHUONG ANH	1	200
535	NGUYEN THI BICH NGOC	322	49,500
536	LE VAN KHAI	2	300
537	PHAN HOANG NAM	5	800
538	NGUYEN DINH TUAN	5	800
539	DANG HONG TUYEN	1	200
540	LE QUANG VINH	4	600
541	DOI DANG DUY	4	600
542	DO VAN CHIEN	14	2,200

543	HA DIEU HUYEN	1	200
544	HOANG THI DUNG	5	800
545	BUI THI THAO	2	300
546	LE DUC THANG	1	200
547	NGUYEN TRUNG DUC	2	300
548	VU THI TRA MY	1	200
549	NGUYEN THI ANH TUYET	3	500
550	CAO KIEU DIEM	4	600
551	HO TRUONG BINH	2	300
552	NGUYEN TRI HUNG	1	200
553	MAI DINH THANH DAT	3	500
554	NGUYEN THI NHU	1	200
555	LAM DUY ANH	1	200
556	LE THI KIM LOAN	111	17,100
557	NGUYEN HUU SON	1	200
558	PHUONG BAO TRAN	100	15,400
559	PHUONG HAI DANG	104	16,000
560	NGUYEN XUAN VONG	124	19,100
561	TO NGUYEN THIEN TRANG	1	200
562	HOANG HUONG GIANG	1	200
563	DO TUAN ANH	1	200
564	NGUYEN HUU NGHIA	1	200
565	NGUYEN MINH TUYET NHU	66	10,100
566	LUONG THI CHIN	341	52,400
567	TRUONG VAN THUAN	1	200
568	NGUYEN HUY HOANG	2	300
569	BUI LE DUNG	3	500
570	VU THI HONG DIEU	2	300
571	MAI THI KHANH HUYEN	1	200
572	DOAN THI HIEN	4	600
573	HO TRUNG HAU	10	1,500
574	DUONG XUAN PHUC	3	500
575	DAO PHAM NGOC THUY	1	200
576	NGUYEN THI THANH TAM	1	200
577	TRAN ANH TUAN	51	7,800
578	DUONG VAN THUAT	1	200
579	PHAM MANH CUONG	1	200
580	DO VAN TAI	5	800
581	DANG LINH CHI	3	500
582	PHAM QUANG HUY	9	1,400
583	PHAN VU THANH	2	300

584	TRAN THI KIM MINH	2	300
585	BUI THANH TUAN	1	200
586	LE THI THAO UYEN	2	300
587	NGUYEN THI HONG LOAN	5	800
588	HUYNH NGUYEN BAO CHAU	1	200
589	DAO NGUYEN Y NHI	1	200
590	NGUYEN DINH HIEU	4	600
591	PHAM VAN TOAN	2	300
592	PHAM QUOC HUY	2	300
593	VO THI MY	1	200
594	PHAN THANH AN	1	200
595	LE THI BACH VAN	5	800
596	BUI MINH QUANG	1	200
597	NGUYEN VAN DUOC	1	200
598	HA THIEN BAO	4	600
599	VY VAN HUNG	1	200
600	VU THI BAO NHUNG	2	300
601	NGUYEN THANH TUNG	3	500
602	PHAM THI DUYEN	1	200
603	BUI THAO DIEP	1	200
604	LE THI GIANG	2	300
605	NGUYEN THANH DAT	1	200
606	NGUYEN XUAN TRUONG	4	600
607	LE THI DIEM TRINH	1	200
608	BUI THI THU THAO	1	200
609	NGUYEN VIET THAI	1	200
610	DO HOANG SON	1	200
611	LE VAN VINH	2	300
612	DO HAI YEN	1	200
613	PHAM THI THUY TRANG	6	900
614	TRAN QUOC CUONG	1	200
615	PHAM THI PHUONG	4	600
616	NGUYEN THI THU HUNG	1	200
617	NGUYEN CANH HOANG	2	300
618	MAI CHUC LINH	2	300
619	NGUYEN THI HUONG	1	200
620	NGUYEN THI THO	2	300
621	NGUYEN DUC QUANG	2	300
622	NGUYEN DUC BINH	2	300
623	NGUYEN VIET HUNG	6	900
624	TRAN TRUNG THANH	16	2,500

625	NGUYEN THI HANH LE	4	600
626	NGUYEN THI BICH NGOC	2	300
627	PHAM MINH NGOC	3	500
628	PHAM THI NHUAN	2	300
629	DANG THI HUONG	2	300
630	TRAN THI MINH NHI	2	300
631	DUONG THI HONG THAO	1	200
632	DO QUANG VIET	12	1,800
633	TRAN TRUNG NGHIA	1	200
634	NGUYEN HUY HOANG	5	800
635	NGUYEN THI HONG HANH	4	600
636	NGUYEN PHUC LOC	1	200
637	VU THI THUY	8	1,200
638	TRAN DO HAI ANH	1	200
639	TRAN NGAN AN	3	500
640	KHUC THANH PHUONG	6	900
641	LUU THI BICH NGOC	3	500
642	TRAN PHUONG LINH	7	1,100
643	HOANG THU HUONG	2	300
644	LE THI THANH TRUC	1	200
645	NINH THI KIM NGOC	1	200
646	DUONG KIM PHUONG	4	600
647	NGUYEN NGOC VINH	6	900
648	NGO MINH HUYEN	2	300
649	NGUYEN XUAN THONG	2	300
650	DANG DINH TAM	6	900
651	NGUYEN THI MAI HUONG	1	200
652	NGO LE VU HAO	1	200
653	HA NHUT HUY	1	200
654	NGUYEN NGOC VU	4	600
655	NGUYEN THI BAO CHI	1	200
656	PHAM BICH NGOC	1	200
657	LE THI HONG	4	600
658	TRINH BA HOANG VIET	10	1,500
659	LUONG THU UYEN	2	300
660	NGUYEN KHAC HUY	2	300
661	PHAM HONG SON	1	200
662	DO THI VIET THANG	9	1,400
663	LUONG THE VINH	6	900
664	HOANG THI OANH	2	300
665	LE NGOC SON	6	900

666	PHAM TRAN DON HOANG	2	300
667	TRAN DUY KHUONG	1	200
668	TRAN NGOC TIEN	1	200
669	NGUYEN THI DAO	1	200
670	PHAN VAN HA	2	300
671	NGUYEN DUONG PHUC KIM	3	500
672	NGUYEN QUANG LINH	40	6,100
673	NGUYEN DANG NGHIA	6	900
674	PHAM ANH HUNG	1	200
675	DINH THI PHUONG THAO	8	1,200
676	DO VAN MINH	1	200
677	NGUYEN TRUONG THIEN LOC	1	200
678	NGUYEN HOANG	5	800
679	LE THI NHU HAO	2	300
680	NGUYEN LE MINH TRI	2	300
681	TRUONG THI DIEP LAN	4	600
682	VO KIM VEN	1	200
683	HAN VAN TUAN	1	200
684	NGUYEN LE ANH TUAN	1	200
685	NGUYEN HONG HANH	1	200
686	HA QUANG CUONG	1	200
687	LE THI PHUONG THUY	1	200
688	HOANG QUOC HUNG	2	300
689	NGUYEN DANG PHI	4	600
690	NGUYEN THI THUY	1	200
691	NGUYEN THI HOA	3	500
692	DOAN LE DUY	9	1,400
693	BUI DINH TAI	2	300
694	DUONG THI DIEM CHI	3	500
695	BUI THE PHUONG	3	500
696	DO ANH TUAN	2	300
697	NGUYEN THI HUONG	1	200
698	HUYNH UC GIA THUAN	1	200
699	NGUYEN DUC DIEN	1	200
700	VU NGOC MINH	1	200
701	VU DUC ANH	4	600
702	DANG HUE TAN	1	200
703	NGO VU DANH	3	500
704	BUI VAN LE	3	500
705	NGUYEN THI THANH THU	5	800
706	LE THI NGOC CHINH	1	200

707	TRAN THI HUYEN	1	200
708	DO QUOC TRUONG	2	300
709	NGUYEN KIM TRA MY	4	600
710	NGUYEN THI HUONG	3	500
711	NGUYEN THI HONG LOAN	4	600
712	CAO VAN TRUONG	1	200
713	TRAN QUANG HIEU	135	20,700
714	BUI DOAN HOANG	1	200
715	PHAM THI PHUONG DUNG	1	200
716	HOANG THU THAO	1	200
717	NGUYEN VAN DAU	2	300
718	VU DINH QUANG	7	1,100
719	DIEP THI MY TIEN	2	300
720	DO NGOC ANH	1	200
721	DOAN THI NGOC THO	4	600
722	PHAM THI MINH NGUYET	3	500
723	NGUYEN PHUONG THAO	1	200
724	NGUYEN CHI BAO	3	500
725	PHAM THI NGAN	1	200
726	DUONG LY BANG	1	200
727	NGUYEN VAN QUAN	2	300
728	NGUYEN VAN KUU	4	600
729	VU MINH DUC	4	600
730	NGO THI BICH PHUONG	4	600
731	NGUYEN HOANG HA	1	200
732	NGUYEN PHUC HAI	8	1,200
733	HOANG BA MANH	1	200
734	NGHIEM THI HUONG	1	200
735	PHUNG VAN LINH	4	600
736	PHAM THE HIEN	29	4,500
737	DUONG KIM CUONG	6	900
738	NGUYEN VAN THUAN	2	300
739	LE KHANH VAN	1	200
740	PHAM THI THUONG	2	300
741	VU THI PHUONG LAN	2	300
742	PHAM NGOC CHE	1	200
743	TRAN HUNG	2	300
744	NGUYEN VI KHANG	3	500
745	BUI MINH THUY	2	300
746	VO DINH QUI	1	200
747	DUONG TUAN HIEP	2	300

748	LY DUONG HONG AN	1	200
749	NGUYEN DIEU LINH	3	500
750	LUONG THI MINH THUY	1	200
751	DINH CONG HUAN	35	5,400
752	TRAN DUC LINH	2	300
753	NGUYEN THI THUY	1	200
754	LUU THOAI LAM	1	200
755	SAM THI LIEU	3	500
756	PHAM LAN HUONG	2	300
757	PHAM HONG NGOC	1	200
758	PHAN TUAN VU	1	200
759	HO SON CA	1	200
760	NGUYEN KHANH LINH	3	500
761	TRAN THI THU HUYEN	3	500
762	DO THU HUYEN	1	200
763	DINH TUYET LAN	2	300
764	LE VIET MINH QUAN	5	800
765	TRAN VAN TUNG	22	3,400
766	PHAM TRAN HOANG SON	1	200
767	NGUYEN THI XUAN	1	200
768	NGUYEN THI LINH	2	300
769	TRINH THI THANH NGAN	1	200
770	PHAM VAN TAI	1	200
771	DOAN TUAN HUNG	20	3,100
772	BUI MINH TAI	1	200
773	NGUYEN THI NGOC LINH	6	900
774	DINH THANH QUOC	1	200
775	LE DINH HUNG	1	200
776	TRAN HONG PHUC	1	200
777	NGUYEN HOANG NAM	1	200
778	NGUYEN THI TAM	4	600
779	TRAN HOAI THU	1	200
780	PHAM THI GIOI	1	200
781	TRAN VAN CONG	2	300
782	BUI THI PHUONG	1	200
783	VY THI PHUNG MY	2	300
784	DOAN HA VAN	2	300
785	LE THI QUYNH NHU	15	2,300
786	NGUYEN TIEN THIEN	19	2,900
787	NGUYEN THI LAN	3	500
788	DUONG VAN THANH	1	200

789	VO THANH TRUNG	1	200
790	NGUYEN XUAN HAI	5	800
791	NGUYEN THI MAI PHUONG	3	500
792	LAM TU LOAN	2	300
793	NGUYEN THI NGOC TU	1	200
794	PHAM BA TAM	2	300
795	NGUYEN VU HOANG	2	300
796	PHAM TRONG KHOI	3	500
797	PHAM DIEU NGAN	2	300
798	TRAN DUC THUAN	2	300
799	NGUYEN THI MAI	1	200
800	NGUYEN MINH SANG	1	200
801	NGUYEN VAN THONG	1	200
802	NGUYEN THI MY LINH	1	200
803	NGUYEN HUY HOANG	1	200
804	TIEU KIM UA	1	200
805	PHAN THI THUY TIEN	6	900
806	DANG MINH NGOC	1	200
807	NGUYEN HOANG MINH	4	600
808	DANG THUY DUNG	1	200
809	LE DUC ANH	5	800
810	TRAN ANH DUNG	3	500
811	NGO NAM SON	1	200
812	NGUYEN DAI QUANG	2	300
813	HA THI KIEU OANH	1	200
814	LE VAN TUAN	1	200
815	VO HOANG TAN	1	200
816	NHAM SY SINH	7	1,100
817	PHAM THI OANH	1	200
818	NGUYEN DANG BACH TUNG	2	300
819	LAM NGOC BAO YEN	13	2,000
820	PHAN THAI NGOC	2	300
821	HOANG VAN BINH	3	500
822	VU XUAN QUYEN	1	200
823	PHAM THANH HAI	1	200
824	NGUYEN HUU TU	6	900
825	NGUYEN MINH NHUT	1	200
826	NGUYEN THI THANH BINH	1	200
827	PHAN HUY KHOI	1	200
828	PHAM NGOC KHOA	4	600
829	LY THI THANH MAI	1	200

830	PHAM MINH THAO	2	300
831	NGUYEN CONG HAU	1	200
832	NGUYEN VAN DUY	2	300
833	DUONG TRUNG KIEN	1	200
834	NGUYEN TIEN QUY	3	500
835	TIEU THI HAO	1	200
836	DOAN LAN PHUONG	1	200
837	LE VAN MINH	41	6,300
838	HA ANH TUAN	1	200
839	CAO THI NGOC QUYNH	14,547	2,235,300
840	LE THI THANH THAO	1	200
841	TRAN NAM HAI	2	300
842	TRAN QUANG VU	2	300
843	DANG DIEP PHUONG	2	300
844	DUONG THI THUONG DUNG	400	61,500
845	CAO HUU THAI	1	200
846	PHAM MINH KHUE	3	500
847	NGUYEN THI HAI YEN	963	148,000
848	DAO TRONG SANG	1	200
849	VO MY THANH	1	200
850	TU VI TAI	2	300
851	TRAN THI QUYNH MAI	1	200
852	DUONG TRAN HOANG LONG	2	300
853	BUI TUAN HIEN	1	200
854	HO HUYNH NHU NGOC	3	500
855	HO THI NHAT TRUC	1	200
856	BUI NAM HUY	1	200
857	DUONG VIET ANH	1	200
858	NGUYEN HOANG TAO	3	500
859	HUYNH NGO HOAI TUAN	6	900
860	DO VIET TUNG	1	200
861	NGUYEN MAI HONG	1	200
862	TRAN THI THE	1	200
863	NGUYEN THI BICH HUYEN	1	200
864	LE QUANG NAM	3	500
865	QUACH THI HANH	5	800
866	NGO THI THUY LINH	1	200
867	LE QUOC CUONG	4	600
868	NGUYEN TRUONG DUY	3	500
869	VO THANH VUONG	1	200
870	NGO MINH THANG	1	200

871	DO CONG TRUONG	5	800
872	TRAN TAN TRIEU	1	200
873	PHAN NHAT LINH	1	200
874	NGUYEN THI THANH THUY	1	200
875	DAO QUE TRAM	6	900
876	NGUYEN HOANG QUAN	1	200
877	DINH DUY CHUONG	2	300
878	VU VAN TAN	1	200
879	NGUYEN TA QUANG MINH	1	200
880	LE TUAN KIET	7	1,100
881	NGUYEN THI THUY	2	300
882	DO DUONG THAI NGUYEN	5	800
883	TRAN THI TUYET TRINH	1	200
884	NAY HUY HOANG	1	200
885	PHAM MINH TIEN	5	800
886	VU XUAN DAU	15	2,300
887	NGUYEN DUY KHANH	3	500
888	NGUYEN PHU GIAU	1	200
889	VO NGOC BICH NGAN	2	300
890	DO THI HUYNH NHU	1	200
891	HOANG THI THAO LY	5	800
892	NGUYEN TRAN MINH TIEN	1	200
893	LE THANH TRUNG	6	900
894	NGUYEN THI PHUONG HOA	1	200
895	NGUYEN QUOC VIET	1	200
896	VU THI MY DUYEN	2	300
897	PHAM THANH HAI	1	200
898	LAM THI LOI	1	200
899	NGUYEN MINH TAM	2	300
900	NGUYEN DANH KIEN	1	200
901	HOANG THI TUYET	1	200
902	NGUYEN VAN TRUNG	1	200
903	NGO DUC HON	4	600
904	TRAN NGOC YEN CHI	1	200
905	DUONG THI HA PHUONG	1	200
906	PHAM XUAN THANH	21	3,200
907	NGUYEN THI PHUONG THAO	1	200
908	HOANG VAN DUY	2	300
909	LE MINH VUONG	1	200
910	NGUYEN HUYEN PHUONG	2	300
911	NGUYEN THI CUC	461	70,800

912	PHAM MINH HIEP	2	300
913	NGUYEN THI THANH XUAN	1	200
914	PHAM VAN QUY	24	3,700
915	LE THUY HANG	3	500
916	NGUYEN DIEU PHUONG	2	300
917	DINH SY HANH	3	500
918	PHAM THI DIEM TRINH	1	200
919	PHAM THI DIEM TRINH	1	200
920	NGUYEN THI TAM	1	200
921	PHAM THI NGOC CHAU	2	300
922	PHAN THI HONG HOA	1	200
923	PHAM THI BICH HAI	48	7,400
924	TRAN THI HUONG	2	300
925	LE MINH DUC	1	200
926	VO HOANG ANH TUAN	8	1,200
927	NGUYEN NGOC MINH UYEN	3	500
928	NGUYEN THANH TAM	1	200
929	NGUYEN HUYNH TRUONG THINH	7	1,100
930	NGUYEN THI MAI TRANG	1	200
931	NGUYEN THUY AN	1	200
932	TRAN MINH HANG	7	1,100
933	NGUYEN THI MAI HUONG	3	500
934	LUONG YEN VY	1	200
935	NGUYEN HONG BAO NGOC	7	1,100
936	THAN NGOC HUONG	5	800
937	NGUYEN THI THAM	1,034	158,900
938	NGUYEN THU PHUONG	1	200
939	NGO TU ANH	9	1,400
940	LE THI MINH THANH	1	200
941	MACH HOANG TUNG	2	300
942	PHAM THUY GIANG	1	200
943	NGUYEN THI HUYEN TRANG	3	500
944	PHAM THI BICH PHUONG	2	300
945	NGUYEN DUC TUAN	1	200
946	DAO DUC HUY	2	300
947	NGUYEN THI HOA VIEN	2	300
948	DO VAN CHUNG	1	200
949	NGUYEN VAN HOA	5	800
950	DANG THI QUY	2	300
951	LUU THI VIET PHUONG	4,296	660,100
952	NGUYEN THI BICH HUONG	1	200

953	DUONG THI TRA MY	1	200
954	NGUYEN TIEN DUNG	1	200
955	NGUYEN ANH TUAN	2	300
956	NGUYEN THI HONG NHUNG	1	200
957	HUYNH PHUOC LOC	4	600
958	LE THI KIM HONG	1	200
959	VI THI THAM	2	300
960	VI THI THAM	2	300
961	HOANG VAN TAN	1	200
962	DUONG THUY NGAN	1	200
963	NGUYEN VIET TUAN	1	200
964	DAO TIEN THANH	19	2,900
965	DO THI HANH HOA	1	200
966	LE VAN DUNG	2	300
967	NGUYEN NGOC LONG	3	500
968	DOAN THI HUYEN	1	200
969	LAM DIEU LONG	1	200
970	CAO NGOC THIEN NHI	3	500
971	NGUYEN VAN HIEN	1	200
972	TRUONG TAN DAT	1	200
973	NGUYEN HOANG NHAN	1	200
974	NGUYEN XUAN CUONG	2	300
975	LE TRA MY	2	300
976	LE NGOC TAI	2	300
977	NGUYEN TRAN UYEN VY	7	1,100
978	PHAN HOANG GIA LINH	8	1,200
979	NGUYEN THI ANH QUYEN	1	200
980	PHAM THI TRUC GIANG	6	900
981	LE THI NHU HOA	52	8,000
982	VU VAN HUNG	1	200
983	NGUYEN THI HONG HANH	2	300
984	NGUYEN NGOC KHANH	1	200
985	PHAM HUU TUAN	4	600
986	LE NGOC ANH	2	300
987	NGUYEN THI HONG NHUNG	2	300
988	DANG THI THU HIEN	2	300
989	DINH HUY HOANG	20	3,100
990	NGUYEN QUOC VIET	6	900
991	HOANG LINH	2	300
992	NGUYEN HONG QUANG	2	300
993	DANG VAN GIANG	1	200

994	NGUYEN DINH VINH	1	200
995	NGUYEN BINH KHIEM	1	200
996	NGO MANH HA	4	600
997	NGUYEN THI HUE	268	41,200
998	NGUYEN THI VIET THANH	3	500
999	NGUYEN THI LAN NGOC	3	500
1000	HO TAN LOC	1	200
1001	NGUYEN NGOC HUNG	6	900
1002	TRUONG MINH TIEN	1	200
1003	DANG LONG NHAT	2	300
1004	LE PHUOC MINH TRI	5	800
1005	HUYNH NGOC THANH	1	200
1006	TRUONG THUY TRANG	2	300
1007	NGUYEN THI TINH	3	500
1008	LE THI THUY HANG	1	200
1009	NGUYEN DAC THONG	2	300
1010	DAC VAN SOAN	14	2,200
1011	NGUYEN THI BICH HAU	1	200
1012	DO VAN THUC	2	300
1013	NGUYEN TRUONG DIEN	1	200
1014	NGUYEN VIET QUAN	1	200
1015	TRAN THI TUYET	1	200
1016	DINH QUYNH TRANG	2	300
1017	TRAN THI BICH HONG	2	300
1018	PHAN VAN HUY	1	200
1019	NGUYEN DUC DAO	2	300
1020	NGUYEN DUC LAP	3	500
1021	PHAN CHI VINH	1	200
1022	NGUYEN THI BICH TUYEN	13	2,000
1023	VU DINH CAM	8	1,200
1024	DINH THI QUYNH ANH	1	200
1025	NGUYEN THUY NGA	2	300
1026	NGUYEN THI PHUONG LIEN	1	200
1027	BUI VAN NAM	1	200
1028	NGUYEN THI HUYNH NHU	1	200
1029	NGUYEN MAI THY	1	200
1030	BUI TRUNG NAM	1	200
1031	BUI THANH SANG	1	200
1032	DO ANH LUAN	3	500
1033	NGUYEN TUAN ANH	2	300
1034	LE MINH PHONG	1	200

1035	NGUYEN THI KIM NGAN	4	600
1036	PHAN QUANG MINH	6	900
1037	NGO HUONG GIANG	3	500
1038	NGUYEN THI TRANG	454	69,800
1039	NGUYEN THI LAN ANH	1	200
1040	HUA VAN DUC	1	200
1041	NGUYEN VAN DUONG	5	800
1042	HOANG XUAN THANH DAT	2	300
1043	MAI HOANG THANG	6	900
1044	TRAN NGO TUAN VU	1	200
1045	NGUYEN TUAN HOANG	1	200
1046	LE XUAN HUNG	2	300
1047	NGUYEN HOANG DUNG	4	600
1048	NGUYEN NGOC TUAN	1	200
1049	LAM NGOC TRAM ANH	1	200
1050	DAO MANH HUYEN	1	200
1051	NGUYEN MINH THUONG	4	600
1052	BANH VAN TIN	3	500
1053	NGUYEN VAN THO	2	300
1054	TRAN HONG HANH	5	800
1055	DANG HOANG AN	1	200
1056	PHAM TRUNG PHUONG	4	600
1057	VU THI HOA	2	300
1058	BUI QUANG TRONG	2	300
1059	NGUYEN THI CAM NHUNG	1	200
1060	PHAM QUANG HUY	2	300
1061	KIEU THANH THUY	1	200
1062	TRUONG NHAT LINH	2	300
1063	NGUYEN THAO HIEN	3	500
1064	NGUYEN NGAN DIEN	4	600
1065	TRAN XUAN TUNG	5	800
1066	NGUYEN THI NGOC ANH	4	600
1067	LY VAN THANG	3	500
1068	JEAN ANN PETALLANA DURANO	1	200
1069	QUAN VAN HANH	2	300
1070	DO HOANG PHUC	5	800
1071	DINH THI THANH HUYEN	1	200
1072	MAI QUANG PHU	5	800
1073	NGUYEN THI PHUONG LAN	1	200
1074	BUI THI THU HONG	7	1,100
1075	TRAN THI THU TRANG	1	200

1076	HOANG DUC PHUONG	3	500
1077	LAM TAN DAT	9	1,400
1078	PHAM THANH DUY	4	600
1079	NGO VAN PHUC	2	300
1080	NGUYEN HOANG MINH	2	300
1081	TRAN NGUYEN HOANG	1	200
1082	DANG QUOC KHANH	8	1,200
1083	NGUYEN DI THANH	2	300
1084	NGUYEN NGHIEM HUNG	17	2,600
1085	TRAN THI HOA	2	300
1086	DUONG THI HOANG YEN	1	200
1087	NGUYEN THI MEN	5	800
1088	LY MINH QUAN	9	1,400
1089	NGUYEN MINH TAM	1	200
1090	NGUYEN NGOC DINH	3	500
1091	BUI THI KHANH LINH	2	300
1092	KHUAT VAN LAM	2	300
1093	NGO QUANG TRUNG	2	300
1094	DANG THI SEN	1	200
1095	NGUYEN THI HOA THANH	3	500
1096	TRAN THI HUONG	1	200
1097	THONG MAN NHI	1	200
1098	NGUYEN THI YEN	2	300
1099	NGUYEN THI THUY UYEN	2	300
1100	NGUYEN MINH NGOC	1	200
1101	NGUYEN THI HONG HA	1	200
1102	TRAN HUU TUAN	1	200
1103	LE THI THU HUONG	3	500
1104	DO THI HOANG SA	2	300
1105	DUONG THI NGOC HUYEN	5	800
1106	NGUYEN TRAN THAI BINH	4	600
1107	NGUYEN THANH DUC	3	500
1108	TANG KIM CUC	6	900
1109	NGUYEN KHANH TOAN	2	300
1110	PHAN TRUNG KIEN	7	1,100
1111	VU XUAN HIEU	2	300
1112	NGUYEN THI THANH HOA	3	500
1113	HOANG XUAN HAI	1	200
1114	NGUYEN HUU TUAN	1	200
1115	HA THI NHU QUYNH	1	200
1116	NGUYEN CONG SON	1	200

1117	LE DUY LINH	1	200
1118	QUACH GIA HUY	1	200
1119	NGUYEN MAI KHANH	1	200
1120	PHAM THI MY HOA	8	1,200
1121	NGUYEN MINH CHAU	1	200
1122	TRUONG TAN VI	1	200
1123	NGUYEN HOAI NAM	1	200
1124	LIEU YEN MI	2	300
1125	NGUYEN THI THAM	14	2,200
1126	NGUYEN TIEN DUNG	28,459	4,373,100
1127	NGUYEN THI HUYEN	2	300
1128	NGUYEN QUYNH TRANG	1	200
1129	TRAN VAN MANH	4	600
1130	NGUYEN HOANG KIM	1	200
1131	PHAN THANH HIEP	2	300
1132	NGUYEN DUC HAI	2	300
1133	HA TRONG TUYEN	2	300
1134	HO MANH HA	4	600
1135	TRAN QUOC DUONG	1	200
1136	NGUYEN THANH CONG	2	300
1137	TRAN THI CAM TU	1	200
1138	NGUYEN DUC THANH	3	500
1139	HOANG QUOC VIET	1	200
1140	NGUYEN VAN KHANG	2	300
1141	DO VAN KHANH	9	1,400
1142	TRAN HANH DUNG	1	200
1143	VU THI HUYEN	5	800
1144	LE XUAN TRUNG	3	500
1145	NGO THI HIEN	2	300
1146	PHAN CHINH TUNG	2	300
1147	BAC NGAN HOA	2	300
1148	PHAM NGUYEN DIEU LY	7	1,100
1149	MAC DINH TUAN ANH	7	1,100
1150	NGUYEN THI THU THAO	1	200
1151	NGUYEN VAN TIEN	2	300
1152	VU THI NGUYET	5	800
1153	VU THI THUY	973	149,500
1154	NGUYEN THI KIM VUONG	2	300
1155	NGUYEN THI LINH DAN	6	900
1156	LE QUOC HUY	2	300
1157	PHAM THI LINH XUAN	3	500

1158	VAN THANH LONG	2	300
1159	DO THI NGOC LAN	4,340	666,900
1160	VUONG NGUYET ANH	1	200
1161	LE DUY ANH	4	600
1162	TAI DIEM HUONG	1	200
1163	NGUYEN THAO VAN	7	1,100
1164	NGUYEN THI THUY HA	1	200
1165	NGUYEN HUU DUC	1	200
1166	NGUYEN THI BICH HONG	1	200
1167	TRAN THANH TIN	1	200
1168	NGUYEN THANH TUNG	2	300
1169	NGUYEN THI ANH HONG	1	200
1170	PHAN THI DUYEN	2	300
1171	NGO CHI CONG	1	200
1172	LE THI LOC	4	600
1173	LE NGUYEN ANH THU	1	200
1174	DAO THI PHUONG	2	300
1175	TRAN MY DUNG	1	200
1176	HO NHIEP THU	1	200
1177	LE MINH PHUC	1	200
1178	NGUYEN HOAI ANH	1	200
1179	NGUYEN NGOC TUYET	1	200
1180	TRAN THI THU LOAN	1	200
1181	PHAM THI HOAI	1	200
1182	DAO THI THUY DUONG	2	300
1183	NGUYEN DUC THINH	1	200
1184	PHAM THI ANH	2	300
1185	MAI NGOC TUYEN	2	300
1186	NGUYEN THI HUONG	2	300
1187	DAO VAN HUNG	4	600
1188	TRAN THI MINH CHAU	1	200
1189	VU THI QUYNH	4	600
1190	TRAN THI HOAI HUONG	1	200
1191	NGUYEN TAN DUNG	3	500
1192	LE THI HONG LIEN	3	500
1193	NGUYEN THI HANG NGA	203	31,200
1194	NGUYEN NGOC ANH	1	200
1195	NGUYEN THUAN AN	1	200
1196	NGUYEN THI HUE	2	300
1197	LUONG KHA TRUC	2	300
1198	DAM THI MY HANH	3	500

1199	DO THI HA	2	300
1200	TRAN THI NGOC AN	12	1,800
1201	NGUYEN THANH DIEN	4	600
1202	HOANG THI THUY NGAN	5	800
1203	HA VAN CUONG	1	200
1204	NGUYEN MINH THU	1	200
1205	DINH TUNG QUAN	200	30,700
1206	HO THI NHAT KHANH	1	200
1207	VU THI THAO	1	200
1208	PHAM THI GIANG THANH	2	300
1209	PHAM THU TRANG	2	300
1210	NGUYEN THI THUY TRANG	7	1,100
1211	NGUYEN THI NGOC	2	300
1212	NGO THI PHUONG ANH	3	500
1213	NGUYEN THI THU HIEN	5	800
1214	LE THI HUYNH NHU	2	300
1215	VU THI BEN	1	200
1216	MAC THI THU NHUNG	5	800
1217	CU NGOC THONG	3	500
1218	NGUYEN TRUONG SON	1	200
1219	TRAN THI HUONG GIANG	2	300
1220	HUYNH THI KHANH NHI	1	200
1221	DAO HOANG VU	1	200
1222	VU DUC TOAN	1	200
1223	THAN THI YEN	5	800
1224	NGUYEN DINH HAO	1	200
1225	DANG NGOC HUNG	42	6,500
1226	DANH THI DIEM	1	200
1227	NGUYEN QUANG NGUYEN	154	23,700
1228	DANG THANH TU	1	200
1229	NGUYEN THI HANG	1	200
1230	DANG THI TRANG	1	200
1231	TRAN QUOC HUY	2	300
1232	NGUYEN THI KIM CUC	1	200
1233	LUU TUAN ANH	1	200
1234	THAN THI DIEM HUONG	1	200
1235	NGUYEN THI DUNG	3	500
1236	TRINH PHUONG THAO	1	200
1237	NGUYEN THI NHU HIEN	8	1,200
1238	NGUYEN HOANG ANH	289	44,400
1239	VI CONG MINH	1	200

1240	DO VAN TOAN	2	300
1241	TRUONG THE HUNG	1	200
1242	TIEU THUY HANG	1	200
1243	VU TIEN DAT	1	200
1244	NGUYEN THANH	1	200
1245	NGUYEN CANH DUONG	2	300
1246	NGUYEN ANH TUAN	3	500
1247	HOANG THI QUYNH TRANG	1	200
1248	NGUYEN TIEN PHONG	218	33,500
1249	VU DUY THUC	4	600
1250	NGUYEN THI PHUONG NGA	2	300
1251	NGUYEN DIEM TRINH	8	1,200
1252	DINH THI CAM PHUONG	1	200
1253	NGUYEN DUC THANH	6	900
1254	MA HOANG GIANG	1	200
1255	DO THU THUY	1	200
1256	CAO THI THU HA	14	2,200
1257	NGUYEN THI CAM NHUNG	1	200
1258	HO THI ANH TUYET	2	300
1259	NGUYEN THI TAO	2	300
1260	DO THI THANH NHAN	1	200
1261	NGUYEN DUONG ANH	4	600
1262	DAO TO TRAM	1	200
1263	TRAN HUU NAM	5	800
1264	BUI THU HANG	3	500
1265	DO THI HA ANH	3	500
1266	DO DUC BINH	1	200
1267	NGUYEN VIET THUAT	1	200
1268	LE THI NHU Y	1	200
1269	TRAN NU KIM NGOC	2	300
1270	DO THI PHUONG	1	200
1271	LE DUONG HONG NGOC	1	200
1272	TRAN NU BICH NGOC	3	500
1273	NGUYEN DIEU HOA	1	200
1274	PHUNG TRUC QUYNH	1	200
1275	NGUYEN HONG PHUC	2	300
1276	VO NGUYEN NGOC CHAU	1	200
1277	PHAM ANH DUC	2	300
1278	LUONG TUAN LUC	2	300
1279	LE THI THANH THAO	5	800
1280	NGUYEN THI HUONG	6	900

1281	PHAM QUOC TUAN	8	1,200
1282	NGUYEN THI HUYNH YEN	1	200
1283	LE SY CHUYEN	6	900
1284	NGUYEN DUC HUY	2	300
1285	PHAM THI XUAN	1	200
1286	DO VAN HUAN	3	500
1287	LE BAO TRAM	1	200
1288	BUI THU THUY	2	300
1289	BUI THI PHUONG UYEN	1	200
1290	NGUYEN THI THUY	1	200
1291	NGUYEN DINH KHIEM	1	200
1292	NGO QUOC DANG	159	24,400
1293	NGUYEN VAN DIEP	5	800
1294	VAN THUY BICH LAN HUONG	1	200
1295	DAM THI THANH HUONG	3	500
1296	VO VAN HUY	3	500
1297	LE THI THU HOAI	1	200
1298	LY VIET CUONG	1	200
1299	PHAM NGOC CHANH	1	200
1300	DUONG THUY HANG	3	500
1301	PHAN NHU LONG	2	300
1302	NGUYEN MAI ANH	2	300
1303	TO THANH TUYEN	4	600
1304	MA THI THANH LAP	4	600
1305	LE THANH TAM	1	200
1306	DUONG HAI TUNG ANH	1	200
1307	NGO THI KIM OANH	1	200
1308	NGUYEN HUNG TUAN	1	200
1309	DO TIEN TOAN	1	200
1310	LE HOANG THIEN AN	3	500
1311	NGUYEN THI QUYNH HOA	5	800
1312	DUONG THI ANH	1	200
1313	LE DINH TRUONG	8	1,200
1314	NGUYEN NGO THUY VI	5	800
1315	DINH THI NGA	1	200
1316	HOANG THI THUY	6	900
1317	NGUYEN THI KIM NGA	8	1,200
1318	TA THI PHUONG THAO	1	200
1319	NGUYEN NGOC NHU	1	200
1320	DANG THE THI	1	200
1321	MAI HOANG LONG	1	200

1322	VAN THI THANH THANH	3	500
1323	LE CONG THAI HA	2	300
1324	PHAM VAN QUANG	2	300
1325	HOANG THI PHUONG	1	200
1326	NGUYEN THI HANH THUC	3	500
1327	LE DUC ANH	1	200
1328	TRAN THI HOANG ANH	3	500
1329	LE NGOC TUAN ANH	1	200
1330	LE THI THANH TUNG	1	200
1331	LE THI NGAN	1	200
1332	VO THI THUY DUONG	1	200
1333	NGUYEN THANH CUONG	1	200
1334	LE QUYNH ANH	3,041	467,300
1335	TRINH NGOC LOAN	3	500
1336	TA DINH LUONG	1	200
1337	NGUYEN HUY DUC	8	1,200
1338	NGO THIEN NGAN	2	300
1339	NGUYEN PHUONG HANH	1	200
1340	NGUYEN NGOC DUC	1	200
1341	DOAN THI AN	2	300
1342	NGUYEN HIEU LIEM	12	1,800
1343	SAM THI LY	7	1,100
1344	LE THI BICH VAN	8	1,200
1345	LE VAN HOANG	35	5,400
1346	NGUYEN TRUNG KIEN	1	200
1347	LE TRAN BAO NGOC	1	200
1348	VU THANH HUYEN TRANG	1	200
1349	LE THI HA GIANG	4	600
1350	NGUYEN TRONG NGHIA	2	300
1351	NGUYEN CHI THONG	1	200
1352	DUONG THI LINH CHI	10	1,500
1353	NGUYEN THI BICH DUYEN	8	1,200
1354	NGUYEN DUY TOAN	8	1,200
1355	NGUYEN THI THUY LINH	4	600
1356	VO THI KIM CUC	4	600
1357	NGUYEN ANH VU	1	200
1358	DANG CHUNG HIEP	2	300
1359	NGUYEN THI THANH THUY	2	300
1360	VU THI THANH HUYEN	3	500
1361	DUONG KIEU TRINH	1	200
1362	CAO PHUONG LAN	2	300

1363	NGUYEN TRAN DUY LONG	1	200
1364	NINH VAN THAI	4	600
1365	NGUYEN NGO GIA HUONG	1	200
1366	NGUYEN TAN LOC	6	900
1367	VU THI TRANG	1	200
1368	DO NGUYEN THAO TRANG	3	500
1369	HUYNH DINH DANH	2	300
1370	NGUYEN THI HA	1	200
1371	BUI THI TRANG	1	200
1372	LE CHI HUYNH	2	300
1373	PHAM MINH TUAN	4	600
1374	LE THI HAI	3	500
1375	DANG THI THU HANG	2	300
1376	PHUNG NGOC HUYEN	3	500
1377	PHAN THU HUYEN	2	300
1378	PHAM THI PHUONG	2	300
1379	TANG GIA LINH	1	200
1380	PHAM THI HAI	1	200
1381	TRAN THANH TUAN	3	500
1382	HO NHAT VU NGHI	1	200
1383	LE THI THUY	1	200
1384	LE THI HIEN	2	300
1385	LA THI THUY TIEN	2	300
1386	LE THI THANH DANH	1	200
1387	NGUYEN THANH VAN	1	200
1388	DOAN THI BICH THUY	1	200
1389	NGUYEN MANH HUNG	5	800
1390	LE NHAT YEN	1	200
1391	VU QUYET THANG	3	500
1392	TRAN VAN THIEN	6	900
1393	TRAN THANH HIEN	1	200
1394	DANG VAN DUNG	2	300
1395	TRAN DIEU THU	2	300
1396	NGUYEN DANG HUY	1	200
1397	NGUYEN THI CHUYEN	2	300
1398	TRAN THUY HUYNH QUYEN	5	800
1399	NGO XUAN THANH	1	200
1400	PHAM THI HANH	1	200
1401	HA THI THU HIEN	1	200
1402	NGUYEN THI DIEU LINH	10	1,500
1403	NGUYEN THI THANH XUAN	1	200

1404	PHAM THI HUONG	1	200
1405	LE TAN HOANG	2	300
1406	DO THANH HOA	16	2,500
1407	NGUYEN THI THAM	2	300
1408	VO NGUYEN HUU HOA	11	1,700
1409	NGUYEN THI DIEM TRINH	1	200
1410	PHAN THI KIEU TRANG	4	600
1411	KHONG MINH HOANG HA	1	200
1412	DANG THE MANH	3	500
1413	TRINH NHAT ANH	1	200
1414	TRUONG THI THUY	1	200
1415	NGUYEN VAN LIEM	2	300
1416	HOANG DAI PHUOC	1	200
1417	TRAN THI NGOC DIEP	2	300
1418	CAO THI THU HA	3	500
1419	HUYNH NHU BAO NGOC	1	200
1420	TRAN THI KIM HA	1	200
1421	NGO VAN HIEU	1	200
1422	NGUYEN VAN CHINH	3	500
1423	NGUYEN THANH HIEU	1	200
1424	PHAM THANH TU	6	900
1425	BUI THI HANH	3	500
1426	HOANG THI NGOC ANH	2	300
1427	NGUYEN THI GIANG	1	200
1428	PHAM QUANG VU	3	500
1429	NGUYEN VAN DAN	4	600
1430	LE HONG LUAN	1	200
1431	CAO THANH VAN	1	200
1432	HA VAN GIANG	1	200
1433	LE VIET HUNG	1	200
1434	DINH THI MY LINH	40	6,100
1435	DO VAN VIEN	2	300
1436	HUYNH LE ANH NHAT	6	900
1437	VU DUC ANH	1	200
1438	BUI MANH DIEP	1	200
1439	DO THI THU HUYEN	1	200
1440	TRAN TRUNG TINH	6	900
1441	TRAN THI PHUONG TRA	40	6,100
1442	NGUYEN MINH PHUONG	2	300
1443	NGUYEN THUONG HUYEN	1	200
1444	DO THI HA	3	500

1445	HA MANH PHUONG	12	1,800
1446	NGUYEN THI NGOC BICH	3	500
1447	LE VAN GIAP	1	200
1448	HOANG TUAN VU	14	2,200
1449	HUYNH TRAN KHANH VI - VPB	3	500
1450	VU QUYNH TRANG	3	500
1451	HOANG THI NGOC LINH	3	500
1452	TRUONG THI HONG NO	1	200
1453	LUONG CHI DUNG	5	800
1454	PHAM THI THAO TAM	2	300
1455	NGUYEN THI PHU	3	500
1456	SAI VAN CHIEN	3	500
1457	TRAN THI PHUONG QUYEN	3	500
1458	HA THI NHUNG	1	200
1459	TRAN HUU MINH THANH	2	300
1460	VO THI THUY DUNG	1	200
1461	LE ANH TAN	1	200
1462	CHU THI HONG NHUNG	3	500
1463	NGUYEN MINH NHAT	1	200
1464	BUI THE HAI	1	200
1465	NGUYEN THI BICH PHUONG	5	800
1466	DO THI THOM	4	600
1467	VU TRONG DAI	2	300
1468	TRAN XUAN TRUNG	2	300
1469	DANG THI VAN	4	600
1470	HA DUC CUONG	1	200
1471	PHAM MINH CHIEN	3	500
1472	HOANG HUNG THINH	1	200
1473	TRAN THI QUYNH THAO	3	500
1474	VU THI TUYET MAI	4	600
1475	NGUYEN HOANG HIEN GIANG	1	200
1476	NGUYEN THANH THAO	11	1,700
1477	LY VAN CUONG	1	200
1478	DO TUAN HUNG	2	300
1479	VU CHIEN THANG	1	200
1480	NGO THI BICH HANH	1	200
1481	TA THI THUONG	10	1,500
1482	NGUYEN CHI TRUNG	5	800
1483	TRAN VU HOANG	2	300
1484	NGUYEN THI THANH HIEU	1	200
1485	DAO VAN HUY	1	200

1486	NGO THE QUAN	1	200
1487	DIEN VIET TUAN	1	200
1488	TRAN THI PHUONG THAO	1	200
1489	HOANG THI MY DUYEN	1	200
1490	HOANG VAN HUNG	2	300
1491	NGUYEN THI ANH THU	1	200
1492	TRAN THI NHU QUE	1	200
1493	VU BA LE	3	500
1494	NGUYEN PHAM THUY VAN	4	600
1495	DOAN VAN ANH	1	200
1496	THAI HUONG LIEN	4	600
1497	NGUYEN NGOC DIEP	2	300
1498	TRUONG VAN DE	2	300
1499	PHUONG HAI NHAT HUYEN	1	200
1500	LE NHU QUYNH	3	500
1501	TRUONG CONG PHI	1	200
1502	NGUYEN THI QUYNH ANH	2	300
1503	NGUYEN HOANG ANH	13	2,000
1504	NGUYEN THI HUONG GIANG	2	300
1505	DUONG THAI SON	6	900
1506	DANG THI MY PHUNG	1	200
1507	PHAM VAN KHANH	3	500
1508	LE NGOC HAN	2	300
1509	VAN THI THANH HUYEN	1	200
1510	QUAN THI DUNG	3	500
1511	NGUYEN THI XUAN QUYNH	1	200
1512	NGUYEN THI MAI PHUONG	2	300
1513	DOAN THI THU TRANG	3	500
1514	LE PHUONG THANH	2	300
1515	DANG LE LAN TRINH	8	1,200
1516	NGUYEN THI HOAI DIEU	3	500
1517	TRAN VAN BA	3	500
1518	NGUYEN VAN NGUYET	2	300
1519	DUONG VY VAN	7	1,100
1520	BAN PHUC TINH	1	200
1521	LE THI THUY	1	200
1522	NGUYEN HUYNH DUC	1	200
1523	NGUYEN THI KIM LIEN	1	200
1524	PHAM THUY LINH	2	300
1525	DINH CONG NHAT HOANG	2	300
1526	LUONG VAN DIEU	2	300

1527	TRUONG TUAN KHOA	3	500
1528	LE MANH QUAN	3	500
1529	NGUYEN THUY LINH	2	300
1530	TA VAN HUNG	1	200
1531	TRAN MINH DIEM	2	300
1532	PHAM DINH QUY	3	500
1533	HA THI MINH THAO	1	200
1534	HUA THI SON	9	1,400
1535	HOANG TRIEU VY	2	300
1536	LE KHAC HAI	5	800
1537	DUONG PHUNG LINH	3	500
1538	THAI THUY DUONG	22	3,400
1539	DO TRUONG GIANG	1	200
1540	LE THI HOA	5	800
1541	PHAM VAN PHONG	12	1,800
1542	LY NGOC QUYEN	1	200
1543	NGUYEN NGOC BINH	7	1,100
1544	DUONG THI THU NGUYET	2	300
1545	LE NGUYEN THANH THUY	1	200
1546	NGUYEN HUU SON	1	200
1547	TRAN TRUNG HIEU	1	200
1548	NGO HOAI BAO	2	300
1549	DAM QUANG TUYEN	1	200
1550	PHAM XUAN BAO	1	200
1551	TRAN THI MINH HIEN	1	200
1552	TRAN TUAN LINH	1	200
1553	NGUYEN DINH QUOC TRONG	1	200
1554	HOANG ANH TUAN	1	200
1555	LE QUOC ANH	1	200
1556	VU THI THU THUY	2	300
1557	LE THI BICH THAO	1	200
1558	PHAN THI HUE	2	300
1559	HA THI THU TRANG	1	200
1560	TRAN BA HOAN	1	200
1561	NGUYEN THANH SON	1	200
1562	NGUYEN THI NHU Y	1	200
1563	LY THANH LONG	1	200
1564	NGUYEN THUY TRANG	2	300
1565	DOAN THI HONG NGOC	2	300
1566	TRAN THE NHAN	2	300
1567	HUYNH THI TUYET QUYEN	1	200

1568	PHAN MINH BINH	2	300
1569	TRAN QUOC TRUNG	1	200
1570	NGUYEN THANH SON	1	200
1571	TRAN KIM PHUNG	3	500
1572	PHAM QUANG THAI	8	1,200
1573	HA ANH QUY	1	200
1574	PHUNG BICH TUYEN	1	200
1575	HA VAN BAO	2	300
1576	CAO VIET CUONG	25	3,800
1577	NGUYEN THI HAO	2	300
1578	LE THI XUAN	2	300
1579	PHAM PHUNG NGOC VE	3	500
1580	TONG VAN TOAN	1	200
1581	TRINH THI BINH	1	200
1582	NGUYEN THI THUY VAN	1	200
1583	TRAN HOANG ANH	1	200
1584	NGUYEN THI BICH HOI	2	300
1585	NGUYEN THI TU LOAN	15	2,300
1586	NGUYEN HUU HOANG DUY	1	200
1587	DUONG THANH HAO	3	500
1588	CAO DANG TUONG	1	200
1589	TRAN VO MINH DAI	1	200
1590	NGUYEN THI ANH	2	300
1591	PHAM VAN THAO	1	200
1592	NGUYEN TRI BAO	1	200
1593	NGUYEN THI THAO	1	200
1594	LE THI HONG HANH	1	200
1595	LE TAN LINH	3	500
1596	HUA THI TRUC CHUYEN	3	500
1597	DUONG THU PHUONG	1	200
1598	MOC THI NGOAN	2	300
1599	MAC THI THUY	2	300
1600	PHAN THI HONG NHUNG	4	600
1601	BUI THI THINH	5	800
1602	DINH THI THU TRANG	2	300
1603	BUI LE HOANG PHUC	1	200
1604	NGUYEN VIET DUNG	4	600
1605	NGUYEN HAI QUAN	11	1,700
1606	DO TAN PHI HUNG	1	200
1607	NHAM VINH AN	4	600
1608	TRAN DUC QUYEN	4	600

1609	DINH KIM HAU	1	200
1610	VO MINH QUOC	4	600
1611	DANH NGOC TIEN	5	800
1612	LE HOANG LINH	1	200
1613	NGUYEN PHAN MINH TAM	1	200
1614	NGO VAN THAT	1	200
1615	NGUYEN THI QUYEN	2	300
1616	CAO CHI TRUNG	1	200
1617	PHAN HUY QUAN	1	200
1618	NGUYEN ANH TUAN	1	200
1619	NGUYEN HA VY	1	200
1620	NGUYEN THI QUYNH CHAU	1	200
1621	NGUYEN CHI DUNG	1	200
1622	NGUYEN THI NHUNG	324	49,800
1623	HUYNH THI GIAO UYEN	3	500
1624	NGUYEN THANH HAO	5	800
1625	NGUYEN HOANG LUAN	2	300
1626	LE QUANG NGHIA	3	500
1627	LAM THI LANH	2	300
1628	DO DINH TUAN	1	200
1629	NGUYEN THI MAI KHANH	3	500
1630	NGUYEN QUOC CUONG	1	200
1631	LONG THI THANH KHIET	1	200
1632	NGUYEN THUY LINH	1	200
1633	LE MAI THUY TRANG	1	200
1634	LUU THI HAI	3	500
1635	LE PHUONG THAO	1	200
1636	NGO VO PHUONG LAM	1	200
1637	CAO THI HUYEN	1	200
1638	NGUYEN SY MINH	1	200
1639	NGUYEN THI HONG VAN	1	200
1640	NGUYEN THI ANH TRANG	1	200
1641	DANG KIEU DIEM	1	200
1642	NGUYEN NGOC QUYNH	1	200
1643	DANG NGAN SOAI	1	200
1644	NGUYEN HOANG DUNG	3	500
1645	NGUYEN NGOC KIM NGAN	3	500
1646	PHAM TIEN TUAN	3	500
1647	LE THI THU HA	1	200
1648	DAO THI TRANG	11,327	1,740,500
1649	TRAN THI BICH THAO	1	200

1650	TRAN THU HA	2	300
1651	LE THI TRANG	1	200
1652	NGUYEN VUONG LINH	1	200
1653	NGUYEN THI HOA	13	2,000
1654	NGUYEN VAN LAM	1	200
1655	PHAM DUC MINH HIEU	1	200
1656	NGUYEN MINH HIEU	9	1,400
1657	HA NGOC ANH MINH	4	600
1658	HUYNH THUY NGA	4	600
1659	LAM TUNG EM	3	500
1660	DO LIEU TRA MY	3	500
1661	LE THI THANH NHAN	2	300
1662	NGUYEN MANH LAN	1	200
1663	TRAN DANG DUY	1	200
1664	NGUYEN TUAN MANH	1	200
1665	LE THI BAO TRAM	2	300
1666	NGUYEN THI PHUONG ANH	16,296	2,504,100
1667	LE THI TU LINH	1	200
1668	NGUYEN THI THANH QUYNH	1	200
1669	DO THANH HUYEN	1	200
1670	NGUYEN HUU PHUC	1	200
1671	NGUYEN THI HUONG	1	200
1672	NGUYEN DUC THINH	2	300
1673	PHAM LE TUYET NGAN	3	500
1674	NGUYEN VAN ANH HUY	3	500
1675	NGUYEN DAO MAI HUONG	2	300
1676	NGUYEN HUU LOC	1	200
1677	NGUYEN THI KIM NHI	9	1,400
1678	DINH MINH LOI	7	1,100
1679	DUONG THI THANH	21	3,200
1680	NGUYEN NGOC GIA BAO	1	200
1681	TRAN THI KIM HA	3	500
1682	HUA KIM VY	3	500
1683	PHAM THI MAI LOAN	4	600
1684	NGUYEN TAI TAM	1	200
1685	DANG THI HUYEN	2	300
1686	PHAM THAI TAI	1	200
1687	NGUYEN THI THU HUONG	1	200
1688	VU DINH THANG	1	200
1689	DIEP THU THUONG	1	200
1690	HOANG VAN THANG	2	300

1691	PHAM THI KHANH CHI	2	300
1692	NGUYEN QUY QUOC	1	200
1693	MAI THANH NAM	1	200
1694	NGUYEN THANH SANG	6	900
1695	DAO VIET DAT	1	200
1696	NGO VAN ANH	2	300
1697	NGUYEN THI TRUONG XUAN	1	200
1698	NGUYEN THI MAI THY	1	200
1699	TRAN NGUYEN BAO ANH	1	200
1700	ONG VAN LANG	1	200
1701	KIEU THI THANH TRA	1	200
1702	NGUYEN THI PHUONG TRANG	1	200
1703	HOANG TRUNG ANH	1	200
1704	TRAN TIEN DAT	4	600
1705	TRUONG HOANG VU	1	200
1706	HO VIET PHONG	1	200
1707	NGUYEN BAO TRAN	23	3,500
1708	HOANG THI NGA	3	500
1709	TRAN THI THANH THAO	1	200
1710	BUI VAN HAO	2	300
1711	LE THI THU HANG	2	300
1712	NGUYEN THAO VAN	1	200
1713	TRUONG THI HONG	2	300
1714	DANG VAN SON	4	600
1715	NGUYEN MINH KHUONG	3	500
1716	NGUYEN HOANG THIEN	1	200
1717	HOANG THI THU HA	1	200
1718	CAO ANH QUAN	2	300
1719	PHAM VAN DUONG	12	1,800
1720	PHAN VAN DUNG	8	1,200
1721	DANG TIEN DAT	2	300
1722	NGUYEN NGOC HA MY	1	200
1723	BUI THI THOM	1	200
1724	NGUYEN NHAT TAN	2	300
1725	BUI VAN TUAN	1	200
1726	HA XUAN SANG	1	200
1727	HA LY LY	1	200
1728	LE NGOC DUC	4	600
1729	HA QUOC VIET	1	200
1730	PHAM VAN XUAN	1	200
1731	LE QUANG HUY	3	500

1732	PHAN ANH CU	1	200
1733	NGUYEN THANH HAO	2	300
1734	TRAN THANH MY	1	200
1735	DOAN QUOC DAI	1	200
1736	BUI ANH TUAN	1	200
1737	TRAN VAN VUONG	3	500
1738	CAO VAN CUONG	4	600
1739	NGUYEN CHI NAM	1	200
1740	NGUYEN THUC HIEN	1	200
1741	TRAN THANH TU	1	200
1742	NGUYEN THI THU	1	200
1743	LE MINH DUNG	1	200
1744	BUI TUAN ANH	1	200
1745	DANG VAN PHI	1	200
1746	CHU VAN HIEU	5	800
1747	TRAN NGOC LAN	2	300
1748	HOANG VAN THI	2	300
1749	HOANG THU DINH	5	800
1750	LE VAN DONG TAM	1	200
1751	PHAM THANH LONG	3	500
1752	DINH MINH TRUC	1	200
1753	DO VAN TOAN	15	2,300
1754	PHAM THI NHUNG	4	600
1755	CHICH HA MUOI	3	500
1756	LE THI HUYNH NHU	1	200
1757	NGUYEN HUU DUC	3	500
1758	LE THI KIM NGOC	2	300
1759	HOA TIEN ANH	3	500
1760	PHAM VAN GIANG	5	800
1761	BUI KHANH LINH	4	600
1762	DANG THI THUY TRANG	2	300
1763	NGUYEN THI DIEM	1	200
1764	PHAN VUONG QUOC CUONG	2	300
1765	NGUYEN TRUNG TIEN	1	200
1766	VU VAN THANH	1	200
1767	TRINH QUY THANH	1	200
1768	HO HAI NAM	2	300
1769	NGUYEN PHI HUNG	2	300
1770	TRAN THI XUAN PHUONG	1	200
1771	LO THI PHONG	27	4,100
1772	VO THI KIM NGAN	1	200

1773	TRAN THI THOAN	3	500
1774	DANG TRUNG HIEU	1	200
1775	LE NGUYEN TUNG	1	200
1776	NGUYEN DUY ANH	1	200
1777	LE THI HONG LAN	1	200
1778	CHU THI HIEN	1	200
1779	DO THI NGOC ANH	1	200
1780	NGO THU DUNG	3	500
1781	DUONG THI THUY	1	200
1782	PHAN VAN THANH LUAN	1	200
1783	NGUYEN VAN HIEU	1	200
1784	NGUYEN THI NHAT MINH	2	300
1785	TRAN THI HONG	1	200
1786	NGUYEN VAN THANG	1	200
1787	DUONG THI THU THUY	1	200
1788	NGUYEN THI LAN HUONG	3	500
1789	NGUYEN DUY HOANG	1	200
1790	PHAN LE NGOC MINH QUAN	1	200
1791	NGO THUY LINH	2	300
1792	NGUYEN PHUONG THUY	1	200
1793	DO DUC NGUYEN	1	200
1794	TRAN THI THU HA	1	200
1795	LE THI KIM THUY	1	200
1796	HOANG THI TO LOAN	3	500
1797	NGUYEN HOANG MINH DUNG	2	300
1798	TRAN VAN TOAN	1	200
1799	NGUYEN THI LIEN	2	300
1800	NGUYEN THIEN AN	2	300
1801	DINH TIEN SON	2	300
1802	PHAM NGOC DOAN CHAU	1	200
1803	TRAN THI THU HUONG	1	200
1804	VU THI THU UYEN	2	300
1805	NGUYEN HUONG QUYNH	2	300
1806	NGUYEN HUONG TRANG	1	200
1807	LAM THI MY HUONG	1	200
1808	LE THANH LONG	1	200
1809	NGUYEN TAI CHUNG	1	200
1810	TRAN DUY DUNG	2	300
1811	NGUYEN NHAT LINH	1	200
1812	NGUYEN THANH NAM	3	500
1813	NGUYEN THI THUY	1	200

1814	NGUYEN PHAN DOAN THU	1	200
1815	LE VAN NGOC	1	200
1816	LUONG DINH DUNG	1	200
1817	VU HONG THAI	1	200
1818	LAI THI HOA MO	1	200
1819	VU HOANG ANH	5	800
1820	HUYNH MINH DUY	2	300
1821	DANG THI NGOC BICH	2	300
1822	PHAM THI KHANG	1	200
1823	NGHIEM VIET BACH	3	500
1824	DUONG THU PHUONG	1	200
1825	PHAM VAN TUAN ANH	2	300
1826	VU HOANG HIEP	1	200
1827	TRAN HOANG AN	1	200
1828	MAI THANH TUNG	5	800
1829	NGUYEN LE ANH	1	200
1830	TRAN VAN TIEN	2	300
1831	NGUYEN NHUT TIEN	1	200
1832	NGUYEN THI HIEN	3	500
1833	DAO HOANG MINH TRANG	1	200
1834	PHAM THANH HUONG	4	600
1835	NGUYEN THE PHI	3	500
1836	NGUYEN VAN QUAN	3	500
1837	LE DUC TRONG	1	200
1838	NGUYEN THI TU TRINH	1	200
1839	DO DUY THANG	1	200
1840	DANG HAI TRIEU	2	300
1841	MAI VAN THONG	6	900
1842	NGUYEN MY QUANG	1	200
1843	NGUYEN BA LAM	1	200
1844	VO PHAN NHAT MINH	2	300
1845	NGUYEN QUANG VU	1	200
1846	LE TRAN KHAI	1	200
1847	VO THI THANH PHUONG	1	200
1848	BUI MINH PHUONG	1	200
1849	LUONG NHAT ANH	1	200
1850	NGUYEN HUONG GIANG	1	200
1851	DANG QUANG NINH	1	200
1852	VU TRAN NAM MY	3	500
1853	NGO XUAN DINH	1	200
1854	LY BAO ANH TUAN	4	600

1855	NGUYEN THI LINH	1	200
1856	TRAN VAN HAY	2	300
1857	DINH HOANG HAI	23	3,500
1858	LE PHUONG THAO	1	200
1859	BANH THUY SAN	1	200
1860	NGUYEN THI THANH HOA	3	500
1861	LE NGOC MAI	2	300
1862	NGUYEN BA TUONG	2	300
1863	DUONG THI HONG THAM	1	200
1864	LE THI ANH THU	3	500
1865	VU THI HUONG	1	200
1866	CAO THI HANH	1	200
1867	BUI NGOC QUYEN	1	200
1868	TRUONG THI ANH	1	200
1869	DO THI SINH	1	200
1870	NGUYEN NGOC VU THAI HANG	1	200
1871	NGUYEN DUC ANH	2	300
1872	NGUYEN THI TRANG	1	200
1873	NGUYEN THI HONG NHUNG	7	1,100
1874	VO HONG MINH HUNG	1	200
1875	PHAN LAM NGUYEN	1	200
1876	VO DANG PHUONG	1	200
1877	DOAN THE HUNG	1	200
1878	NGUYEN THANH CONG	1	200
1879	DAO THI THU HIEN	2	300
1880	NGUYEN THI MAI HUONG	3	500
1881	LE DUC HUNG	1	200
1882	HOANG LUONG MANH CUONG	1	200
1883	PHAM THI ANH HUYEN	1	200
1884	NGUYEN THANH NHAN	1	200
1885	TRAN HUU PHUONG	1	200
1886	LU THI DUNG	1	200
1887	NGUYEN THI THUY	1	200
1888	MAI DUY HOA	1	200
1889	HA VIET THANH	2	300
1890	NGUYEN THI HIEN	2	300
1891	LE VAN LOI	1	200
1892	NGUYEN NGOC HAN	3	500
1893	PHAM NGOC HUNG	1	200
1894	NGUYEN VAN NHAT	1	200

1895	NONG VAN DUC	162	24,900
1896	PHAM NGOC TAN	4	600
1897	NGUYEN VAN BINH	1	200
1898	NGUYEN VAN DUNG	2	300
1899	NGUYEN PHUONG THAO	1	200
1900	VU THI TRANG	2	300
1901	DO DUC DO	1	200
1902	LE THI HONG TRANG	8	1,200
1903	HOANG THU PHUONG	1	200
1904	DO THI PHUONG HA	2	300
1905	PHAM BA MANH	3	500
1906	NGUYEN THI KIM ANH	3	500
1907	NGUYEN THI YEN PHI	1	200
1908	TRINH DUC DAI	203	31,200
1909	LE NGOC NAM	1	200
1910	LE THI HONG	1	200
1911	NGUYEN THI HA PHUONG	2	300
1912	NGUYEN CAO DUNG	10	1,500
1913	NGUYEN VAN CHIEN	1	200
1914	LE THI VAN ANH	1	200
1915	BUI THI THAO	1	200
1916	LE CHAU THANH	7	1,100
1917	NGUYEN VAN GIANG	15	2,300
1918	NGUYEN HOAI NAM	1	200
1919	NGUYEN HO NGOC THU	1	200
1920	DOAN THI KIM NGAN	1	200
1921	NGUYEN QUANG HUNG	1	200
1922	NGUYEN TRUONG NHU QUYNH	1	200
1923	VU THI HUONG	2	300
1924	PHAM NHU HIEU	1	200
1925	TRAN THANH TRUNG	1	200
1926	NGUYEN HONG MON	2	300
1927	TRAN XUAN DAT	1	200
1928	PHAN VAN HAI	5	800
1929	VO PHUOC HAU	1	200
1930	NGUYEN HUU DOAN	2	300
1931	NGUYEN THI THU HIEN	1	200
1932	DANG THI THU HUONG	4	600
1933	CHU KIM LIEN	2	300
1934	BUI NGOC HAN	3	500
1935	TRAN THI NGOC	1	200

1936	CHU MANH QUANG	1	200
1937	NGUYEN THI YEN	1	200
1938	TO GIA HUY	1	200
1939	TRAN THI HIEU	1	200
1940	NGUYEN NGOC NGAN	3	500
1941	DANG ANH QUOC	2	300
1942	VU THI PHUONG THAO	2	300
1943	LE NHAT LINH	1	200
1944	HO HUU AN	1	200
1945	NGUYEN THI HUYEN TRANG	6	900
1946	NGUYEN THI NGAN	29	4,500
1947	NGUYEN CHI TAM	1	200
1948	DOAN THI THU	11	1,700
1949	DIEP VAN DU	2	300
1950	PHAM THI THANH	1	200
1951	NGUYEN VAN HAI	4	600
1952	TRAN HA THANH	3	500
1953	NGUYEN THI KIM THOA	1	200
1954	PHAM THI KIM CHIEN	2	300
1955	LE THI HAI YEN	2	300
1956	VU HOAI LE	1	200
1957	NGUYEN THI TOT	1	200
1958	NGUYEN BA TUAN	1	200
1959	LE HUYNH DUC	2	300
1960	NGUYEN THI LY	6	900
1961	TRAN THI HONG QUYEN	1	200
1962	DAO THI HUONG	3	500
1963	PHAM THI THU HANG	1	200
1964	PHAM THI PHUONG	3	500
1965	NGUYEN THE MANH	1	200
1966	NGUYEN DUY THANH	1	200
1967	KHUAT NGOC LINH	2	300
1968	DO QUANG TRUONG	1	200
1969	CHAO U MAY	1	200
1970	NGUYEN TRUNG TRUC	3	500
1971	NGUYEN TRA MY	1	200
1972	DUONG MINH KHUONG	2	300
1973	DINH TIEN DUNG	1	200
1974	NGUYEN HUU TAI	1	200
1975	VO THI LANH	2	300
1976	NGUYEN KHAC THANH	1	200

1977	VU DUC PHU	2	300
1978	BUI THI BICH THUY	1	200
1979	HOANG THI NGOC	3	500
1980	NGUYEN THANH DUY	1	200
1981	NGUYEN THI BICH NGOC	1	200
1982	PHAM MINH NHAT	2	300
1983	PHAM TON QUYNH	1	200
1984	NGUYEN TRUONG PHUC	2	300
1985	LE VAN TUAN	1	200
1986	NGUYEN THI HONG THU	2	300
1987	TRAN THI KIM VUONG	2	300
1988	TA THU HOAI	2	300
1989	DANG THI THU HA	2	300
1990	BUI THI THU HOAI	1	200
1991	NGUYEN HOAI TRUNG	2	300
1992	DOAN XUAN QUANG	1	200
1993	HOANG VAN THANH	1	200
1994	NGUYEN THI LAN ANH	2	300
1995	NGUYEN HONG THAI	1	200
1996	NGUYEN KHAC HIEU	4	600
1997	NGUYEN THI PHUONG THAO	1	200
1998	LE HUU TIEP	1	200
1999	TRAN THI SINH	1	200
2000	NGUYEN VAN NAM	2	300
2001	TRAN NGOC HUY	2	300
2002	PHAM XUAN DAI	2	300
2003	TRAN THI HUONG	1	200
2004	KHUC MY LINH	2	300
2005	NGUYEN MINH TRI	3	500
2006	TRAN KHANH QUYNH	2	300
2007	NGUYEN THUY LINH	1	200
2008	DANG QUOC HUY	1	200
2009	NGUYEN THI NGAN HA	1	200
2010	NGUYEN VAN DUONG	1	200
2011	NGUYEN THI NGOC LE	1	200
2012	PHAM TUYET CHINH	3,538	543,700
2013	PHAM THI HUE	3	500
2014	TRUONG THI HONG NGUYET	3	500
2015	NGO THI HONG	1	200
2016	NGUYEN THI VAN	2	300
2017	NGUYEN VAN CUONG	3	500

2018	HOANG MANH CUONG	3	500
2019	PHAM TRAN NGOC LINH	1	200
2020	PHAN THI QUYNH NGA	9	1,400
2021	BUI HUU THINH	1	200
2022	LE ANH DUNG	2	300
2023	DANG DINH PHUC	1	200
2024	NGO TRONG HIEN	3	500
2025	TRAN THI THUY TIEN	1	200
2026	TRUONG THAI DUONG	2	300
2027	NGUYEN THI THUY	2	300
2028	TRUONG VAN MUNG	4	600
2029	TRINH THI KIM LIEN	5	800
2030	NGUYEN THI HANH	1	200
2031	QUACH THUY LINH	1	200
2032	PHAN TUAN THANH	4	600
2033	TRINH HONG NHUNG	2	300
2034	NGUYEN THI PHUONG THAO	6	900
2035	HUYNH VAN CONG	1	200
2036	NGUYEN HOANG NAM	2	300
2037	NGUYEN THI HOP	1	200
2038	PHAM VAN VU LUAN	4	600
2039	TRAN HONG QUAN	2	300
2040	NGUYEN THI KIM THU	1	200
2041	TRAN PHUC DUC	1	200
2042	PHAM DUY CUONG	4	600
2043	CHAU THI NGOC TRAM	3	500
2044	PHAM THANH THANH	1	200
2045	LAI DUC TRUNG	1	200
2046	HOANG TRUONG HAI SON	3	500
2047	LE NAM	3	500
2048	TRAN KIM THUY ANH	1	200
2049	PHAM TIEN DINH	3	500
2050	NGUYEN CUONG CHIEU	1	200
2051	NGUYEN VAN TUNG	2	300
2052	PHAM THI TRANG	6	900
2053	NGO THI HUE	2	300
2054	DINH KIM TUYEN	2	300
2055	NGUYEN THI MINH HUE	2	300
2056	PHAN NGUYEN NGOC HIEN	1	200
2057	NGUYEN QUYNH TRANG	2	300
2058	CHU DUC LOI	1	200

2059	PHAN THI KHANH LY	1	200
2060	CHU THI QUYNH HUONG	2	300
2061	PHAM THI HUYNH MAI	6	900
2062	NGUYEN THI MY DUNG	1	200
2063	NGUYEN THI THU HONG(VP)	4	600
2064	DINH THI NGAN TAM	3	500
2065	DANG MINH TRI	3	500
2066	BE TRUONG THANH	1	200
2067	NGO THI TAM	1	200
2068	DO XUAN TIEN	19	2,900
2069	PHAM THI HIEN	1	200
2070	LE THI BE NGOC	1	200
2071	DOAN QUOC TRUONG	1	200
2072	NGUYEN THI THANH TRA	7	1,100
2073	DO MANH DAT	2	300
2074	NGUYEN CAO KY	3	500
2075	LE THI KIM THUY	1	200
2076	DINH THI HONG TUOI	2	300
2077	NGUYEN THANH TUAN	1	200
2078	NGUYEN THI THUY TRANG	1	200
2079	HUYNH VAN TIEN DUNG	2	300
2080	DOAN PHUC MINH	1	200
2081	NGUYEN QUYET CHI	2	300
2082	DUONG THI THANH THUY	1	200
2083	NGUYEN DUC TIEN	1	200
2084	NGUYEN VAN HAI	2	300
2085	NGUYEN THI HUYEN	1	200
2086	VU THI HUONG THO	2	300
2087	BUI HUY HOANG	1	200
2088	VO TRUNG QUANG	3	500
2089	TRUONG THI MY LINH	1	200
2090	HUYNH QUANG NHAT	2	300
2091	BUI DINH KHU	2	300
2092	LUONG VAN PHONG	3	500
2093	PHAM VO DINH HOAN	1	200
2094	HOANG VIET THANG	11	1,700
2095	TRINH MINH VAN	5	800
2096	DUONG THI TUYET	6	900
2097	LE NGOC TAN	7	1,100
2098	NGUYEN THU ANH	1	200
2099	NGUYEN TUAN ANH	1	200

2100	TRUONG NGOC ANH	2	300
2101	VY VAN DOAN	2	300
2102	TRAN THI KIM NGA	1	200
2103	NGUYEN XUAN HOA	2	300
2104	NGUYEN LY TRA GIANG	3	500
2105	NGUYEN DUC KIEN	2	300
2106	TRAN THI THU HA	6	900
2107	TRAN CHI KIEN	1	200
2108	LY QUYNH NA	1	200
2109	HOANG THI HUE	1	200
2110	CAO SON BAO	1	200
2111	NGUYEN THI THU HUONG	1	200
2112	PHAM NHU HUY	1	200
2113	TRAN TRONG SANG	1	200
2114	PHAM VAN TINH	1	200
2115	NGUYEN HOANG ANH	1	200
2116	HOANG THI HUONG	1	200
2117	HA VAN CHIN	3	500
2118	NGUYEN MINH TRI	2	300
2119	NGUYEN THI THUY OANH	1	200
2120	TRAN THI THANH NHAN	1	200
2121	LE THI NGOC TRINH	2	300
2122	DAO CONG KHANH	1	200
2123	LE XUAN TRUONG	1	200
2124	NGUYEN HUU KHANH	1	200
2125	LUU THI THUY LINH	3	500
2126	NGUYEN NGOC THU	4	600
2127	VU THI MAI HIEN	1	200
2128	NGUYEN NGOC HUONG QUYNH	3	500
2129	DUONG KHANH TOAN	1	200
2130	NGUYEN KHANH LINH	1	200
2131	PHAM NGUYEN BAO HUYEN	1	200
2132	PHAN NGOC ANH	2	300
2133	LY KIM PHAT	2	300
2134	NGUYEN QUANG MINH	3	500
2135	NGUYEN THI THUY	5	800
2136	PHAM VAN HIEN	1	200
2137	HUYNH DUC	3	500
2138	DAO THANH TUNG	11	1,700
2139	NGUYEN THI MINH PHUONG	1	200
2140	NGUYEN THI MAI HOA	2	300

2141	NGUYEN XUAN NGHIEM	3	500
2142	NGUYEN THI MAI NUONG	2	300
2143	NGUYEN THI XUAN HUE	1	200
2144	PHAM TIEN TAI	1	200
2145	LY ANH THU	1	200
2146	CHU HUNG HAI	2	300
2147	KHUAT HONG HAI	2	300
2148	PHAN NHAT ANH	1	200
2149	HOANG VAN DAI	1	200
2150	DOAN THI THUY TRANG	3	500
2151	TRAN THI THAO TRANG	1	200
2152	NGUYEN QUOC MINH	1	200
2153	NGO MINH CHAU	1	200
2154	TRAN THI THUY TIEN	1	200
2155	NGUYEN CAO TRI	1	200
2156	LE NHAT QUANG	2	300
2157	NGUYEN VIET KHUONG	3	500
2158	TRAN QUANG HUY	1	200
2159	CONG THI TRA MI	1	200
2160	DUONG THI THU HOAI	1	200
2161	PHAM THI THU	1	200
2162	TRUONG BAO NGOC	1	200
2163	LE HOANG TY	1	200
2164	PHAM THI LUYEN	1	200
2165	UONG NGOC TAM	3	500
2166	BUI THI BIEN PHONG	4	600
2167	NGUYEN THI HUE	4	600
2168	HOANG THI THU UYEN	1	200
2169	NGUYEN VAN OANH	3	500
2170	TRAN THI THU HANG	1	200
2171	NGUYEN TRA MY	1	200
2172	NGUYEN THI LIEN KHA	1	200
2173	DUONG THI THUY TIEN	1	200
2174	HUYNH BA PHUOC DUY	1	200
2175	LE NHAT TRUONG	2	300
2176	VU QUANG	1	200
2177	PHAM HOANG NHUNG	3	500
2178	DO THI NGOAN	1	200
2179	HOANG XUAN NGOC	1	200
2180	VO TAN MINH	2	300
2181	HUYNH THU PHUONG	1	200

2182	TRAN THI HUONG TRANG	1	200
2183	VU VAN KHIEM	1	200
2184	DUONG MANH LINH	4	600
2185	PHAM THANH PHUC	1	200
2186	NGUYEN NGOC LAM	1	200
2187	NGUYEN THI VAN ANH	1	200
2188	NGUYEN THI PHUONG LINH	5	800
2189	LE VIET HUNG	1	200
2190	TRAN MINH YEN	1	200
2191	DINH QUANG TRUNG	2	300
2192	PHAM GIA TUNG	1	200
2193	MAI DINH MANH	1	200
2194	NGO QUOC VIET	1	200
2195	NGUYEN TUNG SON	2	300
2196	DAO XUAN SON	3	500
2197	NGUYEN VAN THANH	18	2,800
2198	NGUYEN CHI BINH	20	3,100
2199	NGUYEN THI HONG	1	200
2200	NGO HUYNH ANH KIET	2	300
2201	VU DINH BIEN	1	200
2202	NGUYEN PHUOC VIET	2	300
2203	LE DUC CHUNG	1	200
2204	NGUYEN THI THUY NINH	1	200
2205	NGUYEN THI THUY TRANG	2	300
2206	PHAN ANH TUAN	6	900
2207	NGUYEN VAN HAU	1	200
2208	BUI BA TIEN	1	200
2209	PHAM NGOC NAM	1	200
2210	BUI THI THUY DUONG	2	300
2211	NGUYEN HOAI PHUONG	2	300
2212	LE THI GIANG	1	200
2213	NGUYEN TIEN KHUONG	3	500
2214	LAM UT NHO	2	300
2215	LY KIM THUY	1	200
2216	THAI THUC MINH TRIET	1	200
2217	PHAN NGOC HUYEN	1	200
2218	PHAM NGOC TRAM	1	200
2219	NGUYEN QUOC VIET	14	2,200
2220	NGUYEN NGOC DIEM VY	1	200
2221	VO TIEN DUNG	1	200
2222	VU HONG NHUNG	2	300

2223	PHAM HUY THONG	1	200
2224	NGUYEN TIEN SON	1	200
2225	VU THI HAI YEN	1	200
2226	PHAM VAN THI	2	300
2227	PHAM QUANG NGOC	1	200
2228	LUONG NGUYEN THANH PHONG	1	200
2229	NGO BAO TRAM	1	200
2230	DAO PHUONG VU	1	200
2231	BUI VAN SON	1	200
2232	MAI THANH TAM	1	200
2233	VU THI CHINH	1	200
2234	DOAN DUY BINH	3	500
2235	LE MINH TUNG	1	200
2236	NGUYEN THI KIM HUE	2	300
2237	NGUYEN THANH LIEM	4	600
2238	KIEU MY	6	900
2239	NGUYEN CHI THANH	44	6,800
2240	NGUYEN PHUOC QUI AN	2	300
2241	DIEP DIEU HUYEN	1	200
2242	NGUYEN VIET HUNG	1	200
2243	DAO THU VAN	4	600
2244	NGO QUANG SOT	4	600
2245	NGUYEN HUY TOAN	1	200
2246	HO THI KIM HUYEN	1	200
2247	DO THU HUONG	2	300
2248	NGUYEN DUC HANH	1	200
2249	CHU TON MINH THONG	1	200
2250	TRAN THUY HUONG	5	800
2251	NGUYEN THI VAN ANH	2	300
2252	PHAN HUNG	1	200
2253	LE BAO NGOC	1	200
2254	LE KIM PHUONG	1	200
2255	LE DANG TU	1	200
2256	NGUYEN DUC THANG	1	200
2257	VU ANH DUNG	3	500
2258	DO HUY LIEM	1	200
2259	NGUYEN THU HA	2	300
2260	PHAM VAN HUNG	2	300
2261	LE DINH DOAN	1	200
2262	VO VAN CONG	1	200
2263	BUI XUAN HUNG	1	200

2264	LE THI NGOC THEM	1	200
2265	NGUYEN HONG PHUONG THANH	2	300
2266	NGUYEN MINH HOANG	1	200
2267	LE HOANG	1	200
2268	PHAN TRONG DUC	1	200
2269	VO MINH THIEN	1	200
2270	NGUYEN THI HAU	1	200
2271	PHAM VAN HUNG	1	200
2272	PHAM NGOC QUYEN	1	200
2273	NGUYEN CONG DAT	2	300
2274	DINH LAN CHI	1	200
2275	NGUYEN THI HOA	4	600
2276	NGUYEN THANH TU	1	200
2277	DO THI THUY DUONG	1	200
2278	PHAM HAI PHONG	1	200
2279	PHAN HONG THANH	2	300
2280	NGUYEN THE ANH	3	500
2281	HOANG THI THANH TAM	1	200
2282	VU THI MEN	2	300
2283	HOANG THI THUONG	1	200
2284	NGUYEN NGOC HIEU	3	500
2285	LE VAN QUANG	2	300
2286	DO MINH DUC	10	1,500
2287	BUI THANH LAM	2	300
2288	DOAN THI PHUONG ANH	1	200
2289	TRINH THI THU TRA	1	200
2290	NGUYEN LE ANH THY	1	200
2291	TRINH VAN VU	2	300
2292	TRAN TUAN ANH	1	200
2293	TRINH THI MINH HUYEN	2	300
2294	TU HONG HANH	2	300
2295	NGUYEN VAN THINH	1	200
2296	LAM KIM LOAN	1	200
2297	DOAN MAI CHI	2	300
2298	NGUYEN THI HAO	1	200
2299	TA THU THAO	1	200
2300	BUI KHANH HUYEN	3	500
2301	PHAM VAN HIEU	2	300
2302	TO LAN PHUONG	1	200
2303	TRAN NGUYEN PHUONG HANG	1	200

2304	NGUYEN THU HUYEN	1	200
2305	PHUNG THI HA	3	500
2306	DAO THU THUY	2	300
2307	HOANG MANH LINH	1	200
2308	NGUYEN THI MAI ANH	9	1,400
2309	DINH DUC HOAN	1	200
2310	DANG NHAT TAN	1	200
2311	NGUYEN THI NGOC HIEU	1	200
2312	TA THI HUYEN	1	200
2313	LU THI YEN	4	600
2314	NGUYEN TIEN DUNG	12	1,800
2315	NGUYEN THI VIET ANH	1	200
2316	NGUYEN THI DIEU LINH	1	200
2317	TRAN QUOC PHAI	2	300
2318	DUONG THI TO LOAN	7	1,100
2319	NGO THI MAI LAN	1	200
2320	KHUONG THI THUY TRANG	1	200
2321	HO THI NGOC DIEP	4	600
2322	LE THI THANH XUAN	1	200
2323	DANG VAN PHUC	1	200
2324	NGUYEN VAN NHAN	10	1,500
2325	TRUONG THI ANH THU	3	500
2326	NGUYEN CHI LINH	4	600
2327	NGUYEN THI LIEU	8	1,200
2328	TRAN HIEU TRUNG	1	200
2329	TRAN THI VAN	3	500
2330	LE THU TRA	1	200
2331	NGUYEN THI THU HA	1	200
2332	PHAM THI PHU	1	200
2333	NGUYEN THI THAO	1	200
2334	NGUYEN DINH DUONG	2	300
2335	DO THI HIEN	1	200
2336	CHU THI HUYEN TRANG	1	200
2337	NGUYEN THI HAI AN	1	200
2338	NGUYEN DANG KHUONG	4	600
2339	LE TAI DUY	1	200
2340	DANG THI HOI	1	200
2341	TRAN DUC HAI	1	200
2342	VU THI THU THUY	5	800
2343	VU TRUNG KIEN	2	300
2344	NGUYEN THI NHUNG	1	200

2345	NGUYEN THU PHUONG	1	200
2346	TRAN QUANG LINH	1	200
2347	NGUYEN DUY BA	1	200
2348	VU HUY HOAI	1	200
2349	PHAM VAN HOANG	2	300
2350	NGUYEN VAN PHU	2	300
2351	NGO ANH TU	1	200
2352	LY TRUNG HIEU	1	200
2353	LE MINH TRI	1	200
2354	NGHIEM DINH DAN	1	200
2355	LE THU HONG	1	200
2356	VU THANH HAI	2	300
2357	PHAM HOANG LONG	1	200
2358	NGUYEN THI MAI HUONG	1	200
2359	NGUYEN THI MAI HOA	2	300
2360	LUONG KIM NGUYEN	1	200
2361	LY AI VAN	1	200
2362	DINH THI NGOC ANH	1	200
2363	LE THI HAI LAM	1	200
2364	NGUYEN THI HUONG LY	1	200
2365	NGUYEN DUY THIEU	2	300
2366	Y DUYEN	1	200
2367	NGUYEN BAO HONG	4	600
2368	NGUYEN QUANG MINH	6	900
2369	BUI THI THU HUONG	1	200
2370	HOA THI QUYNH HOA	3	500
2371	NGUYEN THANH HIEU	1	200
2372	TRAN HOANG NGOC ANH	1	200
2373	NGUYEN NGOC THANH TRUC	1	200
2374	TRAN XUAN QUANG	1	200
2375	VUONG TA TRUONG	1	200
2376	LE THANH NHAN	2	300
2377	CAO THI THUY	1	200
2378	HOANG TRUNG DUC	1	200
2379	DOAN THI HONG	1	200
2380	LE THI NHUNG	1	200
2381	TRAN THAO LY	3	500
2382	NGUYEN DINH CHIEN	1	200
2383	VU THI TU QUYEN	1	200
2384	LE THI MAI HIEN	1	200
2385	PHAM HOANG HAI	2	300

2386	NGUYEN THANH DANH	1	200
2387	DUONG THUY TRANG	2	300
2388	NGUYEN THI HOAI NHAN	1	200
2389	KIEU QUYNH HOA	1	200
2390	PHAM THUY HANG	1	200
2391	HO THANH TOAN	1	200
2392	TRAN THI THU DUYEN	4	600
2393	DO TUAN ANH	1	200
2394	NGUYEN QUOC ANH	1	200
2395	NGUYEN NGOC ANH	1	200
2396	NGUYEN THI TIEN	1	200
2397	TRAN VAN PHUONG	1	200
2398	VU TU LINH	1	200
2399	TRAN THANH BINH	3	500
2400	LE XUAN TRUONG	1	200
2401	LE VIET HUNG	8	1,200
2402	TRAN HOANG MINH	4	600
2403	TRAN VU XUAN VI	1	200
2404	HO VAN TU	1	200
2405	PHAM THANH TUONG	3	500
2406	PHAM THI TU ANH	1	200
2407	VU THI THU HIEN	1	200
2408	TRAN THE ANH	2	300
2409	NGUYEN THI MY LE	1	200
2410	NGUYEN THI THUY AN	1	200
2411	LE VAN LINH	7	1,100
2412	BUI MINH CUONG	2	300
2413	DO VAN HIEN	3	500
2414	TRAN TRUNG HIEU	1	200
2415	DOAN MAI ANH	1	200
2416	LE MINH QUANG	1	200
2417	LE NGOC TRUONG SANG	3	500
2418	NGUYEN TAI CAM LY	1	200
2419	NGUYEN DUC CHUYEN	4	600
2420	PHAM DANG TRI	2	300
2421	NGUYEN PHUONG THAO	1	200
2422	NGUYEN TRUONG MINH	3	500
2423	PHAN THI TUYET MAI	2	300
2424	DANG VAN ANH	1	200
2425	HUYNH VU HOAN CHAU	1	200
2426	HOANG LE DUY	1	200

2427	VU DAI HIEP	1	200
2428	TRUONG THI NGOC LUYEN	1	200
2429	NGUYEN VAN HUNG	1	200
2430	NGUYEN MANH HIEN	1	200
2431	LE VAN THIEN	1	200
2432	LE TRUNG DUNG	1	200
2433	TRAN THI MY NGOC	2	300
2434	NGUYEN QUANG HA	1	200
2435	PHAM THI VAN ANH	1	200
2436	PHAM HUU NAM	1	200
2437	NGUYEN THANH TINH	1	200
2438	NGUYEN TRUNG HIEU	1	200
2439	PHUNG TIEN MANH	3	500
2440	DO QUANG DAT	1	200
2441	HOANG MINH PHU	4	600
2442	TRAN THI TUYET	1	200
2443	PHAM PHUONG NAM	1	200
2444	DAO VAN HUNG	1	200
2445	NGUYEN HUY HIEU	6	900
2446	CAO DANG KHOI	1	200
2447	NGUYEN THI CAM NHUNG	2	300
2448	DAO NGOC DIEU	1	200
2449	LY TUNG CUONG	1	200
2450	NGUYEN THI HONG LOAN	1	200
2451	LUONG MINH LIEM PHA	1	200
2452	NGUYEN THANH TRUNG	3	500
2453	PHAM THI HOA	1	200
2454	VU DUY ANH	1	200
2455	TRAN TRUONG GIANG	1	200
2456	DUONG VAN VINH	2	300
2457	TRAN THI HUYNH GIAO	1	200
2458	LE HIEN	1	200
2459	TRAN DUC HUY	1	200
2460	NGUYEN VAN TINH	5	800
2461	TRAN THI THAO LY	3	500
2462	CHU QUANG LAM	2	300
2463	HOANG MINH NGHIA	1	200
2464	LE DANG TRINH	2	300
2465	NGUYEN VAN DUONG	1	200
2466	NGUYEN THUY DIEM UYEN	2	300
2467	TRAN HONG HANH	2	300

2468	NGUYEN THI MINH PHUONG	1	200
2469	BUI DUY ANH	1	200
2470	NGUYEN THI THANH THUY	1	200
2471	TRINH NGUYET HANG	2	300
2472	CHAU SENL	1	200
2473	HOANG THI KHANH LINH	1	200
2474	NGUYEN HUY HOANG	1	200
2475	NGUYEN VAN TUONG	1	200
2476	DONG VU TRUONG	1	200
2477	HUYNH CONG MINH	2	300
2478	DAO MY THAO	2	300
2479	NGUYEN THI HOA	1	200
2480	NGUYEN KHANH TUAN	2	300
2481	LE MINH TAN	1	200
2482	DUONG THANH SINH	2	300
2483	TRAN THE DUC	1	200
2484	LE THI QUYNH	3	500
2485	TRAN HOP DUNG	1	200
2486	VO THI LY	4	600
2487	DAO NGOC LOI	2	300
2488	LUU NGOC THAO	2	300
2489	DUONG VAN BAC	1	200
2490	VU THI HANG	2	300
2491	TRAN THI KIM NGA	1	200
2492	LE NGUYEN NGUYET HANG	1	200
2493	NGUYEN VAN DUC	1	200
2494	VU TRONG NGO	1	200
2495	VU THANH TUNG	2	300
2496	NGUYEN THANH LUAN	1	200
2497	HOANG THI HA	3	500
2498	NGUYEN VUONG KIEM UY	9	1,400
2499	HUYNH THI HANG	2	300
2500	TRIEU THI BICH LE	1	200
2501	HOANG MINH PHUNG	1	200
2502	BAN THI LOAN	1	200
2503	NGUYEN THI KIEU ANH	2	300
2504	VO THI NGOC SU	1	200
2505	LE ANH DUY	2	300
2506	TRAN THANH LOAN	5	800
2507	TRAN NGUYEN THAO VY	2	300
2508	BUI THI TUYET MAI	5	800

2509	VU XUAN HUNG	6	900
2510	PHAN DIEM HANG	2	300
2511	PHAM THI THANH THUY	1	200
2512	LIEU ANH TU	7	1,100
2513	PHAM HONG CHIEN	1	200
2514	NGUYEN THI THU	2	300
2515	LE THI THANH THUY	1	200
2516	PHAM THUY TRANG	4	600
2517	NGUYEN THI KIM THAN	5	800
2518	NGUYEN THANH TUYEN	1	200
2519	NGUYEN THI MINH YEN	2	300
2520	NGUYEN VAN HUNG	1	200
2521	VAN THI THU	6	900
2522	LE THI KIEU OANH	7	1,100
2523	VU THI THUY	2	300
2524	NGUYEN NAM ANH	1	200
2525	TRAN MINH TRI	3	500
2526	NUR NISA ZAKRIYA	3	500
2527	NGUYEN DINH KIEN	1	200
2528	HO THI THU THUY	1	200
2529	NGUYEN TUAN KIET	1	200
2530	NGO TUAN ANH	1	200
2531	TRAN THI THUY HANH	1	200
2532	CAO DANG THUONG	1	200
2533	TAO VIET TAM	2	300
2534	KHUU THI HUYNH NHU	2	300
2535	DOAN THI DIEM MY	1	200
2536	TRAN THI LAN PHUONG	1	200
2537	HUA VINH HOA	3	500
2538	HOANG NGOC THANG	1	200
2539	LE NGOC TRIEU CHINH	1	200
2540	HO VAN NAM	1	200
2541	CAO NGUYEN THUY VAN	5	800
2542	NGUYEN THI MAI PHUONG	1	200
2543	TA THUY HANG	1	200
2544	NGUYEN THI THANH THUY	8	1,200
2545	LE MINH TIEN	2	300
2546	TRAN TUAN ANH	1	200
2547	LE VAN DONG	1	200
2548	DUONG VAN DUC	1	200
2549	NGUYEN TRI QUOC KHANH	1	200

2550	LE QUANG VINH	1	200
2551	PHAM MINH HIEU	1	200
2552	NGUYEN VAN VINH	2	300
2553	DOAN THI HOANG ANH	1	200
2554	DO THI HONG NHI	2	300
2555	NGUYEN DIEU LINH	2	300
2556	HOANG THI DUNG	1	200
2557	BUI VAN TRUONG	1	200
2558	NGUYEN MINH THANH NHA	1	200
2559	NGUYEN THI LE CHI	1	200
2560	NGUYEN TAI MANH	2	300
2561	BUI BICH HA	8	1,200
2562	NGUYEN LUU NGOC SON	1	200
2563	DO PHUONG ANH	1	200
2564	NGUYEN NGOC TUAN	1	200
2565	VU THI HA VAN	1	200
2566	NGO TRAN HUNG	2	300
2567	NGUYEN THANH TUNG	2	300
2568	PHAM MINH TRUONG	3	500
2569	HOANG NGOC HAI	1	200
2570	LUONG BAO NGOC	2	300
2571	NGUYEN THI NHUNG	1	200
2572	TRAN NGUYEN VIET LUAN	1	200
2573	PHAM TUAN ANH	1	200
2574	NGUYEN THI PHUONG LIEN	1	200
2575	NGUYEN THI NGOC HUYEN	1	200
2576	TRINH THANH SON	1	200
2577	LEM VAN BINH	1	200
2578	NGUYEN NGOC TUNG	2	300
2579	DOAN THI TUYET TRINH	1	200
2580	NGUYEN THI MY HANH	2	300
2581	TRAN VAN THOI	1	200
2582	TON NU MAI CHI	7	1,100
2583	NGUYEN PHAM HUYNH NHU	3	500
2584	LUONG VAN TUOI	4	600
2585	CAO HUYNH KHANH VAN	1	200
2586	PHAN THI NGOC DUNG	2	300
2587	PHAM THI HANG	3	500
2588	LE THI PHUONG	1	200
2589	TRAN THI NGOC HA	1	200
2590	DANH THANH PHAT	3	500

2591	NGUYEN THI PHUONG	2	300
2592	NGUYEN TAN CUONG	3	500
2593	HOANG THI THICH	1	200
2594	TRUONG THI PHUONG THUY	1	200
2595	LE QUYNH HOA	2	300
2596	LE HOANG AN	1	200
2597	VO THI MONG DAO	1	200
2598	NGUYEN VAN DUC	5	800
2599	BUI THI HONG HOA	2	300
2600	PHUNG THI HUYEN TRANG	1	200
2601	TRUONG THI KIEU OANH	10	1,500
2602	VO QUOC CUONG	1,874	288,000
2603	CAO VAN THIN	1	200
2604	NGUYEN THANH NHAT	1	200
2605	LUU THI VIET HOA	5,850	898,900
2606	BUI THI LAN HUONG	2	300
2607	PHAM THI TUYET NGAN	2	300
2608	NGUYEN THU HA	1	200
2609	NGUYEN HUY HOANG	2	300
2610	NGUYEN MINH NHAT	1	200
2611	DINH THI THI	1	200
2612	VI VAN THUONG	1	200
2613	NGUYEN DUC HIEP	1	200
2614	NGUYEN THI TUYET NHUNG	2	300
2615	NGUYEN THI KIEU ANH	1	200
2616	VO VAN THANG	22	3,400
2617	PHAM TAN LOC	1	200
2618	HUYNH THI THU TRINH	2	300
2619	NGUYEN THI VAN	2	300
2620	HOANG THI HONG YEN	1	200
2621	NGUYEN THI THANH DUNG	1	200
2622	VU THI THANH LOAN	3	500
2623	TRUONG MINH THOAI	2	300
2624	DO THI DIEM QUYNH	2	300
2625	NGUYEN HA THANH	1	200
2626	NGUYEN THI HUYEN	1	200
2627	NGUYEN QUOC TIN	1	200
2628	NGUYEN HOANG BAO QUAN	1	200
2629	HOANG THI THUY HIEN	1	200
2630	NGUYEN VAN CHINH	3	500
2631	TRAN THUY NGA	1	200

2632	NGUYEN VAN TINH	1	200
2633	NGUYEN THAO ANH	1	200
2634	NGUYEN THI QUYNH NHU	3	500
2635	VU THI THUY MAI	1	200
2636	PHUNG THANH TUYEN	5	800
2637	NGUYEN NGOC THUY	1	200
2638	TRAN NGOC ANH	1	200
2639	TRAN THI KIM TUYEN	1	200
2640	PHAM TUAN ANH	2	300
2641	CHU TRUNG HIEU	1	200
2642	KHONG VIET LONG	1	200
2643	LE HUU LY	3	500
2644	NGUYEN THUC NGHIA	1	200
2645	VO TA VIET	1	200
2646	DO MINH HIEU	1	200
2647	NGUYEN DANG DANG KHOA	1	200
2648	CHU KHANH PHUONG	1	200
2649	PHUNG VIET HOANG	2	300
2650	PHAM THE MY	5	800
2651	PHUNG YEN NHU	1	200
2652	AU THIEN THANH	2	300
2653	TRAN QUOC THAM	2	300
2654	LY VAN THIET	3	500
2655	VU HOANG KHIEM	6	900
2656	TRUONG VAN TOAN	2	300
2657	HA VAN LOC	1	200
2658	NGO HOANG DUONG	1	200
2659	NGUYEN NGOC QUOC	2	300
2660	PHAM THANH HA	1	200
2661	NGUYEN NGOC HAI	33	5,100
2662	PHAM THI LAN ANH	1	200
2663	TRAN DUC NGOC	1	200
2664	NGUYEN VAN THUAN	3	500
2665	NGUYEN MINH NGA	2	300
2666	DINH VAN DUNG	3	500
2667	NGUYEN THI HAI	2	300
2668	NGUYEN QUOC KIET	1	200
2669	HO ANH TUAN	1	200
2670	NGUYEN THI VAN ANH	1	200
2671	TONG THANH HOA	2	300
2672	HOANG THI NGOC UYEN	1	200

2673	TRUONG THI HAO	3	500
2674	PHAN THI THUY HANG	5	800
2675	NGUYEN THI THU HANG	1	200
2676	NGUYEN DUC DAO	4	600
2677	THACH QUE ANH	1	200
2678	NGUYEN QUYNH MAI	1	200
2679	LUU DAI NGHIA	2	300
2680	NGUYEN LUONG HUY	1	200
2681	PHAM VAN QUY	4	600
2682	NGUYEN TRI DUNG	4	600
2683	HOANG THIEN PHAT	3	500
2684	LE THANH HUYEN	1	200
2685	LO VAN BUONG	2	300
2686	NGUYEN THI MINH	1	200
2687	TRAN THI YEN	3	500
2688	NGUYEN VAN LAM	3	500
2689	HUYNH THI DUONG LIEU	1	200
2690	CAO THI HUE	1	200
2691	NGO VAN HIEU	1	200
2692	NGUYEN THI THU HA	1	200
2693	NGUYEN THI THU HA	1	200
2694	NGUYEN THI THU HA	1	200
2695	LE VIET TUNG	1	200
2696	NGUYEN THI LUU	1	200
2697	VO THI DOAN TRANG	3	500
2698	NGUYEN LE HA MY	2	300
2699	DAO QUOC VIET	3	500
2700	DINH THI ANH	1	200
2701	DANG DINH THIEN	1	200
2702	LE QUI MINH TRANG	1	200
2703	DAM MAI ANH	2	300
2704	HOANG THI MAI DUNG	2	300
2705	NGUYEN KHOA TOAN	1	200
2706	DOAN HUU TRONG	2	300
2707	HUA KIM LOAN	1	200
2708	DUONG THI THANH	2	300
2709	DINH THANH LINH	1	200
2710	TRAN THI PHUONG	3	500
2711	TRAN THI THU HAU	1	200
2712	MAI VAN SUOT	2	300
2713	TRAN THI KIM DIEM	1	200

2714	DO HUU NHON QUANG	1	200
2715	LE NGUYEN BAO LONG	1	200
2716	BUI THANH TRUC	1	200
2717	TANG HUU TAI	1	200
2718	NGUYEN MINH HA VY	1	200
2719	TRAN THUY NHA TRUC	1	200
2720	TRUONG THI THU HUONG	1	200
2721	VU HONG YEN	1	200
2722	NGUYEN BA HAI HOANG	1	200
2723	PHAN THE BAO	4	600
2724	TRAN PHUONG DUNG	1	200
2725	LE THI HONG DUNG	2	300
2726	NGUYEN HOANG THUY TRANG	1	200
2727	TRAN THI TRANG	2	300
2728	PHAN THI NGAN HA	1	200
2729	NGUYEN HOANG AN	4	600
2730	NGUYEN NGOC NGAN	4	600
2731	HOANG DIEU THUONG THUONG	1	200
2732	NGUYEN NGOC LAM	2	300
2733	HOANG THI CHUNG	8	1,200
2734	LE DUC TOAN	3	500
2735	PHAN THANH NGUYEN	1	200
2736	TRAN THI LAN	4	600
2737	NGUYEN VINH TUONG	7	1,100
2738	DAO PHUONG THANH	1	200
2739	LE THI PHUONG NGAN	1	200
2740	NGUYEN PHUONG THANH	1	200
2741	NGUYEN VAN DUNG	1	200
2742	PHUNG KIM ANH	3	500
2743	DINH VUONG PHU	6	900
2744	DINH HOANG GIA	1	200
2745	DO HONG SON	6	900
2746	HA VAN HIEU	1	200
2747	BUI THI THUY	1	200
2748	PHU TRAN KHANH	1	200
2749	LE HOANG LAM	1	200
2750	VU TIEN TRUNG	1	200
2751	NGUYEN THI UT	1	200
2752	LE HOANG BUU	2	300
2753	NGUYEN VAN CHINH	2	300

2754	TRAN THI THUY DUNG	2	300
2755	PHAM VAN DONG	9	1,400
2756	NGUYEN VAN MINH	1	200
2757	PHAM HUY THONG	1	200
2758	PHAM SI HOAN	1	200
2759	NGO KIEU DIEM	1	200
2760	PHAM DA HAI	1	200
2761	DUONG XUAN LAI	1	200
2762	TRAN VU NGUYEN KHOI	2	300
2763	PHAN THI THOM	2	300
2764	NGUYEN THANH LAM	3	500
2765	HOANG THI NHUNG	1	200
2766	DANG THANH HOA	1	200
2767	TRAN MAI CHI LE	1	200
2768	HUYNH ANH HAO	6	900
2769	NGUYEN THI BAO NGAN	1	200
2770	NGUYEN VAN DUC	10,596	1,628,200
2771	PHAN THI THUY TRANG	4	600
2772	LE MINH DUC	3	500
2773	DANG BAO TRAN	1	200
2774	LE CANH HUYNH	1	200
2775	VU NGOC SON	1	200
2776	HUYNH THI TUYET NHU	1	200
2777	TRAN THI THUY LINH	1	200
2778	NGUYEN THI MINH HA	3	500
2779	DAO HOANG QUAN	1	200
2780	PHAM NGUYEN THUY TRANG	3	500
2781	NGUYEN TIEN DUNG	2	300
2782	DO VAN CHIEN	5	800
2783	TRAN TIEN DUNG	3	500
2784	TRUONG THI KIM OANH	1	200
2785	NGUYEN THI MY LINH	1	200
2786	DOAN THI PHUONG HOA	5	800
2787	NGUYEN THU TRANG	1	200
2788	DO THE HUY	5	800
2789	DUONG THI KHANH	1	200
2790	DUONG BINH TRONG	4	600
2791	PHAM VU BICH NGOC	2	300
2792	HOANG PHI HUNG	1	200
2793	NGUYEN THI THUY LINH	1	200
2794	LE MY DUYEN	1	200

2795	DOI THI NHU HOA	2	300
2796	NGUYEN HUU MUOI	1	200
2797	LAM THANH TUNG	1	200
2798	NGUYEN SON TUNG	1	200
2799	NGUYEN VAN BINH	1	200
2800	VU MINH THUAN	3	500
2801	TRAN TU DIEP	1	200
2802	NGUYEN THI TUE MINH	1	200
2803	PHAM THI HOA	2	300
2804	LE TRAN LINH CHI	2	300
2805	MA THANH LONG	1	200
2806	LE VAN MINH HIEU	1	200
2807	NGUYEN THI HUYEN	1	200
2808	VU XUAN NGOC	1	200
2809	DUONG HOANG LONG	1	200
2810	TRINH THUY GIANG	1	200
2811	LE DIEU LINH	1	200
2812	VO THI HOAI THUONG	1	200
2813	NGUYEN THI HOA	2	300
2814	NGUY MY DUNG	1	200
2815	DANG THI BE THUY	1	200
2816	VU TUAN LINH	1	200
2817	NGUYEN HAI NGA	1	200
2818	NGO QUANG KHANH	1	200
2819	PHAM THI LAN	1	200
2820	PHAM MINH DUC	5	800
2821	PHAM HUU THANG	1	200
2822	LE THI MINH TAM	1	200
2823	NGUYEN THI TUOI	1	200
2824	HUYNH TRONG TAM	1	200
2825	PHAM KHANH HOA	1	200
2826	NGUYEN THANH LUAN	1	200
2827	NGUYEN THI QUYNH ANH	14	2,200
2828	TRUONG THI THU TRANG	1	200
2829	NGUYEN THI THUY	1	200
2830	NGUYEN THI VI	1	200
2831	NGUYEN THI PHUONG THANH	1	200
2832	VU THI BO	1	200
2833	DUONG NGOC HIEP	1	200
2834	DANG QUANG DUC	2	300
2835	BUI MINH THUY	2	300

2836	PHAN TUAN ANH	1	200
2837	TRAN THI PHUONG	1	200
2838	DAO TUAN DAT	1	200
2839	DAO MINH NGUYEN	1	200
2840	NGUYEN THI KIEU OANH	5	800
2841	TRAN VAN KHUY	1	200
2842	DANG THI TRANG	3	500
2843	NGUYEN HONG PHONG	2	300
2844	TRAN THI THANH	1	200
2845	PHUNG THI THUY LINH	1	200
2846	PHAM THU TRANG	1	200
2847	PHAN MINH NGHIA	1	200
2848	NGUYEN THI THU HIEN	1	200
2849	HUYNH TAN DUONG	4	600
2850	HOANG PHUONG NHUNG	1	200
2851	NGUYEN THU HA	1	200
2852	NGUYEN THANH XUAN	1	200
2853	TRAN VAN THANH	1	200
2854	LE THI HONG THU	1	200
2855	NGUYEN HUU VAN	1	200
2856	KHUU NGOC LAM TOAN	2	300
2857	HUYNH KIM BAO PHUONG	1	200
2858	HUYNH THI TRA MY	1	200
2859	TRAN THI HUONG	3	500
2860	CHUNG TAN AN	1	200
2861	LUONG THI MAI	1	200
2862	NGHIEM KIM THIEM	13	2,000
2863	VU HOANG KIEU HUONG	1	200
2864	NGUYEN THI NHUAN	1	200
2865	TRAN SON VU	1	200
2866	VU THI THUY THUY	1	200
2867	NGUYEN THI MAI TRAM	1	200
2868	NGUYEN THI THUY DUNG	2	300
2869	DO NGOC QUYEN	1	200
2870	BUI HUONG LY	1	200
2871	HA THI MINH LE	1	200
2872	VU HA VI	1	200
2873	TRINH THI THU MAI	1	200
2874	PHAM HONG KHANH	1	200
2875	DONG KHANH LY	2	300
2876	NGUYEN PHUONG HANH	3	500

2877	NGUYEN THI THUY DUNG	7	1,100
2878	PHAM BA KIEU HANH	2	300
2879	NGUYEN THI KIM NGAN	1	200
2880	NGUYEN THI KIM NGAN	1	200
2881	TRAN XUAN HUY	2	300
2882	PHAM VAN TIEP	1	200
2883	NGUYEN THI TRANG	3	500
2884	DAU THI THUY VAN	1	200
2885	TRAN THI MINH TUYEN	2	300
2886	PHAM HAI NAM	2	300
2887	TRAN THI BANG TAM	2	300
2888	NONG AN SON	1	200
2889	QUAN DIEU ANH	2	300
2890	LE THI HONG HANH	1	200
2891	LE CAO CUONG	1	200
2892	TRAN THI LAN	1	200
2893	PHAM HONG NHUNG	1	200
2894	LE DIEM PHUONG	1	200
2895	NGUYEN THI NGOC ANH	3	500
2896	NGUYEN THI HUYEN TRANG	4	600
2897	LE NHAT LIEN	1	200
2898	NGUYEN TO LINH CHI	1	200
2899	HO SI HOANG	1	200
2900	LAM THANH MY	1	200
2901	DAO QUYET THANG	3	500
2902	BUI HUYEN TRANG	2	300
2903	VU DUY KHANH	5	800
2904	NGUYEN THI KIM NGAN	1	200
2905	NGUYEN DIEU TIEU HOA	2	300
2906	TRUONG THI HUONG QUYNH	1	200
2907	DANG DINH DANG	3	500
2908	NGUYEN DAC HUAN	1	200
2909	DO CONG DANH	3	500
2910	PHAM MINH PHUONG	1	200
2911	NGUYEN CHIEU UYEN	1	200
2912	TRUONG THI BICH TUYEN	1	200
2913	TA THI RUC	1	200
2914	NGUYEN MINH HAI	1	200
2915	CHU THI THANH HUONG	1	200
2916	DO NHAT QUANG	3	500
2917	NGUYEN KHAC MINH	1	200

2918	NGUYEN THANH TRUNG	1	200
2919	TRAN THI VAN ANH	2	300
2920	DANG XUAN LAN	1	200
2921	TRIEU THI THANH HUYEN	2	300
2922	VU KHANH LINH	1	200
2923	DOAN TRUNG HIEU	1	200
2924	NGUYEN THANH TUAN	1	200
2925	NGUYEN MANH HUNG	2	300
2926	TRINH NHAT ANH	1	200
2927	NGUYEN TIEN TRONG	4	600
2928	HOANG PHUC THANH	2	300
2929	LE TRAN THANH	1	200
2930	NGUYEN HUNG TAI	1	200
2931	LUONG HUE	1	200
2932	TA MINH HUY	1	200
2933	NGUYEN NOM	1	200
2934	LE THI NGOC HUYEN	1	200
2935	PHAN KIM NGAN	1	200
2936	NGUYEN THANH DIEN	1	200
2937	PHAM THI KIM PHUNG	5	800
2938	HOANG THI THANH LOAN	1	200
2939	DUONG CHI TAM	1	200
2940	PHAM ANH DUNG	4	600
2941	LE THI KIM TUYEN	1	200
2942	BUI THI LAN HUONG	2	300
2943	TA PHUC THINH	1	200
2944	DAO THI THU TRANG	1	200
2945	NGUYEN THI THUONG	1	200
2946	HOANG VAN DAI	1	200
2947	TRAN THI THU NGA	1	200
2948	NGUYEN DIEP LINH	1	200
2949	LE THI TUYET	1	200
2950	PHAM THI MINH NGOC	1	200
2951	TRINH THI KIM OANH	1	200
2952	VUONG KIEU MY	1	200
2953	TRAN THANH HUONG	2	300
2954	DINH THI HUE	1	200
2955	NGUYEN TIEN DAT	2	300
2956	VU THU TRANG	1	200
2957	TON THAT BINH	1	200
2958	NGUYEN THI LE NA	1	200

2959	DOAN KHUE	3	500
2960	PHAM THI NHUNG	1	200
2961	BUI THI HONG LOI	1	200
2962	LE VAN HAU	4	600
2963	VU THI QUYEN	1	200
2964	BUI XUAN QUY	1	200
2965	NGUYEN BAO TRUNG	2	300
2966	HOANG MINH THIET	2	300
2967	NGUYEN VIET LONG	1	200
2968	PHAM ANH NGUYET	1	200
2969	PHAM THI DUNG	1	200
2970	HOANG THU TRAM	1	200
2971	NGUYEN HOANG NAM	1	200
2972	THAI THI HOANG OANH	3	500
2973	DANG MINH TUAN	2	300
2974	DO VAN HIEP	1	200
2975	DO DANH TUAN	1	200
2976	TO THUY THUY TRAM	1	200
2977	DO DINH LY	2	300
2978	PHAM QUANG KHANH	5	800
2979	VU THI MY HUYEN	2	300
2980	NGUYEN HUU HUYNH	1	200
2981	NGUYEN THU HA	1	200
2982	CAN THI THUY NGA	1	200
2983	MAI THI XUAN TRANG	1	200
2984	PHAN THANH BINH	1	200
2985	NGUYEN PHUOC QUI	2	300
2986	CHE VO NGUYET HUONG	1	200
2987	HOANG THI NHI	1	200
2988	NGUYEN MANH HAI	1	200
2989	NGUYEN THI THAO NGAN	2	300
2990	PHAM THI TRANG	2	300
2991	PHAM LE QUANG NHAT	63	9,700
2992	VU THI LUYEN	1	200
2993	BUI THI HANG	1	200
2994	VU THI LIEN	2	300
2995	TUONG THI VAN	1	200
2996	VAN NAM PHUONG	1	200
2997	VO NGUYEN HONG LE	1	200
2998	PHUNG SY HAI	1	200
2999	NGUYEN VAN CUONG	1	200

3000	PHAM THI KHANH LINH	6	900
3001	TRAN DINH THAO	1	200
3002	LE TRUONG Y NHU	1	200
3003	NGUYEN THI HIEN	2	300
3004	MAI DUY PHUONG	1	200
3005	NGUYEN THI DIEP	1	200
3006	TRAN DUY KHANH	1	200
3007	PHAM THI HUYEN TRANG	2	300
3008	THAI NGUYEN THU TRANG	1	200
3009	LE THI THAM	1	200
3010	HOANG THI THU TRANG	1	200
3011	DAO ANH PHUOC	2	300
3012	DINH THI NGA	1	200
3013	TRAN NGOC THU TRANG	1	200
3014	TRAN HUU HUAN	1	200
3015	VONG CHU CUN	2	300
3016	VU VAN HAI	1	200
3017	VU MANH NGUYEN	1	200
3018	NGUYEN VAN THO	1	200
3019	LE THI BICH NGOC	1	200
3020	DAO XUAN SON	1	200
3021	NGUYEN MINH NGOC	1	200
3022	CAO VAN NHAN	2	300
3023	NGUYEN THE HUNG	1	200
3024	TRINH THANH HAI	1	200
3025	VU VIET NGHIA	1	200
3026	NGUYEN VAN HAO	2	300
3027	NGUYEN THI DUYEN	3	500
3028	NGUYEN DIEP QUYNH	1	200
3029	CU NANG QUANG	2	300
3030	LE THI ANH THU	1	200
3031	NGUYEN ANH DUC	1	200
3032	LE THI TRANG	1	200
3033	TRAN LE HIEN	2	300
3034	KHUAT THI HIEN	2	300
3035	HOANG XUAN NGHIEM	1	200
3036	NGUYEN HOANG ANH	2	300
3037	PHAM THI BICH HUE	1	200
3038	LE TUAN DIEP	1	200
3039	TRAN THI NGOC QUYNH	2	300
3040	DONG TUNG ANH	1	200

3041	NGUYEN TUYET ANH	1	200
3042	CHU MANH KIEN	1	200
3043	HOANG THI BICH NGOC	1	200
3044	QUACH THUY AN	1	200
3045	TRAN QUANG ANH	1	200
3046	PHAN THI HONG HANH	1	200
3047	NGUYEN THI NGOC THUY	6	900
3048	PHAM TUAN KIET	1	200
3049	TRAN THI THANH THUY	1	200
3050	DANG THI THUY NGAN	1	200
3051	NGUYEN THI KIM CHI	1	200
3052	NGUYEN HUU HUNG	4	600
3053	NGUYEN DUC MANH	2	300
3054	LUONG KHAC TUNG	1	200
3055	NGUYEN TIEN DUNG	1	200
3056	NGUYEN HOANG LINH	1	200
3057	CHE KIM DONG	2	300
3058	TRAN THI THANH HUONG	2	300
3059	DINH THI KIM	1	200
3060	LE THI THUY TRANG	1	200
3061	THAN THANH TUNG	1	200
3062	VU HOANG VIET	1	200
3063	TRAN LE NGOC HA	1	200
3064	PHAM TRAN QUY	1	200
3065	DANG THANH THUY	1	200
3066	DUONG QUOC DAT	1	200
3067	VU DUC NGOC	1	200
3068	TRUONG CAM BINH	1	200
3069	NGUYEN QUOC PHUONG	1	200
3070	LAM XUAN KHANH	1	200
3071	VO NGUYEN HUONG LAI	1	200
3072	NGUYEN VAN THAI	1	200
3073	NGUYEN DINH HUU AI	1	200
3074	TRAN THI HUYEN TRANG	1	200
3075	NGUYEN TRI DUNG	1	200
3076	BUI THI THUY DIEM	3	500
3077	LE THANH TIEN	1	200
3078	VU THI XUAN HUONG	1	200
3079	LE THUY MAI	1	200
3080	LU THANH LAM	6	900
3081	NGUYEN MINH TUAN	1	200

3082	NGUYEN HUY PHAT	1	200
3083	PHAM NGUYET ANH	1	200
3084	NGUYEN QUANG THANH	3	500
3085	DINH THI THU THAO	1	200
3086	HUYNH HAI DINH	2	300
3087	TRINH THI HUYEN TRANG	1	200
3088	LAM THI HONG NHAT	2	300
3089	NGUYEN NHAT HONG NGUYEN	1	200
3090	NGUYEN CANH CANH	1	200
3091	LE THI HOAI PHUONG	2	300
3092	NGO THI ANH DUONG	3	500
3093	TRINH NAM BINH	4	600
3094	HA MANH TUNG	1	200
3095	VO THI HUYEN	1	200
3096	TRAN THI THU THANH	1	200
3097	TA THI THU THUY	1	200
3098	HOANG HAI	1	200
3099	NGUYEN VIET HAI	1	200
3100	NGUYEN VAN THANH	4	600
3101	NGUYEN THANH SON	1	200
3102	DANG CHI KHOI	1	200
3103	LE THI LIEU	2	300
3104	LUU CHI THIEN	1	200
3105	NGUYEN TRUC NHAN	1	200
3106	NGUYEN THI TUYET	1	200
3107	TRAN THI THU HA	1	200
3108	VO TRAN DIEU LINH	1	200
3109	DO VAN THUY	1	200
3110	NGUYEN THANH NAM	1	200
3111	TRAN THI NGOC HA	1	200
3112	TRAN NGOC QUE LINH	1	200
3113	NGUYEN THI NINH	1	200
3114	DOAN THI QUYNH TRANG	1	200
3115	PHAM HOANG AN	1	200
3116	NGUYEN THI THUY HANG	1	200
3117	TRAN TU VINH	5	800
3118	DINH XUAN THANG	1	200
3119	NGUYEN QUOC PHONG	1	200
3120	HUYNH TAN VUONG	1	200
3121	VU DINH MANH	1	200
3122	TRIEU VAN HUNG	1	200

3123	HUYNH NGOC NAM	1	200
3124	NGUYEN THI ANH HONG	1	200
3125	TRAN NGOC HUNG	1	200
3126	TRUONG THI TRANG	1	200
3127	DOAN NGOC HAI	1	200
3128	NGUYEN THANH VAN	1	200
3129	DUONG THI HIEN	3	500
3130	NGUYEN THI THU HOA	2	300
3131	NGO DUY BAO	1	200
3132	TA VAN THANH	1	200
3133	TRAN HUU PHUC	1	200
3134	DO THI HOANG ANH	1	200
3135	NGUYEN TUAN DAT	1	200
3136	MAI DUC THINH	1	200
3137	LE THI HAU	1	200
3138	LE HA CHI	3	500
3139	DUONG THI PHUONG	2	300
3140	LE THI LAM TUYEN	1	200
3141	PHAN VAN LAM	1	200
3142	PHAN THI THU HUYEN	2	300
3143	NGUYEN NHU HAO	1	200
3144	LUU VAN TRUNG	1	200
3145	TRAN THI LUAN	1	200
3146	DOAN MANH TOAN	1	200
3147	CHU LAN HUONG	2	300
3148	TRAN QUYNH TRANG	1	200
3149	PHAM THI HUONG	1	200
3150	DO NGUYEN DINH ANH	1	200
3151	TRAN VAN HUYNH	2	300
3152	DANG XUAN CU	2	300
3153	PHAN THANH NAM	2	300
3154	HOANG QUOC VONG	1	200
3155	NGUYEN MINH CHAU	1	200
3156	TRAN THI HAI NGOC	1	200
3157	DO DINH PHUONG	1	200
3158	BUI THI KIM NGAN	1	200
3159	NGUYEN THI KHANH HUYEN	1	200
3160	TRAN VAN TUAN	2	300
3161	HOANG THUY HIEN	1	200
3162	NGUYEN THI TIM	1	200
3163	NGUYEN VAN CANH	3	500

3164	LUU XUAN QUANG	1	200
3165	NGUYEN NGOC DIEP	2	300
3166	HOANG VAN LINH	1	200
3167	LAI XUAN TRUNG	1	200
3168	NGUYEN VAN DUNG	1	200
3169	HUYNH THI NGOC LIEN	1	200
3170	BUI VINH TAM	1	200
3171	CHU MINH TUAN	1	200
3172	NGUYEN THI THUY GIANG	1	200
3173	MAI HUYEN THOAI	1	200
3174	NGUYEN THANH NAM	1	200
3175	TRAN HAI TRIEU	1	200
3176	PHAM THANH QUAN	1	200
3177	LE THI THIEN NGA	1	200
3178	LE NGOC THANH VY	1	200
3179	NGUYEN DUC NGOC LAN	2	300
3180	DANG KIM ANH THU	1	200
3181	LE QUOC CUONG	1	200
3182	VU TIEN HOANG	1	200
3183	NGUYEN TRUONG PHUC LOC	1	200
3184	NGUYEN QUOC THANH	1	200
3185	PHAM MY DUNG	1	200
3186	DO THANH THUY	2	300
3187	NGUYEN THI MINH HUYEN	1	200
3188	DAO NGOC LUONG	1	200
3189	CHAU HOANG YEN	1	200
3190	TRAN TIEN DUNG	1	200
3191	DO DUC THUAN	1	200
3192	NGUYEN THI MINH PHUONG	1	200
3193	TRAN ANH KHOA	2	300
3194	VU TIEN TUNG	1	200
3195	TRAN THANH LONG	2	300
3196	LAI HUYEN TRANG	1	200
3197	NGUYEN THI THU HUYEN	1	200
3198	NGUYEN TRUNG HIEU	1	200
3199	HO MANH LINH	3	500
3200	TON THAT MINH THANG	1	200
3201	PHAN CANH TUYEN HAI	1	200
3202	NGUYEN LAM NGUYEN	2	300
3203	DAO THI LAN	1	200
3204	NGUYEN DUY TAN	2	300

3205	NGUYEN THI LOI	1	200
3206	HOANG THI VAN	1	200
3207	LE VIET DUNG	1	200
3208	TRAN DIEU ANH	1	200
3209	LE THI HOANG YEN	3	500
3210	NGO VIET ANH	2	300
3211	TRAN VAN DUY	1	200
3212	HOANG KIM MY NGOC	1	200
3213	HOANG CONG HIEU	1	200
3214	PHAM THI HA	1	200
3215	HOANG ANH DUNG	1	200
3216	TRAN THI HANG	3	500
3217	TRAN NGOC KHANH AN	1	200
3218	TRUONG DUC TIEN	1	200
3219	HOANG MINH DUY	1	200
3220	DO HOANG ANH PHUONG	1	200
3221	TRAN HUONG NHI	1	200
3222	DAO THI ANH	1	200
3223	NGUYEN MANH TUNG	1	200
3224	VO THIEN DIEN	1	200
3225	TRINH NGOC DAN	1	200
3226	GIANG VINH CO	1	200
3227	NGUYEN VAN CHIEN	1	200
3228	NGO VAN LONG	1	200
3229	PHAM QUANG KHOI	1	200
3230	BUI THI KIM OANH	1	200
3231	NGU NGUYEN HOANG OANH	1	200
3232	LE THANH TUYEN	2	300
3233	NGUYEN HUYNH HUU NGHIA	1	200
3234	NGUYEN THI THU	1	200
3235	TRAN LE XUAN	1	200
3236	DAO TUAN CUONG	1	200
3237	PHAN MANH CUONG	2	300
3238	TRUONG THI CUONG	1	200
3239	TRAN NGUYEN DUY TAN	1	200
3240	CAO THI THANH VAN	1	200
3241	NGUYEN THE HUY	2	300
3242	HO THI HONG HANH	1	200
3243	DANG VAN GIUP	2	300
3244	NGUYEN VAN CUONG	1	200
3245	VU QUANG DUONG	6	900

3246	TRUONG THI HONG GIANG	1	200
3247	LUC DANG HAO	2	300
3248	NGUYEN THI MAI ANH	1	200
3249	NGUYEN THI HONG VAN	2	300
3250	NGUYEN PHAM TU UYEN	1	200
3251	PHAM THANH TUNG	1	200
3252	MAI THI KIM CHI	2	300
3253	NGUYEN MANH TUAN	4	600
3254	TRAN QUAN	1	200
3255	NGUYEN ANH TUAN	1	200
3256	DO THANH PHONG SON	1	200
3257	DAO THI THANH	1	200
3258	TRAN GIA KHANH	1	200
3259	PHAM VAN TIEN	1	200
3260	NGUYEN THI YEN NHI	2	300
3261	BUI THI NGOC HA	1	200
3262	HO THI DIEM PHUONG	1	200
3263	NGUYEN THI THU HIEN	1	200
3264	DUONG QUOC BAO	13	2,000
3265	NGUYEN ANH PHUONG	1	200
3266	DO THI THU THAO	1	200
3267	DO THI THANH THUY	1	200
3268	CAO TU LINH	1	200
3269	NGUYEN VAN HUNG	1	200
3270	PHAM THI PHUONG LIEN	1	200
3271	NGUYEN DINH LONG	1	200
3272	NGUYEN TUAN HOANG	1	200
3273	TRAN THI THAO	3	500
3274	PHAN THI LAI	1	200
3275	NGUYEN THANH PHUOC	1	200
3276	TRAN THI BICH NGOC	1	200
3277	TO THANH TUAN	5	800
3278	NGUYEN THUY DUONG	1	200
3279	NGUYEN THI HUYEN TRANG	2	300
3280	TRAN THI HUONG MY	1	200
3281	HOANG MINH THUAN	1	200
3282	NGUYEN CAO HA LINH	1	200
3283	NGUYEN NGOC DUNG	1	200
3284	NGUYEN THI LAN PHUONG	1	200
3285	NGUYEN DINH CONG	4	600
3286	NGUYEN THI MINH TRANG	1	200

3287	NGUYEN TRUNG KIEN	4	600
3288	LO VAN DAO	6	900
3289	NGUYEN NGOC DIEM TRANG	1	200
3290	PHAN NGOC SANG	1	200
3291	CAO THI THANH	2	300
3292	NGUYEN KHAC NGHI	3	500
3293	SON MINH TRI	1	200
3294	HUYNH VIET CUONG	1	200
3295	NGUYEN THI MINH TRANG	1	200
3296	PHAM THI PHUONG THAO	1	200
3297	LUONG THI TIEU PHUNG	1	200
3298	HOANG DINH HUNG	1	200
3299	DO DIEM MY	2	300
3300	TON CHANH PHONG	1	200
3301	NGUYEN THI THU HIEN	2	300
3302	TRAN VAN HA	1	200
3303	NGUYEN NGOC MAI	1	200
3304	NGUYEN THUY HUONG	1	200
3305	NGUYEN NGOC KHOA	1	200
3306	NGUYEN THI BICH THIEN	1	200
3307	LY TRUNG HOA	1	200
3308	TRAN HOANG	2	300
3309	DO THANH TAN	1	200
3310	VU THUY VAN	1	200
3311	NGUYEN ANH MINH	1	200
3312	VU QUANG MINH	1	200
3313	NGUYEN THU TRANG	1	200
3314	NGUYEN VAN TIEN	1	200
3315	LE PHAM HOANG TAN	1	200
3316	HOANG THAI HA	1	200
3317	VU ANH THU	1	200
3318	HOANG HUYEN TRINH	1	200
3319	NGUYEN XUAN HOA	1	200
3320	NGUYEN QUANG VINH	1	200
3321	TRINH THI THUY HOA	1	200
3322	NGUYEN THI THU HUONG	2	300
3323	TRAN VU KHANH CHI	1	200
3324	PHAM HUY DUONG	1	200
3325	BACH THUONG LE	2	300
3326	PHAM VAN PHONG	1	200
3327	DO XUAN TIEN	1	200

3328	PHAM QUOC KIEN	1	200
3329	DO THUY DUONG	1	200
3330	BUI ANH TUAN	1	200
3331	HUYNH VAN LONG	1	200
3332	BUI THI MAI PHUONG	2	300
3333	HUYNH TAN DUNG	1	200
3334	HOANG QUOC VUONG	1	200
3335	PHAM THE ANH	3	500
3336	PHAM THI NHAI	1	200
3337	DINH VAN VINH	1	200
3338	NGUYEN THI LEN	3	500
3339	DINH THI XUAN DUNG	1	200
3340	BUI BAO KHANH	1	200
3341	HUYNH CHI DUNG	2	300
3342	NGUYEN DUC THINH	1	200
3343	NGO VAN LOC	1	200
3344	TA THI NGOC TRAM	1	200
3345	NGUYEN MINH DUONG	2	300
3346	CAO HUU THE	1	200
3347	NGUYEN CONG THANH	1	200
3348	NGUYEN VAN KIEN	1	200
3349	LE THI QUYNH HUONG	1	200
3350	BUI THI THAO	1	200
3351	NGUYEN QUANG TRINH	1	200
3352	NGUYEN THI QUYEN	1	200
3353	TRAN THI HUYEN	1	200
3354	DAM VAN CHUYEN	1	200
3355	NGUYEN NGOC HUYEN	1	200
3356	NGUYEN DANG KHOA	1	200
3357	NGUYEN VAN THIEU	3	500
3358	NGUYEN HONG KHANH	1	200
3359	LE THI MINH ANH	1	200
3360	NGUYEN THI KHANH LY	1	200
3361	DINH THI BICH TRANG	1	200
3362	TRAN NGOC DAT	2	300
3363	VU THANH BINH	1	200
3364	TRIEU DUC TOAN	2	300
3365	DAO THI THUY LIEN	1	200
3366	VU NHU XUAN	4	600
3367	LE VAN	1	200
3368	NGO MANH DUNG	2	300

3369	PHAM NGOC HIEU	14	2,200
3370	VU THI QUYNH TRANG	5	800
3371	NGUYEN THI THUY LINH	1	200
3372	LE THI THU THAO	1	200
3373	NGUYEN QUOC HUY	3	500
3374	NGUYEN VAN HIEN	1	200
3375	NGUYEN MINH TUAN	1	200
3376	LE NGUYEN THUY TRANG	1	200
3377	NGUYEN THANH NHAN	1	200
3378	TRUONG CANH TUNG	1	200
3379	BUI THI PHUONG	1	200
3380	NGUYEN THI THAO TRANG	3	500
3381	NGUYEN VAN HOA	1	200
3382	KHUAT MANH QUAN	1	200
3383	NGUYEN HOANG PHUONG	1	200
3384	NGUYEN HOANG PHONG	2	300
3385	NGUYEN NHAN AI	1	200
3386	HOANG THI DUYEN	1	200
3387	MA XUAN THANH	1	200
3388	NGUYEN HOANG PHI	5	800
3389	LE THI DUNG	1	200
3390	PHAM VAN DAO	2	300
3391	PHAN VAN THINH	2	300
3392	CAO THI HUYEN TRANG	2	300
3393	NGUYEN LE VINH	1	200
3394	NGUYEN QUANG PHONG	1	200
3395	NGUYEN TRUNG KY	1	200
3396	NGUYEN TUAN ANH	1	200
3397	VU HUONG THUY	1	200
3398	MAI THI VAN ANH	1	200
3399	HOANG VAN HUNG	2	300
3400	TRAN VAN HOANG DUC	1	200
3401	LUU THI OANH	1	200
3402	NGUYEN THU THUY	3	500
3403	LE MINH TIEN	2	300
3404	NGO TUAN ANH	1	200
3405	VU TRUNG KIEN	1	200
3406	NGUYEN VAN MY	1	200
3407	BUI NGOC THONG	2	300
3408	HO THI TRAM	1	200
3409	LE THANH LONG	1	200

3410	VU DUY HIEP	1	200
3411	DANG DAI VIET	1	200
3412	HUYNH THI GIAU	2	300
3413	NGUYEN TUAN THANH	2	300
3414	NGO DAI THANG	1	200
3415	NGUYEN HUONG QUYNH	1	200
3416	NGUYEN THI THUY DUONG	2	300
3417	NGUYEN THI CAM VAN	1	200
3418	PHAM MINH HIEU	1	200
3419	VO THI KIM VY	1	200
3420	GIU HEN TAC	11	1,700
3421	CAO THI LUA	1	200
3422	CHAU VAN SANG	1	200
3423	NGUYEN MINH KHOI	1	200
3424	NGUYEN DINH KHANG	2	300
3425	TRAN VAN MINH	1	200
3426	PHAM TRAN HONG QUAN	1	200
3427	NGUYEN THI KIM OANH	1	200
3428	CAO VAN HOANG	1	200
3429	NGUYEN HONG ANH	1	200
3430	TRAN NGOC BICH	1	200
3431	TRAN NGUYEN VIET HOANG	1	200
3432	NGUYEN VAN VINH	1	200
3433	VO VAN THAI	3	500
3434	PHAM THI THUY TRANG	2	300
3435	PHAM DUC LONG	1	200
3436	NGUYEN THI THANH NGA	1	200
3437	NGUYEN TRUNG HIEU	2	300
3438	HOANG DUC KHOI NGUYEN	1	200
3439	LE TUAN ANH	1	200
3440	NGUYEN VAN CHUNG	1	200
3441	NGUYEN VAN TUNG	3	500
3442	HO THU HANG	3	500
3443	NGUYEN NGOC QUI	1	200
3444	LE THI THU LAN	1	200
3445	LE THI THANH MINH	2	300
3446	LE VAN DIEM	1	200
3447	HOANG THI SINH	1	200
3448	PHAM THU HIEN	1	200
3449	HO THI LANH	1	200
3450	NGUYEN THI KIM MAI	1	200

3451	VU CHI LAN	3	500
3452	DANG NGOC THANH	1	200
3453	LE NHU VU	1	200
3454	LE THI MINH PHUC	1	200
3455	TRAN THANH THE	3	500
3456	DINH VAN QUYNH	1	200
3457	DAO THE QUYEN	3	500
3458	CHAU THI THAO NGUYEN	1	200
3459	NGUYEN DUC ANH	3	500
3460	BACH NGOC TOAN	2	300
3461	VANG THI THU	1	200
3462	DANG MINH TRI	1	200
3463	HOANG THI TINH	1	200
3464	DUONG THI HANG	2	300
3465	HOANG MINH DUC	1	200
3466	HOANG HUONG GIANG	1	200
3467	NGUYEN THI HIEN	1	200
3468	CHU DUC THANG	1	200
3469	NGUYEN THI VAN ANH	4	600
3470	NGUYEN HA TRONG HIEU	1	200
3471	NGUYEN NGOC KHOI	1	200
3472	NGUYEN VAN SINH	2	300
3473	NGUYEN THI THU NGOC	1	200
3474	TRAN THI MAI	1	200
3475	NGUYEN TRONG BINH	6	900
3476	CU HUY THANH THUAN	2	300
3477	NGUYEN THANH TAM	1	200
3478	TRAN LE BINH	1	200
3479	TRAN NGOC QUAN	1	200
3480	LE NHU LE	3	500
3481	DO BACH DUONG	2	300
3482	NGO THI LAN HUONG	1	200
3483	MAI THI MY TIEN	1	200
3484	LE THI THUY QUYEN	1	200
3485	NGUYEN HUU TUAN	1	200
3486	VU THE QUYEN	1	200
3487	NGUYEN THI HONG	1	200
3488	NGHIEM BA MINH NAM	1	200
3489	LE MINH TUAN	1	200
3490	TRAN LE HAI	1	200
3491	MA VAN HA	1	200

3492	TRAN TRONG TAN	1	200
3493	NGUYEN THI QUYNH TRANG	1	200
3494	TRAN THI KIM CHANG	1	200
3495	DAO DUC THANG	1	200
3496	PHAM HUONG TRA	1	200
3497	NGUYEN THUAN HIEN	1	200
3498	BUI TOAN TRUNG	1	200
3499	PHAM VAN NGOC	6	900
3500	VU DINH NHU	1	200
3501	NGUYEN NGOC HOANG MY	1	200
3502	NGUYEN THI TRUC UYEN	1	200
3503	TRUONG VAN TAM	12	1,800
3504	BUI THI HUYEN	1	200
3505	LE XUAN ANH	1	200
3506	PHAM THI HUE	3	500
3507	LA MINH AN	1	200
3508	HUYNH TIEU VY	1	200
3509	DO THI THANH THAO	1	200
3510	PHAM THUY TIEN	1	200
3511	NGUYEN VAN THU	1	200
3512	PHAM THI THANH HAO	1	200
3513	TUONG THI HOAN	1	200
3514	LAM THANH TRUNG	1	200
3515	DOAN THI HAO	2	300
3516	LE DUY DONG	2	300
3517	NGUYEN DINH NGHIA	1	200
3518	LE THI SEN	1	200
3519	TRAN THI CANH	1	200
3520	TU DAC VUONG	2	300
3521	HA LE KIM	1	200
3522	DO THI PHUONG THAO	1	200
3523	HOANG THI PHUONG	2	300
3524	VU THI THUY LINH	1	200
3525	NGUYEN VAN KHANH	3	500
3526	DO HUU THANH	1	200
3527	DANG BICH VIET	1	200
3528	DAO HUU BAO NHAN	1	200
3529	NGUYEN THI THUY	12	1,800
3530	NGUYEN TIEN TRINH	1	200
3531	NGUYEN THI THU HUONG	1	200
3532	LUU TAN DAT	1	200

3533	VU HUU DANG KHOI	1	200
3534	VU VAN MANH	5	800
3535	BUI THI HOA	2	300
3536	NGUYEN THU HUYEN	1	200
3537	NGUYEN THU HUYEN	1	200
3538	CAO THI HIEN	4	600
3539	PHAN NGUYEN VAN THI	1	200
3540	HO HUYNH TRAN	1	200
3541	HOANG THI LOAN	2	300
3542	TRAN VINH KHANG	1	200
3543	NGUYEN KHAC HUNG	1	200
3544	VAN TAN TUAN	1	200
3545	VU HA TRANG	1	200
3546	HA VAN HOI	2	300
3547	NGUYEN NGOC PHUC	2	300
3548	NGUYEN TUNG LAM	2	300
3549	TRAN THI KIM DUNG	1	200
3550	DINH TRONG HO	3	500
3551	NGUYEN THI ANH TUYET	1	200
3552	TRAN DUC THONG	1	200
3553	PHAM QUANG TRUONG	4	600
3554	PHAM THU HA	2	300
3555	NGUYEN HONG TRUONG	2	300
3556	DO THI HAI HA	2	300
3557	TRUONG ANH QUOC	1	200
3558	TRAN VAN VINH	1	200
3559	DAO VAN THAI	2	300
3560	PHAM DINH DAI	1	200
3561	HO VAN AI	2	300
3562	HOANG THI PHUONG THUY	1	200
3563	NGUYEN PHUONG PHONG	1	200
3564	TRAN QUANG THIEN	1	200
3565	LE VAN THUONG	1	200
3566	TRUONG NGOC LONG	5	800
3567	DINH HOANG TU	2	300
3568	NGUYEN THI PHUC	1	200
3569	HOANG VAN SON	4	600
3570	NGUYEN BA SY	1	200
3571	PHAM VAN HAU	1	200
3572	LUU VAN QUY	1	200
3573	HUYNH THI THANH VAN	1	200

3574	NGO THUY DAN	1	200
3575	TRUONG DUC TUYEN	2	300
3576	LO THI LA	1	200
3577	MAI VAN TRUONG	4,735	727,600
3578	BUI THI HAO	1	200
3579	NGUYEN TRONG TAM	1	200
3580	NGUYEN THE DAI	1	200
3581	TRAN QUANG HUY	1	200
3582	PHAM HONG NHUNG	2	300
3583	NGUYEN TUNG DUONG	2	300
3584	DO DUY PHUONG	1	200
3585	H HANH UONG	4	600
3586	HUYNH QUOC MINH	1	200
3587	MAI TIEN TRUNG	1	200
3588	NGO THANH TUNG	2	300
3589	NGUYEN THI MINH THOA	1	200
3590	VU MAI KHANH HUYEN	1	200
3591	LE THU THAO	1	200
3592	NGUYEN XUAN QUANG	1	200
3593	LUU THI HOA	2	300
3594	TA HUYEN LINH	1	200
3595	NGUYEN HOANG HAO	3	500
3596	DANH DUC HIEN	1	200
3597	PHAN QUOC THANH	5	800
3598	TRAN QUYNH DIEM TRAN	1	200
3599	NGUYEN CONG ANH	5	800
3600	DOAN THI LIEN	1	200
3601	VI PHAT TAI	1	200
3602	NGUYEN HOANG SANG	2	300
3603	NGUYEN THI TAN	1	200
3604	MAI PHUOC NGUYEN	1	200
3605	NGUYEN BA QUYEN LONG	1	200
3606	NGUYEN THI HOAI	34	5,200
3607	DOAN THI THANH NGA	1	200
3608	PHAN THI NGOC HOA	1	200
3609	NGUYEN THI THAO	1	200
3610	LE VAN HIEP	1	200
3611	NGUYEN THI NGAN	1	200
3612	NGUYEN THI LAN ANH	1	200
3613	NGUYEN HONG NGOC	1	200
3614	PHAN THAO TU	1	200

3615	HOANG ANH NGUYET	1	200
3616	LUU LAN ANH	1	200
3617	NGO VAN NAM	2	300
3618	VUONG THI THUY TRANG	1	200
3619	NGUYEN THI TU MI	1	200
3620	BUI VAN SON	1	200
3621	LE THI LUU	1	200
3622	NGUYEN THI LUU	2	300
3623	TRAN LY THU THUY	1	200
3624	PHAN THUC HIEN	1	200
3625	NGUYEN DUC HAI	1	200
3626	DANG MAI NGOC	1	200
3627	HOANG THANH PHUONG	1	200
3628	LE THANH TAN	2	300
3629	NGO HUYNH DUC	1	200
3630	TRAN THI PHUONG THAO	1	200
3631	LE THI HIEN	1	200
3632	DAM THI HUONG	2	300
3633	NGUYEN DUC MINH	1	200
3634	LE PHAN KHOA	1	200
3635	NGUYEN XUAN PHUOC	1	200
3636	MAI HUYNH HUONG	1	200
3637	DUONG KHANH BANG	1	200
3638	NGUYEN THI NGOC ANH	1	200
3639	NGUYEN THI NGOC ANH	1	200
3640	VO THI NHI	1	200
3641	NGUYEN VU HOA	1	200
3642	PHAM TUYEN TRANG	1	200
3643	LY THI THU THAO	1	200
3644	NGUYEN THI HONG NGOC	1	200
3645	NGUYEN BA THIEM	2	300
3646	NGUYEN THI HONG NHUNG	1	200
3647	LE HAI	1	200
3648	NGUYEN THI QUYNH TRANG	1	200
3649	NGUYEN VAN TUAN	2	300
3650	BUI QUAN THUY NGUYEN	1	200
3651	NGUYEN THAO LINH	1	200

4. Hũ Ngọc (Từ 17/11/2025 – 23/11/2025):

STT	Họ tên	Tổng số giao dịch	Số tiền chi thưởng
1	NGUYEN THE VU	54	9,500
2	NGUYEN HUU QUY	2	400
3	NGUYEN THAI BAO	7	1,200
4	TONG HOANG LONG	12	2,100
5	TRAN NGOC CHAU	1	200
6	LUC TUAN PHUONG	3	500
7	TO XUAN NGOC	2	400
8	NGUYEN XUAN TUNG	45	7,900
9	TRAN MINH HOANG	38	6,700
10	LY VAN THANG	12	2,100
11	DUONG THI THU VAN	5	900
12	TRAN VAN HANH	5	900
13	PHAN TUAN DAT	4	700
14	DO VAN DUY	13	2,300
15	PHAM THANH TRIEU	44	7,700
16	TRAN THI CAM GIANG	41	7,200
17	HA XUAN THANG	21	3,700
18	NGUYEN THI KIM OANH	5	900
19	NGUYEN VAN KHA	1	200
20	PHAN NHAT HOAI TRI	1	200
21	NGUYEN DINH THI	1	200
22	THACH NGOC PHAT	22	3,900
23	VU VAN TIEN	9	1,600
24	NGUYEN THANH NAM	17	3,000
25	NGUYEN DIEU NHAT LINH	1	200
26	PHAN VAN VI	15	2,600
27	PHAM THI THOM	3	500
28	NGUYEN TRONG GIAU	10	1,800
29	NGUYEN PHAM TRUONG LUAT	35	6,200
30	NGUYEN KHANH	12	2,100
31	PHAN VIET HAU	1	200
32	LAM DIEU TUAN	3	500
33	HUYNH DINH TAI	2	400
34	QUAN PHI HUNG	47	8,300
35	DINH VAN THANG	2	400
36	LE THI MINH	1	200
37	NGUYEN XUAN HUY	35	6,200
38	HA MANH HUNG	3	500

39	TONG LE PHUOC	34	6,000
40	TRUONG CONG DINH	1	200
41	Y CHUN BYA	24	4,200
42	DAO VAN HUY	3	500
43	NGUYEN HUY LUAN	3	500
44	LE HOANG AN	8	1,400
45	NGUYEN PHU TRUONG	37	6,500
46	TRAN NGOC HIEP	1	200
47	NGUYEN THI KIM HOA	8	1,400
48	TRUONG NGOC SON	2	400
49	NGUYEN TRUONG KHANG	12	2,100
50	NGUYEN HUY HUNG	25	4,400
51	TRAN VAN NHAT ANH	62	10,900
52	BUI VAN HUNG	515	90,500
53	DINH TUAN CANH	33	5,800
54	LE PHUOC NHAN	10	1,800
55	PHAN VAN HIEN	24	4,200
56	NGUYEN HAI NAM	113	19,900
57	TRAN BACH KIM THANH DANH	45	7,900
58	TRAN NAM TRUONG	19	3,300
59	NGUYEN VAN NAM	1	200
60	LO VAN HUY	40	7,000
61	DO MANH HUNG	13	2,300
62	NGUYEN MINH ANH	6	1,100
63	NGUYEN HOAI THI	19	3,300
64	DANG THANH PHAT	78	13,700
65	HOANG THAI GIANG	11,013	1,935,500
66	VO VAN GIUP	7	1,200
67	PHAM THI VAN	1	200
68	LO THI THANH MINH	1	200
69	BUI THI THANH KIEU	1	200
70	THACH RIN DO	10	1,800
71	TRUONG MINH CUONG	93	16,300
72	HOANG VAN HUNG	19	3,300
73	LAM KHA HAN	27	4,700
74	NGUYEN HUY HOANG	5	900
75	VO TAN DUNG	2	400
76	TRAN THE QUAN	4	700
77	VU MANH CUONG	21	3,700
78	HO THI BAO MAI	9	1,600
79	NGUYEN MINH THIEN	2	400

80	NGUYEN THI NGOC HA	4	700
81	NGUYEN HONG QUAN	9	1,600
82	LE THI MY XUYEN	11	1,900
83	HOANG NGUYEN KIM NGAN	38	6,700
84	NGUYEN DUC QUYEN	5	900
85	TRAN MINH HIEU	6	1,100
86	TRAN VAN DAT	7	1,200
87	VI THI THU HANG	13	2,300
88	VU THI NGOC LAN	433	76,100
89	PHAM HONG HET	4	700
90	NGUYEN THI THUY TRANG	2	400
91	NGUYEN VAN HAI	40	7,000
92	PHAN TIEN DUNG	15	2,600
93	LUONG THI NGAN	7	1,200
94	TA THANH TUNG	2	400
95	BUI THI MAI HUONG	8	1,400
96	NONG THI TIEP	1	200
97	HO ANH DUC	23	4,000
98	NGUYEN THI KIM THUY	1	200
99	QUACH VINH DAN	5	900
100	NGUYEN VAN TUYEN	4	700
101	VU MINH TUAN	4	700
102	TRAN XUAN BACH	55	9,700
103	NGUYEN VIET TRUNG	1	200
104	VO NGUYEN DUY	3	500
105	VO BACH KIEM	8	1,400
106	TRAN THI HAI	21,151	3,717,200
107	VU THI QUYNH TRANG	6	1,100
108	BUI MAI HUE	45	7,900
109	NGO BAO NGOC	2	400
110	TRAN XUAN BAC	12	2,100
111	HO THIEN BAO	28	4,900
112	LUONG THI THUY DIEM	10	1,800
113	BUI KHAC THUY	2	400
114	NGUYEN THI MIEN	38	6,700
115	DANG THI HOANG PHUONG	2	400
116	LE NGOC HAI	3	500
117	NGO THI ANH	52	9,100
118	LUU THE CUONG	2	400
119	DANG TIEN NGOC	13	2,300
120	NGUYEN TIEN PHONG	8	1,400

121	NGUYEN PHUONG ANH	3	500
122	TRAN LE DUC VIET	1	200
123	NGUYEN THI VAN ANH	1	200
124	NGUYEN QUOC NHAT PHI	16	2,800
125	TRAN NGOC LONG	20	3,500
126	LE THI VAN THU	11	1,900
127	CAM THI VAN ANH	18	3,200
128	NGUYEN THI CHAM	5	900
129	VONG TRUNG KY	2,124	373,300
130	LA MANH DUNG	4	700
131	DO VIET TIEN	6	1,100
132	HOANG THI XUAN	28	4,900
133	NGUYEN THI PHUONG	3	500
134	DO XUAN LONG	430	75,600
135	NGUYEN VAN CUONG	1	200
136	NGUYEN MANH TIEN	2	400
137	HOANG ANH THU	3	500
138	HUYNH THI TUYET MAI	5	900
139	NGUYEN THI CHUNG	2,373	417,000
140	HOANG HAI HA	97	17,000
141	LUONG MINH QUAN	1	200
142	TRAN PHUONG NAM	7	1,200
143	LE THI LE	58	10,200
144	VAN TRI DUNG	3	500
145	DAO VAN DUY	1	200
146	PHAM XUAN TRUNG	10	1,800
147	HA KINH LUONG	5	900
148	NGUYEN THI VAN	40	7,000
149	CAO THANH GIANG	28,609	5,027,900
150	NGUYEN THI BE BA	24	4,200
151	NGUYEN THI ANH THU	117	20,600
152	TRAN NAM KHANH	1	200
153	TRAN XUAN ANH	7	1,200
154	HOANG NAM KHANG	2	400
155	NGUYEN DUY	129	22,700
156	NGUYEN VAN MANH	5	900
157	NGO THI THANH	3	500
158	NGUYEN VAN TUYEN	2	400
159	HA NHU HAI PHUC	1	200
160	DO MINH PHUC	3	500
161	THEN VAN TAI	6	1,100

162	NGUYEN THI LAN	7	1,200
163	NGUYEN HUONG GIANG	7	1,200
164	NGUYEN THI CHUNG	999	175,600
165	LE MINH HUY	18	3,200
166	NGUYEN KIM NHE	2	400
167	VI THU HA	15	2,600
168	PHAM VU	12	2,100
169	LE CHIEU DAT	4	700
170	NGUYEN VAN KHANH	44	7,700
171	PHAM THI HUYEN TRANG	23	4,000
172	TRAN ANH TUAN	5	900
173	TRAN NHUT HAO	2	400
174	NGUYEN PHI THONG	2	400
175	BUI DUC SON	2	400
176	NGUYEN THI TRUC LY	19	3,300
177	LE THI MAI TRANG	7	1,200
178	HUYNH THI THANH NHA	32	5,600
179	BUI NHAT TUONG	16	2,800
180	DOAN THANH HOAI	1	200
181	BUI VAN TIEN	439	77,200
182	PHAM NGOC DUONG	1	200
183	THAI THI MY HANH	2	400
184	HUYNH THANH PHUONG	3	500
185	TRINH XUAN DOANH	5	900
186	LE VAN KHANH	12	2,100
187	NGUYEN THI THANH BINH	13	2,300
188	XA KIEU HUNG	20	3,500
189	TRINH HOANG KHIEM	1	200
190	DO MINH NHUT	1	200
191	NGUYEN QUOC KHANH	2	400
192	DANG THI HUONG LY	2	400
193	TRAN XUAN HOANG	3	500
194	LE VAN QUAN	6	1,100
195	BUI THI THANH XUYEN	3	500
196	LE THI YEN NHI	4	700
197	NGUYEN THANH LUAN	6	1,100
198	NGUYEN THI HANH	29	5,100
199	LE MINH PHUONG	10	1,800
200	TRIEU TIEN DAU	2	400
201	NGUYEN THANH ANH MINH	16	2,800
202	LE HUY TIEN	2	400

203	LE THI BICH HIEU	10	1,800
204	PHAN THI THU LOAN	4	700
205	NGUYEN ANH DUONG	1	200
206	NGUYEN VAN MANH QUY	8	1,400
207	HO THAO NHI	2	400
208	NGUYEN BA DUC	2	400
209	DUONG THI NHAT THU	13	2,300
210	LAI DUC TRUONG	4	700
211	PHAM LONG HOAN	23	4,000
212	TA DINH THANG	144	25,300
213	TRAN MINH DUY	5	900
214	NGO THI NGUYET	1	200
215	NGUYEN THI LE	3	500
216	DINH TRUNG HIEU	11	1,900
217	NGUYEN THU HUONG	1	200
218	DAO HUU NHAT	5	900
219	TRINH HUY DU	12	2,100
220	HOANG VAN SON	64	11,200
221	LE MANH HUNG	2	400
222	TRAN DOAN HOANG GIA	16	2,800
223	HOANG TRA MY	11	1,900
224	PHUNG VAN THO	67	11,800
225	NGUYEN LE DUY MANH	1	200
226	NGUYEN THI THU	2	400
227	PHAM BICH PHUONG	36	6,300
228	NGUYEN THAO NGUYEN	1	200
229	HUYNH THI PHU DOAN	9	1,600
230	VO THI BICH HONG	5	900
231	BUI THI THANH THUAN	3	500
232	HA NGOC VY	27	4,700
233	NGUYEN VAN LUYEN	1	200
234	BUI NHU QUYNH	2	400
235	NGUYEN VIET TUNG	11	1,900
236	DANG DUY LAM	10	1,800
237	NGUYEN THI HOA	2	400
238	NGO VAN HUNG	20	3,500
239	LE THI HIEN	131	23,000
240	LE MINH DANG	6	1,100
241	NGO QUANG MANH	4	700
242	TRAN HUYNH HUYEN TRAN	65	11,400
243	LO VAN MANH	5	900

244	PHAM HONG NGUYEN	18	3,200
245	TRAN THI HUONG	4	700
246	LAM VAN TIEU	2	400
247	NGUYEN TRANG NGOC ANH	5	900
248	THAN NHAN HIEN	692	121,600
249	NGUYEN VAN TOAN	37	6,500
250	NGUYEN TOAN THANG	3	500
251	VU VAN HUONG	38	6,700
252	NGUYEN DINH THUYET	3	500
253	HUYNH THANH TRUC	2	400
254	HOANG VAN CHO	4	700
255	TRAN VAN TIEN	5	900
256	NGUYEN VAN HAU	22	3,900
257	DINH HOANG LAM	2	400
258	TRIEU KIM AN	6	1,100
259	LUONG XUAN THANH	4	700
260	NGUYEN TRUNG NGHIA	6	1,100
261	NGUYEN ANH KIET	13	2,300
262	PHAN QUOC KHANH	1	200
263	TRUONG HOAI PHONG	1	200
264	NGUYEN ANH TUAN	1	200
265	NGUYEN THI THANH NHUONG	1	200
266	NGUYEN THI TUYET MAI	1	200
267	TRAN KHANH DUY	38	6,700
268	TRAN MINH TRIEU	4	700
269	TRINH THI TRA MY	6	1,100
270	DO QUOC HUY	10	1,800
271	NGUYEN MANH TUAN	21	3,700
272	TRAN THI VAN	31	5,400
273	HANG THAI CHAU	9	1,600
274	TRUONG HUYNH THAM	21	3,700
275	NGUYEN NGOC XUAN VY	78	13,700
276	NGUYEN THI LINH CHAU	21	3,700
277	HOANG THANH TRUNG	705	123,900
278	CHEO A KHE	38	6,700
279	NGUYEN VAN QUAN	3	500
280	LY KINH LOC	5	900
281	BANG DUY MANH	18	3,200
282	HUYNH NGOC BAN	2	400
283	NGUYEN DUY TAN	4	700
284	VO THI THU HANG	101	17,800

285	NGUYEN LAN ANH	100	17,600
286	PHAM QUANG NHAT	11	1,900
287	NGUYEN VAN KHUONG	3	500
288	CA DUY TAN	23	4,000
289	HOANG VAN THI	10	1,800
290	VU NGUYEN HUNG CUONG	6	1,100
291	NGUYEN PHUC THIEN	46	8,100
292	NGUYEN THI BE	2	400
293	LE VAN LINH	11	1,900
294	TRAN HOANG ANH	2	400
295	NGUYEN TRONG QUAN	32	5,600
296	NGUYEN DUC HOA	1,284	225,700
297	NGUYEN DO MAI SUONG	2	400
298	LE TRAN GIA HUY	1	200
299	NGUYEN THANH LAP	2	400
300	LAI QUANG DUY	28	4,900
301	VI THI THANH LE	2	400
302	LUU THANH LONG	18	3,200
303	NGUYEN TA QUANG THINH	25	4,400
304	PHAM MINH DAT	7	1,200
305	THAM HA MINH DUNG	2	400
306	THAI QUOC TRI	5	900
307	NGUYEN THI LIEN HUONG	19	3,300
308	NGUYEN VAN CHUNG	44	7,700
309	TRAN THU HA	25	4,400
310	BUI THAO LINH	8	1,400
311	PHAM LINH TRANG	2	400
312	MANG THO	2	400
313	LO VAN DUONG	2	400
314	BACH HONG HAU	14	2,500
315	DAM HUY CHIEN	64	11,200
316	DANG THAI ANH	6	1,100
317	NGUYEN VIET XUAN	4	700
318	TRAN THI NGUYET	76	13,400
319	TRIEU HOANG NAM	21	3,700
320	NGO THI THANH TUYEN	3	500
321	NGUYEN HUU LOC	14	2,500
322	NGUYEN VAN DAT	13	2,300
323	VU VAN TRUONG	16	2,800
324	CHU KHAC TOAN	18	3,200
325	TRAN QUANG LINH	2	400

326	DUONG THI LY	2	400
327	TANG VAN TOAN	5	900
328	NGUYEN ANH THU	1	200
329	NGUYEN AN THU	2	400
330	NGUYEN VAN LAM	12	2,100
331	NGUYEN VAN TU	1	200
332	NGUYEN TAN PHU	7	1,200
333	TRUONG BAO NHI	18	3,200
334	PHAM HUY BINH	2	400
335	HOANG NHU HAI LINH	6	1,100
336	VU TRUNG HIEU	8	1,400
337	PHAM THI THU HA	11	1,900
338	NGUYEN HUY HOANG	6	1,100
339	TRAN VAN TIEN	19	3,300
340	NGUYEN ANH KHOI	5	900
341	PHAN THI NGOAN	2	400
342	LUONG PHUOC TAI	31	5,400
343	NGUYEN THI HOA LAN	2	400
344	VO QUYNH LIEN	2	400
345	PHAM DUY LINH	1	200
346	TRAN VAN MINH	12	2,100
347	VO VAN KHUONG	9	1,600
348	LY THIN DUONG	13	2,300
349	LE DAC THUAN	7	1,200
350	TRAN PHI LAM	10	1,800
351	PHUNG GIA HUNG	3	500
352	TRINH VIET DUNG	9	1,600
353	PHAM MINH TRI	8	1,400
354	NGUYEN TUAN VIET	2	400
355	NGUYEN THI NGA	53	9,300
356	VI VAN TOAN	4	700
357	BUI THANH LONG	2	400
358	VO THI HUYEN TRINH	1	200
359	LUU CHI DUONG	20	3,500
360	HUYNH NGOC SON	8	1,400
361	NGUYEN HO ANH THI	13	2,300
362	BUI HUU DUC	6	1,100
363	NGUYEN KIM DUNG	7	1,200
364	HOANG THI THUY TRANG	19	3,300
365	HO VAN DUNG	3	500
366	LE MINH HUY	12	2,100

367	TRAN TRI PHONG	11	1,900
368	TRAN THI HAI YEN	14	2,500
369	NGUYEN THANH NGOC	1	200
370	LU VAN THANG	23	4,000
371	NGUYEN LE UYEN DAN	4	700
372	BUI QUANG ANH	22	3,900
373	LE SY DUNG	135	23,700
374	TRAN RO BIN	3	500
375	HOANG MINH KHANH	4	700
376	NGUYEN THUY LINH	6	1,100
377	HO VAN NHAT	3	500
378	TRUONG THI GIANG	1	200
379	PHAM TIEN HOANG	1	200
380	LE THI BE THO	27	4,700
381	HO VO QUOC KHANH	3	500
382	DINH VAN MINH	7	1,200
383	LE VIET ANH	13	2,300
384	NGUYEN DANG MINH THANH	12	2,100
385	HO NGUYEN TUONG VY	3	500
386	DO TRUC LINH	1	200
387	NGUYEN HOANG LINH	22	3,900
388	TRAN QUOC TOAN	19	3,300
389	TRAN THI THUY TRANG	5	900
390	LE ANH TUAN	2	400
391	NGUYEN THIEN TAI	1	200
392	NGUYEN MINH QUAN	33	5,800
393	VU ANH SON	6	1,100
394	NGUYEN THI THAO	16	2,800
395	LUU VIET DUNG	2	400
396	DO THANH PHUONG	10	1,800
397	NGUYEN TRUNG HIEU	264	46,400
398	VO TRUONG TIN	29	5,100
399	BUI THI HONG NGOC	15	2,600
400	PHAM THI TAM	4	700
401	NGUYEN VAN HAI	6	1,100
402	TRUONG THANH NHAT	11	1,900
403	HOANG THI UYEN	2	400
404	DOAN THUY DUONG	1	200
405	LE VAN TUAN	1	200
406	DINH HUU TUAN	17	3,000
407	NGUYEN VAN DUY	4	700

408	DAO NGOC THAM	1	200
409	TRIEU THI NHAM	1	200
410	NGUYEN DINH NAM	2	400
411	THAO VAN CU	1	200
412	NGO AI LAN	1	200
413	NGUYEN THI HANG	1	200
414	THACH THANH PHUONG	1	200
415	PHAM QUANG TRUNG	9	1,600
416	TRAN HUU KIEN	1	200
417	NGUYEN TRAN CHI HUY	5	900
418	NGUYEN THI NHAI	1	200
419	NGUYEN HUY DUC	8	1,400
420	PHAN THANH KHOA	2	400
421	NGUYEN QUOC TRUNG	79	13,900
422	NGUYEN QUOC DUY	58	10,200
423	NGUYEN DUY HA	6	1,100
424	NGUYEN TAN DUNG	11	1,900
425	TRUONG THI NGOC CAM	7	1,200
426	BACH DANG XUAN PHU	3	500
427	HUYNH NGOC TRUNG	4	700
428	NGUYEN XUAN THANH	4	700
429	HUYNH VAN QUOC CUONG	8	1,400
430	DANG THI NGOC TIEN	1	200
431	DINH THU HIEN	7	1,200
432	HUYNH THI SANG	5	900
433	LO VAN CUONG	3	500
434	NGUYEN VAN KHA	14	2,500
435	PHAM VAN TAM	11,591	2,037,100
436	TRUONG TA BAO UYEN	2	400
437	LE SONG THUY NGA	4	700
438	NGUYEN QUANG THANG	8	1,400
439	LE VU TIEN THINH	7	1,200
440	NGUYEN VAN KHANH	33	5,800
441	LO QUOC ANH	1	200
442	VU DUY BAO	2	400
443	NGUYEN MANH TUAN	9	1,600
444	NGUYEN VIET PHUONG	1	200
445	NGO THE TAI	5	900
446	DANG DINH DUC	2	400
447	NGUYEN THI THAO	9	1,600
448	DO VAN CAN	9	1,600

449	DO VAN THO	2	400
450	PHAN THE MINH	3	500
451	VU THI THU HA	2	400
452	DUONG THAI HO	1	200
453	NGUYEN NGOC KIEU VI	3	500
454	NGUYEN THAI HA	1	200
455	NGUYEN ANH QUAN	22	3,900
456	BUI VAN CUONG	2	400
457	NGUYEN VAN DUNG	2	400
458	NGUYEN THANH TUNG	15	2,600
459	NGUYEN VAN KIEN	8	1,400
460	LY VAN QUY	38	6,700
461	DANG VAN HIEP	2	400
462	PHAM VAN GIANG	11	1,900
463	PHAM XUAN TIEN	3	500
464	HA VAN HUNG	3	500
465	VO THANH AN	26	4,600
466	DOAN TRAN THE ANH	50	8,800
467	HOANG VAN DUC	2	400
468	PHAN THANH NAM	3	500
469	DANG NGOC HOA	31	5,400
470	HOANG THAI SON	4	700
471	DAO VAN SANG	14	2,500
472	TA MINH DANG	1	200
473	CHAU HOANG HIEU	3	500
474	LU MY DUYEN	41	7,200
475	NGUYEN THI HUE	2	400
476	LE BA HOA HUNG	3	500
477	VU TRINH BAO TRAN	2	400
478	NGUYEN XUAN LINH	1	200
479	TRAN TRONG SINH	9	1,600
480	DINH TIEN HUNG	2	400
481	PHAM MANH HUNG	2	400
482	MAI DUC TOAN	22	3,900
483	LUONG THI HONG DIEM	4	700
484	NGUYEN VAN ANH	4	700
485	NGUYEN DINH LAM	64	11,200
486	TO VAN NGHIA	6	1,100
487	DO DANG KHOA	2	400
488	BUI KIM NGAN	4	700
489	HA VAN NGHIEP	12	2,100

490	NGUYEN THI THANH XUAN	1	200
491	THAN VAN QUYEN	12	2,100
492	BUI THI THUY PHUONG	3	500
493	PHAM LE HUY	57	10,000
494	TRAN THI LONG	4	700
495	HA HUY CUONG	1	200
496	TRAN XUAN NGHE	6	1,100
497	CAO VAN QUYEN	12	2,100
498	TRAN DINH NGUYEN	5	900
499	TRAN THI KHANH LINH	26	4,600
500	HA MINH TU	45	7,900
501	DANG THI HANH	4	700
502	TRAN MINH TUAN	8	1,400
503	LE THANH PHU	2	400
504	DANH ANH KIET	4	700
505	DONG TRAN DANG KHOI	13	2,300
506	PHAM QUANG THANG	4	700
507	NGUYEN LUU LY	3	500
508	TRAN TRUNG KIEN	27	4,700
509	DANG HUU THANG	2	400
510	NGUYEN VAN HIEP	3	500
511	DO VU HOANG DUONG	2,843	499,600
512	NGUYEN THI NGOC LINH	1	200
513	DANH THANH TUAN	3	500
514	NGUYEN ANH KHOA	194	34,100
515	CAO DUC MANH	2	400
516	NGUYEN THE PHUONG	4	700
517	DAM THI HUONG	406	71,400
518	LE MINH PHONG	39	6,900
519	VU THANH LUAN	2	400
520	HOANG LINH KIET	2	400
521	KIM GIANG SON	2	400
522	PHAN THI LAN	908	159,600
523	NGUYEN THI HOC	2,771	487,000
524	NGUYEN HUU PHUOC	5	900
525	LE MINH NHUT	2	400
526	LE THI NGOC SANG	53	9,300
527	NGUYEN VAN DUC	3	500
528	TRUONG TAT THANH	5	900
529	TRUONG NGOC HIEU	2	400
530	LAM THI THUY NGAN	7	1,200

531	BUI NGUYEN NHUNG	21	3,700
532	VI MANH XUAN QUYEN	2	400
533	ONG THI KIM NHIEU	4	700
534	HOANG SON	7	1,200
535	PHAM DUC HOANG LAM	4	700
536	DO CONG THINH	3	500
537	NGUYEN THI KIM CHI	28	4,900
538	TAO THI THUY DUONG	2	400
539	DANG MINH CHANH	13	2,300
540	NGUYEN VAN DUY	6	1,100
541	BUI TIEN DAT	1	200
542	THEN SEO CUONG	4	700
543	NGUYEN THI ANH VY	21	3,700
544	PHAM VAN PHUC	7	1,200
545	NGUYEN QUOC TRI	52	9,100
546	BUI HUY DAT	1	200
547	CAO DUC SON	8	1,400
548	TRAN QUOC PHU	7	1,200
549	NGUYEN HONG NGOC	7	1,200
550	PHUNG PHI LUAN	5	900
551	SUNG A THAI	1	200
552	DUONG QUOC KHANH	3	500
553	LE VAN TAI	7	1,200
554	LE THUY TRANG	7	1,200
555	NGO ANH DUY	13	2,300
556	HOA DINH KHAI	11	1,900
557	TAN VAN LIEN	9	1,600
558	NGUYEN THANH BAO	31	5,400
559	NGUYEN THI BINH	4	700
560	HUA QUOC QUYEN	6	1,100
561	NGUYEN DUC HANH	8,252	1,450,200
562	NGUYEN MINH HIEU	3	500
563	LE THI LUYEN	3	500
564	NGO THI MINH THU	1	200
565	MUA A CHUA	17	3,000
566	PHAM THI THAO	3	500
567	PHAN ANH TUAN	87	15,300
568	NGUYEN NGOC TAN	19,008	3,340,600
569	QUACH VAN NHAT	1	200
570	PHAN GIA KIET	44	7,700
571	TRAN PHAN VIET ANH	12	2,100

572	NGUYEN VAN CHIEN	3	500
573	PHAM THANH AN	1	200
574	NGUYEN VAN ANH	12	2,100
575	VU MANH TUAN	17	3,000
576	VU KIM KHANH	5	900
577	NGO THI TONG	1	200
578	NGUYEN XUAN MINH	16	2,800
579	TRAN BA VIET THANG	18	3,200
580	MAI HUU TRI	2	400
581	NGUYEN THI THU HIEN	8	1,400
582	LE THANH TU	3	500
583	NGUYEN THI THUY	4	700
584	NGUYEN THIEN NHAN	3	500
585	NGUYEN MINH TRANG	2	400
586	VU DUC NHAT TUYEN	1	200
587	LY THI NGOC DUNG	1	200
588	LE QUY DAT	6	1,100
589	NGUYEN THI KHANH LINH	2	400
590	NGUYEN THI PHUONG MAI	1	200
591	PHAM MINH TRI	9	1,600
592	NGUYEN DUC HIEU	13	2,300
593	DOAN SON HAI	3	500
594	DANG TRIEU PHUC	10	1,800
595	DO TRUNG HIEU	23	4,000
596	TRUONG NGUYEN HONG THI	1	200
597	DO THUY DUONG	1	200
598	TRAN NAM DIEU	4	700
599	DUONG QUANG LONG	40	7,000
600	HUYNH TAN HIEU	7	1,200
601	HA NGUYEN KHANH LY	6	1,100
602	CHE DUY PHONG	86	15,100
603	NGUYEN HUU CUONG	9	1,600
604	VO MINH THANH	14	2,500
605	HOANG THU HA	1	200
606	LUU VAN LAM	6	1,100
607	NGUYEN THI KIM NGAN	6	1,100
608	DO QUOC DAT	13	2,300
609	LO THI NUON	2	400
610	DINH THI NGOC ANH	3	500
611	LU VAN NIEN	3	500
612	LUONG NGOC PHI	7	1,200

613	NGUYEN VAN NHUAN	5	900
614	NGUYEN ANH TUYET	7	1,200
615	HO QUYNH ANH	13	2,300
616	NGUYEN VAN SO	3	500
617	KHUC CHI PHAT	2	400
618	DO THI YEN NHI	3	500
619	NGUYEN THI NGOC	26	4,600
620	TRAN XUAN SON	11	1,900
621	NGUYEN THI LAN	22	3,900
622	VO KHAC HUY	2	400
623	NGUYEN DIEU LINH	1	200
624	DO THANH NHAN	7	1,200
625	PHAM DANG DUC HUY	1	200
626	K TRUONG	62	10,900
627	PHAM TUAN HUNG	12	2,100
628	NGUYEN HAI DANG	2	400
629	LY VAN THANG	8	1,400
630	MAI XUAN NHAN	3	500
631	NGUYEN THI YEN	1	200
632	TRAN VAN MANH	3	500
633	NGUYEN THI KIM PHUONG	40	7,000
634	PHAM HUYNH VIET QUAN	4,234	744,100
635	DO QUANG THINH	5	900
636	VAN THI THUY VI	15	2,600
637	DO BAO HOANG	1	200
638	LE HOANG THANH	5	900
639	VI QUOC BAO	4	700
640	NGUYEN KHANH DUY	2	400
641	NGUYEN THI HAO	1	200
642	NGUYEN THI PHUONG	1	200
643	NGUYEN THI HAI HANG	1	200
644	MAI TAN QUYNH	1	200
645	PHAM VAN DAT	3	500
646	NGUYEN QUANG HUNG	5	900
647	LE HUNG NGUYEN	70	12,300
648	TRAN LAM GIA HUNG	7	1,200
649	PHAM THI MINH TAM	2	400
650	NGUYEN DINH HOANG	1	200
651	LUONG MINH HIEU	2	400
652	TRUONG QUOC CUONG	1	200
653	DANG TRUNG KIEN	29	5,100

654	NGO QUANG SON	10	1,800
655	NGO VINH DINH	48	8,400
656	NGUYEN THI BAO NGAN	3	500
657	QUACH DUY THANH	4	700
658	NGUYEN THANH NHAN	14	2,500
659	TRAN VAN ANH DUY	13	2,300
660	DUONG NHAT ANH	2	400
661	LO VAN TRUNG	38	6,700
662	NGUYEN HOANG QUOC	49	8,600
663	TRAN TAN PHONG	19	3,300
664	BUI NHU VIET	4	700
665	NGUYEN VAN DUY	22	3,900
666	KA NHUM	5	900
667	TRAN DINH HAI	15	2,600
668	LE VAN LAI	17	3,000
669	DUONG THANH PHONG	1	200
670	NGUYEN CAO PHONG	7	1,200
671	BUI ANH CHUONG	5	900
672	NGUYEN TONG HUU QUY	4	700
673	NGUYEN THANH DAT	39	6,900
674	TRAN THI BICH PHI	6	1,100
675	NGUYEN MANH KHANG	2	400
676	NGUYEN NGOC SON	43	7,600
677	DANH LY	35	6,200
678	PHAM THUY DUONG	1	200
679	PHAM GIA SON	1	200
680	NGUYEN VINH KHANG	1	200
681	NGUYEN DUC TRUNG	14	2,500
682	HO HAI KIET	5	900
683	LE TRONG NHAN	6	1,100
684	TRUONG VAN SINH	14	2,500
685	TRAN THI HONG VAN	3	500
686	LE THI HA	1	200
687	LO DUC TOAN	4	700
688	DO THI KIEU TRINH	2	400
689	NGUYEN TUNG DUONG	31	5,400
690	LE VAN HAU	18	3,200
691	TRUONG THI DIEP ANH	5	900
692	VO MONG NGHI	15	2,600
693	TRAN PHUC NHAN	2	400
694	PHAN NGO PHI	1	200

695	DAO HONG PHONG	9	1,600
696	NGUYEN XUAN SANG	5	900
697	PHAM THANH TAM	15	2,600
698	PHAM DUC TAI	7	1,200
699	HA NGOC CA CA	13	2,300
700	LUONG MINH QUAN	60	10,500
701	TRAN DANG HUNG	23	4,000
702	DINH QUANG DUY	8	1,400
703	PHAM THANH THIEN	2	400
704	HOANG THI TUYET HONG	6	1,100
705	LO THI HONG NGOC	449	78,900
706	LE THI PHUONG	279	49,000
707	QUACH BAO NAM	1	200
708	PHAM THI HOAN	8	1,400
709	NGUYEN HUU CUONG	4	700
710	LE HUYNH TRAN	24	4,200
711	BE QUOC DAT	12	2,100
712	NGUYEN THI HANG SUONG	4	700
713	NGO QUOC HUYEN	4	700
714	NGUYEN HUU THONG	2	400
715	NGUYEN KIM UYEN	2	400
716	NGUYEN VAN HUNG	400	70,300
717	TRAN HUY HUNG	2	400
718	HOANG VAN LUYEN	4	700
719	NGUYEN THI LAN	14	2,500
720	TRAN VAN TU	4	700
721	NGUYEN DANG KHOA	9	1,600
722	NGUYEN VAN DUNG	1	200
723	LUONG VU	13	2,300
724	DANG XUAN KHIEM	3	500
725	VU THI THU TRANG	2	400
726	NGUYEN TIEN DAT	23	4,000
727	TUONG THI LAN ANH	5	900
728	NGUYEN THANH LIEM	1	200
729	NGUYEN QUANG THANG	4	700
730	PHAN VAN TUAN	6	1,100
731	DANG THU HUYEN	15	2,600
732	HOANG TIEN HOI	11	1,900
733	HOANG GIA LONG	4	700
734	LO VAN QUANG	5	900
735	HO QUANG ANH	2	400

736	DO THI HANH	34	6,000
737	LE SY PHUC	9	1,600
738	PHAM VAN LUYEN	1	200
739	PHAM THI TRUC	3	500
740	TRINH THI LAN ANH	11	1,900
741	NGUYEN PHUOC HUY	27	4,700
742	PHAN DUY DUC	38	6,700
743	LE VAN HIEU	12	2,100
744	BAN VAN CUONG	5	900
745	NGUYEN THI MINH	1	200
746	NGUYEN MY LINH	9	1,600
747	LE THANH QUOC	2	400
748	NGUYEN THI HONG BICH	4	700
749	NGUYEN CHI DAO	7	1,200
750	NGO MINH CHAU	6	1,100
751	LE QUANG THANG	19	3,300
752	NONG ANH KHOA	13	2,300
753	NGUYEN CONG THIEN	2	400
754	NGUYEN THI THU TRANG	41	7,200
755	DINH THI HANG	5	900
756	NGUYEN CHAN HUNG	3	500
757	VAN GIA HIEU	6	1,100
758	VOONG HONG VAN	44	7,700
759	DINH HOANG DIEP VI	1	200
760	HOANG VAN DUC	1	200
761	NGUYEN MINH DUC	2	400
762	LE TRONG DAT	64	11,200
763	VU THI NHO	540	94,900
764	NGUYEN BONG LAP	16	2,800
765	NGUYEN ANH TU	1	200
766	KIEU CAO QUYET	1	200
767	TRAN VAN VANG	1	200
768	TRAN THU HUONG	16	2,800
769	LUU BA SON	7	1,200
770	NGUYEN THI KIM THOA	8	1,400
771	VO DUY TINH	14	2,500
772	VU HUU LOI	124	21,800
773	NGUYEN TUAN ANH	346	60,800
774	DEO VAN CHUNG	2	400
775	TRAN XUAN CHIEN	124	21,800
776	DANG TAN PHUC	16	2,800

777	HOANG THI LIEU	5	900
778	LE VAN ANH VU	2	400
779	NGUYEN TRAN HOAN	5	900
780	CAO VAN QUANG ANH	6	1,100
781	NGUYEN BAO TRAN	24	4,200
782	NGUYEN THANH AN	2	400
783	PHUNG DUY NHAT	21	3,700
784	TU TUAN KIET	8	1,400
785	LY A NINH	8	1,400
786	LE HOANG NAM	1	200
787	NGUYEN HUU HUAN	1	200
788	LAM DUC TUAN	3	500
789	NGUYEN VIET THONG	3	500
790	NGUYEN VAN DUNG	3	500
791	TRAN TRUNG NGOC	1	200
792	BUI THUY LINH	3	500
793	DINH VAN KHANG	14	2,500
794	DO QUOC HUNG	5	900
795	NGUYEN THI THUY DUONG	2	400
796	HUYNH NGOC PHAT	16	2,800
797	TRINH DUY TUAN	5	900
798	HUYNH THANH KHA	10	1,800
799	TRAN HUY NHAT TRUONG	1	200
800	VANG CONG MINH	1	200
801	TRAN THI LINH DA	1	200
802	DUONG THI VAN ANH	15	2,600
803	PHAN THI HOA	13	2,300
804	NGUYEN GIA TRUONG	2	400
805	TRAN VIET HUNG	1	200
806	VU VAN TRUONG	11	1,900
807	VINH BAO NGOC TRAN	1	200
808	LAM NGUYEN VINH AN	6	1,100
809	BUI HAI NAM	1	200
810	NGUYEN THI THUY TRANG	1	200
811	NGUYEN MANH TUAN	42	7,400
812	NGUYEN VAN HAO	1	200
813	LE TUAN LONG	1	200
814	LE THANH DUC	24	4,200
815	NGUYEN THANH TUNG	4	700
816	NGUYEN THI PHUONG	2	400
817	MAC VAN LUAN	11	1,900

818	TRINH TRAN NAM HOA	2	400
819	DO THI THU TRANG	1	200
820	DO VAN TIEP	6	1,100
821	MAI LE THUY NGA	3	500
822	PHAM QUANG THANG	2	400
823	NGUYEN THI HONG MINH	1	200
824	DINH PHUONG NHIEU	1	200
825	NGUYEN PHUC THANH TU	4	700
826	VO THI MINH THU	1	200
827	TRAN MINH TOAN	7	1,200
828	LUONG DUC CHUNG	33	5,800
829	HUYNH THIEN NHAN	3	500
830	HONG QUANG LONG	6	1,100
831	HOANG MINH ANH	2	400
832	PHAN VAN DANG	16	2,800
833	PHAN THI HONG PHUONG	13	2,300
834	NGUYEN VAN TIEN	2	400
835	NGUYEN NHU QUYNH	24	4,200
836	QUANG VAN KHOI	1	200
837	HO VAN HUY	5	900
838	PHAM TU ANH	4	700
839	LA CHI DU	17	3,000
840	LO VAN THU	2	400
841	LE NGUYEN TRUNG HIEU	1	200
842	HUA THANH DAT	5	900
843	TO THI CAM TUYEN	12	2,100
844	DUONG KIEU TRANG	1	200
845	HO QUOC THANG	6	1,100
846	TRAN BAO PHONG	12	2,100
847	NGUYEN BA SON	3	500
848	NGUYEN THANH BINH	58	10,200
849	MONG VAN TUNG	13	2,300
850	PHAN THI NGOC	5	900
851	DOAN THI THU NGAN	1	200
852	NGUYEN VAN PHONG	1	200
853	DANG HOANG CHIEU ANH	1	200
854	LE KHAC DANH	5	900
855	BUI THI THAO NGUYEN	8	1,400
856	NGUYEN CAO MINH	23	4,000
857	NGUYEN THI MY HANH	27	4,700
858	NGUYEN GIA BAO	1	200

859	BUI MINH HUNG	1	200
860	NGUYEN VIET CUONG	8	1,400
861	MAI THI THANH NGAN	14	2,500
862	LE NGUYEN THI HOANG VY	9	1,600
863	LE HOANG LAN	3	500
864	NGUYEN ANH QUY	2	400
865	DINH BAO NAM	1	200
866	LE PHUOC NHAT MINH	2	400
867	NGUYEN TRUONG ANH VAN	1	200
868	LA HONG PHUOC	2	400
869	DOAN TUAN DUNG	1	200
870	CAO MINH CHANH	5	900
871	LE THI HANG	4	700
872	NGUYEN KIM HUY	4	700
873	HA MANH DUY	2	400
874	NGUYEN DUC DANH	3	500
875	LUONG TUAN NGHIA	10	1,800
876	NGUYEN QUANG HUY	9	1,600
877	HOANG CHINH QUAN	2	400
878	NGUYEN TAT HUNG	1	200
879	NGUYEN THI BICH TUYEN	5	900
880	NGUYEN HUU HUY	1	200
881	PHAM HOANG TRUONG SON	3	500
882	VU HAI NAM	35	6,200
883	LE QUOC BAO	14	2,500
884	HOANG VAN TUAN	1	200
885	TA DUC QUAN	2	400
886	TRUONG VAN QUOC	1	200
887	DO VAN HUNG	2	400
888	PHUNG NAM KHANH	3	500
889	DUONG TON TRI	31	5,400
890	DUONG THI HANG	3	500
891	NGUYEN QUOC VIET	3	500
892	THAN QUYNH ANH	2	400
893	LAI VIET ANH	2	400
894	LUU THI HONG NHUNG	2	400
895	NGUYEN HOANG LOAN THY	2	400
896	LO VAN HUY	11	1,900
897	LE TRUNG SON	1	200
898	NGUYEN VIET ANH	18	3,200
899	NGUYEN KHANH LINH	21	3,700

900	TRAN THI KIM NGAN	1	200
901	PHAM VAN DIEP	1	200
902	TRAN MINH THONG	44	7,700
903	VANG MI THANH	3	500
904	BUI ANH KIET	7	1,200
905	THACH NHI	58	10,200
906	NGUYEN HUY DUC	2	400
907	HUNG TUAN MINH	9	1,600
908	NGUYEN TRONG LINH	9	1,600
909	LE VIET HAU	14	2,500
910	NGO HAI DONG	3	500
911	VU VIET HOANG	3	500
912	NGUYEN PHI HUNG	1	200
913	NGUYEN THI DIEM PHUC	1	200
914	DANG HONG HANH	8	1,400
915	BUI MINH HAI	2	400
916	VANG VAN XAM	4	700
917	LUONG QUOC BAO	2	400
918	NGUYEN TIEN DONG	6	1,100
919	TRAN DOAN HAI	2	400
920	NGUYEN THI HOA	1	200
921	NGUYEN VU HIEP	7	1,200
922	NGUYEN NGOC THIEN THANH	4	700
923	NGUYEN THI MINH UYEN	6	1,100
924	CAO DINH NAM	40	7,000
925	GIANG CHI HIEU	200	35,100
926	BUI NGUYEN TRUNG HIEU	1	200
927	NGUYEN CONG MINH	5	900
928	NGUYEN PHUOC QUY TU	3	500
929	NGUYEN TUAN ANH	3	500
930	NGUYEN THI PHONG	414	72,800
931	NGUYEN PHU HUNG	12	2,100
932	NGO TRONG QUAN	2	400
933	NGUYEN QUYET THANG	11	1,900
934	TRAN QUOC THANG	5	900
935	NGUYEN VAN THUC	1	200
936	NGUYEN MINH NHUT	19	3,300
937	DAO XUAN HAI	1	200
938	HOANG THI CHANH	2	400
939	DAO DUY GIA VINH	5	900
940	NGUYEN VAN KHUONG	1	200

941	LUONG MY NGOC	3	500
942	Y VA LIN TIN NIE	22	3,900
943	LE HOANG YEN	1	200
944	BUI THI HUYNH TRANG	4	700
945	PHUNG THI DUNG	321	56,400
946	NGUYEN HOANG NHAT	1	200
947	A CAU	40	7,000
948	VO TONG	4	700
949	LU THI MAO	6	1,100
950	GIANG A DAN	3	500
951	TRAN NGUYEN NHAT HUY	3	500
952	LY BAO NGOC	1	200
953	NGUYEN THI TUYET MINH	1	200
954	NGUYEN PHUC HUNG	6	1,100
955	PHAM VAN SANG	2	400
956	PHAM CHAU NGHIA	1	200
957	BUI QUOC CHUNG	2	400
958	LE HONG PHI	2	400
959	DO NGOC HOAN	5	900
960	TRAN THI KIEU NUONG	6	1,100
961	DO THI THUY	1	200
962	VU THANH DAT	5	900
963	LONG DUY KHAI	9	1,600
964	DAO THI OANH	1	200
965	NGUYEN VAN DUONG	3	500
966	VAN QUOC KHANG	29	5,100
967	PHAM SON TUNG	6	1,100
968	NGUYEN THACH BAO NAM	9	1,600
969	NGUYEN VAN LOI	2	400
970	DO DUY HIEU	2	400
971	BUI TIEN DAT	5	900
972	NGUYEN VAN TOI	7	1,200
973	HUYNH TINH TAM	1	200
974	PHAM VAN DUC	2	400
975	PHAM NHAT DUY	1	200
976	DUONG THAO MINH	17,039	2,994,500
977	TRAN DUC HOANG	1	200
978	DO THI HUYNH NHI	12	2,100
979	NGO QUOC HUNG	4	700
980	NGUYEN VAN THAI	3	500
981	DO NGOC LINH	4	700

982	TRUONG THE TOAN	4	700
983	VUONG DUY HA	1	200
984	NGUYEN THI HANH	5	900
985	MUA SONG DONG	5	900
986	PHAM QUOC VINH	4	700
987	DO NGOC TRANG	3	500
988	DOAN MINH THUAN	7	1,200
989	TRAN VIET HA	1	200
990	NGUYEN DUY KHANH	2	400
991	TRUONG SY GIANG	1	200
992	PHAM THI KIM NHANH	3	500
993	VU HAI NAM	6	1,100
994	CAO THI CHI HIEU	1	200
995	NGUYEN THAI AN	5	900
996	GIANG A VUONG	2	400
997	PHAM NGUYEN NHAT ANH	4	700
998	LAI DINH CAO DUC	8	1,400
999	DUONG QUOC HUY	27	4,700
1000	VU DINH DONG	5	900
1001	VU ANH TUAN	2	400
1002	LUU VAN TUAN	1	200
1003	NGUYEN THI LIEN	1	200
1004	PHAN THI MINH HIEN	2	400
1005	PHAM THI DIEM	1	200
1006	VU HONG AN	8	1,400
1007	NGUYEN THI BAO TRAM	2	400
1008	DUONG THI MY NGOC	3	500
1009	TRINH KIEU ANH	2	400
1010	BUI DUC TUNG	4	700
1011	PHAN THI NHI	4	700
1012	HA THI PHUONG TAI	16	2,800
1013	VU HONG NHUNG	22	3,900
1014	NGUYEN HUONG LY	11	1,900
1015	PHUNG VAN TINH	26	4,600
1016	PHAM QUANG NHAT	8	1,400
1017	DANG PHUONG THANH	2	400
1018	BUI THU THUY	1	200
1019	LUC KHANH NGOC	2	400
1020	DANG NGOC THUY NHIEU	3	500
1021	HOANG DUC MANH	2	400
1022	DAO MANH CUONG	2	400

1023	HO VAN HA	1	200
1024	NGO THI PHUONG	1	200
1025	TRAN KIM THU	5	900
1026	NGUYEN VAN SUM	3	500
1027	HOANG DUC HAI	57	10,000
1028	LE BA MY	17	3,000
1029	HO HUU NHAN	1	200
1030	NGUYEN DOAN CONG	7	1,200
1031	TRAN DINH LONG	47	8,300
1032	PHAN THI THU THUY	1	200
1033	NGUYEN VAN HUAN	11	1,900
1034	NGUYEN HUY KHAM	5	900
1035	VU PHAM DUY	3	500
1036	NGUYEN QUYNH NHU	10	1,800
1037	PHAN HUY CHUONG	6	1,100
1038	TRAN VAN DONG	6	1,100
1039	NGUYEN QUOC HUNG	13	2,300
1040	BUI QUOC KHANH	10	1,800
1041	LE PHAM QUOC VIET	2	400
1042	TRAN VAN HONG	5	900
1043	TRAN QUANG HUY	5	900
1044	VU TRONG HIEU	21	3,700
1045	TRAN VAN GIA LAM	1	200
1046	LE NGUYEN THANH LUAN	2	400
1047	LAI QUYNH ANH	26	4,600
1048	TRAN QUAN SU	1	200
1049	HO VAN LUAN	3	500
1050	HUYNH TRUNG TINH	1	200
1051	LE NGUYEN PHI HUNG	7	1,200
1052	NGUYEN DUC PHONG	3	500
1053	NGUYEN VAN MANH	3	500
1054	PHAN VAN HOAN	27	4,700
1055	NGUYEN VAN HUNG	8	1,400
1056	LE DUC PHUC	19	3,300
1057	LE HOANG QUYNH CHAU	11	1,900
1058	NGUYEN DAI DUNG	27	4,700
1059	BUI DUY KHANH	5	900
1060	HOANG THI PHUONG	6	1,100
1061	THACH THANH TINH	9	1,600
1062	BUI VAN TUAN TU	5	900
1063	LE QUANG HUNG	8	1,400

1064	DAO PHUC VINH	7	1,200
1065	NGUYEN HOANG LONG	11	1,900
1066	LE NGUYEN TUAN ANH	13	2,300
1067	NGUYEN THANH HAI	1	200
1068	HUYNH MINH TRUNG	3	500
1069	NGUYEN TAN VANG	2	400
1070	HOANG QUOC QUAN	8	1,400
1071	PHAM THE DUY	6	1,100
1072	HOANG HAI NAM	1	200
1073	DOAN VIET NHAT	46	8,100
1074	NGUYEN THI THANH KIEU	6	1,100
1075	DINH DUC CONG	1	200
1076	PHAM QUOC VIET	1	200
1077	DANG BACH KHOA	2	400
1078	DINH TAN TAI	5	900
1079	TA DANH CHAU	29	5,100
1080	CA VAN LONG	2	400
1081	TRAN LE THANH HONG	10	1,800
1082	NGUYEN KIM PHUONG	6	1,100
1083	TRAN XUAN THIEN	3	500
1084	PHAN DUC TRI	9	1,600
1085	NGUYEN DUY DUONG	2	400
1086	NGUYEN THI KHUYEN	12	2,100
1087	VANG QUOC BINH	3	500
1088	HOANG BAO KHON	16	2,800
1089	NGUYEN HUU QUANG	2	400
1090	NGUYEN QUYNH GIANG	35	6,200
1091	NGUYEN HOANG PHU	2	400
1092	NGUYEN THI HIEN	43	7,600
1093	NGO PHUOC THINH	2	400
1094	NGUYEN THI TUYET NHUNG	1	200
1095	COOR VINH THANG	4	700
1096	DINH THI HUONG	1	200
1097	VO THI XUAN HOA	1	200
1098	TRAN THI BICH PHUONG	1	200
1099	DINH THIEN TU	41	7,200
1100	TRUONG VAN CHIEN	1	200
1101	VO HOANG BUU	18	3,200
1102	DANG TANG CHIU	2	400
1103	HUYNH DUY NHUT	11	1,900
1104	LE THI HONG NGA	5	900

1105	NGUYEN THI NGAN HA	6	1,100
1106	NGUYEN BA NHAT MINH	1	200
1107	DINH TRUONG DAN	8	1,400
1108	LE NGUYEN TAN PHAT	5	900
1109	NGUYEN THUY LINH	10	1,800
1110	NGUYEN THI KY DUYEN	3	500
1111	LY QUOC VINH	5	900
1112	DANG TUAN ANH	2	400
1113	TRUONG HAI HOA	1	200
1114	NGUYEN NHU NGOC	2	400
1115	VU TRUONG GIANG	8	1,400
1116	LE SONG THAO NGUYEN	2	400
1117	NGUYEN VIET QUANG TIEN	31	5,400
1118	LE VAN DUC	6	1,100
1119	HOANG VAN TAM	4	700
1120	HOANG NGOC ANH	10	1,800
1121	NGUYEN THE ANH	8	1,400
1122	DOAN NGOC BICH TRAM	11	1,900
1123	NGUYEN SONG THANH	6	1,100
1124	PHAM THI KIEU TRANG	4	700
1125	HA A CHI	4	700
1126	PHAM THE CUONG	1	200
1127	NGUYEN TIEN TRIEU	1	200
1128	CHAO CAO SAN	2	400
1129	LE HONG NGOC PHUNG	11	1,900
1130	XONG BA KHU	2	400
1131	NGO THAI SON	4	700
1132	NGUYEN MANH LINH	15	2,600
1133	VO VAN TINH	6	1,100
1134	BUI QUANG TRUNG	1	200
1135	TRAN ANH TUAN	1	200
1136	HOANG VAN TRUONG	4	700
1137	NGUYEN QUOC VAN	1	200
1138	PHAN THANH DUNG	11	1,900
1139	DANG NGOC NGAN	9	1,600
1140	NGUYEN MANH CUONG	1	200
1141	LA THI THU NGUYET	2	400
1142	NGUYEN THI KHANH LINH	6	1,100
1143	HUYNH THANH NAM	3	500
1144	NGO TRUNG KIEN	7	1,200
1145	TRUONG MINH PHUONG	2	400

1146	LUU TIEN DAT	5	900
1147	NGUYEN BAO NGUYEN	1	200
1148	THUNG VAN HUY	2	400
1149	NGUYEN XUAN HUNG	2	400
1150	LE VAN CHAU	1	200
1151	PHAN CONG THINH	29	5,100
1152	HOANG THI NGOC ANH	1	200
1153	VU THI HONG NGAT	1	200
1154	DO ANH DUNG	17	3,000
1155	NGUYEN VAN HUY	1	200
1156	HUYNH GIA HUY	4	700
1157	PHAM VAN THANG	4	700
1158	LE TUAN ANH	6	1,100
1159	CA ANH TUAN	1	200
1160	HO CHI TAM	1	200
1161	DANG TIEN TRONG	1	200
1162	NGUYEN THANH PHU	1	200
1163	TRAN VINH TRANH	3	500
1164	PHAN MINH PHUOC	17	3,000
1165	NGUYEN HOAI PHUONG	1	200
1166	DINH QUOC AN	6	1,100
1167	NGUYEN THI THANH THUY	8	1,400
1168	LY VAN TIEN	4	700
1169	NGUYEN DUC MINH HIEU	1	200
1170	NGUYEN VAN TRI	7	1,200
1171	LUU BA HIEP	17	3,000
1172	LY VAN DIEM	7	1,200
1173	NGUYEN VAN DUC	50	8,800
1174	TRAN VIET BAO CHAU	8	1,400
1175	LUU NHAT TRUONG	2	400
1176	DANG THI THOA	8	1,400
1177	LE THE HAI	32	5,600
1178	TRAN DANG DUNG	10	1,800
1179	NGUYEN HOANG ANH KHOA	4	700
1180	HO PHAT DAT	28	4,900
1181	NGUYEN VAN SON	5	900
1182	TRAN THI BINH AN	2	400
1183	TRAN CAO BACH KHUE	1	200
1184	HUYNH THI QUY	1	200
1185	NONG THI LAN HUONG	2	400
1186	NONG TRIEU DUC HIEU	4	700

1187	NGUYEN KHAC NHAT	4	700
1188	NGUYEN ANH KHOA	1	200
1189	BUI HUYEN TRANG	4	700
1190	NGUYEN DUC TUNG	5	900
1191	NGUYEN DUY DUNG	1	200
1192	VU KHA HOANG THAI	6	1,100
1193	DANG MINH TAN	16	2,800
1194	MA MY	1	200
1195	TRAN QUOC TUAN	17	3,000
1196	NGUYEN THI NGOC AN	5	900
1197	DUONG THI CAM DUYEN	2	400
1198	NGUYEN VAN MANH	8	1,400
1199	TANG THANH DAT	1	200
1200	CHU THI SUOT	1	200
1201	PHAM THI KIEU OANH	3	500
1202	NGUYEN NGOC KHANH	1	200
1203	NGUYEN QUOC ANH	2	400
1204	PHAM HOANG KIEN	1	200
1205	HOANG TUNG GIANG	9	1,600
1206	TONG MINH HIEU	7	1,200
1207	LE TRINH QUANG VINH	4	700
1208	NGUYEN ANH THU	3	500
1209	CAO THI DUNG	1	200
1210	NGUYEN HO NGOC MAI	5	900
1211	NGUYEN THI THANH HUONG	5	900
1212	NGUYEN TUAN HAO	8	1,400
1213	HOANG TAM CAO	2	400
1214	HOANG TRUNG HIEU	6	1,100
1215	PHUNG THI THANH MAI	2	400
1216	TRAN VAN DUC	7	1,200
1217	PHAM DUY	2	400
1218	NGUYEN THI HA	1	200
1219	LE DINH MINH	1	200
1220	LE MINH DUC	8	1,400
1221	BUI NGUYEN THAO NGAN	4	700
1222	NGUYEN THI HIEU	2	400
1223	VO VAN THANH	1	200
1224	PHAM THI NGHIA	3	500
1225	NGUYEN NGOC NGAN	22	3,900
1226	TRINH QUANG TRUNG	9	1,600
1227	LE VAN HUNG	5	900

1228	TONG VAN THACH	4	700
1229	VU BAO NAM	35	6,200
1230	TRAN ANH VU	1	200
1231	VO VAN TRUYEN	2	400
1232	PHAN TAN PHONG	5	900
1233	TRUONG VAN TIEN	6	1,100
1234	VO HOANG THAI	4	700
1235	TRAN DUC LUONG	50	8,800
1236	TRUONG HOANG ANH	3	500
1237	NGUYEN VAN TAN	4	700
1238	LE VAN ANH	4	700
1239	LE NGOC QUANG	6	1,100
1240	VO NGOC PHUC	1	200
1241	LO VAN QUAN	4	700
1242	PHAM HONG PHONG	2	400
1243	DANG THI HUONG GIANG	4	700
1244	LE VAN ANH TUAN	17	3,000
1245	PHAM THAI BAO	1	200
1246	BUI DINH TRA	1	200
1247	TRAN VINH DAI	6	1,100
1248	NGUYEN KHANH LINH	16	2,800
1249	BUI TRI MINH	1	200
1250	HO TRUNG TIN	22	3,900
1251	NGUYEN THI BICH PHUONG	8	1,400
1252	NGUYEN DUC TUAN	23	4,000
1253	HOANG VAN HOA	70	12,300
1254	PHAM THANH THAO	26	4,600
1255	LE VAN THINH	2	400
1256	LE THI LINH	2	400
1257	PHAM THI THU HANG	2	400
1258	LE THI MY QUYEN	2	400
1259	NGUYEN VAN HUNG	1	200
1260	LE TUAN HUNG	15	2,600
1261	CAO HUYNH THANH XUAN	5	900
1262	LE THI VAN ANH	6	1,100
1263	TRINH DUC MINH	11	1,900
1264	LE ANH QUOC	16	2,800
1265	LAM HIEU	1	200
1266	TRAN THI PHUONG UYEN	18	3,200
1267	VO TAN KHOI	4	700
1268	NGUYEN KIEN CUONG	7	1,200

1269	NGUYEN XUAN HIEP	7	1,200
1270	NGUYEN NGOC DUONG	8	1,400
1271	PHAM TRAN CHAN	4	700
1272	NGUYEN THI HUYEN ANH	19	3,300
1273	LE NGOC LINH	2	400
1274	NGUYEN ANH THU	5	900
1275	NGUYEN ANH TUAN	4	700
1276	VU TRONG CHIEN	1	200
1277	LE THI THANH HOAI	6	1,100
1278	LUONG DUY MINH	9	1,600
1279	DOAN VAN QUYET	2	400
1280	TRAN CHI NHO	12	2,100
1281	DANG QUY NGOC	6	1,100
1282	HUYNH LAM NHU	1	200
1283	LY HOANG PHUC	1	200
1284	NGUYEN THI THUY VAN	1	200
1285	NGUYEN TUNG HUONG	3	500
1286	DANH NGUYEN THAO MI	4	700
1287	PHAM VAN VINH	2	400
1288	HA TRUNG DUC	1	200
1289	NGUYEN VAN HOANG	34	6,000
1290	VU CHI BAO	25	4,400
1291	HA QUOC VUONG	7	1,200
1292	DANG NGOC THANH	14	2,500
1293	NGUYEN HOANG LINH	4	700
1294	LE HA PHUONG	18	3,200
1295	MAI VAN TAI	3	500
1296	LE HUYNH TIEN	2	400
1297	LIEU VAN SUOL	5	900
1298	HUYNH NGUYEN QUAN TIEN	1	200
1299	NGUYEN THI TUYET NHI	5	900
1300	VU THI THANH NGAN	1	200
1301	LE VAN HUNG	13	2,300
1302	TRINH GIA KIET	1	200
1303	A THU	24	4,200
1304	TRAN VIET HOI	1	200
1305	QUACH TRIEU TUONG	10	1,800
1306	MA A SINH	5	900
1307	PHAM THI ANH HONG	2	400
1308	DINH THI THU TRANG	2	400
1309	TRAN CHI THIEN	1	200

1310	CAM VAN HUY	12	2,100
1311	HUYNH KIM LOC	3	500
1312	NGUYEN KIM HUY	6	1,100
1313	DANG THI THUOC	1	200
1314	TRAN THANH HAI	1	200
1315	LE THI HANH DUNG	1	200
1316	LA NGOC BICH TUYEN	1	200
1317	THACH VAN KHANH	4	700
1318	LE THANH THAO	1	200
1319	VU HONG THAI SON	1	200
1320	VO THE KHOI	3	500
1321	GIANG ANH KIET	32	5,600
1322	NGUYEN NGOC THE	7	1,200
1323	LE NGUYEN QUOC LAM	18	3,200
1324	PHUNG DINH NAM	5	900
1325	NGUYEN DUC HUY	41	7,200
1326	BUI MINH THANG	1	200
1327	NGUYEN BUI ANH KHANG	2	400
1328	NGUYEN THI VAN ANH	1	200
1329	MAI THI YEN	1	200
1330	NGUYEN THI HANG NGA	58	10,200
1331	TRAN THI ANH TUYET	14	2,500
1332	HOANG NHAT QUANG	16	2,800
1333	VU NGOC THAI	2	400
1334	HONG CHOI CHINH	5	900
1335	TRAN THI THU THUY	7	1,200
1336	DO MINH QUAN	1	200
1337	DANG THI THANH HOAI	21	3,700
1338	NGUYEN NGOC YEN TRANG	1	200
1339	TRAN DINH QUOC BAO	17	3,000
1340	HUYNH PHU LONG	1	200
1341	NGUYEN DINH NAM	6	1,100
1342	NGUYEN NGOC HAI HA	41	7,200
1343	NGUYEN THI THU HANG	2	400
1344	NGUYEN HOANG MINH HUY	3	500
1345	HOANG MINH HUY	1	200
1346	CAO TRAN MEN	84	14,800
1347	NGUYEN HOANG VU	13	2,300
1348	NGUYEN VAN DUC	5	900
1349	DO QUOC TRUONG	5	900
1350	TRAN THI THU HUONG	7	1,200

1351	DO HOANG MINH	1	200
1352	NGO MINH DAT	7	1,200
1353	NGUYEN VINH HIEU	7	1,200
1354	CAO ANH HIEU	9	1,600
1355	TRUONG DINH TAN	16	2,800
1356	VO ANH VIET	12	2,100
1357	HO XUAN QUAN	30	5,300
1358	TRINH QUOC VIET	14	2,500
1359	TRAN MINH KHANG	12	2,100
1360	NGUYEN NGOC HANH	3	500
1361	NGUYEN TIEN HOP	4	700
1362	HOANG MANH HIEU	15	2,600
1363	BUI VAN BAC	1	200
1364	NGUYEN HUY TRUONG	2	400
1365	NGUYEN SON THIEN	4	700
1366	NGUYEN THI CAM TU	4	700
1367	LY ANH HUNG	1	200
1368	VUONG THI TINH	10	1,800
1369	NGUYEN THI MAI TRANG	2	400
1370	LUU HUU PHU	11	1,900
1371	NGUYEN CAO PHUC	4	700
1372	SAM VAN TANG	5	900
1373	BUI THI KHANH HUYEN	4	700
1374	KHUAT VAN PHUONG	25	4,400
1375	TRAN PHUC TIN	10	1,800
1376	HUYNH BE LAI	18	3,200
1377	CHU DIEU LINH	4	700
1378	LE MANH HAI	3	500
1379	LE THI NGOC ANH	6	1,100
1380	MA THI XOA	1	200
1381	PHAM THI MAI HOA	7	1,200
1382	VO THI DUNG	29	5,100
1383	LE HONG NAM	34	6,000
1384	NGUYEN VIET CUONG	2	400
1385	NGUYEN TUAN HUY HOANG	8	1,400
1386	LE DAI DUONG	8	1,400
1387	TONG VAN TIEN	2	400
1388	TRAN VAN CUONG	7	1,200
1389	PHAM SI HAI	6	1,100
1390	LE QUOC DI	2	400
1391	PHAM VAN PHONG	1	200

1392	NGUYEN VU UYEN MY	2	400
1393	VU TRUNG DUC	6	1,100
1394	DOAN DUC THANG	1	200
1395	NGUYEN GIA LINH	1	200
1396	LUONG VAN TIEP	1	200
1397	LE QUANG NHAT	2	400
1398	NGUYEN HOANG QUAN	3	500
1399	NGUYEN VAN TUAN	2	400
1400	TA QUANG VINH	1	200
1401	LUU HUYNH VU	1	200
1402	NGUYEN THANH TON	1	200
1403	NGUYEN THI THU PHUONG	1	200
1404	PHAM NHU TRINH	6	1,100
1405	NGUYEN MINH NGOC	40	7,000
1406	NGUYEN THANH PHONG	3	500
1407	NGUYEN CHI THANH	7	1,200
1408	PHAM THI THU HUONG	4	700
1409	VI NGOC HUYEN	5	900
1410	PHAM BINH KHANH	9	1,600
1411	NGUYEN DUC CANH	2	400
1412	CUU QUOC HUYEN	4	700
1413	VAN HUU SON	3	500
1414	PHAM THI HOAI	2	400
1415	NGUYEN VAN TU	1	200
1416	TRAN THI THOM	2	400
1417	CHAU VAN HIEU	14	2,500
1418	NGUYEN DUC THINH	5	900
1419	BU BA MINH TRI	7	1,200
1420	PHUNG NHAT QUAN	17	3,000
1421	NGUYEN MANH THANG	1	200
1422	NGUYEN THI BICH NGUYET	24	4,200
1423	NGUYEN TUYET TRINH	34	6,000
1424	TRAN VAN CUONG	68	12,000
1425	DAO THI PHUONG	16	2,800
1426	TRAN HUONG QUYNH	3	500
1427	NGUYEN THI DIEU HIEN	1	200
1428	CHAU THI QUYEN	1	200
1429	NGUYEN TRA MY	1	200
1430	TRAN THI MINH NGA	1	200
1431	LE VAN MINH	2	400
1432	HOANG THI PHUONG	19	3,300

1433	DO DUC DUY	10	1,800
1434	NGUYEN VAN BAO	3	500
1435	DO TRUNG KIEN	2	400
1436	NGUYEN VAN KHAI	2	400
1437	LE VAN LINH	15	2,600
1438	LE NGOC QUYEN	14	2,500
1439	PHAM LINH CONG SON	10	1,800
1440	PHUNG DUC LAN	14	2,500
1441	DAO MINH HOANG	2	400
1442	DANG NHAT TUAN	53	9,300
1443	LE ANH DUONG	2	400
1444	NGUYEN VAN QUANG	2	400
1445	NGUYEN THUAN PHAT	4	700
1446	PHAM DAI PHU	2	400
1447	GIAP TUAN ANH	17	3,000
1448	MAI THANH QUANG	3	500
1449	MAI GIA HAN	6	1,100
1450	NGUYEN THI HUYEN TRANG	13	2,300
1451	DUONG THU TRANG	8	1,400
1452	TRAN PHI ANH	2	400
1453	NGUYEN HUY HOANG	7	1,200
1454	NGUYEN HOANG HAI	7	1,200
1455	NGUYEN TRAN QUANG KHAI	19	3,300
1456	LIEU THI BICH DAN	5	900
1457	TUONG THAN QUANG NAM	4	700
1458	NGUYEN THI GIANG	14	2,500
1459	VU THI HIEP	2	400
1460	PHAM DUC NGUYEN	20	3,500
1461	NGUYEN THE NAM	6	1,100
1462	NGUYEN THI THANH TRUC	5	900
1463	HOANG VAN KHE	12	2,100
1464	DAO XUAN THAC	1	200
1465	MAI THI LAN	7	1,200
1466	NGUYEN MINH DOAN	17	3,000
1467	PHAM NHU TRANG	1	200
1468	TRAN DUC HUNG	2	400
1469	NGUYEN THANH NHAN	4	700
1470	NGUYEN VAN TUAN	1	200
1471	NGUYEN MANH CUONG	3	500
1472	DANG PHUONG NAM	12	2,100
1473	NGUYEN PHUC VINH	4	700

1474	HOANG BICH CHEO	12	2,100
1475	VANG DUC MANH	1	200
1476	LE TAN NAM	1	200
1477	LUONG THI HUE	4	700
1478	NGUYEN THANH NAM	1	200
1479	NGUYEN PHAM TUAN ANH	2	400
1480	NGUYEN XUAN HAO	4	700
1481	HOANG GIA ANH	17	3,000
1482	DINH TRUONG GIANG	20	3,500
1483	PHAM DUC THUC	2	400
1484	TRAN HUNG	1	200
1485	PHUNG TUAN ANH	13	2,300
1486	NGUYEN THANH HOANG	4	700
1487	VU VAN TUAN	5	900
1488	DANG THO MANH	4	700
1489	TRAN THI SINH	2	400
1490	KSOR NGAN	1	200
1491	HO THANH TAN	12	2,100
1492	NGUYEN VIET DONG	3	500
1493	NGUYEN THI BEN	4	700
1494	NGUYEN THI NGOC ANH	1	200
1495	HO THI BICH NGOC	3	500
1496	VU THI OANH	1	200
1497	LE THI BAO TRAM	1	200
1498	NGUYEN PHUC HAU	5	900
1499	VO DAI PHONG	7	1,200
1500	SUNG THIEN NGOC	22	3,900
1501	VO THI NGOC TRAN	2	400
1502	VU QUOC TUAN	3	500
1503	TRAN DUC NGOC	11	1,900
1504	NGUYEN THI KIM DUNG	8	1,400
1505	LUONG PHUC HOANG	1	200
1506	LUU XUAN DUC	1	200
1507	HUYNH NGUYEN THAO	5	900
1508	TRAN THI CAM NHUNG	3	500
1509	LY ANH VU	1	200
1510	THACH SANH	26	4,600
1511	PHAM ANH THU	2	400
1512	HUYNH NHAT MINH	3	500
1513	LE THI CUC	1	200
1514	NGUYEN THI THU THUY	1	200

1515	DUONG KHAC NAM	3	500
1516	NGUYEN THU HA	1	200
1517	NGUYEN DUC HUY	1	200
1518	NGO THAO ANH	2	400
1519	NGUYEN CONG BINH	3	500
1520	LE HOANG BAO KHANH	3	500
1521	LUONG VAN QUYET	23	4,000
1522	LE THI NGOC PHUONG	10	1,800
1523	NGUYEN MANH TRIEN	5	900
1524	DO HUY TUAN	1	200
1525	NGUYEN VU MINH DUONG	2	400
1526	NGUYEN TIEN DAT	1	200
1527	DUONG TRUONG SON	2	400
1528	PHAM VAN MINH	36	6,300
1529	TRAN TRUNG BA	10	1,800
1530	DO BAO VY	5	900
1531	PHAN PHUONG THAO	3	500
1532	NGUYEN QUANG NINH	13	2,300
1533	TRAN DUC DUY	1	200
1534	MA THI LY	1	200
1535	HA THI THUY	2	400
1536	DO MAI THAI TRUNG	10	1,800
1537	NGO DUY KHANH	2	400
1538	PHAN THI TIEN	8	1,400
1539	HOANG THI HANG	3	500
1540	PHAM THI DUNG	1	200
1541	NGUYEN XUAN HIEN	1	200
1542	NGUYEN VAN THUAN	2	400
1543	HUYNH HOANG THAI	1	200
1544	NGUYEN VAN SINH	7	1,200
1545	BHRIU THI DANG NHI	11	1,900
1546	LE VAN THUY	2	400
1547	HA VAN HANH	8	1,400
1548	NGUYEN PHUC TUAN	7	1,200
1549	NGUYEN SANG DONG	17	3,000
1550	TAI NANG QUOC	12	2,100
1551	NGUYEN HUU TINH	4	700
1552	GIAP THI XUAN	13	2,300
1553	NGUYEN THI THU NGUYET	4	700
1554	NGUYEN MINH NGUYEN	2	400
1555	TRAN HAO NHIEN	5	900

1556	PHAM NGUYEN TAN PHAT	3	500
1557	CHU QUANG HUY	7	1,200
1558	DAO HA GIANG	11	1,900
1559	NGUYEN THANH LAM	1	200
1560	NGUYEN NGUYEN CAT TUONG	3	500
1561	THAN VAN THANG	5	900
1562	NGO SY ANH TUAN	16	2,800
1563	TRAN TUAN ANH	1	200
1564	LUONG DUY TUAN	39	6,900
1565	PHAM HUU QUAN	3	500
1566	PHAM HOANG Y	1	200
1567	DINH CONG THUC	4	700
1568	NGUYEN DOAN CUONG	1	200
1569	TRAN VAN AN	9	1,600
1570	TRAN VO THI THU HIEN	4	700
1571	DO VAN HUNG	3	500
1572	NGUYEN VAN LAN	7	1,200
1573	NGUYEN THI PHUC	1	200
1574	DONG NGUYEN ANH QUAN	1	200
1575	HUYNH VAN TUAN	8	1,400
1576	PHAN THI HUYNH ANH	4	700
1577	LE KHANH HUYEN	2	400
1578	LUONG VAN THUC	19	3,300
1579	CU DUC HIEU	9	1,600
1580	NGUYEN PHUONG LAN	1	200
1581	HO HOAI CHUONG	39	6,900
1582	VO KIM DUONG	2	400
1583	HA MINH TRIET	3	500
1584	HOANG GIA THANH	2	400
1585	NGUYEN NHU MANH	37	6,500
1586	TRAN MANH QUAN	19	3,300
1587	HOANG HUU LINH	6	1,100
1588	NGUYEN THI HONG HANH	5	900
1589	NGUYEN NHAT KHA	16	2,800
1590	HA THI THIEN LY	14	2,500
1591	LE VAN QUYEN	1	200
1592	LAM QUOC ANH	5	900
1593	NGUYEN VAN THANH	13	2,300
1594	NGUYEN QUANG NAM	15	2,600
1595	NGUYEN QUOC HUNG	3	500
1596	MAI LAM QUYNH NHU	1	200

1597	PHAN QUANG HUY	5	900
1598	NGUYEN THANH DANH	8	1,400
1599	DUONG QUANG DUNG	1	200
1600	TONG THI HUONG	8	1,400
1601	BUI TUNG DUONG	7	1,200
1602	BUI VAN TU	12	2,100
1603	PHAN CONG MINH	11	1,900
1604	TRAN VAN TOAN	93	16,300
1605	DO DANG KHOA	3	500
1606	HUYNH THI TUONG VY	3	500
1607	NGUYEN THI PHUONG	1	200
1608	NGUYEN THI PHUONG HONG	10	1,800
1609	DAM HOAI KHIEM	1	200
1610	HUYNH DANG QUOC THANG	2	400
1611	TRAN QUANG HUY	2	400
1612	TRAN QUANG HUY	2	400
1613	LU THI CHUC	1	200
1614	NGUYEN LE CONG HUY	5	900
1615	TRAN VIET QUAN	1	200
1616	PHAM VAN LAM	6	1,100
1617	NGUYEN THI LINH	1	200
1618	NGUYEN THANH PHU	1	200
1619	PHAN THI THANH GIANG	1	200
1620	TRAN TRIEU VY	7	1,200
1621	LE HOANG NHAN	1	200
1622	VANG THI THU NGUYET	10	1,800
1623	TRINH BA KIEN	7	1,200
1624	NGUYEN QUANG TIEN	1	200
1625	DANG THI LEN	8	1,400
1626	NGUYEN DUY QUYET	4	700
1627	NGUYEN DINH KHANG	61	10,700
1628	NGUYEN DUC THANH	4	700
1629	NGUYEN THI THU HA	1	200
1630	PHAN THI THU HUONG	1	200
1631	TRAN THANH LONG	63	11,100
1632	DANG YEN VY	3	500
1633	PHAN THI MY LINH	2	400
1634	NGUYEN THI DAO	2	400
1635	VO THANH NHAN	4	700
1636	TRAN HOANG NHU QUYNH	7	1,200
1637	BUI NGOC THAI	2	400

1638	PHUNG NGOC THANG	4	700
1639	LE VAN DUY	3	500
1640	BUI HUY PHUC	1	200
1641	THAI DUY HAU	3	500
1642	PHAN CHI KHAI	7	1,200
1643	NGUYEN NGUYEN KHANG	11	1,900
1644	HUYNH DUC THANG	2	400
1645	HA THANH DUY	1	200
1646	NGUYEN QUANG TRUNG	9	1,600
1647	TRAN THUY TRUC KHUE	1	200
1648	NGUYEN NINH THUAN	1	200
1649	NGUYEN CONG KHANH	11	1,900
1650	PHUNG HOA HIEP	3	500
1651	NGUYEN LE THANH TRUC	9	1,600
1652	TRAN BAO NHU	21	3,700
1653	PHUNG THI NGOC ANH	1	200
1654	NGUYEN THANH MAI	18	3,200
1655	PHAN THI CAM MY	61	10,700
1656	NGUYEN THANH CHUNG	14	2,500
1657	PHAM MINH TUAN	19	3,300
1658	LE VIET PHUC	1	200
1659	MA VAN HOC	4	700
1660	VU DINH TUNG	2	400
1661	MA VAN CUONG	16	2,800
1662	DO VAN TOAN	6	1,100
1663	DIEU KHUONG	8	1,400
1664	LE THANH TRON	22	3,900
1665	TRAN KIM VI	1	200
1666	HUYNH THI TRUC HAO	6	1,100
1667	THIN A QUANG THANG	20	3,500
1668	A NUONG	1	200
1669	TRAN THANH TAM	20	3,500
1670	LE QUANG MANH	14	2,500
1671	DANG GIA TRUONG VINH	12	2,100
1672	NGUYEN VIET QUANG	1	200
1673	NGUYEN THI THUY NGAN	4	700
1674	VU HONG PHONG	4	700
1675	DINH MINH QUANG	2	400
1676	PHAM QUOC HUY	7	1,200
1677	NGUYEN BAO CHAM	30	5,300
1678	HUYNH CONG HAU	1	200

1679	LE VAN CHIEN	15	2,600
1680	NGUYEN THI MAI	1	200
1681	DAO DUY KHANH	17	3,000
1682	NGUYEN THI MY	4	700
1683	HUYNH MINH DAT	1	200
1684	HO VIET QUANG VINH	12	2,100
1685	NGUYEN NGOC PHAP	2	400
1686	NINH DINH XUYEN	3	500
1687	TRUONG TRAN CONG HIEU	1	200
1688	HOANG THI KIM LAN	3	500
1689	TRAN VAN NGOC	12	2,100
1690	DOAN HOANG THONG	2	400
1691	NGUYEN TUAN ANH	5	900
1692	NGUYEN TRONG NGHIA	4	700
1693	LY TRUNG DUY	3	500
1694	TRAN LE ANH TUAN	3	500
1695	PHAM HOANG VIET	2	400
1696	NGUYEN VAN THUYEN	9	1,600
1697	LUONG THI NHAT LE	4	700
1698	MAI THI TRUC LY	3	500
1699	NGUYEN MINH CHAU	1	200
1700	NGUYEN DUY MINH	3	500
1701	HA VAN PHONG	9	1,600
1702	TO QUOC KHANH	1	200
1703	HUA VAN CHINH	19	3,300
1704	NGUYEN THI DUYEN	1	200
1705	TRINH THI HONG NHUNG	4	700
1706	TRAN NGUYEN HA NAM	5	900
1707	HO THI HONG LAM	1	200
1708	HA KIM OANH	2	400
1709	HUYNH THI NHU THIEN	2	400
1710	NGUYEN THI THU HIEN	1	200
1711	HUYNH XUAN NONG	1	200
1712	LE CHI NGUYEN	10	1,800
1713	HO QUOC TIEN	10	1,800
1714	NGUYEN TU UYEN	6	1,100
1715	DO TRAN GIA BAO	1	200
1716	NGUYEN THI MINH CHAU	1	200
1717	KSOR HAU	2	400
1718	TRUONG VAN QUOC	1	200
1719	PHAM THU TRANG	1	200

1720	PUIH RI SAM	3	500
1721	HO DAC QUY TAI	3	500
1722	VU THI HOA	2	400
1723	VU THI THO	10	1,800
1724	DANH CHI DAI	5	900
1725	HO VAN PHUC	4	700
1726	NGUYEN ANH CHINH	4	700
1727	TRAN VAN MAN	1	200
1728	NGUYEN NGO ANH NGUYEN	1	200
1729	HOANG QUOC HUY	4	700
1730	TRAN PHUONG NAM	2	400
1731	HOANG THI PHUONG THAO	3	500
1732	HOANG DUC THAI	3	500
1733	HOANG VAN BAN	1	200
1734	NGUYEN DUC TOAN	6,951	1,221,600
1735	LUU QUOC DUONG	1	200
1736	TRUONG VAN MINH	6	1,100
1737	LAM QUOC TUONG	1	200
1738	LE VAN NHAT	1	200
1739	NGUYEN NGOC HAI YEN	1	200
1740	MAI NGUYEN QUOC HUY	12	2,100
1741	LO VAN THAI	3	500
1742	NGUYEN THI HONG GIANG	2	400
1743	TRAN THI THANH TRUC	6	1,100
1744	NGUYEN THI MAI QUYEN	1	200
1745	NGUYEN THANH NAM	15	2,600
1746	NGUYEN TUAN MINH	1	200
1747	NGUYEN THI DIEM PHUC	4	700
1748	BUI THI THUY	1	200
1749	DANG NGOC QUE CHI	6	1,100
1750	MAI HOANG PHI HUNG	1	200
1751	CU XUAN HA	3	500
1752	NGUYEN THI TUONG LINH	1	200
1753	LUONG THI MY HANG	2	400
1754	LAI QUOC KHANH	3	500
1755	HA KIEU ANH	2	400
1756	NGUYEN VAN THANG	9	1,600
1757	NGUYEN THANH TUNG	1	200
1758	DANG THI THU TRANG	1	200
1759	VU KHANH HUNG	1	200
1760	PHAM ANH TUAN	1	200

1761	PHAM TIEN ANH	11	1,900
1762	BUI VAN KHUONG	1	200
1763	NGUYEN VIET QUANG	1	200
1764	PHAN THANH HAI	5	900
1765	LO THI NHUNG	6	1,100
1766	LUONG THI HOANG NHU	6	1,100
1767	NGHIEM VAN KHIEN	3	500
1768	HOANG VAN PHONG	3	500
1769	HOANG ANH TU	3	500
1770	NGUYEN VAN TAN	2	400
1771	KHONG HOANG ANH	22	3,900
1772	CAM NHI LAM	23	4,000
1773	VO HOANG THANH PHUONG	1	200
1774	LO QUOC KHANH	1	200
1775	NGUYEN HUU SY	4	700
1776	QUACH THU LY	2	400
1777	TRAN CHI CUONG	4	700
1778	TRUONG HONG THAM	12	2,100
1779	NGUYEN TIEN LONG	3	500
1780	QUACH VIET MINH	1	200
1781	NGUYEN THANH PHONG	3	500
1782	LE VAN KHOA	4	700
1783	NGUYEN VAN BAU	7	1,200
1784	LE CONG LIEM	1	200
1785	TRAN NGOC BAO THY	1	200
1786	LAM ANH QUAN	4	700
1787	NGUYEN THI THU HUYEN	2	400
1788	VO VIET NINH	2	400
1789	NGUYEN TIEN DAT	1	200
1790	PHAM QUOC TRUNG	17	3,000
1791	LE THI BICH THI	4	700
1792	VU TIEN DAT	1	200
1793	NGUYEN XUAN HUU	4	700
1794	VO VAN KHA	7	1,200
1795	PHAM THUY LINH	14	2,500
1796	PHAM THI HIEN	1	200
1797	HA HONG NGUYEN	5	900
1798	LANG TIEN DUNG	5	900
1799	VANG VAN DAI	12	2,100
1800	LO THI BIEN	7	1,200
1801	DANG DINH DUC	3	500

1802	NGUYEN XUAN PHUC	2	400
1803	PHAM VAN HIEN	1	200
1804	TRAN VAN HIEP	15	2,600
1805	NGUYEN THANH TAN	3	500
1806	MAI THI LOAN	17	3,000
1807	DO THI QUYNH NHU	9	1,600
1808	VUONG THI THU GIAN	17	3,000
1809	DO THANH HUYEN	1	200
1810	NGUYEN TRUONG THIEN KIM	7	1,200
1811	DAO TRAN DAI	1	200
1812	TRAN THI HANG	1	200
1813	THAN TRONG KIEU THU	5	900
1814	NGUYEN DUC HIEU	5	900
1815	TRINH TUAN TAI	6	1,100
1816	VO LONG HAI	4	700
1817	NGUYEN VIET LIEN	1	200
1818	NGUYEN TRA GIANG	10	1,800
1819	PHAM THI HAI	5	900
1820	LE VAN LOC	13	2,300
1821	TRAN VAN KHOA	5	900
1822	NGUYEN DINH TU	14	2,500
1823	TO THI THUY KHUE	1	200
1824	TRAN HA THANH TRUC	3	500
1825	HO VAN SUONG	5	900
1826	TIEU PHU DUY	7	1,200
1827	LE HOANG NAM	5	900
1828	GIANG MI SUNG	3	500
1829	NGUYEN THAI HAU	2	400
1830	PHAN QUOC ANH	10	1,800
1831	LE SY NGOC HIEU	2	400
1832	HO THANH HAI MY	2	400
1833	PHAN THANH TRUC	2	400
1834	HA THI BAO GIANG	1	200
1835	TRAN DINH VINH QUANG	2	400
1836	VI NHAT TIEN	10	1,800
1837	PHUNG GO TRUY	6	1,100
1838	TRUONG NGOC THAO	1	200
1839	LE THI VAN ANH	4	700
1840	HUYNH BAO KY	5	900
1841	NGUYEN THANH LONG	6	1,100
1842	TRUONG QUOC HUY	9	1,600

1843	NGO CAM SAN	6	1,100
1844	DO THI VAN	4	700
1845	NGUYEN PHI LAM	2	400
1846	TRAN LONG HAI	1	200
1847	DO AN TOAN	8	1,400
1848	TRIEU KHIET LOI	1	200
1849	NGO THI LINH	2	400
1850	NGUYEN QUANG MINH	7	1,200
1851	DO TUNG DUONG	4	700
1852	LAM LE QUYNH	4	700
1853	NGUYEN NGOC ANH THU	1	200
1854	PHUNG TRUNG HIEU	19	3,300
1855	TRAN THANH CONG	1	200
1856	NGUYEN PHAN VAN TAI	11	1,900
1857	NGUYEN THI KIEU ANH	1	200
1858	BUI DUC TINH	16	2,800
1859	VU DUY HOP	2	400
1860	MBON K SOAN	11	1,900
1861	NONG KHANH THANH	12	2,100
1862	HO VIET HOANG	3	500
1863	NGUYEN XUAN TRUNG	3	500
1864	BUI LE CONG HOANG	1	200
1865	TA THE NGOC	5	900
1866	PHAM VAN HUONG	2	400
1867	BUI TRAN BAO NGOC	1	200
1868	TRAN THI CHAU	1	200
1869	NGUYEN KIM LAI	9	1,600
1870	LY SEO XUONG	1	200
1871	NGUYEN TRONG NAM	2	400
1872	NGUYEN TUAN VUONG	1	200
1873	CHAU THI THUY TRANG	1	200
1874	NONG BAO LAM	1	200
1875	NGUYEN TRUC MAI	13	2,300
1876	NGUYEN HUNG TRUNG HIEU	2	400
1877	NGUYEN LE HOAN	1	200
1878	HUA THI KIEU TRANG	1	200
1879	NGUYEN MINH HOANG	8	1,400
1880	NGUYEN LINH SON	1	200
1881	NGUYEN TUAN NAM	5	900
1882	HOANG TRONG TIN	2	400
1883	DAO HIEN MAI	1	200

1884	TRAN VIET HUNG	3	500
1885	VU TRONG DUNG	14	2,500
1886	VU TRONG TUONG	14	2,500
1887	PHAM THI HOA	1	200
1888	NGUYEN PHU LOC	14	2,500
1889	NGUYEN VAN HUY	9	1,600
1890	BUI VAN NAM	46	8,100
1891	LE THI MINH ANH	1	200
1892	PHAM TAN LUONG	1	200
1893	HOANG THANH HAI	1	200
1894	DANG VAN ANH	1	200
1895	DO THI KIM ANH	7	1,200
1896	LO THI THUY CHIEU	1	200
1897	PHAM TUNG LINH	5	900
1898	VO VAN TOAN	1	200
1899	HUYNH KHUONG NINH	2	400
1900	LY VAN TRIEU	1	200
1901	NGUYEN VU NGAN ANH	3	500
1902	NGUYEN TUAN LONG	1	200
1903	DINH XUAN HUNG	5	900
1904	KA ZUY	5	900
1905	DUONG HOANG DAI	11	1,900
1906	TRAN NAM THANG	1	200
1907	NGUYEN NGOC ANH	4	700
1908	VO BAO LOC	1	200
1909	DANG MINH AN	1	200
1910	NGUYEN THANH DAI	4	700
1911	PHAM NGUYEN QUANG VINH	3	500
1912	NGUYEN TUAN TU	1	200
1913	HOANG MINH DUNG	8	1,400
1914	NGUYEN THU HA	2	400
1915	NGUYEN HUY HOANG	25	4,400
1916	TRAN HUYEN DIEU	1	200
1917	QUANG VAN KIEN	1	200
1918	DO NHO KHA	1	200
1919	TON MINH TRI	2	400
1920	TRAN ANH HAO	5	900
1921	NGUYEN HOANG MINH	2	400
1922	DINH NGOC DUC	1	200
1923	DUONG VAN TU	5	900
1924	LE THANH THAO	1	200

1925	MA VAN TAN	1	200
1926	NGUYEN HO NGOC TRAN	3	500
1927	NGUYEN MINH LOI	3	500
1928	NGUYEN TUAN THANH	2	400
1929	BUI VAN KHANH	31	5,400
1930	NGUYEN THANH DANH	3	500
1931	TRAN HOAI NAM	10	1,800
1932	TRAN DUY NGHIA	2	400
1933	HUYNH VAN DUC	3	500
1934	HO HUU HOANG	2	400
1935	NGO QUANG THAI	3	500
1936	NGUYEN AI MY	1	200
1937	LAM VAN THANH	9	1,600
1938	NGHIEM MINH DUC	10	1,800
1939	HOANG VAN THANH	5	900
1940	NGUYEN TRAN TAN THO	1	200
1941	TA QUANG THANG	1	200
1942	HOANG ANH DUC	4	700
1943	SIEU THI THANH THAO	4	700
1944	NGO KIM HANH	3	500
1945	NGUYEN TIEN MANH	2	400
1946	LE DUY BACH	2	400
1947	PHAM THI THUY	1	200
1948	NGUYEN HOANG HAI	1	200
1949	PHAM THU HUYEN	11	1,900
1950	NGUYEN LE ANH VY	4	700
1951	NGUYEN THI THU HIEN	3	500
1952	TO HAI DUONG	2	400
1953	PHAM MINH TUNG	4	700
1954	NGUYEN THI TUE MY	1	200
1955	DO THI NHUT TRINH	5	900
1956	DO TRONG HAI	1	200
1957	NGUYEN THANH BINH	6	1,100
1958	TRAN NGUYEN DUC TRUNG	1	200
1959	HA DANG THAI	7	1,200
1960	PHAM VAN LUYEN	13	2,300
1961	VI VAN LAP	1	200
1962	NGUYEN DIEU HIEN	6	1,100
1963	TANG TRONG TIN	2	400
1964	LE VAN THANH	7	1,200
1965	LE TOAN PHAT	1	200

1966	MAI TRUNG THUC	1	200
1967	LE NGUYEN KHANH HA	5	900
1968	LUU VAN HUAN	29	5,100
1969	NGUYEN VAN HIEU	1	200
1970	CHU DUC TRUNG	1	200
1971	NGUYEN THI CAM LE	2	400
1972	NGUYEN THANH TUNG	1	200
1973	NGUYEN QUAN CHUNG	1	200
1974	NGUYEN KHAC HIEU	6	1,100
1975	HO THI KIM CHUNG	2,363	415,300
1976	NGUYEN PHUOC LOC	1	200
1977	NGUYEN HOAI HUY	12	2,100
1978	NGUYEN VAN TUONG	1	200
1979	NGUYEN HOANG DUNG	2	400
1980	LE THUY TOAN	5	900
1981	NGUYEN THI NGUYET	1	200
1982	NGUYEN ANH HOANG	2	400
1983	LE THI NGOC BICH	1	200
1984	NGUYEN VIET LONG	2	400
1985	NGUYEN NGOC MINH THU	3	500
1986	NGUYEN XUAN THIET	12	2,100
1987	PHAM MINH SANG	2	400
1988	TRAN THI NU	2	400
1989	LANG VAN LAM	1	200
1990	DANG DUC CHIEN	2	400
1991	NGUYEN NGOC UYEN BANG	15	2,600
1992	LE HA PHUONG	2	400
1993	NGUYEN TUAN	1	200
1994	DUONG HUYNH HAI TRIEU	2	400
1995	NGUYEN VAN LAN	1	200
1996	HA TIEN HUONG	1	200
1997	TRAN DUC NAM	8	1,400
1998	NGUYEN NHAT ANH	12	2,100
1999	LA THI DUNG	3	500
2000	TRAN DANG NGOC LINH	3	500
2001	CAO THANH LAM	8	1,400
2002	NGUYEN HOANG MINH	9	1,600
2003	NGUYEN PHAN HOAN VU	2	400
2004	NGUYEN VIET HOANG	1	200
2005	DAO LAN ANH	7	1,200
2006	LE HAI YEN	5	900

2007	DO THI HUE	2	400
2008	NGUYEN VAN ANH	3	500
2009	BUI VAN DAN	3	500
2010	MAI MONG TUYEN	3	500
2011	NGUYEN HOANG LAM	12	2,100
2012	NGUYEN VUONG	2	400
2013	NGUYEN DINH DUY TAN	1	200
2014	HO THI MY PHUONG	1	200
2015	NGUYEN THI VUI	12	2,100
2016	NGUYEN HOANG MINH DUC	3	500
2017	PHAM NHAT DUNG	6	1,100
2018	LE DUC PHAT	3	500
2019	LE THANH NAM	1	200
2020	NGUYEN VAN KHAI	1	200
2021	LUONG THI HONG NHUNG	4	700
2022	NGUYEN THI TRANG	1	200
2023	LE THI QUYNH NGA	1	200
2024	MAI NU HUYEN TRANG	1	200
2025	LE THI THANG	1	200
2026	TRAN THI THU HA	6	1,100
2027	NGUYEN NGOC HUYEN	2	400
2028	NGUYEN THI THANH THUY	1	200
2029	NGUYEN QUANG KHANH	2	400
2030	TRAN VY VY	1	200
2031	TRAN MINH ANH	1	200
2032	DANG THI QUYNH LAN	2	400
2033	DAO MANH TUNG	3	500
2034	TRAN DANG LINH	1	200
2035	VU THI THUONG	4	700
2036	DO THI THU TRANG	4	700
2037	BUI CONG ANH	1	200
2038	TONG MINH TAM	3	500
2039	NGUYEN TUAN ANH	1	200
2040	HOANG THI DIEU LINH	4	700
2041	NGUYEN THANH PHUONG	1	200
2042	NGUYEN QUANG CUONG	3	500
2043	NGUYEN MINH TUAN	1	200
2044	TRAN VAN TUAN	1	200
2045	NGUYEN VIET THANG	4	700
2046	DINH THI HAI	4	700
2047	MAI MANH CUONG	2	400

2048	HOANG NGAN GIANG	2	400
2049	LE THI MY HANH	2	400
2050	NGUYEN VAN KIET	2	400
2051	NGUYEN TRUONG NHA THY	2	400
2052	PHAM SON TUNG	2	400
2053	TUONG THANH TUNG	6	1,100
2054	LE THI DUNG	3	500
2055	TU DUC MINH	1	200
2056	DO PHAN TUAN	14	2,500
2057	NGUYEN VAN HIEU	3	500
2058	NGUYEN THI THAO	1	200
2059	DO HAI NAM	2	400
2060	TRAN SAO LAN	1	200
2061	LU ANH NGUYEN	1	200
2062	DO MINH HIEP	2	400
2063	NGUYEN DINH TU	1	200
2064	NGUYEN THI TU	1	200
2065	PHAM THI DUNG	1	200
2066	PHAM THI TRA MY	1	200
2067	TRAN VAN CANH	4	700
2068	NGUYEN QUOC MAN	2	400
2069	PHAM THI THUY TIEN	1	200
2070	NGUYEN VAN KHANH	1	200
2071	PHI THI LE HUONG	1	200
2072	NGUYEN HUU HUNG	6	1,100
2073	DINH HONG THAI	2	400
2074	CHU NGOC MEN	7	1,200
2075	BUI VAN CHINH	2	400
2076	THACH SUNG	2	400
2077	HOANG HONG NGAT	2	400
2078	NGUYEN THI CHINH	1	200
2079	DUONG NGOC DAI	19	3,300
2080	PHAM TRAN MINH DUY	3	500
2081	CAO TRUNG KIEN	1	200
2082	TRAN DUC MINH	1	200
2083	HUYNH GIA NGOC	1	200
2084	DINH QUANG HIEU	2	400
2085	TRAN VU HAI LAN	2	400
2086	GIAP QUOC CUONG	4	700
2087	NGUYEN VAN HOAI MINH	2	400
2088	DO TRUONG SON	10	1,800

2089	NGUYEN NGOC THIEN SUONG	1	200
2090	DANG THANH TUNG	1	200
2091	NGUYEN DINH HUAN	4	700
2092	NGO QUANG TRUNG	1	200
2093	DUONG TRUNG DUC	2	400
2094	NGUYEN HONG CONG	5	900
2095	TRINH TRUNG KIEN	100	17,600
2096	BUI THANH VU	3	500
2097	NGUYEN THI NGOC LINH	2	400
2098	CHU KHANH LINH	2	400
2099	LE VAN THIEN	3	500
2100	LE QUANG THAI	3	500
2101	NGUYEN VAN QUAN	8	1,400
2102	NGUYEN THI HUE	3	500
2103	LE TRUNG HIEU	1	200
2104	BUI THI THU ANH	2	400
2105	PHUNG THANH NHAN	1	200
2106	NGUYEN TAN SANG	4	700
2107	HOANG TIEN MANH	10	1,800
2108	NGUYEN THANH TUYEN	4	700
2109	TRAN DUY NHAT	1	200
2110	NGUYEN THI NGOC HA	1	200
2111	BANG MA DUY	16	2,800
2112	BUI VAN HOANG	1	200
2113	LE THI HAI YEN	4	700
2114	VO TAN LE	1	200
2115	DUONG DIEM MY	5	900
2116	VU HOANG ANH	4	700
2117	TRAN QUANG DAT	2	400
2118	CHAU NGUYEN NGOC VU	1	200
2119	LE VAN DUNG	6	1,100
2120	PHAM TRUNG BAC	1	200
2121	PHAM THUY LOAN	5	900
2122	BUI HOANG ANH	1	200
2123	TRUONG THI HUONG	1	200
2124	PHAM BA THANG	2	400
2125	HA THI THANH HUYEN	6	1,100
2126	NGUYEN THI NGOC THAO	1	200
2127	LE VAN QUANG	2	400
2128	HUYNH NGOC HIEP	2	400
2129	DAO THI THU HA	3	500

2130	PHUNG THE VUONG	1	200
2131	NGUYEN VAN TIEN	3	500
2132	VU VAN TUY	3	500
2133	TRAN THI TUYET PHUONG	3	500
2134	NGUYEN THI TRUNG	3	500
2135	NGUYEN THUY TRANG	1	200
2136	NGUYEN DUC HUY	1	200
2137	NGUYEN DUC VIET	1	200
2138	DINH KHAC LUAN	3	500
2139	DINH CONG LONG	7	1,200
2140	HUYNH TAN DAT	1	200
2141	NGUYEN TUAN HIEP	3	500
2142	NGHIEM TUAN HUNG	2	400
2143	NGUYEN MINH TUYEN	5	900
2144	TRAN LAN HUONG	1	200
2145	TRUONG THI TRANG	2	400
2146	TRAN LE VAN	10	1,800
2147	NGUYEN TRI DUNG	1	200
2148	DO HOAI NAM	7	1,200
2149	LE QUANG VINH	1	200
2150	LE CAO CHI THUONG	1	200
2151	NGUYEN DUC LONG	2	400
2152	TRAN THI THUY	1	200
2153	NGUYEN THANH HOAI	10	1,800
2154	NGUYEN HIEN THAO TIEN	1	200
2155	DANG VAN NAM	1	200
2156	TRINH THI THAO	4	700
2157	TRAN NHAT TRUONG	1	200
2158	TRAN THI HONG NGAT	1	200
2159	VU XUAN THANG	1	200
2160	PHAM VAN HANG	3	500
2161	NGUYEN VAN DIEN	1	200
2162	TRAN NGOC VINH	1	200
2163	TRINH THI LINH CHI	2	400
2164	DAO VAN DUY	1	200
2165	NGUYEN NGOC ANH LAN	1	200
2166	DO VAN THANG	1	200
2167	TRAN QUOC VIET	2	400
2168	TRAN THI HUYEN CHI	1	200
2169	TRAN AN KHANG	1	200
2170	LE SY SON	1	200

2171	PHAM THI MAI LINH	1	200
2172	TRAN THI THUY DUNG	1	200
2173	PHAM THI HUONG	1	200
2174	HUYNH MINH THAI SON	6	1,100
2175	NGUYEN THI MINH HIEU	4	700
2176	NGUYEN VAN TUNG	7	1,200
2177	DOAN VAN VUONG DUNG	2	400
2178	LE THI THANH NHA	1	200
2179	NGUYEN HA THU	5	900
2180	NGUYEN DINH VU	1	200
2181	DINH CONG HIEU	4	700
2182	NGUYEN DINH DUC	1	200
2183	TRAN THANH NGHIA	1	200
2184	LUU DUC TUAN	1	200
2185	NGUYEN NGOC DIEP	1	200
2186	LE DUC THINH	3	500
2187	TRUONG THI HUE	1	200
2188	VO THANH NHAN	10	1,800
2189	PHAM THI THANH NGA	1	200
2190	DO THI KIM ANH	1	200
2191	NGUYEN MINH TAI	1	200
2192	DINH QUOC ANH	10	1,800
2193	DOAN THI THU THAO	1	200
2194	LUONG VAN LAM	3	500
2195	TRAN VAN CUONG	2	400
2196	TRINH DINH THANH	3	500
2197	Y SEP BYA	16	2,800
2198	TRAN ANH DUC	1	200
2199	TRAN VAN TUYEN	18	3,200
2200	LE THI KIM NGAN	2	400
2201	NGUYEN TRONG THINH	1	200
2202	HUYNH VU BANG	5	900
2203	CU XUAN HOANG QUAN	3	500
2204	HO THI TU QUYNH	1	200
2205	LE HOAI KHANH	2	400
2206	LE DOAN ANH KHOA	4	700
2207	NGUYEN VAN KHUON	1	200
2208	NGUYEN CONG DANH	1	200
2209	LE THI HA LAN	2	400
2210	DIEP THI THUY	3	500
2211	VU THI MY HUYEN	2	400

2212	NGUYEN THI BICH HA	3	500
2213	NGUYEN DUC DOANH	1	200
2214	NGUYEN VAN HUNG	1	200
2215	NGUYEN NGOC AN	1	200
2216	NGUYEN VINH THANH	3	500
2217	TA THI THUONG	4	700
2218	BAN VAN LY	8	1,400
2219	BUI MANH DUC	1	200
2220	HUYNH VIET MINH	2	400
2221	BUI THANH NGUY	7	1,200
2222	VI THI NGOC	3	500
2223	MAI KIEU LAN ANH	1	200
2224	NGUYEN MINH DUONG	4	700
2225	TRAN VIET ANH	2	400
2226	HOANG VAN THANH	3	500
2227	NGUYEN THANH HOA	31	5,400
2228	NGUYEN THI THUY	1	200
2229	LE THI DIEM	2	400
2230	TRAN THI CAM TU	2	400
2231	HOANG GIA BAO	1	200
2232	LE NGOC THU	2	400
2233	NGUYEN TIEN MANH	6	1,100
2234	HA VAN HUY	2	400
2235	NGUYEN NGOC TU	1	200
2236	DANG HOANG LAM	1	200
2237	TRAN THI TAN	1	200
2238	NGUYEN QUOC BAO	3	500
2239	NGUYEN THANH PHUOC	1	200
2240	NGUYEN VAN LUONG	3	500
2241	VO DUC QUAN	2	400
2242	LE THI HA VI	12	2,100
2243	NGUYEN VAN NHAN	1	200
2244	DUONG CHI HIEU	1	200
2245	NGUYEN TRUONG AN	5	900
2246	HOANG BA LINH	2	400
2247	NGUYEN VAN TIEN	2	400
2248	NGUYEN TRAN THANH TU	1	200
2249	LE QUANG SON	10	1,800
2250	HO PHI DUY	1	200
2251	DO VAN DAT	26	4,600
2252	BUI MANH HOAN	3	500

2253	NGUYEN NGOC NHU Y	1	200
2254	NGO HONG THOM	1	200
2255	NGUYEN VIET HUNG	2	400
2256	NGUYEN TUAN ANH	2	400
2257	DANG THANH SANG	1	200
2258	NGUYEN THU TRANG	7	1,200
2259	LE QUANG VU	4	700
2260	DAM THI MINH	1	200
2261	NGUYEN THE PHONG	1	200
2262	LUU CONG THAI	2	400
2263	LE NGUYEN QUOC SANG	1	200
2264	NGUYEN TAN PHUOC	7	1,200
2265	NGUYEN HOANG NGOC LINH	4	700
2266	VO VAN SANG	1	200
2267	NGUYEN THANH NHA THUY	2	400
2268	TRAN NGOC PHUONG	1	200
2269	TRAN VAN GIAP	8	1,400
2270	NGUYEN THI TINH	1	200
2271	NGUYEN DUC TUNG	1	200
2272	NGUYEN THI NGOC HAI HA	1	200
2273	HUYNH NGOC ANH	1	200
2274	DANG MINH HUY	36	6,300
2275	NGUYEN THANH TAY	5	900
2276	SAI VAN NAM	6	1,100
2277	NGUYEN XUAN TAM	1	200
2278	NGUYEN NGOC PHUC	1	200
2279	DANG THE BAO	5	900
2280	DO HONG HANH	4	700
2281	NGUYEN GIA BAO	2	400
2282	DUONG TRUNG TIN	3	500
2283	PHAM HOANG HUY	2	400
2284	NGUYEN VAN TRUONG	28	4,900
2285	DO QUYNH NHU	11	1,900
2286	TRAN THANH THAO	3	500
2287	BUI THU TRANG	2	400
2288	LE MINH LOC	3	500
2289	NGUYEN TIEN DAT	16	2,800
2290	NGUYEN THU PHUONG	1	200
2291	LAI VAN DUONG	1	200
2292	HOANG THU HANH	1	200
2293	CAO TUAN VIET	3	500

2294	LAM AI NGUYEN	1	200
2295	NGUYEN KHANH HA	1	200
2296	KA HUYEN	3	500
2297	LUONG TUAN VU	17	3,000
2298	VU THI CHINH	9	1,600
2299	DAO HAI LONG	17	3,000
2300	DO TUAN	1	200
2301	NGUYEN MINH TUAN	3	500
2302	VU VAN DUNG	2	400
2303	NGUYEN VAN TU	2	400
2304	PHAM NGUYEN DANH TAI	4	700
2305	NGUYEN VIET TRANG	1	200
2306	NGUYEN VU MINH DANG	5	900
2307	VU THI NAM	2	400
2308	NGUYEN THI LUONG	1	200
2309	NGUYEN VAN SAU	2	400
2310	NGO TUONG NHUT	9	1,600
2311	BUI THI GIAU	320	56,200
2312	TRINH HOAI THUONG	1	200
2313	HOANG THI THI	1	200
2314	TRAN THI NGUYET ANH	2	400
2315	TRAN TUYEN	1	200
2316	CAO DUC MINH	1	200
2317	HOANG THI YEN NHI	1	200
2318	TRAN THI NGOC MAI	3	500
2319	NGUYEN DUC TAI	3	500
2320	NGUYEN VAN LOC	2	400
2321	HOANG MANH DUY	1	200
2322	NGUYEN NGOC QUYNH NHU	13	2,300
2323	NGUYEN TRUONG GIANG	9	1,600
2324	MA SEO SE	2	400
2325	DINH CAO QUYEN	1	200
2326	HOANG VAN SON	13	2,300
2327	PHAM VAN SON	3	500
2328	THACH THUAN	2	400
2329	DANG NGOC TUNG	1	200
2330	LE VAN HOA	1	200
2331	NGUYEN TUAN HUNG	1	200
2332	VU VAN TIEN	20	3,500
2333	HO THI HANG	7	1,200
2334	NGUYEN BA VUONG	2	400

2335	BUI KIM NGUYEN	2	400
2336	CHAO U KIEM	1	200
2337	LE THI CAM	1	200
2338	QUACH HIEU THIEN	2	400
2339	PHAM HUU QUAN	6	1,100
2340	LUU ANH TUAN	2	400
2341	NGUYEN DUY LONG	2	400
2342	VY THE NHAN	9	1,600
2343	PHUNG THI THAO VY	1	200
2344	DO DUC KHIEM	3	500
2345	PHAM TUAN ANH	2	400
2346	TRAN MINH THU	1	200
2347	NGUYEN THI NGOC THANH	1	200
2348	LE VAN NGA	2	400
2349	DINH THE HUNG	8	1,400
2350	PHAM MINH PHUONG	1	200
2351	NGUYEN TRUNG KIEN	1	200
2352	NGUYEN ANH TU	3	500
2353	NGUYEN THUY HONG HANH	1	200
2354	NGUYEN XUAN HOANG	1	200
2355	LE HUU PHU	20	3,500
2356	BUI NGUYEN TRUNG HIEU	1	200
2357	PHAN THE HOAN	4	700
2358	TRUONG NGOC NGHIA	1	200
2359	NGUYEN NGOC LAM	3	500
2360	TRAN NGOC LAN	1	200
2361	DANH NGOC KIEU	1	200
2362	TRUONG LE BINH AN	2	400
2363	LE THUY LINH	7	1,200
2364	NGUYEN THI THU PHUONG	2	400
2365	NGUYEN THI TRANG	1	200
2366	DINH PHUOC THINH	2	400
2367	NGUYEN QUANG MINH	2	400
2368	BUI THI LUONG	1	200
2369	TRAN MINH TAI	1	200
2370	NGUYEN HONG TUOI	7	1,200
2371	NGUYEN HOANG HIEU	6	1,100
2372	LE MINH SON	1	200
2373	VU KHANH LINH	7	1,200
2374	CAO THI VAN	4	700
2375	HOANG VAN DUNG	1	200

2376	LE QUANG HUY	1	200
2377	VO THANH QUANG	2	400
2378	PHAM NGUYEN TUONG AN	1	200
2379	NGUYEN MINH HIEU	2	400
2380	NGUYEN VAN TAI	5	900
2381	DO DUY LAN	1	200
2382	DAO VIET HOANG	2	400
2383	LE ANH QUYET	16	2,800
2384	NGUYEN PHU CUONG	1	200
2385	BUI THI THUY LINH	1	200
2386	LE VAN AI	2	400
2387	PHAN BA DUONG	1	200
2388	DANG PHI THOON	1	200
2389	NGUYEN ANH THOM	33	5,800
2390	NGUYEN QUANG DUNG	1	200
2391	LE VINH KHANG	2	400
2392	VO HAI DANG	3	500
2393	HOANG HUU TUAN	2	400
2394	NGUYEN VAN PHUONG	12	2,100
2395	NGUYEN QUOC HUNG	5	900
2396	NGUYEN LE QUOC BAO	5	900
2397	BACH THI PHUONG ANH	1	200
2398	DUONG ANH MINH	10	1,800
2399	VU TRUNG THANH	1	200
2400	DUONG QUOC KIEN	1	200
2401	MAI XUAN HAI	4	700
2402	NGUYEN KHANH HUNG	6	1,100
2403	NGUYEN KHAC BINH	1	200
2404	NGUYEN THU HA	1	200
2405	NGUYEN HAI DANG	3	500
2406	NGUYEN MINH HIEU	1	200
2407	NGUYEN DUY TUAN HUY	1	200
2408	VAN LE DINH VUONG	5	900
2409	NGUYEN DUC VIET	2	400
2410	THAI THANH DUOC	2	400
2411	VU HAI THIEN	2	400
2412	LE VAN TRANG	3	500
2413	PHAN THI CAM TIEN	2	400
2414	TRINH CONG SON	2	400
2415	HO VAN THONG	16	2,800
2416	PHAM BAO NGOC	15	2,600

2417	GIAP NGUYEN HA VIET	5	900
2418	LAM VU LUAN	9	1,600
2419	PHAM THI THU HIEN	1	200
2420	DAO VAN TAI	3	500
2421	LY DIEP ANH	1	200
2422	LE HUY HOANG	1	200
2423	NGUYEN TRUNG VUONG	2	400
2424	DUONG CONG TUAN	2	400
2425	DINH THE ANH	2	400
2426	NGUYEN THI ANH VAN	1	200
2427	NGUYEN THAI SON	1	200
2428	NGUYEN THI HUONG	100	17,600
2429	PHAM HONG THAI	1	200
2430	LUU XUAN HOANG	3	500
2431	HA THI KIM TU	3	500
2432	BUI THI DIEM MY	1	200
2433	TRAN THI THANH TAM	5	900
2434	NGUYEN THE LONG	1	200
2435	NGUYEN DANG KHOA	1	200
2436	HOANG TRONG DUC	1	200
2437	LE TRAN HOAN THIEN	1	200
2438	HOANG PHUONG THAO	3	500
2439	VU GIA LINH	1	200
2440	NGO KHANH DUY	2	400
2441	TRAN HOANG MINH	1	200
2442	TRAN THACH ANH NGHI	1	200
2443	NGUYEN THI MINH	2	400
2444	NGUYEN HONG NHUNG	1	200
2445	TRAN PHUONG THAO	1	200
2446	VU NGUYEN BAO NGOC	1	200
2447	NGUYEN CONG PHUC	1	200
2448	DAO MAI XUAN HUNG	2	400
2449	TRAN GIA MINH	2	400
2450	NGUYEN QUOC VIET	1	200
2451	BACH GIA QUYEN	1	200
2452	NGUYEN THI THUY	3	500
2453	VU VAN KIEN	1	200
2454	NGUYEN TAN DUC	2	400
2455	TRAN THI HAI HOA	1	200
2456	LE TUAN NGOC	5	900
2457	NGUYEN PHI PHAM	3	500

2458	KHUU DANG THIEN PHU	1	200
2459	LE THI VAN QUYNH	2	400
2460	TRAN QUOC DAI	2	400
2461	LE PHI HAI	2	400
2462	TRAN DUC NGOC	1	200
2463	DO HUYNH DUC	4	700
2464	NGUYEN VAN LINH	4	700
2465	NGUYEN TRUNG HOP	2	400
2466	LE BUI NHAT HUY	2	400
2467	ARROYO ELLIOT NEFTALI	1	200
2468	TA DUC THANG	2	400
2469	NGUYEN KHAC QUYET	3	500
2470	JUSTINE CATA CUTAN SANCHEZ	2	400
2471	NGUYEN THI ANH THU	1	200
2472	TRAN HUU TIEN DUNG	1	200
2473	NGUYEN VAN NAM	1	200
2474	DO VAN PHUONG	1	200
2475	VO THANH HUNG	1	200
2476	HOANG THI THANH HUONG	1	200
2477	TIEU HONG DUC	1	200
2478	LUONG THANH DAT	1	200
2479	LUONG QUOC MINH	1	200
2480	LE THI NGOC HUYEN	2	400
2481	LE DUC SON	1	200
2482	BUI VAN HIEP	1	200
2483	NGUYEN PHONG PHAT	1	200
2484	LO VAN MAN	2	400
2485	NGUYEN LE BAO LAM	1	200
2486	PHAM NGUYEN XUAN SANG	1	200
2487	LE HUY HOANG	1	200
2488	NGUYEN THANH CHUNG	1	200
2489	NGUYEN VAN QUAN	3	500
2490	VO HOANG QUOC THIEN	1	200
2491	VO BAO TIN	1	200
2492	NGUYEN THI HA GIANG	1	200
2493	HUYNH NGOC BAC	1	200
2494	LE THI MAY	1	200
2495	PHAM THI MINH HUYEN	1	200
2496	NGUYEN HONG PHUC	1	200
2497	NGUYEN PHUOC THO	1	200
2498	HA MANH QUAN	1	200

2499	NGUYEN VAN THINH	2	400
2500	VU DINH CHIEN	1	200
2501	HOANG NGOC CU	1	200
2502	DINH MANH TUAN	1	200

5. Hũ Bích (Từ 24/11/2025 – 30/11/2025):

STT	Họ tên	Tổng số giao dịch	Số tiền chi thưởng
1	LE HOANG GIA HAN	15	800
2	PHAM LE QUANG NHAT	39	2,000
3	NGUYEN THI BICH PHUONG	10	500
4	NGUYEN VAN TICH	2	100
5	DINH THI BICH	41,959	2,202,500
6	NGUYEN TRA MY	33,909	1,780,000
7	TRAN VAN PHUONG	1	100
8	TRAN DUC NGOC	2	100
9	TRAN DUC NGOC	2	100
10	TRAN DUC NGOC	2	100
11	TRAN THI THU HUONG	21,523	1,129,800
12	NGUYEN VAN THIEN	2	100
13	PHUNG THI THUY	3	200
14	VU THI HUYEN	8	400
15	NGUYEN VIET HUNG	11	600
16	PHAM THI NHAT ANH	1	100
17	PHAM TUAN ANH	2	100
18	PHAM THU HA	2	100
19	NGUYEN HAI LY	3,706	194,500
20	BUI SI SU	21	1,100
21	VU MINH ANH	2	100
22	DOAN THI LOAN	54	2,800
23	DAO THUY ANH	7	400
24	PHAM XUAN THANH	30	1,600
25	NGUYEN THI THUY VAN	1	100
26	MAI VAN DUNG	1	100
27	CAO XUAN NAM	56,819	2,982,600
28	BUI UYEN CHI	1	100
29	HOANG THI HANH	6	300
30	VU TRUNG KIEN	1	100
31	NGUYEN THI HONG LOAN	3	200
32	PHAM ANH DUNG	4	200

33	PHAN THI HUE	35,621	1,869,800
34	TRAN TRUC PHUONG	69,613	3,000,000
35	PHAN TUAN MINH	42,448	2,228,200
36	TRUONG THI THU TRANG	1	100
37	LAI VAN KHANH	13,235	694,700
38	LY MINH QUAN	7	400
39	NGUYEN XUAN THIEN	2	100
40	LA VAN NAM	1	100
41	TRAN THI THU HA	3	200
42	PHAM QUANG KHANH	5	300
43	NGUYEN TRUNG KIEN	7	400
44	NGUYEN LE ANH TUAN	1	100
45	NGO THI LAN HUONG	1	100
46	PHAM VAN TRANG	1	100
47	VU THI MAI HUONG	1	100
48	HO THI THANH HIEN	2	100
49	TRINH BINH THAN	1	100
50	LUC THI THU HUONG	9	500
51	TRUONG HUYNH NHU	1	100
52	TRINH NGOC THUY VY	1	100
53	NGUYEN TIEN NAM	11	600
54	NGUYEN DUC HANH	1	100
55	LE QUYNH ANH	30,100	1,580,000
56	DAO VAN CUONG	5	300
57	MAI VAN THONG	6	300
58	HUYNH KHANH DUY	2	100
59	LE DUC ANH	11	600
60	PHAM TIEN THANH	1	100
61	NGUYEN NHU QUYNH	3	200
62	VO QUOC CUONG	25,975	1,363,500
63	PHAM VAN QUY	10	500
64	HOANG VAN CUONG	32	1,700
65	DO DUY THANG	1	100
66	NGUYEN TRUNG NGHIA	1	100
67	NGUYEN THI HOAI	29	1,500
68	NGO THANH TRONG	2	100
69	LE THI HIEN	1	100
70	NGUYEN THI MINH THU	65,859	3,000,000
71	NGUYEN TRUNG HUY	12,113	635,800
72	VU THI QUY	315	16,500
73	DO VAN DAT	35,731	1,875,600

74	VU NGOC DUC	755	39,600
75	BUI THI KIM VAN	1	100
76	NGUYEN THI THANH THUY	12	600
77	CHU VIET HUNG	3	200
78	PHUNG THI KIM NGAN	14	700
79	NGUYEN THI LAN	569	29,900
80	DUONG THI HONG THAM	2	100
81	NGO THI NGOC MAI	42,439	2,227,700
82	TO XUAN HIEU	63,363	3,000,000
83	THAI BA THANH	1	100
84	TRAN THI KIEU TRANG	19	1,000
85	LE THI THAT	4	200
86	NGUYEN THI TUONG VY	2,811	147,600
87	DO THI NGOC LAN	10,510	551,700
88	NGO VAN PHUC	3	200
89	PHAM VAN THUY	6	300
90	NGUYEN QUYNH MAI	1	100
91	NGUYEN THI HUYEN TRANG	1	100
92	NGUYEN LUONG HUY	1	100
93	DANH THANH PHAT	1	100
94	MAI VAN TRUONG	12,800	671,900
95	TRAN THANH LOAN	1	100
96	PHAM VAN HOANG	3	200
97	DANG THI MY CHAU	1	100
98	NGUYEN THI NGAN	24	1,300
99	NGUYEN THI HOAI DIEU	1	100
100	NGUYEN THI THUY	48,188	2,529,500
101	NGUYEN TRUNG HUY	1	100
102	CAO VIET CUONG	16	800
103	NGUYEN CONG DUC	7	400
104	NGUYEN VAN HUNG	3	200
105	NGO VI SANG	1	100
106	NGUYEN NGOC HUNG	5	300
107	VU VAN DAT	213	11,200
108	DO THI HAI ANH	41,246	2,165,100
109	NGUYEN QUOC TOAN	433	22,700
110	DINH VAN THO	10	500
111	TONG THI HONG CAM	1	100
112	NGUYEN THI HUE	186	9,800
113	TRAN VAN TRUNG	6	300
114	THAN MINH HIEN	2	100

115	VO THI THU HUYEN	1	100
116	PHUNG THUY LINH	5	300
117	VU MANH TUAN	1	100
118	NGO VAN PHONG	6	300
119	TRAN THI MY	1	100
120	LE HOANG NHAN	45,108	2,367,800
121	NGUYEN TIEN DUNG	8,716	457,500
122	NGUYEN THANH TRUNG	11	600
123	TRAN NGOC VAN	2	100
124	TRAN VAN CONG	1	100
125	VU MAI HONG	1	100
126	NGUYEN THI PHUONG ANH	18,931	993,700
127	NGUYEN VAN LEN	2	100
128	PHAM VAN LINH	17,474	917,300
129	DOAN PHAM THANH TRUC	1	100
130	HUA AI HUE	1	100
131	DINH THE TAM	3	200
132	NGUYEN THI THUY	5	300
133	HOANG THI HAI YEN	28,478	1,494,900
134	NGUYEN NGOC HAI	10,236	537,300
135	TRAN THI THUY HANH	4	200
136	DANG HOANG LONG	1	100
137	VU NGOC HA	1	100
138	TRAN THI NHU QUYEN	1	100
139	NONG QUOC HUYNH	3	200
140	HA THI TRANG	16,096	844,900
141	TRIEU THI DUYEN	7	400
142	TANG THI HONG NHUNG	38,507	2,021,300
143	NGUYEN THI THUY LINH	300	15,700
144	LY AI VAN	3	200
145	LAM KIM LOAN	1	100
146	PHAM NGOC NAM	1	100
147	PHAN MINH TIEN	2	100
148	NGUYEN THI HUYEN	3	200
149	PHAM NGOC NAM	2	100
150	VO XUAN HAI	1	100
151	DUONG PHAT NGAN	2	100
152	DINH THANH TRA	2	100
153	LE PHI VIET	1	100
154	PHAN NGUYEN HOANG TUAN	3	200
155	PHAN THI KHANH LY	1	100

156	NGUYEN THI YEN NHI	4	200
157	NGUYEN TIEN SON	2	100
158	VU THI HUE	3	200
159	TRAN THI LE NGAN	1	100
160	DO THI PHUONG DUYEN	1	100
161	HA QUOC VIET	2	100
162	PHAM THI ANH LINH	2	100
163	DAM THI THUY	12	600
164	CHU LAN HUONG	2	100
165	PHAM THI YEN	2	100
166	NGO THI MINH TRAM	3	200
167	PHAM THI HOA	2	100
168	HA THI LE THUY	2	100
169	NGUYEN VAN NGOC	1	100
170	NGUYEN THI NGOC BICH	5	300
171	NGUYEN THI BICH HONG	2	100
172	VU THI MAI PHUONG	3	200
173	NGUYEN DIEP ANH	1	100
174	BUI MANH TU	2	100
175	NGUYEN CONG HOANG	1	100
176	DANG THANH HIEP	1	100
177	VU VAN TOAN	5	300
178	VO HUY PHUC	6	300
179	NGUYEN DUC KHANH	1	100
180	LE THI TU TRINH	2	100
181	DANG THI TRANG	11	600
182	NGUYEN HONG PHUONG THANH	8	400
183	NGUYEN HONG DIEP	1	100
184	HA THI PHUONG THAO	1	100
185	NGO QUANG NGOC	7	400
186	CAO THI HONG MAI	2	100
187	PHAM NGUYEN PHI LONG	1	100
188	THAI NGUYEN THU TRANG	1	100
189	VU QUANG DUONG	16	800
190	TRINH THI TRUNG HIEU	1	100
191	TRAN THI THUY TIEN	1	100
192	NGUYEN THI CAM HONG	2	100
193	DANG THI HOAI TRANG	2	100
194	DUONG THI MUI	4	200
195	DAM DUY HAI	5	300
196	LE THIEN HUNG	3	200

197	TRAN THI THANH HUYEN	1	100
198	VI THI HAU	1	100
199	BUI THI KIM OANH	8	400
200	NGUYEN QUOC DUNG	2	100
201	DUONG VAN DUC	1	100
202	NINH VAN DE	2	100
203	TRAN THI TUYET MINH	1	100
204	NGUYEN PHUONG HONG MAI	1	100
205	NGUYEN BA TINH	1	100
206	PHI HOANG THAI	3	200
207	TRAN YEN NGOC	1	100
208	HOANG VAN TUAN	2	100
209	VU THI YEN	5	300
210	TRAN VAN TIEN	1	100
211	TRAN NGUYEN DIEU QUYNH	1	100
212	NGUYEN XUAN HUY	1	100
213	TRAN ANH VAN	30,959	1,625,100
214	LE THANH VU	8	400
215	NGUYEN THI BICH PHUONG	2	100
216	LE NGUYEN HOANG DUNG	1	100
217	TO QUOC DIEP	3	200
218	PHAM THI HOANG ANH	2	100
219	VO THI UYEN	10	500
220	VAN MANH CUONG	1	100
221	BUI THE ANH	1	100
222	HUYNH NGUYEN NHU Y	2	100
223	HUYNH THANH SON	1	100
224	NGUYEN THANH PHAT	1	100
225	BACH THI THUY	36,128	1,896,500
226	LY DINH DUY	16	800
227	MAI THI MY LINH	1	100
228	TRAN CHI BAO	6	300
229	TA THI THU HUONG	1	100
230	NGUYEN THI HA	18	900
231	TRAN XUAN BACH	1	100
232	HOANG THUY LIEU	3	200
233	LE PHAY PHUONG	2	100
234	DAO THI HANG	1	100
235	TRAN THI MAI TRANG	4	200
236	VU TRUNG HIEU	2	100
237	TRAN TUAN VU	1	100

238	VU THI NHUNG	5	300
239	VUONG THI TUYEN	1	100
240	NGUYEN THU HA	1	100
241	LY HAI NAM	1	100
242	VO CAO CUONG	3	200
243	NGUYEN SY TIEN	1	100
244	NGUYEN THI MINH TAM	2	100
245	VU TIEN THANH	2	100
246	NGUYEN THI CAM LY	1	100
247	NGUYEN KIEN CUONG	1	100
248	LE SANH NGUYEN	1	100
249	NGUYEN HOANG ANH	10	500
250	NGUYEN THI HONG NGOAN	2	100
251	DANG VAN KHUYEN	1	100
252	PHAN HUY	1	100
253	NGUYEN THANH TRUNG	1	100
254	LE THI HA	5	300
255	BUI THI TUONG VY	1	100
256	GIANG TAN TUOI	2	100
257	NGUYEN HUU TINH	4	200
258	NGUYEN PHUONG NAM	2	100
259	LE THI DUNG	1	100
260	HAN DUNG QUANG	2	100
261	NGUYEN THI NGOC TIEN	3	200
262	NGUYEN DUC LOI	2	100
263	GIAP THI CHUYEN	1	100
264	LE HUU TAI	2	100
265	TRINH QUANG VIET	1	100
266	NGUYEN ANH TU	2	100
267	DAO THI THUY LIEN	6	300
268	NGUYEN THI MAI PHUONG	5	300
269	NGUYEN TIEN SY	3	200
270	LUONG BAO NGOC	1	100
271	LE THI BAO ANH	11	600
272	NGUYEN LE THAO ANH	1	100
273	HUYNH NGOC TUAN	1	100
274	DO TRUNG KIEN	1	100
275	PHAM MINH HUNG	2	100
276	TRUONG THANH HUNG	9	500
277	NGUYEN THI HONG NHUNG	3	200
278	DANG THANH HIEU	5	300

279	LE MINH HOANG	3	200
280	NGUYEN HUYNH KHANH DANG	1	100
281	NGUYEN THI BICH TUYEN	9	500
282	NGUYEN BAO TRUNG	2	100
283	NGUYEN THI NGOC HOA	30	1,600
284	NGUYEN THI MINH NGUYET	3	200
285	HOANG NGOC THO	2	100
286	LE THI LIEN CHAU	1	100
287	HOANG THI THAO	1	100
288	NGUYEN THUY MINH THU	4	200
289	TA BICH NGOC	1	100
290	TRAN THU TRANG	1	100
291	NGUYEN THI NGOC HIEN	1	100
292	LE THANH HIEN	8	400
293	HO THI NGOC HIEP	2	100
294	PHAM THI THUONG THUONG	1	100
295	NGUYEN TIEN NHAM	1	100
296	LE VAN HAI	1	100
297	NGUYEN THI NGOC BICH	1	100
298	LE DUC HOANG	1	100
299	TRUONG VAN VU	3	200
300	LE MANH HUNG	6	300
301	NGUYEN THI PHUONG THAO	1	100
302	TRAN DUC HAI	1	100
303	THACH QUANG THANG	2	100
304	DOAN THI THANH NGA	6	300
305	PHAM THI THU HUONG	1	100
306	LUONG QUOC TUAN	1	100
307	QUACH THI THUY HAI	10	500
308	LE DINH HUNG	16,502	866,200
309	DINH VAN DONG	1	100
310	TRAN BA THUONG	5	300
311	BUI THI TUYET	1	100
312	LO THI LA	2	100
313	TRAN GIA KHANG	4	200
314	PHAM THI HONG	1	100
315	TA THI THUY	3	200
316	NGUYEN THI THAO	2	100
317	NGUYEN THI PHUONG DU	2	100
318	NGUYEN MINH DUNG	1	100
319	NGUYEN MAI LINH	1	100

320	DO THI HA ANH	6	300
321	BUI VAN LONG	4	200
322	NGUYEN DINH DUONG	1	100
323	NGUYEN THI THU THUY	4	200
324	MAI TIEN THANH	1	100
325	NGUYEN THI TU LINH	8	400
326	DO THI THU TRANG	3	200
327	VU MINH ANH	1	100
328	TRINH TUAN DAN	2	100
329	NGUYEN MAI LAN	1	100
330	HUYNH THI HANH	1,717	90,100
331	DAO THI THU THUY	2	100
332	TRAN THI THUY LINH	1	100
333	NGO VAN ANH	1	100
334	NGUYEN THI DIEM QUYNH	3	200
335	NGUYEN VU HUY HOANG	2	100
336	HOANG THI HOAI	2	100
337	NGUYEN VAN KHANH	1	100
338	LE THANH LONG	2	100
339	NGUYEN BA HOANG	1	100
340	LUONG HOANG HIEP	1	100
341	NGUYEN CUU THI HOAI	4	200
342	PHAM VAN BANG	1	100
343	NGUYEN VAN PHU	1	100
344	LUU THI THUY LINH	1	100
345	NGUYEN THI HUYEN TRANG	534	28,000
346	PHAM THI HOA	1	100
347	LE THI HA	1	100
348	LE THI THUY AN	1	100
349	NGUYEN TRAN HUU TRANG	2	100
350	NGO QUOC HUNG	2	100
351	NGUYEN THI THU TRANG	1	100
352	TRAN DINH VIET	1	100
353	LE TANG THANH HIEU	5	300
354	VU THI MY LINH	47,225	2,479,000
355	NGUYEN THI XUAN VAN	2	100
356	DAO VIET ANH	1	100
357	DINH TRUNG HIEU	3	200
358	BUI VAN HUY	1	100
359	HA THUY VY	2	100
360	NGUYEN LUU LY	1	100

361	NGUYEN VAN TUNG	7	400
362	TRAN THANH QUYET	5	300
363	NGUYEN XUAN QUANG	7	400
364	NGUYEN VAN THAI	1	100
365	DOAN MAI ANH	1	100
366	HUYNH THI TRA MY	3	200
367	NGUYEN THU TRANG	3	200
368	NGUYEN THUY QUYNH	1	100
369	NGUYEN THI KIEU NUONG	2	100
370	NGUYEN THI QUYNH PHUONG	4	200
371	NGUYEN THI DIEU HIEN	1	100
372	LE THI MINH TRANG	1	100
373	TRAN BICH PHUONG	1	100
374	NGUYEN THI HANG NGA	1,402	73,600
375	VU TRONG HUNG	2	100
376	TA HOANG LINH	2	100
377	NGUYEN PHUONG LINH	2	100
378	HUYNH THANH TUYEN	1	100
379	LE MAI QUYNH	1	100
380	NGUYEN VAN ANH	24,993	1,312,000
381	NGUYEN VAN QUAN	1	100
382	LE THI PHUONG THAO	1	100
383	NGUYEN HA QUY	3	200
384	CAO VAN THANH	3	200
385	BUI THI THU HA	1	100
386	HO THI HOA	11	600
387	BUI NGA HUONG	3	200
388	DUONG THI THANH TAM	5	300
389	DO THI HOAI THANH	3	200
390	HO THE CHUONG	3	200
391	PHAM THI KIEU OANH	6	300
392	NGUYEN HUY HIEU	8	400
393	TRAN THI CAM TU	1	100
394	VU MINH DUC	2	100
395	DO THI NGOC ANH	3	200
396	DO PHUONG HA	1	100
397	DO THUY LINH	1	100
398	NGUYEN THI NHU PHUONG	2	100
399	HOANG THANH LUONG	4	200
400	BUI VAN PHONG	2	100
401	NGUYEN THI CHI	2	100

402	NGUYEN VAN HUNG	1	100
403	TRAN HUU NAM	2	100
404	HO VAN TUNG	4	200
405	PHAM VAN BINH	20	1,000
406	LE DUC LONG	2	100
407	NGUYEN THI MINH CHAU	1	100
408	VI THI THU HA	2	100
409	DINH TRONG HO	20	1,000
410	PHAM THI HONG	1	100
411	TRUONG THI DIU	4	200
412	VU THUY LAN	2	100
413	PHAM NGOC HIEP	2	100
414	NGUYEN HUU VUONG	2	100
415	DO VAN HUY	529	27,800
416	TA PHUONG LINH	1	100
417	NGUYEN VAN THANH	2	100
418	NGUYEN THI UYEN NHI	4	200
419	LUONG NGOC THANH	1	100
420	LO THI THOA	1	100
421	LANG THI PHUONG	2	100
422	NGUYEN MAI PHUONG	1	100
423	TRAN THANH HUONG	1	100
424	NGUYEN VAN VUONG	3	200
425	BUI NGUYEN MINH DUNG	1	100
426	NGUYEN TRUNG HIEU	1	100
427	BUI VAN HA	1	100
428	NGUYEN THI THANH THAO	1	100
429	PHAM ANH HAO	1	100
430	NGUYEN QUANG HUY	576	30,200
431	BUI THI PHUONG	1	100
432	NGUYEN THI THAO SUONG	11	600
433	DANG VAN HUY	1	100
434	BUI THI HOA	1	100
435	VU THI NGUYET QUE	1	100
436	NGUYEN MINH CHIEN	1	100
437	KIM THI THU PHUONG	1	100
438	NGUYEN VAN PHU	2	100
439	NGUYEN VAN TRI NGUYEN	1	100
440	PHAN THAI NGOC	3	200
441	VU VAN HAI	1	100
442	NGUYEN BA THANH LONG	1	100

443	TRAN THE NHAN	1	100
444	NGUYEN TIEN NHAT	3	200
445	DANG THI THU THUY	1	100
446	TRAN HOANG HAN	1	100
447	LE MINH ANH	6	300
448	NGUYEN NGOC BON	1,836	96,400
449	TRAO HOANG QUYEN	2	100
450	DUONG KHANH BANG	2	100
451	TRAN DIEU THU	14	700
452	PHAN TRUONG THANH	1	100
453	NGUYEN QUOC HUNG MANH	1	100
454	MAI THI MEN	137	7,200
455	LAM THI NGOC HA	1	100
456	TRAN THAI HOA	3	200
457	DO THI TRANG	1	100
458	NGUYEN LE MINH TIEN	1	100
459	PHAN THANH NGUYEN	936	49,100
460	LE THI HAU	1	100
461	TRAN THI KIM DIEM	1	100
462	HA DUY MINH	3	200
463	LE THI LAN ANH	2	100
464	LE THI MAI HIEN	2	100
465	NGUYEN NGOC ANH	1	100
466	CHU MINH PHUOC	4	200
467	MAN DINH LINH	6	300
468	VU DUC ANH	4	200
469	LE NGOC PHUONG	1	100
470	TRAN NGOC HUY	1	100
471	NGUYEN THI KIM LOAN	2	100
472	NGUYEN XUAN MANH	1	100
473	DINH XUAN THANG	1	100
474	PHAM THI LAN	1	100
475	LE THUY NGOC	1	100
476	LE TIEN HOA	4	200
477	LUU VIET THUAT	3	200
478	DAO DUC VINH	1	100
479	PHAM XUAN DAT	1	100
480	VU TUYET MAI	2	100
481	PHAM QUANG HUY	1	100
482	VO VAN VU	1	100
483	HUYNH NGOC THANH	1	100

484	PHUNG HUY HOANG	5	300
485	NGUYEN DINH DUY	2	100
486	NGUYEN THI NHAN	9	500
487	NGUYEN THI BICH DAM	6	300
488	NGHIEM XUAN QUANG	1	100
489	TRAN HA MY	4,191	220,000
490	BUI TO DUY KHANG	3	200
491	NGUYEN VAN LONG	1	100
492	NGUYEN BA TUAN	1	100
493	TRAN VAN HUYNH	2	100
494	NGUYEN VAN QUANG	2	100
495	NGUYEN VAN MINH	4	200
496	BUI VAN NAM	3	200
497	LE QUY TRONG	1	100
498	NGUYEN DUY	2	100
499	PHAM VAN THANH NGUYEN	4	200
500	LE THI THUY	601	31,500
501	PHAM ANH VAN	364	19,100
502	HOANG VAN TRUONG	4	200
503	PHAM THUY NGA	1	100
504	TRAN THI THANH HOA	1	100
505	DOAN THI THANH HUYEN	1	100
506	NGUYEN THANH PH TUOC	2	100
507	NGUYEN THI THUY LINH	28,084	1,474,200
508	DAO THI TRANG	22,067	1,158,400
509	VU THI HUONG	1	100
510	BUI HANG PHUONG	15	800
511	VU VAN HA	3	200
512	HO HUU PHUONG	2	100
513	MAI THI BICH TRAM	3	200
514	NGUYEN CONG DUC	6,198	325,400
515	BUI ANH TUAN	4	200
516	DOAN VAN HOANG	2	100
517	PHAM KHOI NGUYEN	3	200
518	TRAN VAN TUNG	26	1,400
519	LUC DANG HAO	13	700
520	LE TUAN LAM	17	900
521	PHAM THI HUE	2	100
522	DOAN THI NGOAN	149	7,800
523	TRAN XUAN HUY	1	100
524	NGO QUANG SOT	4	200

525	LE HONG KIEN	2	100
526	PHAM ANH TUAN	3	200
527	NGUYEN TRONG HOAI AN	3	200
528	PHAM DANG CONG	4	200
529	HUYNH DUC THANH	4	200
530	PHAM THI HIEU	4	200
531	LE TRONG MINH	4	200
532	NGUYEN HUU HIEU	2	100
533	BUI VAN THANG	1	100
534	CAO CHI TRUNG	2	100
535	PHAM CONG MINH	2	100
536	NGUYEN THI THU HOAI	1	100
537	NGUYEN THU HUYEN	7	400
538	TRAN THI QUYNH THAO	19	1,000
539	LE CONG THUAT	1	100
540	NGUYEN THI THUY	1	100
541	HA HUONG LINH	1	100
542	NGUYEN ANH NGOC	1	100
543	NGO VU NGOC ANH	1	100
544	NGUYEN HA MY	1	100
545	DO DANG DANG	1	100
546	TRAN NGOC LINH	2	100
547	HOANG NGOC TUAN	1	100
548	NGUYEN THI NGOC KHANH	1	100
549	TRINH HUY PHUC	6	300
550	NGUYEN THANH HOAI	1	100
551	LAI VAN VINH	2	100
552	NGUYEN THI NGOC TRANG	2	100
553	LE NGUYEN DONG TINH	1	100
554	NGUYEN THANH TUNG	2	100
555	NGUYEN VAN PHONG	3	200
556	NGUYEN LAN HUONG	61	3,200
557	PHAM HONG PHUONG	3	200
558	NGUYEN LE THANH PHUONG	8	400
559	NGUYEN DUC MANH	1	100
560	NGUYEN ANH VU	7	400
561	NGO THI THANH HUYEN	1	100
562	TRAN THI PHUONG	4	200
563	NGUYEN VAN NGHIA	1	100
564	DU TIEN DAT	14	700
565	HUYNH THANH BINH	3,599	188,900

566	HOANG HAI	1	100
567	NGUYEN VAN ANH	2	100
568	DO VAN MINH	4	200
569	NGUYEN QUOC CHIEN	1	100
570	HUYNH DO UYEN	3	200
571	BUI NGOC SON	1	100
572	VU DUC NAM	1	100
573	PHAM VAN CHIEN	1	100
574	HOANG THANH LUAN	1	100
575	LUONG THI YEN THI	1	100
576	PHAN THI THU NGAN	3	200
577	HUYNH THI SI LIEN	1	100
578	LO VAN CHANH	2	100
579	MAI HAI AN	2	100
580	PHAN THI LINH QUYEN	6	300
581	NGUYEN DUC DUONG	2	100
582	NGUYEN PHUONG NAM	2	100
583	TRAN NGOC MINH CHAU	6	300
584	VO TUAN ANH	1	100
585	TRUONG NGOC THAI	2	100
586	DUONG THI CAM NHAN	6	300
587	NGUYEN HUY BACH	2	100
588	NGUYEN CONG THE ANH	1	100
589	TO THI NGOC ANH	1	100
590	NGUYEN THANH SON	2	100
591	DANG DINH HOP	1	100
592	TRAN HUU QUANG	2	100
593	NGUYEN VAN DAT	2,637	138,400
594	NGUYEN QUYNH NGA	2	100
595	HUYNH VAN NGUYEN	3	200
596	VO HOANG PHI	2	100
597	AN THUY DUONG	2	100
598	NGUYEN THI THU THAO	1	100
599	TRINH QUOC TRUNG	2	100
600	NGUYEN THI NGAN QUYNH	1	100
601	NGUYEN THI MY DUYEN	1	100
602	BUI XUAN LUONG	5	300
603	PHAM THI NGOC	1	100
604	CAO XUAN HAU	4	200
605	MAI QUYNH TRANG	2	100
606	TRAN NGUYEN KIM VAN	1	100

607	NGUYEN HUNG CUONG	1	100
608	LE VAN KHANG	2	100
609	LE VAN HIEP	9	500
610	NGUYEN MANH QUOC	1	100
611	NGUYEN THI HIEN	26,079	1,369,000
612	TRAN THANH TIN	5	300
613	TONG NGOC MAI	1	100
614	TRAN THI THE	1	100
615	TRAN DUNG	1	100
616	TRAN THI CHIEN	1	100
617	VO HONG HA	1,161	60,900
618	NGUYEN XUAN TOAN	1	100
619	NGUYEN VAN DONG	7	400
620	LE ANH TUAN	1	100
621	VO HONG LAM	727	38,200
622	TRINH XUAN QUAN	5	300
623	HA THI THUY DUNG	1	100
624	NGUYEN TAN NHAN	1	100
625	NGUYEN THI THANH MAI	1	100
626	PHAM VAN MINH	1	100
627	DINH THI DAM	2	100
628	LE VAN HAU	1	100
629	HOANG VAN THANH	3	200
630	HONG THI THU VAN	1	100
631	PHAM VAN NHA	4	200
632	VI THI THAM	1	100
633	TRAN THI HUONG GIANG	15,683	823,200
634	PHAM THI TUYEN	5	300
635	HO NGUYEN PHUONG THAO	2	100
636	NGUYEN HOANG BAO QUAN	3	200
637	DINH THI HAU	5	300
638	PHAM MINH HIEU	1	100
639	NGUYEN HO TUONG VY	1	100
640	NGUYEN VAN SU	2	100
641	NGUYEN THI THUY DUNG	19	1,000
642	DANG NGAN SOAI	1	100
643	VU NGOC TAN	1	100
644	TRAN THI THUY	2	100
645	NGUYEN THI LAM ANH	13	700
646	NGUYEN THI THAM	1	100
647	NGUYEN THI HANG	1	100

648	PHAM QUANG HUY	15	800
649	PHAM THI LAN HUONG	1	100
650	TRAN HA ANH	1	100
651	VO THANH LAP	2	100
652	DO THI HONG LIEN	2	100
653	DINH CHANH TIN	1	100
654	NGUYEN THI THU	13	700
655	NGUYEN MANH KIEN	3	200
656	NGUYEN MINH KHANG	2	100
657	VU THI THUY	4	200
658	DANG THI MINH ANH	2	100
659	NGUYEN QUOC PHONG	2	100
660	NGUYEN THI BICH NGOC	20	1,000
661	LUU ANH NGUYET	1	100
662	NGUYEN HONG NGOC CAM	1	100
663	PHAM THI DUNG	2	100
664	HOANG MINH DUY	1	100
665	NGUYEN THI KIM OANH	2	100
666	NGUYEN THI KIM OANH	2	100
667	TRAN HUYNH DIEP	3	200
668	TRAN DUC ANH	2	100
669	BUI BAO KHANH	3	200
670	LAI THI MY DUNG	1	100
671	NGUYEN HONG LINH	4	200
672	NGUYEN VAN TIEN	2	100
673	VAN TINH DAT	2	100
674	NGUYEN TRUONG PHUC	6	300
675	VU THI MAI NHI	2	100
676	LE XUAN BACH	1	100
677	NGUYEN NGOC SON	5	300
678	BUI THI HOANG OANH	2	100
679	NGUYEN THE VIET	2	100
680	DAO THI THU HA	1	100
681	NGUYEN KHAC DIEU LINH	1	100
682	PHUNG VAN NGOC	6	300
683	NGUYEN PHONG DUC	1	100
684	NGUYEN BAO HA	1	100
685	TRAN NGOC THANH	1	100
686	NGO NGOC THUY	4	200
687	PHAM VAN GIANG	1	100
688	LE TRUNG NGHIA	4	200

689	MAI QUY TRIEN	2	100
690	NGUYEN DUC HAI	1	100
691	NGUYEN THI NGOC HA	1	100
692	NGUYEN THI NU	3	200
693	PHAM THI NHU QUYNH	1	100
694	NGUYEN VAN TIEN	1	100
695	NGUYEN TRAN PHUONG NHI	1	100
696	TRAN DUC NHAN	1	100
697	DO THANH LONG	1	100
698	LUONG THANH TUNG	2	100
699	NGUYEN THI THU HONG	2	100
700	PHAN THE BAO	7	400
701	PHUNG THI LAM	1	100
702	NGUYEN THI LAN HUONG	202	10,600
703	DO THI LIEN	1	100
704	CAO THUY VY	2	100
705	PHAM VAN HUNG	6	300
706	PHAM QUYNH TRANG	1	100
707	BUI PHUONG KHANG	4	200
708	NGUYEN NHAN HOANG GIANG	1	100
709	HO TAN LOC	1	100
710	NGUYEN HUU NGHIA	1	100
711	PHAM THI DIU	26,533	1,392,800
712	NGUYEN THE HIEU	2	100
713	VU BANG	58	3,000
714	NGUYEN QUANG HUNG	4	200
715	TRAN THI SON	1	100
716	PHAM VAN PHONG	1	100
717	NGUYEN VAN THANH BINH	1	100
718	DANG THI DIEM TRINH	1	100
719	LE THI DIEM TRINH	4	200
720	BUI THI PHUONG UYEN	3	200
721	LUC KINH	1	100
722	DINH HAI NAM	1	100
723	VU XUAN HUY	1	100
724	NGUYEN DINH HIEU	6	300
725	TRAN THI ANH HONG	5	300
726	CHU THI THUY AN	8	400
727	DUONG NGUYEN TUNG	3	200
728	NGUYEN THI TUYET	4	200
729	BUI THANH TUAN	1	100

730	DANG THE CHI	1	100
731	DO THI NGOC ANH	6	300
732	NGUYEN THI NHU Y	1	100
733	PHAM DOAN HONG PHUC	1	100
734	DUONG THAO ANH	1	100
735	PHAM NGOC ANH VU	2	100
736	HOANG NHAT HA	2	100
737	NGUYEN VAN DUC	2	100
738	TRAN PHUONG BAO NGOC	1	100
739	NGUYEN VAN DUNG	2	100
740	VO THI THANH PHUONG	2	100
741	NGUYEN VAN NAM	1	100
742	NGUYEN ANH DUC	1	100
743	NGUYEN DUC KIEN	1,496	78,500
744	PHAM NGOC CUONG	1	100
745	NGUYEN TAN DIEU THAO	3	200
746	MAI THI NY NY	1	100
747	NGUYEN VIET CONG	2	100
748	TRAN DINH QUANG	3	200
749	TU THANH TINH	1	100
750	DAO THI THU HA	1	100
751	NGUYEN THANH CONG	1	100
752	PHAM MINH SANG	4	200
753	TRAN HUU LONG	3	200
754	PHAN THACH TU NGOC	2	100
755	NGUYEN THANH AN	1	100
756	DO XUAN CUONG	2	100
757	DANG HOANG DUONG	2	100
758	BUI THANH TOAN	1	100
759	DINH LENH TRUONG	3	200
760	TRAN HUU PHUONG	2	100
761	DUONG VAN CHINH	1	100
762	TRAN VU ANH DUY	2	100
763	NGUYEN NGOC TUNG	2	100
764	TRUONG LUYEN	1	100
765	NGUYEN VAN KHANH	3,188	167,300
766	TA VAN THUAN	7	400
767	NGUYEN THANH NHAN	1	100
768	NGUYEN THI TRANG	4	200
769	DOAN PHUONG LINH	1	100
770	NGUYEN PHUONG ANH	2	100

771	DUONG VO NGOC TUYEN	2	100
772	TRAN THI HUYEN	3	200
773	LE VAN CHIEN	1	100
774	NGUYEN THI BICH LAM	3	200
775	VO THI LOI	1	100
776	VU THUY DUNG	2	100
777	HUYNH DUC HOANG	2	100
778	HA THI BICH THUY	1	100
779	NGUYEN GIA DOANH	1	100
780	MAI THI CHAU GIANG	11	600
781	VU MINH DUC	8	400
782	LUU VU	2	100
783	LE HUU HA	2	100
784	NGUYEN VAN TRUNG	6	300
785	HOANG THI OANH	3	200
786	DO THI NGOC ANH	1	100
787	NGUYEN MINH VU	3	200
788	NGUYEN THUY PHUONG NGOC	1	100
789	PHI THI NGUYET ANH	2	100
790	DINH CONG VU	1	100
791	NGUYEN THI THU UYEN	2	100
792	PHAM HAI	3	200
793	NGUYEN HONG NHAT	1	100
794	PHAN VAN HA	1	100
795	NGUYEN THI THUONG	1	100
796	HUA THI MY PHUONG	1	100
797	NGUYEN THI BINH	4	200
798	DUONG TRAN HOANG LONG	3	200
799	LE TRONG PHUC	1	100
800	PHAM CUNG THANH	1	100
801	DUONG THI LOAN	4	200
802	NGUYEN HOANG KHAI	1	100
803	HOANG PHUNG NGUYEN	1	100
804	NGUYEN TUAN MINH	2	100
805	NGUYEN VAN TUAN	1	100
806	HOANG VAN VANG	4	200
807	VU VAN DUC	1	100
808	HA THI QUYNH TRANG	3	200
809	NGUYEN DUC THANG	1	100
810	NGUYEN VAN HA	1	100
811	DAO QUYNH TRANG	2	100

812	NGUYEN DUY CUONG	1	100
813	NGUYEN VAN KHUONG	1	100
814	NGUYEN THANH LOI	1	100
815	NGUYEN PHAM THAM	7	400
816	DINH CONG HUAN	1	100
817	DAO TRUONG AN	1	100
818	NGUYEN YEN NHI	1	100
819	VU HUY PHU	1	100
820	MAI LE DINH LONG	1	100
821	DO VAN KY	17	900
822	CHU LAN PHUONG	1	100
823	NGUYEN TUAN VU	2	100
824	LE CONG TU	1	100
825	NGUYEN TRUNG HIEU	2	100
826	NGUYEN THI NHUNG	8	400
827	LE KHANH PHONG	1	100
828	MAC THI THU NHUNG	4	200
829	LE KIM ANH	2	100
830	TRAN PHUONG LINH	5	300
831	HOANG THUY DUONG	1	100
832	HOANG THANH TRA	2	100
833	BUI QUANG HUY	1	100
834	DO THI HOA	2	100
835	VU THI PHUONG	1	100
836	HA DUY HUE	3	200
837	NGUYEN HA LY	1	100
838	BUI VAN TOAN	4	200
839	NGUYEN XUAN TRUONG	1	100
840	NGUYEN VAN PHUONG	3	200
841	PHAM THI VAN ANH	1	100
842	NGUYEN THANH BINH	8	400
843	NGUYEN THI HUYNH NHU	1	100
844	PHAM THI TRANG	1	100
845	TRUONG MINH NGHIA	3	200
846	NGUYEN THANH TIEN	1	100
847	BUI THI NGA	2	100
848	PHAN QUOC HIEP	1	100
849	NGUYEN TIEN HUNG	1	100
850	NGUYEN THANH HUNG	1	100
851	NGUYEN XUAN THAI	1	100
852	NGUYEN THI TUYET TRINH	3	200

853	NGUYEN THI NGOC TUYEN	1	100
854	NGO TUAN ANH	4	200
855	NGUYEN THI THUY DUONG	5	300
856	NGUYEN THANH TU	1	100
857	PHAN THI HONG NGUYEN	2	100
858	NGUYEN NGOC MY PHUONG	1	100
859	NGUYEN QUANG TUYEN	1	100
860	VO THANH KHA	2	100
861	DANG HONG UAN	1	100
862	VU THI KHANH CHUNG	1	100
863	LE NAM THANG	1	100
864	NGUYEN TA HIEU	1	100
865	PHAM THI TRANG	2	100
866	NGUYEN HONG KHANH	1	100
867	MAI THI PHUONG	2	100
868	LE THI QUYNH	5	300
869	HA THI DUONG	2	100
870	PHAM THI PHUONG THAO	1	100
871	DANG DINH PHAT	2	100
872	NGUYEN TU ANH	1	100
873	DO DINH HIEN	6	300
874	NGUYEN DUY TU	1	100
875	DOAN MINH CHAU	25,679	1,348,000
876	TRAN TRUNG THANG	13	700
877	NGUYEN TIEN DAT	3	200
878	LE PHUC HAU	2	100
879	NGUYEN NGOC THUY DUONG	2	100
880	DINH SY LAM	3	200
881	NGUYEN THI VAN	2	100
882	NGUYEN THI NGOC NHUNG	5	300
883	NGUYEN VAN SON	7	400
884	DINH TRONG CHIEN	2	100
885	MAI DAC LUC	1	100
886	NGUYEN TRAN NGOC TIEN	4	200
887	TRAN THI MINH TUYEN	1	100
888	NGO VAN HUNG	1	100
889	NGUYEN VAN SUNG	1	100
890	NGUYEN VAN VINH	6	300
891	HOANG THI HUONG	1	100
892	LUONG THANH NHA	1	100
893	NGUYEN MINH HUYEN	1	100

894	CHU THI HOA	1	100
895	TRAN THANH TUNG	340	17,800
896	NGUYEN TAN DUNG	4	200
897	NGUYEN THI THANH HUYEN	1	100
898	NGUYEN THI THU TRANG	5	300
899	PHAM DO HUY THANH	22	1,200
900	TRAN LE HUY	1	100
901	TRAN VAN LINH	3	200
902	NGUYEN THI THAN	1	100
903	LE THI NHU Y	6	300
904	CAN THI DUYEN	1	100
905	NGUYEN BAO AN	2	100
906	DUONG THU HIEN	7	400
907	VU THI THU HIEN	2	100
908	LE NGOC TUAN	1	100
909	NGUYEN TRONG TU	2	100
910	DO THI HAI HAU	8	400
911	LE THI THANH TRUC	1	100
912	NGUYEN DUY DAT	1	100
913	NGUYEN THI THU HUONG	3	200
914	VU NGOC DUC	1	100
915	NGUYEN THI LINH DAN	5	300
916	PHAM VAN THANH	2	100
917	HUYNH CHI DUNG	6	300
918	NGUYEN VAN NAM	1	100
919	DANG HOANG NAM	1	100
920	NGUYEN HONG HAI	1	100
921	VU THI LAN ANH	2	100
922	LUONG THI LINH	1	100
923	NGUYEN NHU HA	1	100
924	NGUYEN PHUONG ANH	1	100
925	LE QUOC THINH	1	100
926	BUI THI THU HUYEN	1	100
927	NGUYEN THI TUYET NHUNG	2	100
928	PHAN THI MINH TAM	6	300
929	TRAN HA THIEN AN	1	100
930	PHAM VAN NHIEN	1	100
931	LE THI BAO TRAM	1	100
932	DANG PHUONG ANH	1	100
933	LE VAN NGHIA	3	200
934	TRAN LE THU TRANG	1	100

935	NGUYEN VIET THANH	9	500
936	LE ANH DUNG	1	100
937	PHAN VAN TRUONG	1	100
938	LE TIEN DAT	1	100
939	VO NGUYEN HUU HOA	4	200
940	DUONG TU QUAN	1	100
941	LAI THI NGA	1	100
942	NGUYEN DAC LUC	1	100
943	VO THI HUYNH NGA	1	100
944	NGUYEN PHUONG THAO	2	100
945	BUI NHU SAM	1	100
946	LE NGOC ANH	169	8,900
947	NGUYEN THI QUYNH NHU	1	100
948	DANG KHANH LINH	9	500
949	TRAN DUY KHUONG	4	200
950	NGUYEN VAN DAT	1	100
951	TRUONG MY ANH	2	100
952	NGUYEN THI HUONG	6	300
953	HO VAN HOAN	1	100
954	TRAN THANH TUAN	5	300
955	NGUYEN QUOC TOAN	2	100
956	HA NGOC SANG	3	200
957	VO VAN KHANG	2	100
958	LE CANH LAM	2	100
959	NGUYEN THU TRANG	1	100
960	CAO XUAN TUNG	2	100
961	TRINH PHUONG LIEN	1,535	80,600
962	NGO THI THU PHUONG	1	100
963	DAM THI NGA	3	200
964	VO THANH LOC	4	200
965	DAU THI MY LE	2	100
966	PHAM THI OANH	1	100
967	BUI THANH DAN	7	400
968	VAN MINH SANG	2	100
969	DOAN VU TUONG VY	1	100
970	DOAN HOANG THANH THU	1	100
971	QUACH THI NGOC DIEU	4	200
972	DUONG MINH HIEU	9,493	498,300
973	PHAM HUU THAN	1	100
974	NGO THANH TUNG	1	100
975	CHU DUC TRUNG	2	100

976	LUONG THI MAI YEN	1	100
977	VU DUC MINH	2	100
978	DANG VAN THANH	1	100
979	PHAM TRUONG DAK TRAM	2	100
980	VUONG CAO THIEN	4	200
981	VU BA LE	3	200
982	NGUYEN HUU LOI	1	100
983	TA THI MINH NGUYET	5	300
984	MAI QUANG MINH	3	200
985	TU NGUYEN THU THAO	1	100
986	NGUYEN HUU HUU	2	100
987	NGUYEN THI PHUONG ANH	1	100
988	NGUYEN HONG PHUONG	1	100
989	DO VAN HOANG	1	100
990	TRAN NGUYEN HUU NHAN	1	100
991	LUU THI VIET PHUONG	11,611	609,500
992	DO MINH TUAN	1	100
993	HUYNH THI THU THUY	1	100
994	LE TRI NGUYEN	3	200
995	LE THI MAI	8	400
996	DINH THI HONG GIANG	1	100
997	LE BA CONG	3	200
998	NGUYEN THI THU THUY	1	100
999	VU XUAN HIEU	1	100
1000	CAO THI NGOC QUYNH	49,719	2,609,900
1001	NGUYEN THU HUONG	2	100
1002	LE HUY VIEN	11	600
1003	NGUYEN TUAN DAT	2	100
1004	HOANG VAN QUAN	1	100
1005	NGUYEN CHI CONG	1	100
1006	NGUYEN LINH CHI	3	200
1007	PHAM HUU LONG	3	200
1008	NGUYEN ANH TU	2	100
1009	PHAM THI THUY LY	1	100
1010	NGUYEN TAN HIEP	3	200
1011	NGO THI LAN ANH	1	100
1012	TRAN THI HONG QUYEN	1	100
1013	TRAN DUC TUNG	1	100
1014	HUYNH LE THANH TUAN	1	100
1015	NGUYEN TIEN SI	1	100
1016	DINH THI MONG THU	1	100

1017	TRAN VAN TUYEN	3	200
1018	NINH THI KIM LIEN	1	100
1019	TA TUONG VIET	1	100
1020	LY XUAN TRUC	3	200
1021	NGUYEN VAN THAI	12	600
1022	LE TIEN THANH	1	100
1023	NGUYEN THI TUYET ANH	2	100
1024	TRAN THI THU HA	1	100
1025	NGUYEN THI HUE	2	100
1026	NGUYEN THI MINH TAM	1	100
1027	NGUYEN DANH UY	2	100
1028	PHAM THI HUONG	4	200
1029	PHAM VAN BANG	3	200
1030	BUI XUAN DONG	1	100
1031	NGUYEN THI KHANH LINH	1	100
1032	VU QUANG HUNG	1	100
1033	KHUU THI HUYNH NHU	6	300
1034	NGUYEN DANG PHUONG	2	100
1035	LE DINH KHANH VU	1	100
1036	PHAN THI MINH SAO	1	100
1037	PHAM NGOC THACH NHI	3	200
1038	PHAM QUANG THUC	1	100
1039	MA NONG BO	3	200
1040	NGUYEN TRUNG NGHIA	2	100
1041	KIEU DUC DUY	1	100
1042	NGUYEN THI HANH	4	200
1043	NGUYEN MINH DUC	4	200
1044	NGUYEN TAN VIET	1	100
1045	HOANG THI HEN	4	200
1046	TRAN TRONG THIEN PHU	1	100
1047	NGUYEN THI PHUONG THAO	1	100
1048	HOANG THI OANH	2	100
1049	TRINH HUNG DUNG	1	100
1050	DAO XUAN TU	4	200
1051	TRAN THI TRANG	1	100
1052	BUI THI HONG LOI	1	100
1053	MA VAN THUONG	1	100
1054	NGUYEN MAI HUONG	1	100
1055	MAN TIEN DUNG	1	100
1056	DANG VO THI PHUONG THUY	3	200
1057	DO VAN CUONG	1	100

1058	HO DAC DUNG	10	500
1059	VU HUY HOAN	1	100
1060	LE NGOC DAN THUY	1	100
1061	NGO THI PHUC DUYEN	3	200
1062	LE CHI HUONG	2	100
1063	TRUONG THI TAM	2	100
1064	LE CONG THAI	2	100
1065	NGUYEN LE ANH	4	200
1066	NGUYEN TUE MINH THU	1	100
1067	HA MINH THI	2	100
1068	DANG THI THANH HIEN	2	100
1069	NGUYEN TUAN ANH	2	100
1070	NGUYEN HUY DO	1	100
1071	NGUYEN THI PHUONG THUY	4	200
1072	DINH THI THAO	1	100
1073	NGO THI PHUONG THANH	1	100
1074	HOANG DUC HUY	1	100
1075	TRAN THI THOAN	2	100
1076	BE KIM NGAN	2	100
1077	NGUYEN VAN HIEU	3	200
1078	NGO THI THU HA	1	100
1079	TONG NGOC TUNG	1	100
1080	TRAN TRONG THUC	4	200
1081	HOANG THI LAN	1	100
1082	PHUNG VAN KHIEM	14	700
1083	PHAN THAO HUYEN	1	100
1084	LUONG NGOC HAN	2	100
1085	DUONG THI TAN	1	100
1086	CU THI LINH	2	100
1087	BUI ANH TUAN	1	100
1088	NGUYEN THI MUNG	1	100
1089	NGUYEN TRUNG KIEN	1	100
1090	TRAN THI HA	1	100
1091	DAM NGOC TUAN	1	100
1092	LE PHUOC TON NU AI HOA	1	100
1093	PHAM QUANG THANG	15	800
1094	LE THI TRINH	1	100
1095	HUYNH TAN DUONG	3	200
1096	BUI THI NGAN	1	100
1097	HA HUY HOANG	4	200
1098	HOANG HAI ANH	11	600

1099	BUI VAN HUNG	1	100
1100	NGUYEN HUU TUAN ANH	4	200
1101	TRAN THI BE BAY	4	200
1102	TRIEU THI AI VAN	1	100
1103	NGUYEN VAN LINH	14	700
1104	DINH THI CHAM	1	100
1105	VO MINH THAI	1	100
1106	NGUYEN VAN HUY	2	100
1107	PHAM THI DUYEN	2	100
1108	DANG VO THI PHUONG THAO	1	100
1109	NGO THI HOA	4	200
1110	DAO DINH LUYEN	4	200
1111	LE NGOC PHUONG THAO	2	100
1112	PHAM THI THUY HUONG	3	200
1113	PHAM NGOC KIM	3	200
1114	LE THAI DUONG	1	100
1115	NGUYEN NHU PHONG	100	5,200
1116	LUONG TUAN THANH	1	100
1117	NGUYEN KHANH	1	100
1118	NGUYEN NGOC TAM	3	200
1119	TRINH THAI HA	1	100
1120	NGUYEN CONG DAT	1	100
1121	TRINH XUAN MAI	38	2,000
1122	NGUYEN TAN BAO TOAN	5	300
1123	HO THI NHU QUYNH	1	100
1124	HOANG HUY KIM	2	100
1125	DANG VU LONG	1	100
1126	DOAN HAI DANG	1	100
1127	HOANG THI ANH NGUYET	1	100
1128	DO VAN QUANG	3	200
1129	PHAN MINH TAI	2	100
1130	NGUYEN THUY TRANG	2	100
1131	NGO THI THANH NHAN	3	200
1132	NGUYEN TRUNG HIEN	1	100
1133	DO DUONG THAI NGUYEN	1	100
1134	HOANG VAN THUAT	2	100
1135	BUI TIEN DUNG	6	300
1136	PHAM THI ANH	17,764	932,500
1137	PHAM NGOC QUYEN	7	400
1138	TO HONG HAI	2	100
1139	NGUYEN THI DUNG	1	100

1140	HOANG XUAN SON	6	300
1141	NGUYEN MINH NGHIA	2	100
1142	TRAN THI THUY TRINH	1	100
1143	DUONG QUANG HUY	3	200
1144	NGUYEN VAN THANH	3	200
1145	HOANG THANH HAO	2	100
1146	VU VAN KHOI	1	100
1147	TANG PHUONG THAO	1	100
1148	NGUYEN TAN CUONG	2	100
1149	DOAN VAN TUNG	2	100
1150	NGUYEN ANH TU	1	100
1151	NGUYEN THANH CUONG	1	100
1152	NGUYEN ANH TUAN	3	200
1153	NGUYEN VAN SANG	1	100
1154	NGUYEN MANH DAM	2	100
1155	TRAN THI HIEU HANH	1	100
1156	BUI MINH HOAT	1	100
1157	NGUYEN THI NGAN	1	100
1158	LE MANH THANG	2	100
1159	VAN THI YEN	1	100
1160	PHAM QUOC VIET	2	100
1161	NGUYEN MANH TINH	1	100
1162	TRAN THI LIEN	1	100
1163	TRAN PHUOC VINH	1	100
1164	LE MY NHAN	1	100
1165	NGUYEN TRAN NHU THAO	2	100
1166	HOANG ANH HIEU	1	100
1167	TRAN TRA MY	1	100
1168	TRAN DUC NGOC	1	100
1169	VU THI NGAT	3	200
1170	PHAM MINH CHI TAI	2	100
1171	PHUNG THI XUAN	3	200
1172	VU XUAN TIEN	1	100
1173	PHAM VAN DAI	5	300
1174	NGUYEN DANG VIET HUNG	7	400
1175	DUONG XUAN AN	3	200
1176	HOANG VAN LUONG	1	100
1177	TRAN QUOC CUONG	1	100
1178	NGUYEN LINH HUONG	1	100
1179	NGUYEN ANH TU	1	100
1180	NGUYEN MAI HUONG	4	200

1181	LE VAN LINH	1	100
1182	DOAN MINH QUYET	1	100
1183	DUONG TUAN ANH	5	300
1184	NGUYEN XUAN TU	31	1,600
1185	DANG NGOC ANH THU	1	100
1186	NONG THI HONG MAI	2	100
1187	BUI CONG TUYEN	17	900
1188	TRUONG MAN NGOC	1	100
1189	TRAN THI TUYEN	1	100
1190	TRAN VAN THANG	1	100
1191	DU THI XUAN PHUONG	3	200
1192	NGUYEN DUONG ANH	3	200
1193	NGUYEN VAN DE	2	100
1194	NGUYEN LE TRUNG	2	100
1195	DO SON LAM	1	100
1196	NGUYEN HUYNH HUONG	1	100
1197	NGUYEN HAI NGA	3	200
1198	PHAM THI THUY LINH	1	100
1199	TRUONG THI NGOC LAN	4	200
1200	HA VAN CUONG	1	100
1201	TRAN CONG QUAN	1	100
1202	HOANG THI PHUONG ANH	1	100
1203	LE BA DOAN	1	100
1204	NGUYEN HONG NGOC	2	100
1205	HO QUOC LONG	1	100
1206	HA THI KIM CHI	1	100
1207	HOANG TUAN ANH	2	100
1208	TRAN THI LE THU	1	100
1209	NGUYEN HONG MINH	1	100
1210	NGUYEN DUNG TIEN	3	200
1211	NGUYEN THANH THAO	10	500
1212	LE THI XUAN	1,049	55,100
1213	NGUYEN THU TRANG	1	100
1214	NGUYEN THI NGOC TRANG	1	100
1215	NGO THI THU NGA	2	100
1216	VO KIM QUYEN	4	200
1217	NGUYEN VAN CUONG	1	100
1218	PHAM MINH LUAN	2	100
1219	LE THI THUY QUYEN	4	200
1220	MAI HOANG VIET	2	100
1221	NGUYEN DUC PHUONG	2	100

1222	NGO THI PHUONG	2	100
1223	NGUYEN MINH TUAN	2	100
1224	NGUYEN THANH TAT	1	100
1225	PHAM TUYET CHINH	5,281	277,200
1226	VU QUOC DAT	1	100
1227	NGO MANH TUAN	1	100
1228	PHAM VAN KHOA	3	200
1229	HUYNH MINH THUAN	2	100
1230	HA HOANG HUY	5	300
1231	BUI THI DUNG	1	100
1232	NGUYEN THI PHUONG LAN	1	100
1233	TRAN THI DAU	3	200
1234	DANH MANH	1	100
1235	BUI CONG DUY	1	100
1236	DAO ANH NGUYEN	25,090	1,317,000
1237	PHAN THI THAO	2	100
1238	HOANG TRUNG HIEU	1	100
1239	DO VIET DUC	1	100
1240	NGUYEN THI HONG DUOC	9	500
1241	DANG THI THAO	1	100
1242	NGUYEN VIET PHUONG	24	1,300
1243	LE THE HAI	1	100
1244	PHAM HA LE VI	1	100
1245	QUAN BA QUANG	6	300
1246	THAI THUY DUONG	614	32,200
1247	PHAM VAN SANG	1	100
1248	HUA NGUYEN HOAI NHAN	3	200
1249	NGUYEN THI HUYEN MINH	2	100
1250	VU THI PHUONG ANH	1	100
1251	LE NGOC TIN	2	100
1252	BUI VAN HIEP	1	100
1253	NGUYEN MINH TRUONG	3	200
1254	BUI CONG HAU	1	100
1255	NGUYEN ANH TUAN	4	200
1256	NGUYEN HONG PHUC	1	100
1257	NGUYEN VAN QUYET	24	1,300
1258	HUYNH PHUOC SANG	5	300
1259	NGUYEN DUC KHANH	3	200
1260	HOA XUAN THANH	1	100
1261	NGUYEN THI LIEU	1	100
1262	PHAN DUY TRUONG	1	100

1263	HOANG VAN MUOI	3	200
1264	TRAN THI HONG NGOC	4	200
1265	GIANG TUAN DUONG	3	200
1266	NGUYEN THI THU	1	100
1267	NGUYEN VAN HIEU	1	100
1268	TRUONG THI QUYNH	1	100
1269	DUONG THI THANH	28	1,500
1270	NGUYEN VAN DOANH	6	300
1271	VO THI NGOC HAN	8	400
1272	LE XUAN HUNG	4	200
1273	BUI TO QUE ANH	4	200
1274	NHU TRONG DAT	9	500
1275	TRAN QUANG CHANH	3	200
1276	PHAN DUC ANH	3	200
1277	VU THI HUYEN	69	3,600
1278	BE THANH TRUNG	1	100
1279	LIEU THI THANH TUYEN	1	100
1280	HOANG MINH HOA	1	100
1281	DANG HUYNH TRUC	3	200
1282	PHAN TRI THIEN THANH	1	100
1283	PHAM THI THANH	4	200
1284	PHAN MINH VU	3	200
1285	DAO THI THU TRANG	1	100
1286	BUI QUANG VINH	1	100
1287	NGUYEN THANH LONG	1	100
1288	NGUYEN QUOC TRUNG	6	300
1289	HO DANG TRINH	6	300
1290	VU THI MINH THUAN	8	400
1291	DANG NGOC HUNG	40	2,100
1292	PHAM BA HAO	2	100
1293	NGUYEN THANH TRUNG	1	100
1294	DO THU PHUONG	1	100
1295	NGUYEN DUY QUANG	2	100
1296	HO HAI DUY	1	100
1297	LE MINH DAT	1	100
1298	LE THI KHA AI	1	100
1299	DO BAO LY	1	100
1300	NGUYEN DUC DUOC	4	200
1301	NGUYEN MINH QUAN	19	1,000
1302	HUA THI NHIEU	6	300
1303	TRAN BE NGOC	1	100

1304	TRAN VAN TRUONG	3	200
1305	NGUYEN PHUONG TUONG HUY	2	100
1306	VU DUC LOC	3	200
1307	PHAM MANH CUONG	2	100
1308	TRAN MINH KHOI	2	100
1309	TRAN THI QUYNH TRAM	1	100
1310	TRUONG NGOC LONG	10	500
1311	NGUYEN THANH BINH	1	100
1312	PHAM VAN HAI	5	300
1313	LE THI MY	1	100
1314	NGUYEN THI THUONG	1	100
1315	NGUYEN THU HOAI	1	100
1316	NGO THIEN NGAN	2	100
1317	TRAN QUOC BAO	4	200
1318	LE HOANG DUC	1	100
1319	TRANG HOANG SINH	6	300
1320	NGUYEN VAN DUONG	2	100
1321	PHAN NGOC ANH	4	200
1322	PHAM THI THANH	1	100
1323	PHAN TRAN PHUONG UYEN	3	200
1324	NGUYEN MINH DUONG	1	100
1325	TRAN THI THANH THUY	1	100
1326	HOANG THU TRANG	2	100
1327	VO HOANG	1	100
1328	NGUYEN MANH HUNG	2	100
1329	PHAN TAN THANH	6	300
1330	TRAN THI THU THUONG	1	100
1331	NGUYEN HAI NGAN	1	100
1332	NGUYEN DINH QUOC	1	100
1333	DINH VAN SY	3	200
1334	PHAM THI HOANG DUNG	1	100
1335	LE CONG KHOA	1	100
1336	PHAN NGUYEN VAN THI	1	100
1337	DO LE HANH NHON	2	100
1338	TRUONG MINH PHU	1	100
1339	NGUYEN CHINH THUAN	1	100
1340	NGUYEN HONG SON	3	200
1341	HOA TIEN ANH	4	200
1342	NGUYEN THI THUY LINH	1	100
1343	PHAM TIEN DINH	3	200
1344	PHAM DINH LONG	1	100

1345	NGUYEN HONG VAN	1	100
1346	NGUYEN CANH TU	1	100
1347	TRAN TRUONG LUU	6	300
1348	NGUYEN DUY KHANG	2	100
1349	NGUYEN THI YEN VI	5	300
1350	PHAM CONG MINH	1	100
1351	NGUYEN TIEN TRU	8	400
1352	NGUYEN KHANH LY	1	100
1353	NGUYEN THI BICH PHUONG	1	100
1354	LE THI THU UYEN	1	100
1355	LE PHI TOAN	1	100
1356	NGUYEN CHI THANH	1	100
1357	PHAM THI THANH TAM	1	100
1358	NGUYEN CAO CUONG	2	100
1359	NGUYEN TUNG SON	2	100
1360	VU THI THIEN THANH	1	100
1361	DUONG THI MY NGAN	1	100
1362	NGUYEN THI HUONG	1	100
1363	TRAN HOAN	3	200
1364	TANG TUYET AN	2	100
1365	PHAM HAI HA	4	200
1366	NGUYEN VAN TRUONG	14	700
1367	LUC QUOC VIET	1	100
1368	NGUYEN THI HUONG	16	800
1369	PHAM THI LAN ANH	1	100
1370	TRUONG NGOC TRAM	1	100
1371	LE THI THANH DAO	3	200
1372	LE THI HONG NHUNG	1	100
1373	NGUYEN VAN HAU	1	100
1374	NGUYEN HOANG PHI	14	700
1375	NGUYEN THI LUU	1	100
1376	PHAM THE QUYET	2	100
1377	DAO ANH DUONG	1	100
1378	DU CONG TOAI	1	100
1379	HUYNH TAN TAI	5	300
1380	DOAN DUC ANH DUY	1	100
1381	TRAN QUOC PHONG	3	200
1382	LE THI THU HUONG	1	100
1383	NGUYEN VAN ANH HUY	8	400
1384	NGUYEN THI QUYNH ANH	1	100
1385	NGUYEN VAN HIEN	1	100

1386	NGUYEN THI THANH THUY	2	100
1387	NGUYEN THI LE THUY	1	100
1388	LE VAN HUNG	4	200
1389	HOANG THI HUYEN	1	100
1390	LE GIA HUNG	1	100
1391	NGUYEN MAI HUONG	2	100
1392	NGUYEN THI PHUONG NHI	2	100
1393	LUONG DUC ANH DINH	3	200
1394	LE HUNG	1	100
1395	NGUYEN THI DUYEN	1	100
1396	TRAN VAN DUYET	1	100
1397	LO VAN DAO	5	300
1398	PHAN VAN NAM	1	100
1399	NGUYEN DUC LONG	3	200
1400	HO THI QUOC	1	100
1401	NGUYEN VAN TIEN	14	700
1402	VU THI LIEN	1	100
1403	CAO THI HIEN	1	100
1404	MAI TRONG TAN	1	100
1405	LUONG QUANG TUNG	2	100
1406	BE VAN DAT	3	200
1407	TRAN THI HIEN	2	100
1408	LE VAN THIEN	2	100
1409	NGUYEN THI BAO HIEN	1	100
1410	PHAM BA CONG	21	1,100
1411	TRAN NHU Y	1	100
1412	NGUYEN MINH NAM - VPB	5	300
1413	TRAN QUANG CHUYEN	1	100
1414	NGUYEN CHI TIEN	3	200
1415	LE THI THU HANG	2	100
1416	PHAM THI THANH OANH	2	100
1417	TRAN DINH QUOC TUAN	1	100
1418	PHAM DUC QUAN	2	100
1419	NGUYEN TRAN HOANG YEN	2	100
1420	TRAN DANG LONG	3	200
1421	NGUYEN THI MAI CHAM	1	100
1422	LE NAM KHANH	1	100
1423	NGUYEN QUOC VIET	17	900
1424	NGUYEN THUY NGA	1	100
1425	LE MINH KHOA	1	100
1426	NGUYEN THI CUC	2	100

1427	PHAM THI THUY HANG	1	100
1428	TRAN TRUNG KIEN	1	100
1429	PHAN THI KIEU TRANG	1	100
1430	PHAM NGOC TRI	4	200
1431	NGUYEN TRONG HAU	1	100
1432	LE VAN VU	1	100
1433	DOAN THI DUNG	1	100
1434	LE THI THANH	1	100
1435	NGUYEN QUYNH TRANG	2	100
1436	DOAN THI DIEU	2	100
1437	TRAN THI THU HANG	1	100
1438	LUU THI BICH	1	100
1439	VU THE QUYEN	1	100
1440	LUONG VAN HOC	2	100
1441	VU THI KIM DUNG	2	100
1442	PHUNG ANH TUAN	1	100
1443	HOANG ANH PHUONG THAO	1	100
1444	GIAP ANH TUAN	3	200
1445	NGUYEN HOANG QUYNH PHUONG	1	100
1446	CHAU NHAT ANH	1	100
1447	HUYNH THANH DUY	1	100
1448	NGUYEN THI MAI	1	100
1449	DUONG DUC DANG	2	100
1450	NGUYEN DUC DUAN	4	200
1451	LE THI LAN HUONG	21	1,100
1452	HOANG DIEM HANG	1	100
1453	PHAM THI LIEN	1	100
1454	LE VAN SY	1	100
1455	TRAN NU BICH NGOC	1	100
1456	DO QUOC HUNG	1	100
1457	PHAM THI THEU	1	100
1458	DINH VAN DUNG	3	200
1459	NGUYEN HOANG DUY THUC	7	400
1460	HOANG THI THU HUONG	1	100
1461	NGUYEN CHANH QUOC	7	400
1462	NGUYEN THI DUYEN	4	200
1463	HUYNH THANH THINH	3	200
1464	PHAM HUYNH THU HA	1	100
1465	TRAN THI HOAI HUONG	1	100
1466	NGUYEN CONG TAM	10	500
1467	DOAN HUYNH MINH QUYEN	1	100

1468	NGUYEN THI NHU QUYNH	1	100
1469	PHAM TIEN DAT	2	100
1470	MAI THANH NAM	5	300
1471	LE THI MINH TRANG	2	100
1472	HO NGOC HAI	4	200
1473	NGUYEN CONG MINH	2	100
1474	NGUYEN VAN KHA	1	100
1475	HOANG VAN DUNG	4	200
1476	TRINH VAN HUY	1	100
1477	NGUYEN THI MINH TAM	1	100
1478	TRAN THI THUY DUONG	2	100
1479	NGUYEN THI MY LUAN	2	100
1480	HOANG MINH NGOC	1	100
1481	TRAN DOAN THAO LINH	1	100
1482	NGUYEN THI LY	6	300
1483	NGUYEN MINH DUY	2	100
1484	DUONG NGOC HIEP	2	100
1485	TRAN HOANG NGOC ANH	299	15,700
1486	TRAN NGUYEN MINH DUC	6	300
1487	MAI VAN TRI	43	2,300
1488	NGUYEN KIM ANH	3	200
1489	NGUYEN VAN GIANG	1	100
1490	PHAN VAN VANG	1	100
1491	PHAM HUU QUAN	3	200
1492	NGUYEN THI THU	3	200
1493	CAO VIET HUNG	7	400
1494	PHAM VAN PHUONG	1	100
1495	LE VAN TUNG	3	200
1496	LUU THI QUYNH NHU	5	300
1497	LE THI THUY DUNG	1	100
1498	NGUYEN NGOC YEN LINH	1	100
1499	VU OANH	1	100
1500	HOANG GIA BAO	3	200
1501	TRAN VAN TUAN	1	100
1502	NGUYEN MY LINH	1	100
1503	NGUYEN XUAN TRONG	1	100
1504	DANG VIET HUNG	7	400
1505	LE HONG NGOC	1	100
1506	NGUYEN NGOC NAM VIET	1	100
1507	LE THI LAM TUYEN	3	200
1508	PHAM THI THANH	1	100

1509	NGUYEN QUOC HUNG	2	100
1510	ME HUNG THANH	2	100
1511	NGUYEN THI MAI	18	900
1512	NGUYEN THI NGOC HA	2	100
1513	PHAM VAN NGOC	25	1,300
1514	VU MINH TUAN	2	100
1515	PHAM VAN THUY	1	100
1516	NGUYEN THUY LINH	1	100
1517	TRUONG THI LOI	1	100
1518	LE NGOC PHUONG THAO	8	400
1519	DUONG CONG HAU	1	100
1520	NGUYEN THI DIEU MAI	1	100
1521	TRAN HONG HANH	4	200
1522	NGHIEM KIM THIEM	34	1,800
1523	NONG DUC TIEN	2	100
1524	TRAN KHANH HIEN	4	200
1525	NGUYEN THI XUAN HUONG	6	300
1526	THIEU VAN THANH	8	400
1527	NGUYEN THI NGOC TU	2	100
1528	HUYNH NGOC BICH	2	100
1529	VU KHANH LINH	1	100
1530	TRAN THANH MIEN	1	100
1531	NGO CHI BAO	2	100
1532	TRAN THANH NHAN	1	100
1533	PHAM NGOC LINH	1	100
1534	NGUYEN VAN SON	1	100
1535	BACH DUONG NHA VI	1	100
1536	HUYNH THI TO UYEN	2	100
1537	LE NGOC HUYEN	2	100
1538	HO THI THUY DUNG	5	300
1539	NGO THI HONG	1	100
1540	NONAME	1	100
1541	NGO QUOC VIET	3	200
1542	DANG THAI NINH	1	100
1543	NGUYEN THU TRANG	4	200
1544	DANG THO BACH	2	100
1545	NGUYEN HUY HOANG	1	100
1546	LE VAN NHAN	3	200
1547	PHAM THU TRANG	5	300
1548	LU BUU NHU	2	100
1549	TRAN TAN TAI	1	100

1550	LE NGUYEN MINH KHANG	8	400
1551	NGUYEN THI CUC	1	100
1552	NGUYEN VAN SANG	3	200
1553	HOANG MY LINH	1	100
1554	NGUYEN HUY HOANG	1	100
1555	HO THI BAO TRINH	1	100
1556	VU MINH PHONG	1	100
1557	TRAN THI HONG THAI	1	100
1558	PHAN THI HUE TRAM	2	100
1559	NGUYEN VAN QUAN	2	100
1560	DUONG PHUONG VY	1	100
1561	NGUYEN THI NGOC NHUNG	1	100
1562	NGUYEN HOANG ANH	1	100
1563	DINH KHANH DUONG	1	100
1564	DO VAN CUONG	3	200
1565	HUYNH VAN HAI	1	100
1566	DAO HUYNH YEN NHI	5	300
1567	LUU THI VIET HOA	15,795	829,100
1568	PHAM MINH THANG	7	400
1569	LE THI THANH HIEN	1	100
1570	TRUONG NGOC QUY	1	100
1571	DOAN VAN TIEN DAT	2	100
1572	DUONG HOAI DOI	4	200
1573	PHAN NGUYEN ANH TUAN	1	100
1574	BUI THI NGOC	1	100
1575	DUONG THANH TUAN	2	100
1576	DINH TRUNG CUONG	3	200
1577	PHAN VAN TIEN	3	200
1578	HOANG TIEN NAM	2	100
1579	HA LE KIM	1	100
1580	TRAN THI THANH HOA	467	24,500
1581	NGUYEN THI QUYNH TRANG	4	200
1582	THAN THU UYEN	2	100
1583	DANG DUY ANH	1	100
1584	PHAN TRAN BICH TRAM	1	100
1585	PHAM CONG DUAN	3	200
1586	NGUYEN HOANG KIM YEN	1	100
1587	DO TRUONG GIANG	4	200
1588	NGUYEN THANH TUNG	3	200
1589	NGUYEN MINH NGOC	6	300
1590	NGUYEN HUU LONG	1	100

1591	DO THI NHUNG	1	100
1592	LE NGOC HUYEN	2	100
1593	PHAM HOANG HAI	1	100
1594	NGUYEN QUANG KHANH	2	100
1595	QUACH VAN TINH	1	100
1596	NONG VAN HOA	2	100
1597	TRAN THI HOANG LAN	1	100
1598	NGUYEN THI THOM	1	100
1599	BUI VAN THU	3	200
1600	KHA NGOC CHAU	2	100
1601	BUI MINH CUONG	7	400
1602	DAO THI BICH NGOC	1	100
1603	TRAN LE HAI	3	200
1604	NGUYEN THI THUY LE	3	200
1605	VU THI THU HANG	5	300
1606	NGUYEN THI HAI	1	100
1607	NGUYEN TIEN DUNG	23	1,200
1608	DUONG THI THANH LAM	1	100
1609	LUU QUOC HUNG	2	100
1610	VU THI THUY MINH	1	100
1611	NGUYEN BA THIEN	1	100
1612	NGUYEN HONG HANH	9	500
1613	BUI THI KIM NHUNG	2	100
1614	MAI THI LAN ANH	3	200
1615	NGUYEN MINH HIEU	1	100
1616	NGUYEN THUY KIM ANH	2	100
1617	DO THI THU HUONG	2	100
1618	NGUYEN VAN TUYEN	1	100
1619	PHAM BAO LONG	9	500
1620	NGUYEN VAN TUAN ANH	2	100
1621	HOANG THANH TAM	1	100
1622	NGUYEN NHAT TAN	1	100
1623	LE VAN HUY	3	200
1624	TO NGOC DUNG	1	100
1625	PHUNG THI MAI	2	100
1626	DO XUAN THIEN	2	100
1627	NGUYEN THI THU HA	3	200
1628	LA MINH NGUYET	1	100
1629	DUONG XUAN PHUC	3	200
1630	NGUYEN KIM DUNG	4	200
1631	LUU HUYNH NGOC KHANH	1	100

1632	NGUYEN THI THUY	2	100
1633	PHAN THI NGOC THANH	1	100
1634	LAM THI LAN CHI	1	100
1635	NGUYEN HA NGAN	1	100
1636	LE THANH YEN	1	100
1637	PHAM DUC QUYET	3	200
1638	HOANG VIET TRINH	1	100
1639	TRUONG CAO NGUYEN	3	200
1640	NGUYEN HAI VAN	1	100
1641	NGUYEN HONG QUAN	2	100
1642	PHAM VAN TIN	1	100
1643	VU DINH HANH	10	500
1644	LUU TUAN PHONG	1	100
1645	PHAM THI HIEN	1	100
1646	DANG TRONG NAM	5	300
1647	NGUYEN THI MINH TRANG	1	100
1648	NGUYEN THI LAN	1	100
1649	PHAM THI THU HANG	1	100
1650	LE THAI SON	1	100
1651	HUYNH TAN SANG	2	100
1652	LE VAN NHAT	1	100
1653	DO MINH PHUONG	1	100
1654	DINH THI ANH	2	100
1655	CHU DIEU LINH	2	100
1656	TRUONG MINH THOAI	11	600
1657	LE VAN TUAN	1	100
1658	LE NHU VU	1	100
1659	VANG THI THU	4	200
1660	THAI THI THANH THUY	5	300
1661	HUYNH NHU	2	100
1662	TRAN LE HONG NGOC	1	100
1663	QUACH TU ANH	1	100
1664	NGUYEN NGOC CUONG	1	100
1665	TO DUY KHANH	1	100
1666	TRAN THUC NHI	1	100
1667	LE THI NGOC NGA	3	200
1668	PHAM DUC TRUNG KIEN	1	100
1669	VU THANH NGUYEN	1	100
1670	DAO XUAN QUANG	6	300
1671	DUONG THI THUY TIEN	3	200
1672	PHUNG DUC BIEN	1	100

1673	HUYNH DUC BAO	1	100
1674	NGUYEN VIET QUAN	2	100
1675	DANG THI ANH THU	5	300
1676	VU DUC TIEN	1	100
1677	NGUYEN THAP THOAI ANH	3	200
1678	PHAM THI BICH PHUONG	1	100
1679	LE THAO VAN	1	100
1680	NGUYEN THI THUY	8	400
1681	NGUYEN HUU SON	4	200
1682	VU THI PHUONG	1	100
1683	HOANG HUONG GIANG	1	100
1684	TRAN QUANG MINH	1	100
1685	NGUYEN THI THANH BINH	1	100
1686	NGUYEN VAN CHIEN	1	100
1687	DOAN TIEN NHAM	1	100
1688	PHAM HUYEN TRANG	1	100
1689	NGUYEN CHON MINH THE	1	100
1690	BUI KHAC PHUC	1	100
1691	DANG THI HONG HAI	2	100
1692	DOAN VI HUONG	1	100
1693	NGUYEN THI THUY DUONG	3	200
1694	NGUYEN THI THUY NGA	4	200
1695	HOANG THI HUONG GIANG	1	100
1696	VAN THAI HA	2	100
1697	NGUYEN THE QUYNH NHU	1	100
1698	VAN THANH TU	1	100
1699	DO THI THANH HUONG	7	400
1700	DANG GIA THAI	6	300
1701	NGUYEN VAN TINH	1	100
1702	HOANG THI KIM CHI	1	100
1703	LE THI HANH	34,215	1,796,000
1704	MAI THI THUY DUNG	8	400
1705	NGUYEN THI CHAU	1	100
1706	NGUYEN THI THANH HUYEN	3	200
1707	NGUYEN MANH LINH	4	200
1708	NGUYEN NGOC BAO TRAM	1	100
1709	TRAN DIEU NINH	1	100
1710	NGUYEN VAN HUNG	2	100
1711	THACH HOANG CUONG	4	200
1712	NGUYEN TRONG KINH	1	100
1713	TRAN THI TRANG	1	100

1714	PHAM QUOC HUY	2	100
1715	PHAM THI NGA	1	100
1716	NGO VAN NGHIA	1	100
1717	DAO THI THU	2	100
1718	PHAM THI VAN	2	100
1719	TRAN THI BICH NGOC	1	100
1720	TRAN DINH TRONG	1	100
1721	NGUYEN VAN TUAN	1	100
1722	NGUYEN THI NHU HIEN	12	600
1723	LE THI BICH	1	100
1724	NGUYEN THANH TAM	1	100
1725	DO THE VINH	47	2,500
1726	LANG THE LINH	2	100
1727	TRAN THE HUY	3	200
1728	NGUYEN HUYEN TRANG	2	100
1729	LE HAI	3	200
1730	LE NGOC BACH	1	100
1731	NGUYEN THU HA	2	100
1732	HA THI THU TRANG	2	100
1733	VU THI THU TRANG	5,037	264,400
1734	NGUYEN TUAN VIET	1	100
1735	HA HUU TRONG	5	300
1736	MAI THI DUNG	1	100
1737	BUI NGOC TRAM	1	100
1738	NGUYEN QUANG THU	1	100
1739	NGUYEN MINH HOANG	4	200
1740	DANG HUYEN DIEP	1	100
1741	NGUYEN THI TU OANH	4	200
1742	HUYNH UC GIA THUAN	4	200
1743	NGUYEN THI HUONG	2	100
1744	DOAN QUOC CUONG	5	300
1745	LUONG HIEN	3	200
1746	PHUNG VAN ANH	1	100
1747	NGUYEN DUY DAT	7	400
1748	NGUYEN QUANG HUY	1	100
1749	NGUYEN THE ANH	3	200
1750	DANG DO THAI BINH	1	100
1751	VAN TAN SON	1	100
1752	BUI TUONG BACH	1	100
1753	TRAN THI THU HA	3	200
1754	NGUYEN KHANH LINH	3	200

1755	DUONG VAN THAI	3	200
1756	BANG THI YEN	3	200
1757	NGUYEN THI HOA	2	100
1758	NGUYEN VAN THANH	13	700
1759	NGUYEN THI HAU	1	100
1760	NGUYEN THI LY LE	5	300
1761	LE TIEN THUONG	3	200
1762	HOANG KHANH HUYEN	1	100
1763	NGUYEN THI NGOC MAI	5	300
1764	NGUYEN ANH HAO	1	100
1765	CAO HUU THO	1	100
1766	DOAN THI MINH HUE	12	600
1767	NGUYEN THANH TU	3	200
1768	LE QUANG HUY	5	300
1769	LY THU TRANG	3	200
1770	NGUYEN DANG HIEP	7	400
1771	NGUYEN TIEN MANH	1	100
1772	NGUYEN HA TRONG HIEU	3	200
1773	HOANG THI MAI	3	200
1774	LE KHANH HUYEN	3	200
1775	NGUYEN THI THU	2	100
1776	HOANG THI TUYET	1	100
1777	NGUYEN THI KIEU TRANG	1	100
1778	NGUYEN NGOC TRANG	2	100
1779	NGUYEN THI THUY LINH	3	200
1780	LE ANH MINH	4	200
1781	PHAM VAN LUAN	2	100
1782	VU VIET DUNG	1	100
1783	TRAN XUAN TRUNG	2	100
1784	TRAN CHI KIEN	3	200
1785	PHAM VAN NGHIEP	4	200
1786	DANG NHAT MINH	1	100
1787	TRAN QUOC DAT	4	200
1788	NGO VAN DUC	6	300
1789	TRAN THI PHUONG ANH	1	100
1790	LE THI CAM DI	1	100
1791	NGUYEN HONG PHONG	1	100
1792	NGUYEN XUAN HOANG	3	200
1793	LE VAN THANH	1	100
1794	LE MINH CHIEN	2	100
1795	PHAM THI HOAI	3	200

1796	THAN LE MY HIEN	3	200
1797	NGUYEN THE DAT	1	100
1798	NGO VAN DUONG	2	100
1799	LE MINH DONG	3	200
1800	NGUYEN THI MAI	3	200
1801	NGUYEN THI PHUONG	3	200
1802	LE PHI KHAI	1	100
1803	TRUONG NGUYEN HIEU HOA	1	100
1804	BUI DUC HUY	2	100
1805	NGUYEN VAN TUNG	1	100
1806	DO THI THU	2	100
1807	MAI DUC MANH	4	200
1808	PHAM THI THANH PHUONG	13,719	720,100
1809	VAN TIEN PHUC	1	100
1810	NGUYEN VAN CUONG	1	100
1811	VU VAN DOAN	1	100
1812	NGUYEN VAN QUYEN	1	100
1813	TRIEU THE TAI	2	100
1814	PHAM DINH TU	4	200
1815	TRAN THI HOAI THU	1	100
1816	NGUYEN THI PHUONG NHU	1	100
1817	HA VAN HAI	1	100
1818	HOANG DUC DUNG	2	100
1819	BUI THANH DUNG	1	100
1820	PHAM THI GIANG	4	200
1821	HUYNH KHANH LOC	1	100
1822	HOANG THI THANH THAO	2	100
1823	VU BICH NGOC	1	100
1824	TRAN THI THANH THAO	1	100
1825	DAO MANH THANG	1	100
1826	HOANG PHI HUNG	1	100
1827	PHO QUYNH NGA	1	100
1828	NGUYEN THANH TUYEN	3	200
1829	DO SON LAM	7	400
1830	TRAN VAN TRUONG	2	100
1831	TRAN THI BICH NGOC	1	100
1832	PHAN VAN THINH	75	3,900
1833	NGUYEN TRUNG KIEN	1	100
1834	BUI VAN TUAN	2	100
1835	LE CHI CO	3	200
1836	LAM NGUYEN TUAN ANH	1	100

1837	DO THANH HUYEN	2	100
1838	TRAN TRONG NHAN	5	300
1839	LE MINH HANG	1	100
1840	LE HIEP HOAI NHU	1	100
1841	HO THI LE NA	4	200
1842	BUI NAM CAO	7	400
1843	LUONG VAN DIEM	6	300
1844	NGUYEN THI YEN NGOC	2	100
1845	BUI QUANG HUY	4	200
1846	NGHIEM BA MINH NAM	1	100
1847	BUI HUYEN TRANG	2	100
1848	NGUYEN VAN LY	4	200
1849	HO NGOC HIEP	5	300
1850	NGUYEN VAN TUNG	2	100
1851	TRAN DUC TRONG	2	100
1852	HOANG THI NGOC UYEN	3	200
1853	NGUYEN TIEN VUONG	3	200
1854	NGUYEN PHI HUNG	1	100
1855	LIEU KIM HI	1	100
1856	NGUYEN THI NHUNG	110	5,800
1857	DINH VAN HA	2	100
1858	PHAN THI NGOC THAO	1	100
1859	LE THI TRUC MAI	1	100
1860	NGUYEN VAN DAY	1	100
1861	BUI QUOC DAT	1	100
1862	NGUYEN THI LOAN	1	100
1863	NGUYEN MAI HONG	1	100
1864	LE THI HUONG	2	100
1865	NGUYEN TUAN NAM	1	100
1866	BUI THI NGUYET	1	100
1867	DO VAN DAI	1	100
1868	NGUYEN THI BICH PHUONG	1	100
1869	LUONG THE VINH	6	300
1870	KHUC THANH PHUONG	5	300
1871	DO VAN TU	1	100
1872	BUI VAN LINH	1	100
1873	PHAM THI NHUAN	1	100
1874	NGUYEN AN DUY	2	100
1875	TU QUANG THANH	5	300
1876	DAM THI HUONG	1	100
1877	A MINH TUYEN	1	100

1878	MAI THI THUY AN	4	200
1879	NGUYEN THI HUYEN TRANG	3	200
1880	VI THI DONG	1	100
1881	DIEP VAN PHUOC	4	200
1882	BUI VAN NAM	1	100
1883	NGUYEN THI HAO	1	100
1884	PHAM THI NGOC LAN	1	100
1885	NGUYEN CHI TRUNG	1	100
1886	TRAN HUY HOANG	2	100
1887	NGUYEN MINH TRI	7	400
1888	BUI THE HIEP	4	200
1889	PHAM THI VAN ANH	2	100
1890	TO HONG TRAC	7	400
1891	NGUYEN TUAN ANH	1	100
1892	HA HAI MY	1	100
1893	NGUYEN TRUNG CHANH	1	100
1894	DO THI XUAN HAO	1	100
1895	LUONG THUY NGAN	1	100
1896	TRAN THU HUONG	1	100
1897	VO THI HONG EM	1	100
1898	NGUYEN DUY LINH	3	200
1899	BUI THANH TU	1	100
1900	DO VAN CHUNG	1	100
1901	TO THI HOAI THU	1	100
1902	NGUYEN VAN THANG	1	100
1903	NGUYEN HOANG LAM	10	500
1904	VUONG THI OANH	1	100
1905	NGUYEN THI THOM	2	100
1906	NGUYEN VAN VIET	10	500
1907	PHAM QUANG VU	1	100
1908	PHAN HUU VUONG	1	100
1909	CHU THI MAI PHUONG	1	100
1910	NGUYEN THI HA	1	100
1911	TRAN THI PHUONG	2	100
1912	VAN PHU HIEU	2	100
1913	CHEO A SAN	1	100
1914	HA MINH KHANG	1	100
1915	NGO MINH THANG	2	100
1916	TRAN THI PHONG LAN	2	100
1917	NGUYEN TRUONG GIANG	4	200
1918	PHAM HONG NHUNG	1	100

1919	TRAN GIA DUC	1	100
1920	DO THUY LINH	6	300
1921	TRAN TIEN ANH	2	100
1922	VU DUY HIEP	2	100
1923	VO THI THANH HA	1	100
1924	TRAN THI HUONG	5	300
1925	DUONG VAN THINH	2	100
1926	NGUYEN TRUNG NGUYEN	1	100
1927	HO THI NGOC TRANG	1	100
1928	NGUYEN ANH QUAN	2	100
1929	DO HA PHUONG	3	200
1930	NGUYEN THI DIU	1	100
1931	PHAM QUOC THANH SANG	2	100
1932	NGUYEN BA THANG	1	100
1933	NGUYEN THI NGAN	3	200
1934	LE TIEN THANH	5	300
1935	VU DUC ANH	1	100
1936	NGO MY LOC	1	100
1937	NGUYEN XUAN LOI	1	100
1938	TRAN DIEU LINH	1	100
1939	NGUYEN TIEN TOT	1	100
1940	TRAN CAO TINH	1	100
1941	HUYNH THI KIM TUYEN	3	200
1942	HUYNH THAI TAI	1	100
1943	NGO LAN ANH	1	100
1944	NGUYEN QUOC MINH	3	200
1945	LE MANH QUAN	4	200
1946	DAO DUY MANH	1	100
1947	NGUYEN HONG NHUNG	582	30,600
1948	LAO CAM HON	1	100
1949	NGUYEN THI THEU	1	100
1950	NGUYEN HUYEN TRANG	1	100
1951	NGUYEN QUANG LUAT	1	100
1952	LE NGOC PHUONG	4	200
1953	TRAN THANH SON	2	100
1954	TRAN BICH GIANG	1	100
1955	TRAN THI CHUNG	1	100
1956	LUONG NHAT LONG	1	100
1957	HO THI THUY VAN	1	100
1958	TRAN NHAN KIET	6	300
1959	THAN DUC THOAI	1	100

1960	LA VAN THAN	2	100
1961	CAO THI KHANH TRA	1	100
1962	NGO MAI DUY THUONG	1	100
1963	NGUYEN DANG QUANG	2	100
1964	LE DUY ANH	21	1,100
1965	HUYNH VAN PHAT	2	100
1966	NGUYEN TRUONG GIANG	4	200
1967	LUONG ANH TUAN	2	100
1968	BUI DIEM MY	1	100
1969	NGUYEN THANH THUY	3	200
1970	VU TUYET MAI	12	600
1971	HOANG VAN TOAN	1	100
1972	VU THI TIEU NGOC	8	400
1973	NGUYEN VAN THAI	1	100
1974	PHAM THI CHANG	29	1,500
1975	TRANG THE HAU	2	100
1976	BUI CONG CUONG	1	100
1977	VU VAN LUONG	8	400
1978	NGUYEN DAI NUI	6	300
1979	NGUYEN THI MAI PHUONG	2	100
1980	LE MINH THIEN	3	200
1981	TRAN VAN TINH	1	100
1982	HONG QUOC VIET	2	100
1983	TRAN HUYNH THANH AN	4	200
1984	TRAN THI BICH HONG	2	100
1985	NGUYEN MINH TRI	1	100
1986	PHAM HOAI LINH	2	100
1987	NGUYEN NGOC HAN	1	100
1988	NGUYEN THI TRANG	596	31,300
1989	VO VAN PHUC	2	100
1990	PHAM BA DUONG	3	200
1991	BUI THI KHANH LINH	1	100
1992	LY KIM PHAT	2	100
1993	NGUYEN NGOC GIANG	3	200
1994	NGUYEN TRI DUNG	22	1,200
1995	HOANG MAI HUONG	1	100
1996	TONG PHUOC QUAN	9	500
1997	NGUYEN DINH DIEN	2	100
1998	TRAN THI ANH HONG	1	100
1999	LUU THI HOA	6	300
2000	VU VAN KHU	2	100

2001	DAO THANH DUY	1	100
2002	NGUYEN VAN DUONG	1	100
2003	NGUYEN TUAN ANH	2	100
2004	TRUONG TUYET NHI	1	100
2005	TRAN BAO NGOC	1	100
2006	HOANG THI DUYEN	3	200
2007	NGUYEN NHAT ANH	3	200
2008	NGUYEN MINH DUC	1	100
2009	DANG THONG	2	100
2010	NGUYEN THI THU TRANG	1	100
2011	TRAN NGOC PHU	1	100
2012	PHAM THI MY HOA	3	200
2013	DANG NGOC ANH	1	100
2014	BUI THI LINH	3	200
2015	BUI NGOC VU	1	100
2016	PHAM TRAN TIN	3	200
2017	NGUYEN THI THANH	1	100
2018	NGUYEN THI LOAN	1	100
2019	NGUYEN THI THU HOAI	8	400
2020	TONG THI THU THUY	1	100
2021	HO THI PHUONG	2	100
2022	LAI QUY BA	1	100
2023	NGUYEN HOAI NAM	1	100
2024	PHAM NGOC TRUNG HIEU	3	200
2025	HOANG DAI NAM	2	100
2026	DO SY KIEN	2	100
2027	PHAM THI THUY LINH	1	100
2028	HOANG VAN HIEU	1	100
2029	LAI MINH KHANG	1	100
2030	NGUYEN THANH MY	1	100
2031	NGUYEN DAI CUONG	3	200
2032	PHAM THI THANH YEN	2	100
2033	LUONG TUAN ANH	4	200
2034	LUU THI HOA	3	200
2035	NGUYEN THI PHUONG ANH	1	100
2036	PHAM QUYNH TRANG	12	600
2037	DO MANH THANG	2	100
2038	BUI THI MINH TRANG	4	200
2039	LE HOA THUAN	3	200
2040	NGUYEN THI THANH TRA	1	100
2041	NGUYEN PHI LONG	1	100

2042	NGUYEN NGOC THE	1	100
2043	DOAN LE DUY	14	700
2044	DINH MANH HA	1	100
2045	PHAM LAN HUONG	1	100
2046	NGUYEN THI THANH HOA	1	100
2047	DO QUOC VIET	1	100
2048	NGUYEN THI CHAU ANH	1	100
2049	LAM THI HOA	1	100
2050	NGUYEN THI HANH	2	100
2051	DAO VAN DAN	1	100
2052	DANG PHI HUNG	1	100
2053	HOANG HUU THANH	2	100
2054	PHAM MINH QUANG	1	100
2055	NGUYEN VAN HUNG	42	2,200
2056	THEN SIN SOAN	2	100
2057	NGUYEN THI TRAM ANH	3	200
2058	NGUYEN MANH CUONG	1	100
2059	BUI THI MINH TUYET	2	100
2060	NGUYEN NGOC ANH	1	100
2061	TRUONG BAO NGOC	1	100
2062	PHAN THI THANH NHAN	1	100
2063	NGUYEN DANG KHUONG	3	200
2064	NGO NHAT HUY	1	100
2065	CAO THI HUE	1	100
2066	TRAN THI NHAT	1	100
2067	LE NGOC DIEM QUYNH	4	200
2068	DO QUANG DUNG	2	100
2069	PHAM THAO ANH	1	100
2070	NGUYEN THI HAI ANH	1	100
2071	TRAN DANG KHOA	1	100
2072	PHAM HUU NHAN	2	100
2073	MAI THI QUYNH CHAU	2	100
2074	HA XUAN TRUNG	1	100
2075	NGUYEN QUANG HUY	1	100
2076	DINH KHAC DOANH	1	100
2077	TRAN NHAT LE	1	100
2078	DANG LAN PHUONG	1	100
2079	PHAN VAN BANG	4	200
2080	PHAM THI MINH ANH	1	100
2081	PHAM TRONG PHUC	1	100
2082	BUI THANH TUNG	4	200

2083	NGUYEN THI QUYNH CHI	1	100
2084	VU DINH HAI	1	100
2085	TRAN THI THUY NHUNG	1	100
2086	PHAM THI KIM LIEN	16	800
2087	TRAN VAN LUC	1	100
2088	NGUYEN THI HUYEN TRAN	1	100
2089	NGUYEN THI KIM HUE	2	100
2090	TRAN THI MINH HUONG	1	100
2091	NGUYEN HOANG DUNG	6	300
2092	VAN QUOC SIP	2	100
2093	BUI THI HUONG	1	100
2094	NGUYEN TUNG BACH	1	100
2095	DAO XUAN THONG	2	100
2096	NGUYEN THANH HA	1	100
2097	NGUYEN THI THU HUONG	6	300
2098	NGUYEN MANH HUNG	2	100
2099	TRUONG THI THANH THANH	2	100
2100	VAN THI THUY TRANG	1	100
2101	HA TRONG DUC	1	100
2102	NGUYEN THI NGA	1	100
2103	NGUYEN THI HUE	1	100
2104	MAI VAN SUOT	6	300
2105	VO THI DOAN TRANG	3	200
2106	NGUYEN THI YEN THUONG	1	100
2107	NGUYEN BAO NGOC	1	100
2108	MAI THI PHUONG TRINH	2	100
2109	NGUYEN NGOC TUYEN	4	200
2110	NGUYEN THI NHU PHUONG	1	100
2111	HOANG THUY HA	1	100
2112	NGUYEN THANH LIEM	5	300
2113	TRAN MY LINH	3	200
2114	TRAN THI DIEU LINH	1	100
2115	NGUYEN THI KIM HONG	9	500
2116	TO HUY	4	200
2117	PHUNG QUANG HUY	1	100
2118	TRAN VAN LOI	3	200
2119	DO DANG SI SON	1	100
2120	TRAN MINH ANH	1	100
2121	LA MANH THAO	1	100
2122	DO NHAT QUANG	1	100
2123	NGUYEN MINH CUA	10	500

2124	TRAN THI VAN	1	100
2125	LE THI QUYNH TRANG	5	300
2126	LUU TRINH NGOC TRAN	4	200
2127	NGUYEN TIEN DUNG	1	100
2128	PHAN LE NGOC MINH QUAN	2	100
2129	TRAN THI BICH TRAM	1	100
2130	PHAM THI ANH PHUONG	2	100
2131	NGUYEN HOANG HUNG	3	200
2132	PHAM THI DUYEN	1	100
2133	NGUYEN KIM NGAN	2	100
2134	PHAM HUYEN TRANG	1	100
2135	TRINH DINH HUNG	2	100
2136	NGUYEN LE THAI	3	200
2137	TRIEU CAM TUNG	1	100
2138	PHUNG VAN TRUNG	1	100
2139	NGUYEN KIM DUYEN	4	200
2140	NGUYEN THI THUY LINH	1	100
2141	LUONG ANH HUY	1	100
2142	HOANG VAN CUONG	1	100
2143	LE HUU LY	12	600
2144	LE NGOC KHOI	1	100
2145	PHAM THANH GIANG	5	300
2146	NGUYEN SANG TRONG	6	300
2147	HUYNH THI NGOC PHUONG	4	200
2148	NGUYEN LE HA MY	5	300
2149	PHAN THI HONG NHUNG	3	200
2150	NGUYEN THI TU MI	2	100
2151	NGUYEN DUC DUNG	3	200
2152	MAI MANH DUC	1	100
2153	HOANG THI THANH	2	100
2154	NGUYEN HUNG DUNG	1	100
2155	LAM BAO SON	1	100
2156	NGUYEN VAN SANH	1,838	96,500
2157	VU THI ANH SANG	1	100
2158	VU THI TUYET MAI	1	100
2159	DINH THI NGOC ANH	2	100
2160	NGUYEN THI HUONG GIANG	4	200
2161	TRAN THI THUY HANG	1	100
2162	NGUYEN XUAN TRUONG	2	100
2163	PHAN THI PHI	2,200	115,500
2164	HUYNH PHUOC LOC	2	100

2165	TANG THANH HAI	6	300
2166	DO THI YEN	3	200
2167	DUONG TRI NGUYEN	2	100
2168	DUONG THI THU HUONG	1	100
2169	NGUYEN THE PHAT	4	200
2170	NGUYEN TUNG DUONG	2	100
2171	NGUYEN THE LU	1	100
2172	TRAN THI KIM NGAN	1	100
2173	TRAN THUC ANH	1	100
2174	HUYNH KHANH THU	10	500
2175	TRAN THANH SANG	1	100
2176	NGUYEN VAN TUONG	3	200
2177	BUI MINH THUY	1	100
2178	NGUYEN THANG THANH	2	100
2179	NGUYEN THI HONG VY	1	100
2180	BUI THI VAN	1	100
2181	NGUYEN THI PHUONG THAO	2	100
2182	NGUYEN HOANG LINH	4	200
2183	NGUYEN TIEN DAT	1	100
2184	NGUYEN THI THUY HANG	1	100
2185	HOANG CONG DUONG	3	200
2186	NGUYEN THI THANH PHUONG	1	100
2187	PHAM QUANG THAI	9	500
2188	TRAN TRONG SANG	6	300
2189	PHAM THANH DAT	1	100
2190	DOAN THI THAI YEN	2	100
2191	DO NGOC SON	1	100
2192	MA THI TUYET	4	200
2193	TRAN DUC THONG	3	200
2194	PHAM THI MINH CHAU	1	100
2195	PHAM VAN DUONG	13	700
2196	NGUYEN HONG TRUC	2	100
2197	DUONG MINH SON	1	100
2198	LE KIEU MIEN	1	100
2199	NGUYEN THI MY PHUONG	8	400
2200	NGUYEN THI QUYNH TRANG	4	200
2201	NGO THI TUYET MINH	1	100
2202	PHAM DUY CUONG	4	200
2203	NGUYEN PHUONG THAO	5	300
2204	NGUYEN THI MINH NGOC	2	100
2205	HA HONG MINH	8	400

2206	NGUYEN QUANG TUNG	1	100
2207	NGUYEN THI BICH NGOC	2	100
2208	DANG THI QUYNH LE	1	100
2209	NGUYEN VAN ANH	2	100
2210	CAO THI THU HA	4	200
2211	HOANG MINH PHU	10	500
2212	HUYNH HOANG DAT	16	800
2213	THONG MAN NHI	1	100
2214	NGUYEN THI THOM	1	100
2215	NGUYEN HOAI DUNG	1	100
2216	NGUYEN VAN VU	1	100
2217	HA MINH BAO	6	300
2218	MAI DUC HUNG	9	500
2219	VU XUAN HUNG	11	600
2220	TIET QUOC AN	1	100
2221	NGO THI HUYEN	11	600
2222	LE THI MINH ANH	2	100
2223	LAI MINH CUONG	8	400
2224	NGUYEN THI GIANG LINH	1	100
2225	NGUYEN THI HUYEN	1	100
2226	TRAN XUAN LUU	8	400
2227	DO THI THOM	2	100
2228	LE THI THAM	1	100
2229	NGUYEN NGOC HA	1	100
2230	LE THI HAI YEN	2	100
2231	NGO MANH CAM	2	100
2232	HO HAI NAM	3	200
2233	NGUYEN ANH KHOA	2	100
2234	DINH THI THU LAN	3	200
2235	NGUYEN THANH DUNG	1	100
2236	TRAN THI THANH	3	200
2237	NGUYEN THI THAO TRANG	2	100
2238	NGUYEN THI THANH NGOC	1	100
2239	LUONG VAN LAP	2	100
2240	LO THI HAI	1	100
2241	LUONG VAN LUN	1	100
2242	NGUYEN THU TRANG	3	200
2243	VU HAI TRIEU	2	100
2244	TRAN MINH TRANG	1	100
2245	NGUYEN THI DIEU LINH	8	400
2246	BUI TIEN DAT	1	100

2247	NGUYEN MINH QUAN	1	100
2248	NGUYEN HOANG LONG	4	200
2249	TRAN THI HUYNH TRANG	6	300
2250	PHAM THI THUY LINH	1	100
2251	DUONG KIM THIEN	2	100
2252	NGUYEN VIET HUNG	1	100
2253	DOAN NGUYEN LONG	1	100
2254	TIEN HUU NGHIEP	1	100
2255	NGUYEN HA LE TRANG	2	100
2256	BUI XUAN TOAN	1	100
2257	NGO LE HUNG ANH	8	400
2258	PHAM DUC HOA	2	100
2259	NGUYEN MINH KHOA	4	200
2260	NGUYEN XUAN HIEN	4	200
2261	TRAN VI ANH	2	100
2262	NGUYEN DUC DAO	15	800
2263	NGUYEN TU DUC	1	100
2264	NGUYEN MINH TRI	1	100
2265	PHAM HOANG VU	1	100
2266	THAN NGOC HUONG	2	100
2267	NGUYEN DINH THU	1,727	90,700
2268	NGUYEN DUONG BINH	1	100
2269	UNG TAN HOANG	4	200
2270	TRAN THU HA	6	300
2271	NGUYEN VAN HUY	2	100
2272	HUYNH THI NGOC LIEN	1	100
2273	HOANG THI THUY	45,120	2,368,500
2274	NGUYEN THI HA XUAN	2	100
2275	NGUYEN THI THU HA	3	200
2276	NGUYEN THI THUY	1	100
2277	NGUYEN THI NHU QUYNH	2	100
2278	PHAM THI THUY TRANG	2	100
2279	DINH THI PHUONG	1	100
2280	TRAN THI LAN HUONG	1	100
2281	PHAM THI HO THU	1	100
2282	NGUYEN PHI TRUNG	1	100
2283	LY THI THU HANG	1	100
2284	NGUYEN TRAN UYEN VY	2	100
2285	NGUYEN THI THUY	1	100
2286	PHAM NGUYEN THUY TRANG	2	100
2287	TRAN DUC DUNG	1	100

2288	TRAN NGOC SON	1	100
2289	DO THANH THAO	2	100
2290	NGUYEN VAN BAO	1	100
2291	NGUYEN THANH HAO	2	100
2292	TRAN THI NHU QUYNH	1	100
2293	NGUYEN THI THUY TRANG	6	300
2294	NGUYEN DANG KHOA	4	200
2295	NGUYEN VAN DUY	2	100
2296	HOANG LE MY VAN	3	200
2297	CHU THI MAI	2	100
2298	LUONG THANH HANG	1	100
2299	NGUYEN QUANG HUY	2	100
2300	LE HUYEN ANH	1	100
2301	NGUYEN VAN TRUONG	1	100
2302	LE TRUONG VAN	3	200
2303	NGUYEN DUC NGOC LAN	1	100
2304	LE THI HUYEN GIANG	2	100
2305	NGUYEN THI NHUNG	25,341	1,330,200
2306	TA THI HA PHUONG	2	100
2307	LE THI LAN ANH	2	100
2308	LUONG THU HIEN	2	100
2309	PHAN VAN HUNG	3	200
2310	TRAN VAN THONG	2	100
2311	PHAN QUOC THINH	1	100
2312	PHAM THI YEN LINH	2	100
2313	TRAN VAN TUAN	1	100
2314	NGUYEN THI HANH TIEN	1	100
2315	NGUYEN DO VU LINH	1	100
2316	DAU KHANH LINH	2,401	126,000
2317	TRAN DOAN NHAT QUANG	1	100
2318	LU THI THU UYEN	1	100
2319	NGUYEN KIEU PHUONG THAO	485	25,500
2320	TRAN HOANG HANH	6	300
2321	DAO HUU TRUNG	1	100
2322	NONG THI LE HUONG	1	100
2323	LE DUC DUY	2	100
2324	LE THUY DUONG	1	100
2325	NGUYEN DUC THANG	2	100
2326	LAI THI DUYEN	1	100
2327	LE QUANG MAN	2	100
2328	HOANG VAN HUY	1	100

2329	ON THANH TRA	1	100
2330	NGUYEN TUAN ANH	1	100
2331	NGUYEN MINH GIANG	3	200
2332	NGUYEN PHUONG ANH	2	100
2333	TRAN THI KIM CHI	3	200
2334	NGUYEN THI PHUONG LAN	3	200
2335	NGUYEN THANH NHAN	1	100
2336	NGO THANH DAI	2	100
2337	NGUYEN MINH THU	1	100
2338	DOAN KIM QUANG	3	200
2339	DANG MAI NGOC	3	200
2340	DAO THANH HUYEN	1	100
2341	DINH THI THANH HUYEN	1	100
2342	TRUONG THI HAI QUYNH	25	1,300
2343	TRAN KIM THU	1	100
2344	THAI HONG NGOC	2	100
2345	HOANG NGOC BAO CHAU	2	100
2346	DOAN THI QUYNH LAN	2	100
2347	NGUYEN THANH BINH	1	100
2348	NGUYEN THI THUY VY	1	100
2349	LE THI QUY	4	200
2350	NGUYEN THI HOAI THU	1	100
2351	DUONG THI THANH THUY	1	100
2352	DAO VAN BINH	6	300
2353	LUONG THI HUONG	2	100
2354	LUONG DUY DO	1	100
2355	TRINH VAN CHIEN	3	200
2356	DAO THI HOAI	3	200
2357	LE THI HIEN	2	100
2358	DANG AN PHAT	7	400
2359	TRAN PHAM DUC TRUNG	1	100
2360	BUI THU THUY	4	200
2361	HOANG DUC PHUONG	2	100
2362	NGUYEN THI DUNG	1	100
2363	PHAM THIEN HOANG	3	200
2364	LY NGOC BICH	1	100
2365	LUONG THI QUYEN	6	300
2366	VU VAN DUC	1	100
2367	TRAN DUONG KHANG	2	100
2368	PHAM TRUNG HIEU	2	100
2369	NGUYEN THI NGOC	7	400

2370	NGUYEN THI LAN PHUONG	2	100
2371	DO THI THU NGUYET	1	100
2372	HO THI BICH TRANG	1	100
2373	NGUYEN BICH NGOC	3	200
2374	TRUONG THI VAN ANH	1	100
2375	TRAN THI PHUONG THAO	3	200
2376	TRAN THANH THAO	3	200
2377	PHAM THI NGA	3	200
2378	NGUYEN LE UYEN	1	100
2379	TRUONG NHAT HUY	1	100
2380	VUONG DIEU LINH	2	100
2381	NGUYEN LE VAN	1	100
2382	TRINH THI THU HANG	1	100
2383	BUI THI LAN	7	400
2384	HOANG TUAN	1	100
2385	LE VAN HIEN	4	200
2386	NGUYEN QUANG HOA	1	100
2387	DANG DIEP PHUONG	1	100
2388	NGUYEN KHANH HUYEN	2	100
2389	NGUYEN KHANH LINH	1	100
2390	MAI VAN LONG	1	100
2391	BANG A CHAN	2	100
2392	LE DUY ANH	3	200
2393	VU THI HONG THUY	1	100
2394	TRAN ANH THOAI	1	100
2395	DO THI VIET HANG	3	200
2396	NGUYEN MY LINH	1	100
2397	HUYNH HAN MINH	1	100
2398	VU THI LA	115	6,000
2399	LE THI NHUNG	1	100
2400	LE HOANG TRAN CHAU	1	100
2401	NGUYEN THI QUYNH TRANG	1	100
2402	DO DINH PHUONG	1	100
2403	DUONG THUY HANG	3	200
2404	DAO VAN LUC	4	200
2405	MUHAMACH ALI	2	100
2406	LE QUOC KHA	1	100
2407	DANG THI MAI	1	100
2408	LE BUI DIEM QUYNH	1	100
2409	DAO HONG NHAT	1	100
2410	NGUYEN THI NGOC DUNG	1	100

2411	HOANG ANH THANG	1	100
2412	DO QUANG HUY	11	600
2413	LE THI HUYNH NHU	2	100
2414	NGUYEN MINH TAM	4	200
2415	TRUONG THI PHUONG	1	100
2416	DANG THI MINH TAM	92	4,800
2417	BUI LE MINH NGUYET	2	100
2418	NGO HONG VAN	1	100
2419	NGUYEN HONG HANH	1	100
2420	LE VAN HAI	3	200
2421	LAI NGOC THIEN KIM	5	300
2422	DINH VAN TRONG	1	100
2423	VU THANH CONG	1	100
2424	LE NHU LE	3	200
2425	LY THANH LONG	3	200
2426	LE NGAN TAM	1	100
2427	NGUYEN CHI BINH	20	1,000
2428	NGUYEN ANH TUAN	1	100
2429	DANG CUONG	1	100
2430	PHAM THANH HAI	2	100
2431	TRAN LUU TAM	1	100
2432	NGUYEN THI QUE ANH	2	100
2433	TRAN QUOC HOI	1	100
2434	TRAN THI THAO	4	200
2435	TRUONG QUYNH MAI	1	100
2436	TRUONG MINH TOI	1	100
2437	NGUYEN XUAN LOC	2	100
2438	NGUYEN THI NGOC ANH	1	100
2439	NGUYEN HUY HOANG	2	100
2440	PHAN THI LAN ANH	14	700
2441	LE THI THU HUONG	1	100
2442	TRAN THI MY HOA	1	100
2443	DU CONG DUC	3	200
2444	NGUYEN NGOC TUNG	4	200
2445	NGO THI HA	1	100
2446	TRAN THI BAO TRANG	21	1,100
2447	HOANG THI VI	2	100
2448	DINH THI THUY TIEN	1	100
2449	PHI THI LAN ANH	1	100
2450	VU TIEN DAT	1	100
2451	TRUONG THI NGOC LIEN	2	100

2452	DUONG THI THU	1	100
2453	HA THU HANG	1	100
2454	VU MINH DUC	5	300
2455	BUI QUOC DUNG	1	100
2456	PHAM THUY DUONG	1	100
2457	NGUYEN ANH TUAN	3	200
2458	PHAN BA DAT	6	300
2459	TRAN THI THANH XUAN	1	100
2460	LA VAN NGHIA	6	300
2461	THAI THI THANH CHINH	2	100
2462	LE VAN TIEN	1	100
2463	VU THI PHUONG	1	100
2464	NGUYEN THI CAM TRANG	1	100
2465	TRINH DUC HUAN	2	100
2466	HOANG NGOC TUYET	3	200
2467	NGUYEN DANG MY	1	100
2468	TO THANH TUAN	2	100
2469	TRAN NGOC NGHIA	5	300
2470	NGUYEN THI THU LAN	5	300
2471	NGUYEN THAI HOANG DIEM	1	100
2472	TRUONG DANG MINH TAN	1	100
2473	NGUYEN TRA MY	1	100
2474	TRAN PHAM LAN ANH	1	100
2475	DOAN MINH THIEN	1	100
2476	NGUYEN THI TUYET	3	200
2477	NGUYEN PHUOC DUNG	1	100
2478	PHAM TRONG HOANG	4	200
2479	DO THUY TRINH	3	200
2480	DANG NGUYEN MINH TRUONG	168	8,800
2481	NGO THI HA	3	200
2482	LE THI THU HUONG	2	100
2483	PHAM THAO CHI	4	200
2484	HUYNH ANH HAO	11	600
2485	NGUYEN THI AN MY	2	100
2486	NGUYEN THU HANH	1	100
2487	HOANG DUC TUNG	2	100
2488	DO TUAN ANH	1	100
2489	NGUYEN THI HONG VAN	1	100
2490	DANG THI XUAN	2	100
2491	BUI NGOC THONG	4	200
2492	LE THI THU THUY	9	500

2493	NGUYEN THI BICH HONG	3	200
2494	TRINH THI THUY LINH	3	200
2495	PHAM LE NHAT MINH	5	300
2496	DO THI HAI HA	2	100
2497	NGUYEN KHOA HUYEN THUONG	2	100
2498	LU LE THANH	2	100
2499	NGUYEN THI QUYNH ANH	1	100
2500	NGUYEN THI PHUONG	2	100
2501	NGUYEN HAI HA	1	100
2502	HUYNH TAN VINH	5	300
2503	DAO QUE TRAM	3	200
2504	LE THI HUONG	3	200
2505	NGUYEN VAN TOI	1	100
2506	LE THI HUONG GIANG	1	100
2507	NGUYEN THI NGOC LINH	1	100
2508	NGUYEN KIM TRA MY	8	400
2509	LE TAN LOI	3	200
2510	PHAM THI NHUNG	1	100
2511	PHAM THI HUYEN	2	100
2512	TRAN DUC THUAN	3	200
2513	NGUYEN THI LOAN	4	200
2514	KIM DONG DONG	14	700
2515	NGUYEN THI HOA	6	300
2516	NGUYEN TIEN DAT	1	100
2517	TRAN THI THU HANG	4	200
2518	PHAM THI THUY DUNG	1	100
2519	NGUYEN THI HIEN	1	100
2520	HOANG THI HUONG	1	100
2521	PHAM VAN THAO	1	100
2522	CHU THANH HIEU	1	100
2523	HO VAN ANH	1	100
2524	LE THI THUY DUNG	1	100
2525	DAM THU HA	2	100
2526	BUI THI THU HUYEN	1	100
2527	LE THI TRUC GIANG	1	100
2528	NGUYEN THI MY LE	2	100
2529	NGUYEN TUAN ANH	2	100
2530	DAO ANH TUAN	3	200
2531	NGUYEN THI THANH HUYEN	2	100
2532	LUONG HUU THUY TRANG	1	100
2533	NGUYEN THI TRUC HUYNH	5	300

2534	TRAN VU NGUYEN KHOI	1	100
2535	LE DUY KHANH	3	200
2536	DO TAN DAT	1	100
2537	DANG NGOC SON	2	100
2538	PHAM VIET BINH	7	400
2539	NGUYEN VAN ANH	11	600
2540	VU THI THUY	1	100
2541	NGUYEN NGOC HUONG	3	200
2542	PHAM THI NGOC BICH	1	100
2543	PHAN NGOC HUYEN	3	200
2544	TRAN GIA HUY	1	100
2545	PHAN THI PHUONG	4	200
2546	NGUYEN CHI HAI	1	100
2547	LIEU ANH TU	9	500
2548	TU VU BAO	1	100
2549	PHAN VAN HANG	4	200
2550	MA HOANG GIANG	2	100
2551	NGUYEN VAN DAT	1	100
2552	NGUYEN LE PHUC HUNG	1	100
2553	TRAN TRANG NHUNG	1	100
2554	PHAM THI VAN ANH	1	100
2555	PHAN THI YEN	1	100
2556	PHAN THI NGOC TRAM	2	100
2557	NGUYEN THI OANH	1	100
2558	NGUYEN THU HUYEN	1	100
2559	LE THI TRANG	2	100
2560	NGUYEN THI KIM THOA	1	100
2561	MAI THANH HA	2	100
2562	NGUYEN THUY GIANG	1	100
2563	LE THI NGAN TRANG-VPB	2	100
2564	LE THI KIEU LINH	1	100
2565	TRAN HAI NAM	4	200
2566	CHU DANH CUONG	2	100
2567	NGUYEN ANH TU	2	100
2568	TAN THI LAN	1	100
2569	TRAN THI KIM MINH	1	100
2570	LY HONG PHI PHUNG	2	100
2571	NGUYEN VAN THANG	2	100
2572	DUONG THE TRUONG	2	100
2573	GIANG THANH XUAN	2	100
2574	TRAN THI THU HA	1	100

2575	LE VAN HIEP	1	100
2576	NGUYEN QUOC CUONG	3	200
2577	NGUYEN THI THANH THUY	31	1,600
2578	HOANG MY HA	1	100
2579	VU THANH SON	1	100
2580	NGUYEN THANH PHUC	1	100
2581	TRINH PHUONG DUNG	2	100
2582	HOANG THI YEN NHI	5	300
2583	HOANG HONG NHUNG	1	100
2584	NGUYEN BICH PHUONG	1	100
2585	LE XUAN QUY	2	100
2586	HOANG THI TINH	3	200
2587	TRAN THI NHAT THAO	91	4,800
2588	PHAM THI THU HA	3	200
2589	DAO VU CHAU MINH	2	100
2590	DANG ANH QUOC	1	100
2591	DO THI HOA	4	200
2592	PHAM HOANG HIEP	1	100
2593	DAO VAN DICH	1	100
2594	LE THI HUONG	3	200
2595	BUI DANG QUYNH NHU	2	100
2596	NGUYEN THI NGOC HUYEN	4	200
2597	PHAM BICH NGOC	2	100
2598	PHAM VAN TUAN	5	300
2599	CUNG THI THUY	5	300
2600	DAO QUANG NGHI	4	200
2601	DAO THI NHUNG	5	300
2602	NGUYEN THE CUONG	1	100
2603	DANG THI HUYEN	1	100
2604	NGUYEN HUU DIEN	1	100
2605	DO HUONG GIANG	2	100
2606	TRAN DUC DAI DUONG	1	100
2607	TRAN DUC DAI DUONG	1	100
2608	PHAM VU BICH NGOC	3	200
2609	TRAN THI NINH	1	100
2610	TRAN BAO THIEN	1	100
2611	NGUYEN QUOC HUY	1	100
2612	AN THI KIM TUYET	2	100
2613	NGUYEN THUY LINH	1	100
2614	NGUYEN THI NGOC HIEU	16	800
2615	LE THI NGOC PHUONG	4	200

2616	NGUYEN HA PHUONG	1	100
2617	TRAN VAN VUONG	3	200
2618	NGUYEN HUU ANH KHOA	2	100
2619	LE TRONG HUNG	1	100
2620	HOANG THE NAM	1	100
2621	NGUYEN THI BICH PHUONG	8	400
2622	LE THI CHAU ANH	2	100
2623	VU THUY LINH	2	100
2624	PHAN THI PHUONG HA	1	100
2625	TRAN DUY DANG QUANG	2	100
2626	DINH THI DUNG	1	100
2627	NGUYEN THU HANG	2	100
2628	LE THANH TRUNG	3	200
2629	NGUYEN VIET HOANG	1	100
2630	CHU QUANG LAM	2	100
2631	DANH TEN	1	100
2632	VU THI THU THAO	5	300
2633	LE THANH PHUONG	1	100
2634	LE THI THUY	1	100
2635	LE THI THANH DANH	1	100
2636	DINH VIET QUOC	1	100
2637	MAI PHI LONG	2	100
2638	LUU NGOC QUANG	2	100
2639	NGUYEN THI BICH NGOC	1	100
2640	LAM THI HONG NHAT	2	100
2641	DANG VAN QUYNH	1	100
2642	NGUYEN THI HANG	1	100
2643	PHAM THI THU	2	100
2644	NGUYEN VAN AN	2	100
2645	PHAN CONG TUAN	1	100
2646	HUYNH TRUNG TIN	12	600
2647	NGUYEN THI PHUONG	1	100
2648	DANG KIM ANH THU	6	300
2649	NGUYEN THI THU HANG	11	600
2650	NGO THI NGOC THUY	11	600
2651	HO LE MY NGHIEP	1	100
2652	NGUYEN THI NHAM	1	100
2653	NGUYEN TIEN HUNG	3	200
2654	VO THI PHUONG THANH	2	100
2655	TRUONG THI THU HA	1	100
2656	LE ANH DUC	1	100

2657	NGUYEN THI MINH TRANG	4	200
2658	NGUYEN THI THANH HOAI	1	100
2659	PHAM THE HOAN	1	100
2660	TRAN GIA MINH	1	100
2661	TRAN HUONG LY	1	100
2662	CAO VAN TRUONG	1	100
2663	HUYNH THIEN PHUC	2	100
2664	DAO HOANG VU	1	100
2665	HANG BAO NGAN	2	100
2666	DANG THI KIM LY	3	200
2667	PHAN THANH NGUYEN	1	100
2668	NGUYEN VAN HA	1	100
2669	NGUYEN PHI HAI	1	100
2670	NGUYEN THI VY	3	200
2671	UONG NGOC TAM	1	100
2672	NGUYEN VAN HOANG	2	100
2673	PHAM THANH THAO	2	100
2674	PHAM THI TUYET NHUNG	3	200
2675	VU THU HUONG	4	200
2676	NGUYEN THI THANH HUYEN	1	100
2677	CAO HOAI TU	1	100
2678	NGUYEN MINH THI	1	100
2679	NGUYEN THI MY DUYN	1	100
2680	NGUYEN THI THU HUONG	1	100
2681	LE NGUYEN MINH HOANG	1	100
2682	DAO LAN DUNG	1	100
2683	THAN THI HIEN	3	200
2684	BUI NGOC PHI YEN	2	100
2685	NGUYEN THI SUONG	3	200
2686	HOANG MINH HIEU	1	100
2687	PHAM VAN TIEN	8	400
2688	NGUYEN HUU THA	3	200
2689	NGUYEN TAM ANH	4	200
2690	VU ANH THU	3	200
2691	HOANG PHUONG THAO	2	100
2692	CAO THI ANH HONG	1	100
2693	NGUYEN PHUONG VAN	1	100
2694	BUI LONG VU	3	200
2695	PHAM THI MY DIEU	2	100
2696	DINH THI HONG TIEN	1	100
2697	DOAN THI THU HUONG	11,213	588,600

2698	DAO THI BA	3	200
2699	DANG THI THU	1	100
2700	HOANG THI THU HAI	1	100
2701	PHAN TRUNG KIEN	10	500
2702	DAO HA MY	6	300
2703	DOAN NGOC HAI	2	100
2704	LE THI ANH VAN	4	200
2705	NGUYEN THI KIM OANH	5	300
2706	DAO TIEN THANH	3	200
2707	LO THI HUONG	1	100
2708	NGUYEN THI THANH HUONG	2	100
2709	NGUYEN NGOC MINH	2	100
2710	BUI THI VAN	5	300
2711	DAO THI BE LOAN	1	100
2712	NGUYEN TRUNG HIEU	4	200
2713	TRUONG THI KIEU OANH	19	1,000
2714	DINH THI VAN ANH	1	100
2715	TRAN ANH TUAN	65	3,400
2716	HONG ANH TIEN	2	100
2717	NGUYEN THI KIEU TRINH	43	2,300
2718	NGUYEN THI MY THUYEN	5	300
2719	TRAN ANH TUAN	2	100
2720	HO NHUT QUY	1	100
2721	TRAN NGOC NAM	3	200
2722	NGUYEN THI THU HA	2	100
2723	VU THI HUYEN TRANG	29	1,500
2724	VU QUANG MINH	1	100
2725	BUI THI NGOC THU	1	100
2726	TRAN HA THANH	3	200
2727	VU HUY TOAN	3	200
2728	NGUYEN THUY HUONG	1	100
2729	CAI NGOC THUY LINH	3	200
2730	NGUYEN THI PHUONG HIEN	2	100
2731	PHAM THANH TAM	1	100
2732	TANG HIEN DAN	1	100
2733	PHAN THI HOAI NGAN	6	300
2734	BUI XUAN QUI DAU	4	200
2735	LE QUOC BAO	1	100
2736	NGUYEN HOANG PHUONG THINH	1	100
2737	DAO THI LAM	3	200
2738	LE THI THU HUYEN	1	100

2739	DUONG QUOC YEN	1	100
2740	NGUYEN GIA TU	2	100
2741	TRUONG NGOC MAI	1	100
2742	NGUYEN THU GIANG	2	100
2743	NGUYEN TRAN KHOA NHAN	1	100
2744	PHAN VAN DONG	1	100
2745	NGUYEN VIET ANH	9	500
2746	CAN VAN TU	1	100
2747	NGUYEN THU PHUONG	1	100
2748	BUI THI THANH HUYEN	1	100
2749	GIAP HOANG LONG	3	200
2750	NGUYEN QUOC VIET	2	100
2751	THAI DO ANH SON	1	100
2752	PHAM VAN XUAN	4	200
2753	VU NHU QUYNH	2	100
2754	HO THI THANH THUONG	1	100
2755	HO TRONG HUY	2	100
2756	VU THI HA	3,005	157,700
2757	NGUYEN LAN PHUONG	1	100
2758	PHAM THI HONG	2	100
2759	TRAN NGOC THAO VI	1	100
2760	NGUYEN THI HONG	2	100
2761	VU HONG DOAN	1	100
2762	LE DINH HAI	1	100
2763	NGUYEN THI THUY HANG	3	200
2764	PHAM VAN BINH	2	100
2765	NGUYEN THI HAI YEN	3	200
2766	NGUYEN VIET SON	1	100
2767	LE NGUYEN NHU Y	1	100
2768	NGUYEN THI HUYEN	1	100
2769	NGUYEN THI HONG NGOC	2	100
2770	HUYNH TRUNG TUAN	1	100
2771	NGUYEN VAN LINH	1	100
2772	NGUYEN TIEN DAT	1	100
2773	DO MINH TAN	1	100
2774	TRAN HOAI GIANG	18,744	983,900
2775	PHAN THI HUYEN	1	100
2776	DO THI PHUONG LINH	6	300
2777	NGUYEN THI HUONG GIANG	10,999	577,400
2778	NGUYEN THI TUYEN	1	100
2779	NGUYEN THI HUYEN	2	100

2780	TRUONG THI BICH THO	1	100
2781	TRINH BA LUAN	22	1,200
2782	NGO THANH QUAN	3	200
2783	DO NGOC TUYEN	1	100
2784	BUI THE CUONG	1	100
2785	NGUYEN QUANG TU	1	100
2786	VI THANH DUNG	2	100
2787	TRUONG THANH THIEN	1	100
2788	DO THANH HIEN	1	100
2789	PHAN THANH HUY	2	100
2790	KIEU THI HOAN	2	100
2791	NGUYEN VAN TUYEN	1	100
2792	HOANG PHUC THIEN KHANH	1	100
2793	BUI HUYEN TRANG	4	200
2794	NGUYEN THANH CONG	5	300
2795	TRAN THI TRANG	2	100
2796	TRAN THI HUONG	2	100
2797	NGUYEN HONG THONG	4	200
2798	DINH THI TRANG	1	100
2799	NGUYEN DUC ANH	1	100
2800	NGUYEN THANH BINH	2	100
2801	NGUYEN KIM CHI	1,117	58,600
2802	PHAM QUOC VU	21	1,100
2803	TRAN DAC UY VU	1	100
2804	NGUYEN THI LAN NGOC	2	100
2805	NGUYEN VAN TUYEN	8	400
2806	NGUYEN THI NGOC PHUONG	1	100
2807	NGUYEN HA PHONG	1	100
2808	NGUYEN THI TY	1,176	61,700
2809	TRUONG VAN DE	1	100
2810	VANG CA LY	1	100
2811	NONG THI LINH	1	100
2812	VU THI ANH NGUYET	2	100
2813	TONG THI NGOC	1	100
2814	NGUYEN VAN TRUONG	1	100
2815	VO CAO HIEU	2	100
2816	PHUONG BAO TRAN	116	6,100
2817	NGUYEN PHUONG NGOC ANH	5	300
2818	NGUYEN THI NGA	1	100
2819	NGUYEN CHI VY	3	200
2820	PHAM BA DAT	4	200

2821	PHAM HONG QUANG	1	100
2822	DAO VAN QUY	1	100
2823	NGUYEN VAN TRUONG	2	100
2824	VU THI HONG VAN	1	100
2825	NGUYEN HOANG LINH	1	100
2826	NGUYEN THI MINH CHAU	1	100
2827	NGUYEN VAN HAN	1	100
2828	DANG THI HANH	3	200
2829	BUI THI THU HONG	11	600
2830	TRAN HOANG ANH	1	100
2831	NGUYEN QUANG VINH	1	100
2832	TRAN THI NGOC YEN	2	100
2833	HUYNH THI DUONG LIEU	2	100
2834	HUYNH KIM NGOC ANH	1	100
2835	TRAN THANH TRUNG	1	100
2836	TRINH THI DIEU LINH	1	100
2837	HOANG VU QUOC ANH	2	100
2838	NGUYEN THE VU	1	100
2839	ALAIN NGUYEN DOANH DOANH	1	100
2840	TRAN THI NGOC DIEM	1	100
2841	CAO THIEN TRANG	7	400
2842	NGUYEN THI MAI	1	100
2843	PHAM QUANG HUY	1	100
2844	NGUYEN LE NGOC TRUNG TRINH	1	100
2845	DINH HUY HOANG	26	1,400
2846	PHAM TUAN ANH	2	100
2847	NGUYEN DUC SON	3	200
2848	NGUYEN THI THU HA	3	200
2849	LE MINH DUC	1	100
2850	VU LAM NGOC ANH	1	100
2851	LE VAN MANH	1	100
2852	HO THI THUY	3	200
2853	HOANG TUAN SON	3,001	157,500
2854	TRAN THI KIM TUYEN	1	100
2855	NGUYEN PHUOC VIET	2	100
2856	NGUYEN THANH THAO TRANG	9	500
2857	PHAM PHUC THAI	5	300
2858	NGUYEN TUAN ANH	2	100
2859	VU HOANG DICH MINH	2	100
2860	DO THI QUY	3	200
2861	VU THU HOAI LINH	2	100

2862	DINH VIET HA	3	200
2863	BUI THI BICH THACH	6	300
2864	LE VAN THAM	1	100
2865	NGUYEN THANH LOAN	1	100
2866	TRIEU HUYEN TRANG	5	300
2867	NGUYEN THI THUY KIEU	1	100
2868	LAM MINH VU	1	100
2869	PHAM THANH HUONG	1	100
2870	HOANG THI BAO THU	1	100
2871	PHAM THI LUYEN	2	100
2872	NGUYEN VAN DUONG	5	300
2873	LE PHUOC TINH	3	200
2874	NGUYEN HOANG HAI LINH	1	100
2875	PHAN THI DUYEN	1	100
2876	PHAM MAI CHI	1	100
2877	NGUYEN TRAN DUY LONG	1	100
2878	MAI CHUC LINH	5	300
2879	TRAN THI THUY	1	100
2880	LUU HA PHUONG	1	100
2881	VO QUOC TRUNG	1	100
2882	NGUYEN THI PHUONG LINH	2	100
2883	DANG THI LAN	3	200
2884	TRAN THUAN KHANH	1	100
2885	NGUYEN DO TAM	1	100
2886	LUU DUY KHANH	1	100
2887	CAO HUU CHI TRUNG	3	200
2888	NGUYEN THI QUYNH NGA	4	200
2889	DINH HOANG MIN	1	100
2890	TRAN VAN SON	1	100
2891	NGO HONG MY	1	100
2892	TRAN THI YEN	1	100
2893	LE XUAN BINH	2	100
2894	DAO THI HONG NHUNG	2	100
2895	LE THI KIM LOAN	113	5,900
2896	PHUONG HAI DANG	128	6,700
2897	HOANG KHAC DUNG	1	100
2898	NGUYEN THI HONG NHUNG	1	100
2899	TRAN THI LU	3	200
2900	HOANG VAN THUC	1	100
2901	NGUYEN DUC THANG	2	100
2902	VU THI THANH THUY	1	100

2903	LE THI HUONG	2	100
2904	NGUYEN THUY NGAN	1	100
2905	NGUYEN MINH THU	3	200
2906	LY QUOC HUY	1	100
2907	NGUYEN THI TUYEN	1	100
2908	NGUYEN THI THU THUY	1	100
2909	VU THI THU HUONG	1	100
2910	NGUYEN BA HUY	7	400
2911	PHAN DUC MANH	2	100
2912	BUI LE NHUT TAI	54	2,800
2913	LE VAN TINH	1	100
2914	THAI NHAT TRUONG	1	100
2915	NGUYEN HOANG LONG	1	100
2916	BUI LAN PHUONG	1	100
2917	DINH THI THU PHUONG	4	200
2918	NGUYEN THI NGAN HUYEN	3	200
2919	TRAN THI THUY TRANG	14,197	745,200
2920	TRAN DUY DAT	3	200
2921	NGUYEN THI THANH MAI	1	100
2922	PHAM THI CHINH	1	100
2923	NGUYEN THI HUONG	2	100
2924	DO DUC VIET	1	100
2925	KIEU BINH QUAN	1	100
2926	NGUYEN TIEN TRUNG HIEU	3	200
2927	LE THI KIM HONG	1	100
2928	DANG THANH DAT	5	300
2929	CAO THI THANH THUY	2	100
2930	NGUYEN THI HUYEN	1	100
2931	TRAN THI THO	1	100
2932	NGUYEN TRAN UYEN LINH	2	100
2933	NGUYEN THI MY DUYEN	1	100
2934	VU THU HANG	1	100
2935	LUONG TUAN LUC	1	100
2936	THAI THI THANH THU	1	100
2937	NGUYEN THE THANH	20	1,000
2938	HOANG VAN THUONG	3	200
2939	TRINH DANG HA TRANG	4	200
2940	HA VAN TUONG	1	100
2941	NGUYEN BA SY	6	300
2942	TRAN THI DUY TIEN	1	100
2943	NGUYEN THI MEN	2	100

2944	TRAN NHU MAI	1	100
2945	HUYNH THI MONG NGOC	6	300
2946	NGUYEN THI PHUONG	1	100
2947	NGUYEN MINH NGOC	1	100
2948	HUA KIM OANH	1	100
2949	NGUYEN VAN NHON	3	200
2950	NGUYEN THI NGOC	2	100
2951	NGUYEN THI KIEU OANH	1	100
2952	DO THU NGA	1	100
2953	LE THI NGA	18	900
2954	VU THI THAO	3	200
2955	LE THE ANH	9	500
2956	TRAN VAN DAI DUONG	1	100
2957	TRUONG THI THUY DUNG	1	100
2958	DINH NHAT VY	1	100
2959	NGUYEN DINH QUOC ANH	1	100
2960	DO THI PHUONG	446	23,400
2961	LE TUAN LONG	1	100
2962	NGUYEN THI HUYEN	2	100
2963	LE VU NGOC KIEN	1	100
2964	NGO TUAN DOANH	1	100
2965	DO TRUONG THANH DAT	1	100
2966	NGUYEN THANH LONG	1	100
2967	NGUYEN HONG PHUONG	2	100
2968	NGUYEN THI LAN	7	400
2969	NGUYEN THI HONG VAN	1	100
2970	TRAN THI THUONG	1	100
2971	NGUYEN THI THU HAP	1	100
2972	HOANG MY LINH	1	100
2973	PHAM HAI TRIEU	1	100
2974	NGUYEN THI HONG NHUNG	1	100
2975	LE VO DUC ANH	2	100
2976	NGUYEN THI UT	1	100
2977	VU THI TRA MY	2	100
2978	NGUYEN VAN HAI	2	100
2979	BUI HUONG GIANG	1	100
2980	TRAN THI HONG HANH	1	100
2981	NGUYEN THI HUYNH NHU	1	100
2982	TRAN THI HANG	2	100
2983	LE THI THUY	1	100
2984	TRAN VAN DUJY	2	100

2985	NGUYEN DANG DIEN	4	200
2986	PHAN HOANG LUU	1	100
2987	NGUYEN DUC HAI	2	100
2988	DAM QUANG KHANH	1	100
2989	NGUYEN THI THUY LINH	3	200
2990	PHI THI THU TRANG	4	200
2991	DO QUYNH ANH	1	100
2992	LE THI THUY AN	1	100
2993	NGUYEN HAI YEN	1	100
2994	NGUYEN VAN TRUONG	1	100
2995	NGUYEN DANG DIEN NU	3	200
2996	TRAN HUU QUY	2	100
2997	NGUYEN HAI LINH	1	100
2998	DO NGUYEN HUNG	1	100
2999	LA VAN NGHIA	2	100
3000	NGUYEN THI THIEN HUONG	1	100
3001	NGUYEN QUOC TAN DAT	8	400
3002	LE HONG NHUNG	2	100
3003	PHAN NGOC BAO TRAN	1	100
3004	PHAM MANH CUONG	1	100
3005	LE THU TRANG	3	200
3006	DUONG GIA BAO	1	100
3007	BUI TRAN HOANG MAI	3	200
3008	TRAN TRONG KE	1	100
3009	TRUONG CANH TUNG	1	100
3010	VU THI MAI	14	700
3011	TRAN THANH TUNG	2	100
3012	TRAN THI PHUNG	5	300
3013	MAI TRI BAO	1	100
3014	LE DINH TUNG	1	100
3015	LE THI NHU HOA	1,268	66,600
3016	LE THI GIANG	1	100
3017	NGUYEN THI MY HANH	2	100
3018	HA VAN QUY	6	300
3019	NGUYEN THE ANH	2	100
3020	HOANG TRUONG GIANG	2	100
3021	DOAN HUYNH HONG YEN	1	100
3022	VUONG THI THAO	3	200
3023	LUC TUAN ANH	1	100
3024	PHAM VAN KHANH	3	200
3025	NGUYEN THANH HUYEN	1	100

3026	TRINH MINH TAI	1	100
3027	LE TUAN ANH	6	300
3028	NGUYEN THI THUY VAN	1	100
3029	DANG XUAN LONG	1	100
3030	PHAM HUY DUNG	1	100
3031	DOAN THITHUC ANH	1	100
3032	VU QUANG HUNG	1	100
3033	BANG QUOC HUY	1	100
3034	LE THI HUE	1	100
3035	DAO MINH LONG	1	100
3036	LE NHU Y	1	100
3037	TRAN XUAN HUY	3	200
3038	KHUONG THI NGOC HA	5	300
3039	NGUYEN THI THAO	5	300
3040	QUACH BACH DANG	2	100
3041	HOANG THI NHUNG	1	100
3042	PHAN THI THANH HOANG	1	100
3043	NGUYEN VAN CHINH	93	4,900
3044	NGUYEN DUC PHONG	1	100
3045	PHAM PHUONG THAO	1	100
3046	NGUYEN VAN OANH	3	200
3047	NGUYEN THI HUYEN	2	100
3048	DINH VAN HUNG	7	400
3049	TRAN THI MAI ANH	4	200
3050	LE THANH LOC	1	100
3051	NGUYEN TIEN HIEP	3	200
3052	LE THI HONG THU	8	400
3053	THIEU THI MY HANH	2	100
3054	TRAN THI XUAN	10,460	549,100
3055	TRAN QUOC VIET	3	200
3056	NGUYEN THI THU HA	1	100
3057	NGUYEN DAC VI HANG	2	100
3058	NGUYEN THI MINH NGUYET	4	200
3059	NGUYEN CHI TAM	1	100
3060	LE VAN TOAN	2	100
3061	LE THI HONG	4	200
3062	NGUYEN THI NHU PHUONG	5	300
3063	DO THI LY	1	100
3064	NGUYEN CUU MY HUE	1	100
3065	HUYNH THI THU DUYEN	5	300
3066	TRAN THI HONG	1	100

3067	NGUYEN CUU HOANG	1	100
3068	NGUYEN CUU NHO	1	100
3069	NGUYEN THI THU HUONG	2	100
3070	PHAM THI THANH TRUC	3	200
3071	NGUYEN THI NHUNG	2	100
3072	LE THI THUY TRANG	1	100
3073	TRAN THI HUONG GIANG	2	100
3074	PHAN THI HONG NHUNG	1	100
3075	NGUYEN THI HA TRANG	3	200
3076	TRINH NAM BINH	8	400
3077	NGUYEN THI KIM DIEU	2	100
3078	TRAN HUY	1	100
3079	PHAM THAI SON	116	6,100
3080	NGUYEN QUANG LINH	74	3,900
3081	TRAN THI HAO	10	500
3082	DUONG THI NGOC ANH	4	200
3083	NGUYEN ANH NGUYET	2	100
3084	TU THI THU	1	100
3085	DUONG VAN LAM	8	400
3086	VU THI KHANH LINH	2	100
3087	TRAN THI NGOC	2	100
3088	NGUYEN THI THU QUYNH	1	100
3089	BUI THI NHINH	1	100
3090	BUI THI LAN HUONG	2	100
3091	VU THI QUYNH	14	700
3092	TRAN THI THUY LINH	1	100
3093	LE DINH BAO LONG	3	200
3094	NGUYEN TRONG NHAN	3	200
3095	NGUYEN HUY THAO	1	100
3096	NGUYEN HONG HOA	1	100
3097	NGUYEN THI LE HANG	3	200
3098	VO HO TIEN HUNG	70	3,700
3099	TRAN DINH MINH	402	21,100
3100	NGUYEN DINH DUONG	1	100
3101	NGUYEN THI NGOC HUYEN	1	100
3102	PHAM NGOC BICH	1	100
3103	MAI THI XUAN HAU	23	1,200
3104	PHAM MINH AN	64	3,400
3105	NGUYEN THUY LINH	19	1,000
3106	NGO DINH THUC	65	3,400
3107	NGUYEN THI LINH	3	200

3108	DINH TU UYEN	1	100
3109	NGUYEN THI LIEU	5	300
3110	NGUYEN MAI THY	26	1,400
3111	NGUYEN THI LAN	6	300
3112	TRAN TRUNG NGHIA	12	600
3113	NGUYEN HONG VINH	2	100
3114	PHAM VAN QUAN	3,623	190,200
3115	PHAN THI ANH	1	100
3116	DANG THI MY LE	1	100
3117	NGUYEN NHAT QUANG	1	100
3118	NGUYEN THI BICH NGOC	1	100
3119	TRAN THI THU HUYEN	2	100
3120	NGUYEN VIET TRINH	1	100
3121	DUONG THUY LINH	1	100
3122	LE THANH TUNG	10,658	559,500
3123	TRAN THI THU	1	100
3124	PHUNG THI HA	4	200
3125	TRAN DAO VU	1	100
3126	NGO THI BICH PHUONG	1	100
3127	NGUYEN THUY LINH	1	100
3128	NGUYEN THUY PHUONG	1	100
3129	VU XUAN TRUNG	6	300
3130	NGO DAC PHUONG	2	100
3131	LE THI NGOC DUNG	3	200
3132	NGUYEN DINH LINH	27	1,400
3133	DOAN THI PHI LIEN	32,543	1,708,300
3134	PHAM QUANG HUY	1	100
3135	NGUYEN TRUONG THIEN LOC	2	100
3136	DOAN TRONG OANH	1	100
3137	NGUYEN THI THU QUYEN	1	100
3138	VO THI CAM NHUNG	1	100
3139	DO XUAN DUONG	10	500
3140	HOANG THI THANH	1	100
3141	NGUYEN HUU CHIEN	1	100
3142	DINH VAN THE	1	100
3143	NGO THI NHIEN	1	100
3144	NGUYEN VAN LOC	1	100
3145	PHAM THI OANH	97	5,100
3146	DANG VAN GIANG	5	300
3147	NGUYEN DUC HUNG	4	200
3148	HUYNH ANH TUAN	2	100

3149	TRAN VAN MANH	3	200
3150	HOANG DINH ANH THAI	1	100
3151	NGUYEN THI PHUONG DUNG	2	100
3152	DUONG CA SINE	1	100
3153	BUI XUAN THINH	7	400
3154	PHAN THI HUE	2,520	132,300
3155	LE VO THANH LOC	3	200
3156	HOANG THI DUNG	3	200
3157	LE THANH HUY	1	100
3158	NGO VAN NAM	2	100
3159	NGUYEN LINH NGA	3	200
3160	GIANG NGUYEN HA LINH	1	100
3161	BUI THI LAN HUONG	1	100
3162	HOANG DUC AN	2	100
3163	LE THANH THAI NGUYEN	1	100
3164	NGUYEN XUAN VONG	124	6,500
3165	NGUYEN THI HONG NHUNG	3	200
3166	VU VIET TIEP	4	200
3167	BANH THE CAO ANH	1	100
3168	LE DUY TRUONG	106	5,600
3169	NGUYEN HAI LINH	1	100
3170	NGO VAN NAM	6	300
3171	ON BA TRUONG AN	1	100
3172	LE THI HA GIANG	1	100
3173	NGUYEN THI HONG HANH	5	300
3174	PHAM KIM LINH QUYEN	1	100
3175	NGUYEN VAN QUY	1	100
3176	NGUYEN MANH THANG	3	200
3177	PHAM THUY PHUONG TRANG	1	100
3178	NGO THI THANH THAO	1	100
3179	LE NHUT HAO	1	100
3180	NGUYEN THAI HA	1	100
3181	LE NGOC HUYEN	2	100
3182	VU THANH TUNG	1	100
3183	DUONG TUAN TU	8	400
3184	CAO DANG KHOI	3	200
3185	NGUYEN TRUONG DUY THAI	1	100
3186	PHAM THI DIEU OANH	2	100
3187	TRAN THUONG KIEN	1	100
3188	TRAN QUOC TOAN	1	100
3189	NGUYEN HONG SON	1	100

3190	NGUYEN VAN VANG	9	500
3191	PHAM THI THU HUONG	1	100
3192	DUONG VAN KHOI	1	100
3193	DANG TON PHAM	3	200
3194	LE THANH TUNG	2	100
3195	NGUYEN XUAN KHANH	4	200
3196	TRAN THI TUYET	1	100
3197	BE DUC DUY	4	200
3198	NGUYEN THI HONG	2	100
3199	TRAN THI KIM LOAN	1	100
3200	NGUYEN QUYNH TRANG	3	200
3201	NGUYEN PHUONG PHONG	3	200
3202	LE MINH VUONG	1	100
3203	NGUYEN THI HUE	4	200
3204	NGO DANG CHUONG	1	100
3205	NGUYEN PHAN NGHIA	1	100
3206	TRAN THI HIEN	5	300
3207	TRAN THI PHUONG THUY	1	100
3208	NGUYEN THI GIANG	2	100
3209	VO TRAN HONG NGAN	1	100
3210	DANG BAO NGOC	1	100
3211	DO TRAN CUONG	1	100
3212	NGUYEN THANH TIEN	1	100
3213	NGUYEN HUU DOAN	1	100
3214	TRUONG DINH PHU	3	200
3215	NGUYEN TUAN NGOC	1	100
3216	DAO THI THANH THANH	1	100
3217	NGUYEN BICH NGOC	5	300
3218	DOAN KHANH QUYEN	1	100
3219	LE HOANG KIM NHUT	26	1,400
3220	NGUYEN VAN HIEP	1	100
3221	NGUYEN THI KIM THUY	2	100
3222	NGUYEN XUAN CUONG	7	400
3223	TRAN THANH CONG	1	100
3224	PHAM THI BICH HANH	2	100
3225	BUI THI MINH HUONG	1	100
3226	NGUYEN VAN CHIEN	2	100
3227	LE GIA KHIEM	2	100
3228	TRINH DINH NAM	1	100
3229	LE VAN THANG	13	700
3230	LE THI BE HUYEN	1	100

3231	NGUYEN HA MY TU	1	100
3232	NGUYEN THI NGA	3	200
3233	TO THI DIEU HUONG	38,049	1,997,300
3234	KHONG THI THU HA	1	100
3235	NGUYEN THI TUYEN	2	100
3236	NGUYEN VAN HAI	1	100
3237	TA THI THU HIEN	2	100
3238	NGUYEN THI PHUONG THUY	1	100
3239	PHAM THANH HA	292	15,300
3240	VU THI HONG DUYEN	2	100
3241	LUU THI MAI LY	1	100
3242	DANG VU CHIN	1	100
3243	PHUNG THI HAI YEN	1	100
3244	PHAM THI YEN	1	100
3245	LUONG THI THANH XUAN	1	100
3246	VU THANH LAN	2	100
3247	CAO THI TAN	2	100
3248	DONG THI LAN ANH	1	100
3249	DUONG VAN TRONG	1	100
3250	PHAM BAO KHANH	1	100
3251	NGUYEN THI THUY	9	500
3252	NGUYEN XUAN TUAN	1	100
3253	DAO NGOC LUONG	1	100
3254	NGUYEN THI NGAN	11,711	614,700
3255	DO THI HANG	7	400
3256	NGUYEN TRUNG DUC	4	200
3257	DO QUOC CUONG	1	100
3258	BUI NGUYEN THUY	2	100
3259	DANG LINH CHI	3	200
3260	NGUYEN THU HIEN	3	200
3261	VU CHIEN THANG	2	100
3262	DANG HOANG ANH	1	100
3263	HOANG THI BAO UYEN	1	100
3264	PHO TRAN TRUC THY	1	100
3265	LO DUY DUC	1	100
3266	PHAN THI THUY HANG	1	100
3267	TON NU MAI CHI	6	300
3268	TRAN THI HONG HA	2	100
3269	TRAN GIA PHU	3,242	170,200
3270	HO THI NGHIA	2	100
3271	TU THI GIANG	1	100

3272	TRAN THI CUC KIM	2	100
3273	THAN NGOC HOAN	1	100
3274	PHAN NGUYEN TRONG HUU	1	100
3275	HOANG THI AI NHI	2	100
3276	BUI THUY TRANG	2	100
3277	LE THUY DUNG	20,792	1,091,400
3278	NGUYEN THI QUYNH CHAU	1	100
3279	PHAN VAN NAM	1	100
3280	VU THI HOA	2	100
3281	NGUYEN MINH HIEU	1	100
3282	NGUYEN THI THU DUNG	6	300
3283	NGUYEN THI KIEU TRANG	4	200
3284	NGUYEN DUC CHUYEN	5	300
3285	BUI TUAN PHONG	1	100
3286	LE THI HONG NGOC	1	100
3287	LE THI THUY DUY	6	300
3288	TRAN NGOC DAN THANH	1	100
3289	NGUYEN THI MINH HUE	1	100
3290	TRAN VAN TU	8	400
3291	NGUYEN THI NGOC TUOI	2	100
3292	NGUYEN THI THU HIEN	1	100
3293	NGUYEN DANG NGUYEN	2	100
3294	NGUYEN HAI YEN	1	100
3295	PHAN THANH THANH	1	100
3296	NGUYEN TRA MY	2	100
3297	NGUYEN DINH VINH	1	100
3298	LE NGUYEN DUC THANH	1	100
3299	NGUYEN HOANG TRUNG HIEU	6	300
3300	NGUYEN THI THU PHUONG	13	700
3301	NGUYEN HUU VAN	18,934	993,900
3302	NGUYEN NGOC DUNG	2	100
3303	LE THI PHUONG	3	200
3304	HUA THI KIM CHI	1	100
3305	PHUNG THI HONG VAN	3	200
3306	NGUYEN THI NGOC ANH	2	100
3307	NGUYEN VAN NHAT	1	100
3308	NGUYEN THI NGOC QUYNH	1	100
3309	CAO THANH HAI	1	100
3310	PHAM NGUYEN DIEU LY	10	500
3311	LE THI THUY VAN	1	100
3312	LE THI MAI HUONG	1	100

3313	HAN THANH CHAU	1	100
3314	LE THI THANH HUE	3	200
3315	LA THI MAI PHUONG	1	100
3316	NGUYEN VAN KHANH	222	11,700
3317	HOANG THI PHUONG OANH	5	300
3318	VU THI THU TRANG	3	200
3319	NGUYEN QUANG HIEU	1	100
3320	PHUNG DIEU LINH	1	100
3321	PHUONG HAI NHAT HUYEN	1	100
3322	NGUYEN ANH VU	2	100
3323	NGUYEN TUAN ANH	1	100
3324	TRAN THI VAN ANH	3	200
3325	DO VAN ANH	1	100
3326	TRAN THI KIM NGAN	1	100
3327	PHUNG THI KIM THU	5	300
3328	NGUYEN TUAN ANH	2	100
3329	LE VAN CUONG	5	300
3330	TRAN KHANH NHU	2	100
3331	NGUYEN THANH NHAN	2	100
3332	DAO THU VAN	3	200
3333	TRINH THI MY LINH	1	100
3334	DAO HAI NAM	3	200
3335	HOANG THI THU HA	22	1,200
3336	NGUYEN HA MINH HIEN	2	100
3337	NGO THI DAO	2	100
3338	PHAN THI THANH TAM	1	100
3339	NGUYEN THI ANH	1	100
3340	NGUYEN THI HONG	1	100
3341	NGUYEN TRUNG TIN	2	100
3342	MAI THI THUY TRANG	1	100
3343	NGUYEN THI THANH HUE	1	100
3344	NGUYEN DANG HAI DANG	2	100
3345	LE ANH DUY	1	100
3346	TRAN QUOC KHOI	2	100
3347	DO THI NGOC HUYEN	1	100
3348	DO NGOC ANH	3	200
3349	HOANG QUOC VIET	1	100
3350	NGUYEN THI KIM OANH	1	100
3351	TRAN NGOC TU	3	200
3352	NGUYEN THI HOAI THAI	4	200
3353	LE TRAN VIET HA	2	100

3354	DANG XUAN TOAN	1	100
3355	TRAN THI NGOC MAI	2	100
3356	NGUYEN THI MAI NGOC	1	100
3357	LE VAN HOANG	33	1,700
3358	HO CAO BAO AN	3	200
3359	DOAN KIM CHI	1	100
3360	QUACH THI HUYEN	1	100
3361	NGUYEN THI MINH TAM	1	100
3362	NGO NHAT MINH	1	100
3363	TRAN THI KIM AN	1	100
3364	NGUYEN VAN TRUNG	5	300
3365	VU KIEU MINH TAM	1	100
3366	DAO XUAN TU	1	100
3367	NGUYEN HUU NGHIA	869	45,600
3368	TRAN VAN LONG	4	200
3369	CHU THI PHUONG	1	100
3370	HOANG XUAN LAM	3	200
3371	NGUYEN THAI TUYEN	3	200
3372	TRAN THUY THANH TRANG	4	200
3373	DO TIEN DONG	2	100
3374	NGUYEN THI THUY TRANG	1	100
3375	PHAM ANH KHOI	1	100
3376	TRAN QUANG VINH	4	200
3377	NGUYEN THI HONG HANH	1	100
3378	NGUYEN LAM THIEN NHAN	2	100
3379	NGUYEN TAN TAI	2	100
3380	TRAN VAN SY	8	400
3381	DANG THI TUYET MAI	27,067	1,420,800
3382	LE NHU MAI	1	100
3383	NGUYEN THI TRUC HA	11	600
3384	NGUYEN MINH THUAN	4	200
3385	LAM TU THANH	1	100
3386	BUI DUY KHANH	1	100
3387	CHAU QUOC PHONG	1	100
3388	TRAN HOANG NHAT QUANG	1	100
3389	DINH THI LINH CHI	1	100
3390	LUU NGUYEN	4	200
3391	NGUYEN THI THANH	2	100
3392	TRINH HA PHUONG	1	100
3393	TRAN THI TUYET TRINH	1	100
3394	TRUONG THI THUY TRANG	1	100

3395	NGUYEN THI PHUONG	3	200
3396	NGUYEN THI KIM ANH	4,412	231,600
3397	PHAM THI HUYEN	3	200
3398	BUI MANH HOA	1	100
3399	TRINH THUY NGHI	1	100
3400	LAI THI NGOC ANH	4	200
3401	NGUYEN THI MINH HA	3	200
3402	PHUNG CHI CUONG	2	100
3403	VAN NAM PHUONG	2	100
3404	NGUYEN THI HUYNH LOAN	1	100
3405	MARGARET ELVINIA CATA CUTAN	1	100
3406	NGUYEN QUYNH TRANG	6,440	338,100
3407	LE BA LUC	1	100
3408	TRAN VAN MANH	2	100
3409	NGUYEN TRUNG DUC	1	100
3410	DINH THU PHUONG	849	44,600
3411	NGUYEN THI KIM AN	1	100
3412	TRAN THI THU TRANG	1	100
3413	LUONG CONG HUY	2	100
3414	TRAN THI NGOC ANH	2	100
3415	NGUYEN MINH THONG	3	200
3416	NGUYEN THI YEN	4	200
3417	TO THANH THUY	2	100
3418	NGUYEN KHANH DUY	1	100
3419	VAN TAN KHOA	10	500
3420	DAO THI THU PHUONG	6	300
3421	KHUC MY LINH	1	100
3422	NGUYEN HUY TAI	1	100
3423	DAO QUYNH ANH	1	100
3424	NGUYEN CHI NAM	2	100
3425	PHAM QUYNH ANH	17	900
3426	THAN THI HAO	1	100
3427	HOANG THI TRANG	2	100
3428	DO VIET DUC	1	100
3429	VUONG THI DIEU HIEN	2	100
3430	NGUYEN VAN HUNG	1	100
3431	LE THU TRA	1	100
3432	PHAM THUY LINH	2	100
3433	NGUYEN NHUT TRINH	1	100
3434	NGUYEN THI TUOI	1	100
3435	PHAN VUONG QUOC CUONG	1	100

3436	NGUYEN DIEM TRINH	2	100
3437	DAO THI THANH HUONG	21	1,100
3438	NGUYEN THU HUONG	22	1,200
3439	NGUYEN CONG HOANG	6	300
3440	NONG VAN DUC	568	29,800
3441	NGUYEN MINH TRI	2	100
3442	HUYNH THI NGA	1,306	68,600
3443	NGUYEN THI THAM	1	100
3444	NGUYEN VAN PHUOC	1	100
3445	VO THI HOAI THUONG	2	100
3446	LUONG BAO NGOC	3	200
3447	LE THI CAM TIEN	3	200
3448	TRUONG ANH QUOC	2	100
3449	LE THI MINH THANH	3	200
3450	NGUYEN DAI QUANG	7	400
3451	VO HONG MINH HUNG	2	100
3452	BUI THI THU HOAI	1	100
3453	VO TRAN DIEU LINH	2	100
3454	NGUYEN TUAN KIET	2	100
3455	PHAN TIEN VINH	3	200
3456	TRAN TRI VU	1	100
3457	HOANG MINH DUC	1	100
3458	TRAN TRI THAI	1	100
3459	NGUYEN THI MAI TRANG	1	100
3460	LE THI HONG	5	300
3461	NGUYEN HOANG LAN CHI	1	100
3462	NGUYEN THI VAN ANH	20,028	1,051,300
3463	NGUYEN MANH HUNG	1	100
3464	BUI HAI HA	1	100
3465	DINH VIET HOAN	4	200
3466	HOANG VAN SON	5	300
3467	NGUYEN NGOC THANH	3	200
3468	DANG NGOC HUONG	1	100
3469	NGUYEN NGOC TUAN	1	100
3470	DINH THI QUYNH HOA	2	100
3471	TRAN HONG HANH	2,179	114,400
3472	NGUYEN THI THAM	1,117	58,600
3473	DOAN MAI CHI	1	100
3474	TRAN MINH HIEU	3	200
3475	TRAN NGOC LONG	1	100
3476	NGO HUYNH DUC	1	100

3477	NGUYEN THI HAI YEN	1,109	58,200
3478	NGUYEN THI HOA	7	400
3479	PHAM THI TUYET NGAN	2	100
3480	NGUYEN HUNG CUONG	1	100
3481	NGUYEN THI THUY	1	100
3482	HA VAN BAO	2	100
3483	NGO KIEU DIEM	2	100
3484	NGUYEN THANH BINH	3	200
3485	PHAM THI THANH HUYEN	2	100
3486	NGUYEN MINH THU	2	100
3487	PHAM NGOC CHANH	1	100
3488	BUI THE HAI	1	100
3489	PHAN XUAN THANH BINH	1	100
3490	NGUYEN THI CUC	627	32,900
3491	DO VAN HIEN	2	100
3492	TRAN VAN LAM	3	200
3493	NGUYEN THI MAI TRAM	1	100
3494	PHAM THI THU HANG VPCF	1	100
3495	CHU HUNG HAI	4	200
3496	DUONG ANH NGOC	1	100
3497	LE THUY KIEU MY	1	100
3498	PHAN VAN CUONG	1	100
3499	DANG THI THU HIEN	4	200
3500	VAN THI THANH HUYEN	2	100
3501	DO DUC THUAN	1	100
3502	MAI THI THANH VINH	1	100
3503	NGUYEN DUC THANH	3	200
3504	LE THI THU HA	2	100
3505	VU DUY ANH	2	100
3506	NGUYEN THI PHUONG THAO	4	200
3507	LE VAN QUI	2	100
3508	DAM THI MY HANH	1	100
3509	NGUYEN THI THUY HOANH	1	100
3510	VU THI KIM XUYEN	34	1,800
3511	CAO THANH VAN	1	100
3512	LE VAN HUYEN TRANG	1	100
3513	DO HAI YEN	3	200
3514	LE DINH TRUONG	1	100
3515	KA TRUYN	1	100
3516	NGUYEN THI VIET HA	1	100
3517	TRAN HAI SON	6,194	325,100

3518	TRAN THUY HANH	2	100
3519	VU THI NGAN	2	100
3520	TRINH HONG NHUNG	1	100
3521	NGUYEN THI ANH TUYET	10	500
3522	NGUYEN THI HUYEN	5	300
3523	NGUYEN HUONG LY	2	100
3524	DO CONG DAI	8,110	425,700
3525	NGUYEN THI MINH TRANG	1	100
3526	TRAN THI THU	16,956	890,100
3527	DO THE HUY	7	400
3528	DO ANH TRUNG	2	100
3529	NGUYEN THI NHANH	1	100
3530	LO VAN NGOC	4	200
3531	LE MAI THUY TRANG	3	200
3532	CAO THI HUYEN	1	100
3533	TRAN THI TO TAM	13	700
3534	LY THI GIANG	2	100
3535	HOANG TRIEU LONG	1	100
3536	NGUYEN HAI HUYEN	1	100
3537	NGUYEN MINH HUONG	7	400
3538	LUU THANH TRUC	1	100
3539	TRAN THI NHU QUYNH	4	200
3540	PHAM THI PHUONG	15,682	823,200
3541	NGUYEN THANH LOAN	1	100
3542	DIEP BAO PHA	2	100
3543	NGUYEN THI LAN	4	200
3544	NGUYEN THANH VAN	2	100
3545	TRAN HUU DUC	2	100
3546	NGUYEN THI THAM	1	100
3547	HA THI HONG LE	1	100
3548	BUI VAN NAM	1	100
3549	NGUYEN HOAI LINH	3	200
3550	PHAN ANH TUAN	13	700
3551	TRAN THANH TU	1	100
3552	PHAM THI TOI	6	300
3553	TRAN THI MAI	10	500
3554	TRINH THI LAN THUY	1	100
3555	NGUYEN HUYEN TRANG	1	100
3556	NGUYEN THI TRANG	1	100
3557	TRAN SON	1	100
3558	PHAM QUOC HUNG	2	100

3559	CAO THANH PHONG	1	100
3560	TRAN QUANG HUY	5	300
3561	VI THI THAM	4	200
3562	TRAN THI HANH	2	100
3563	NGUYEN TAN HAI	1	100
3564	NGUYEN VU LAM	2	100
3565	NGUYEN THI TUYET TRINH	1	100
3566	BUI THI THINH	2	100
3567	NGUYEN VAN NGUYEN	1	100
3568	NGUYEN PHUONG THAO	1	100
3569	TO THANH TUYEN	1	100
3570	DOAN THI HONG NGOC	1	100
3571	NGUYEN THI THUY TRANG	2	100
3572	NGUYEN THANH THU	1	100
3573	TRUONG AI TRAN	2	100
3574	DOAN PHUOC NHI	1	100
3575	TRUONG DANG BIEN	1	100
3576	DO THE ANH	1	100
3577	PHAN THI THANH NGUYEN	1	100
3578	MAI THI SEN	2	100
3579	TAO QUANG LAM	1	100
3580	TRAN MINH DUONG	1	100
3581	VU THUY HUONG	1	100
3582	NGUYEN THI NGAT	4	200
3583	DINH TUNG QUAN	405	21,300
3584	LE TUAN TU	2	100
3585	BUI THI THUY	2	100
3586	NGUYEN THI LONG VAN	1	100
3587	PHAN THI HONG NHUNG	93	4,900
3588	LUONG THUY NGAN	11	600
3589	TUONG THI THANH NGA	3	200
3590	NGUYEN THI NGOC BICH	1	100
3591	NGUYEN HUU MUOI	1	100
3592	NGUYEN THI NGOC TRAM	1	100
3593	DANG THI A TAY	2	100
3594	NGUYEN THI HIEN	1	100
3595	BUI VU DUNG	1	100
3596	UNG VY THANH	2	100
3597	LAI HUYEN TRANG	4	200
3598	NGUYEN HOANG TIEU LONG	4	200
3599	DINH HUU KIEM	2	100

3600	NGUYEN THI YEN	1	100
3601	TRAN THI THUY TIEN	1	100
3602	NGUYEN THI BICH HONG	1	100
3603	HO THI THOI	2	100
3604	NGUYEN THI NGOC ANH	13	700
3605	VO THI HOANG TRINH	2	100
3606	NGUYEN HAI NINH	1	100
3607	DANG NGUYEN DANG PHUONG	1	100
3608	TRAN PHUONG DUNG	1	100
3609	NGUYEN HONG BAO NGOC	3	200
3610	NGUYEN VAN NAM	1	100
3611	NGO DIEU LINH	2	100
3612	LE THANH NHAN	4	200
3613	NGUYEN LE QUYEN	1	100
3614	NGUYEN THI THU HA	1	100
3615	NGUYEN THI YEN THU	1	100
3616	NGUYEN THI THU THUAN	1	100
3617	LE ANH HAO	1	100
3618	NGUYEN THI HA	1	100
3619	TRAN THANH DAT	3	200
3620	NGUYEN TRIEU MINH	1	100
3621	NGUYEN THI NGOC HA	2	100
3622	DO PHUONG HUYEN	1	100
3623	TRAN DINH KIEM	402	21,100
3624	TRAN DINH QUYET	402	21,100
3625	TRAN DINH THIEN	402	21,100
3626	NGUYEN THI BAO NGAN	1	100
3627	LE TIEN DUNG	1	100
3628	TRAN QUOC PHONG	1	100
3629	NGUYEN THI LE THU	3	200
3630	NGUYEN VAN NAM	4	200
3631	PHAM THI KIM NGAN	2	100
3632	TRAN THANH TUNG	1	100
3633	LE THI TUONG VY	1	100
3634	NGUYEN PHUONG HANH	40	2,100
3635	MAI ANH DUONG	1	100
3636	VO THI MY KIM	1	100
3637	TRAN THI HANG	1	100
3638	NGUYEN THI THU	2	100
3639	NGUYEN THI KIM CHI	4	200
3640	VU THUY LINH	6,956	365,100

3641	NGUYEN THIEN TIEN	1	100
3642	NGUYEN THI HOA VIEN	3	200
3643	NGUYEN MINH HUNG	2	100
3644	NGUYEN THI HANG	3	200
3645	CAO THI TRANG	6	300
3646	TRUONG THI THANH HUYEN	1	100
3647	TRAN THI HAI	2	100
3648	TRAN THI HONG QUYEN	2	100
3649	DO THI QUYNH ANH	1	100
3650	PHAN THI TUYET MAI	22	1,200
3651	NGUYEN THI THUY	1	100
3652	TRAN THI MAN	1	100
3653	TRAN QUANG TRUONG	5	300
3654	NGUYEN THI TUOI	1	100
3655	DONG VAN TUAN	2	100
3656	TRAN THI HOANG LY	2	100
3657	NGUYEN SINH	1	100
3658	PHAM CAM TU	1	100
3659	LAI PHU AN	5	300
3660	BUI HUONG LY	2	100
3661	LY MANH TU	1	100
3662	DAO TRONG SANG	1	100
3663	NGUYEN THI NGOC ANH	2	100
3664	NGUYEN DUY TAN	1	100
3665	LY THI THU THAO	56	2,900
3666	VU HUU DANG KHOI	1	100
3667	TRUONG THI HONG NO	1	100
3668	BUI MINH THUY	1	100
3669	DUONG MINH KHANG	2	100
3670	PHAM THI THU HUONG	1	100
3671	HOANG THI MINH HANG	1	100
3672	NGUYEN THI KIM NHUNG	2	100
3673	TRUONG THOAI THY ANH	1	100
3674	PHAN THI THANH THAO	3	200
3675	NGUYEN THUY DUNG	1	100
3676	LE DUC	1	100
3677	NGUYEN TIEN HAI	1	100
3678	NGUYEN MINH THAI SON	13,599	713,800
3679	TRAN THI THUY	1	100
3680	LE THI HANH NGAN	2	100
3681	LU NU MAI KHUE	3	200

3682	PHAM QUOC DUNG	1	100
3683	TRAN NGOC ANH	1	100
3684	HUYNH NGOC THANH	1	100
3685	HA QUANG DAT	2	100
3686	NGUYEN HA ANH	2	100
3687	NGUYEN HUU TOAN	1	100
3688	NGO VAN LOI	5	300
3689	NGUYEN VAN NGOC	1	100
3690	NGUYEN HOANG AN	2	100
3691	HO THI DIEU QUYNH	4	200
3692	DINH DUY CHUONG	2	100
3693	NGUYEN VIET DUNG	3	200
3694	NGUYEN VAN DUNG	1	100
3695	PHAM VAN TOAN	1	100
3696	NGUYEN THI THU HIEN	3	200
3697	THI DA	2	100
3698	VU VAN DUONG	15,352	805,900
3699	NGUYEN THI HONG NHUNG	1	100
3700	BUI NGOC HA	1	100
3701	NGUYEN THI HOAI	1	100
3702	NGUYEN NGOC HOA	3	200
3703	THAI THANH TUAN	1	100
3704	NGUYEN THI MAI NUONG	3	200
3705	DAO THI THU	1	100
3706	NGUYEN THI XUAN HONG	1	100
3707	LU TUAN ANH	1	100
3708	HA THI PHUONG THAO	1	100
3709	LE AI QUYEN MI	1	100
3710	NGUYEN THI CAM TU	1	100
3711	DANG THUY LINH	1	100
3712	PHAM THI BICH NGOC	4	200
3713	NGUYEN THI ANH	4	200
3714	NGUYEN THI TRA	6	300
3715	TRINH VU MAI LY	1	100
3716	HO SI HOANG	1	100
3717	NGUYEN THI TIEP	1	100
3718	CHU VAN QUAN	1	100
3719	PHAM THI ANH THU	2	100
3720	VU XUAN SON	1	100
3721	DO CONG TRUONG	4	200
3722	TRINH THI ANH TUYET	7,379	387,300

3723	NGUYEN THI HONG UYEN	1	100
3724	TRAN XUAN THAI	40	2,100
3725	NGUYEN THI THU THUY	1	100
3726	TRAN MY LINH	5	300
3727	DO TRONG NHAN	1	100
3728	NGUYEN XUAN TRUONG	5	300
3729	DAO KHANH HUYEN	1	100
3730	TRAN NGOC LUAT	2	100
3731	HOANG MANH HUNG	21	1,100
3732	NGUYEN THI THANH HIEN	1	100
3733	HO CHI KHANH	1	100
3734	PHAM MANH CUONG	2	100
3735	VU THANH MAI	2	100
3736	DANG THI KIM TRINH	1	100
3737	LE NHAT ANH	1	100
3738	NGUYEN THUY LINH	1	100
3739	BUI HUY HOANG	1	100
3740	LA VAN TINH	4	200
3741	LE TRANG THANH	261	13,700
3742	NGUYEN NGOC MY KIM	2	100
3743	TRAN QUANG HIEU	276	14,500
3744	VU TUAN ANH	1	100
3745	VO THUY LINH	1	100
3746	TRAN LE HUY	1	100
3747	LUU XUAN THAI	3	200
3748	HOANG THI QUYNH ANH	1	100
3749	NGUYEN THUY LINH	1	100
3750	DO VAN PHUONG	4	200
3751	TRAN MINH NGOC	1	100
3752	NGUYEN DAC HUAN	4	200
3753	PHAN VIET QUYNH	1	100
3754	LE THI THANH THAO	1	100
3755	NGUYEN VAN SON	1	100
3756	NGUYEN VAN TRONG	1	100
3757	VU THI HUONG QUYNH	3	200
3758	HUYNH THUY TIEN	1	100
3759	NGUYEN NGOC THUY	1	100
3760	VU THI HONG	2	100
3761	NGUYEN THU HANG	2	100
3762	DUONG THI HANG	1	100
3763	NGUYEN VAN CHINH	1	100

3764	LE THI PHUONG	1	100
3765	NGUYEN THI CHUYEN	2	100
3766	DOAN XUAN QUANG	2	100
3767	DAO THANH PHUONG	1	100
3768	NGUYEN TRONG DANH DU	1	100
3769	NGUYEN THU HUONG	1	100
3770	VAN DUC HUY	1	100
3771	LE LONG HIEN	1	100
3772	TRINH THI THUY	1	100
3773	MAI THUY VY	2	100
3774	TANG THI LUA	1	100
3775	NGUYEN THI HOA	1	100
3776	NGUYEN THI LE TUYET	1	100
3777	DO THI HOANG SA	2	100
3778	HUYNH LE ANH NHAT	1	100
3779	LE THI XUAN QUYNH	1	100
3780	NGUYEN AN HAI	2	100
3781	VU DAI DUONG	1	100
3782	TRUONG THI THU HONG	72	3,800
3783	BUI DIEU LINH	2	100
3784	NGUYEN TRONG DUC	1	100
3785	PHAM QUANG LOC	1	100
3786	TRINH THI THANH THUY	1	100
3787	PHAM NGOC KHANH	3	200
3788	DOAN HOANG AN	1	100
3789	DANG BA DUY	1	100
3790	DANG NGUYEN THUY VI	1	100
3791	TRAN THANH LONG	1	100
3792	TRAN NGOC THU	1	100
3793	LE DUY BAO TRUNG	1	100
3794	NGHIEM THI HUONG	1	100
3795	TRAN THI CAO NGUYEN	1	100
3796	HOANG TRUNG ANH	1	100
3797	NGUYEN THI LE NGUYEN	1	100
3798	NGUYEN PHI KHANH	1	100
3799	HO VAN PHONG	1	100
3800	PHAM THI THUY HUONG	1	100
3801	BUI THI QUYNH LIEN	1	100
3802	HO TIEN DAT	1	100
3803	TRUONG NHAT TIEN	4	200
3804	PHAM THI THUY	2	100

3805	LE VAN NAM	1	100
3806	DUONG DIEP ANH	2	100
3807	LUU THI DIEP ANH	1	100
3808	LE THI NHU QUYNH	2	100
3809	NGUYEN THI DIEU LINH	1	100
3810	NGUYEN LE HOAN	1	100
3811	LE THANH DAT	1	100
3812	HUYNH NGOC TAN	1	100
3813	TRAN NGUYEN XUAN DANH	1	100
3814	GIANG TRA MY	3,363	176,500
3815	NGUYEN THI HUYNH GIAO	21	1,100
3816	TA XUAN TUAN	2	100
3817	VU HOANG DINH	1	100
3818	LE VAN THUAN	1	100
3819	TRAN THI HOA	1	100
3820	PHAM THI HANH	1	100
3821	PHAM THI PHUONG QUYNH	1	100
3822	TRAN DUY LAC ANH	1	100
3823	LE VAN NGHIA	1	100
3824	DUONG THI HOANG YEN	1	100
3825	NGUYEN MINH TRANG	1	100
3826	NGUYEN VAN CHINH	2	100
3827	NGUYEN QUANG VUONG	1	100
3828	DO THANH BINH	1	100
3829	TRAN QUANG HIEU	2	100
3830	VO BA CHIEN	1	100
3831	NGUYEN SY HA	1	100
3832	LE THI HONG THIEP	1	100
3833	DANG MINH VUONG	1	100
3834	NGUYEN THI LY	2	100
3835	LE QUOC DUNG	1	100
3836	HOANG THI HONG THUY	1	100
3837	TRAN THI CAM VAN	1	100
3838	LY MY CHAU	1	100
3839	NGUYEN THI MINH PHUONG	4	200
3840	DOAN THI HUONG LY	1	100
3841	NGUYEN NGOC CHAU	1	100
3842	DANG THI MY LINH	2	100
3843	DO BOI PHUONG	1	100
3844	VO THIEN MAN	1	100
3845	LUC MINH TUNG	1	100

3846	DANG NGOC QUE THY	1	100
3847	MAC THI HOAI	1	100
3848	VU VAN THANH	1	100
3849	NGUYEN NGOC HOANG ANH	1	100
3850	NGUYEN THI HONG THANH	1	100
3851	MAI TUYET NHUNG	1	100
3852	NGUYEN VAN THE	1	100
3853	NGUYEN DUC HOANG NAM	1	100
3854	PHAN LAM TRA GIANG	1	100
3855	TRAN VAN DUC	2	100
3856	TRAN THI THU HA	1	100
3857	NGUYEN THI THANH XUAN	1	100
3858	LE MINH TIEN	1	100
3859	NGUYEN VAN LAM	1	100
3860	THAI THI HUE	1	100
3861	VU DUY KHANH	2	100
3862	LE THI PHUONG THAO	2	100
3863	BUI THI HUYEN	2	100
3864	TRAN THI THANH HIEN	2	100
3865	NGUYEN NGOC LONG	1	100
3866	LE KIM VIET ANH	1	100
3867	TRAN MY DUNG	1	100
3868	TRAN DAI THANH	1	100
3869	VO ANH DUC	1	100
3870	NGUYEN HA THU HIEU	2	100
3871	PHAM NGOC THAI	6	300
3872	PHAM THI HANG HAI	1	100
3873	TRAN MAI HANH	1	100
3874	PHAM THI MINH NGOC	1	100
3875	NGUYEN DUC DANG	2	100
3876	TRAN NGOC HUY	2	100
3877	TRAN MINH DUC	1	100
3878	HO VAN LOC	1	100
3879	NGUYEN HOANG ANH THU	1	100
3880	DO QUOC DUNG	1	100
3881	NGUYEN QUOC PHONG	1	100
3882	NGUYEN MINH HIEU	1	100
3883	NGUYEN THI HUYEN	1	100
3884	NGUYEN VAN NINH	1	100
3885	NGUYEN PHUONG NAM	2	100
3886	CAO PHAM DIEM PHUONG	1	100

3887	TA THI NGOC TRAM	2	100
3888	HO VIET TRUNG NGUYEN	1	100
3889	LUU THI SOAN	1	100
3890	NGUYEN THI THU TRANG	1	100
3891	LE VAN LUC	2	100
3892	TRUONG THAI DUONG	1	100
3893	NGUYEN DO MINH HIEU	1	100
3894	NGUYEN TAN LOI	1	100
3895	HUYNH THI KIM DUNG	1	100
3896	NGO THI ANH DUONG	1	100
3897	HO SY TIEN	1	100
3898	DOAN LAN PHUONG	1	100
3899	VU THI THU HUYEN	1	100
3900	BUI THI THUY HUONG	1	100
3901	HA THI LOAN	1	100
3902	NGUYEN THI QUYNH ANH	1	100
3903	PHAN TUAN HUNG	1	100
3904	DUNG MY PHUNG	3	200
3905	NGUYEN MINH THANH	3	200
3906	TRAN NGOC BAO NGUYEN	1	100
3907	NGUYEN HUYNH KHANH DUY	2	100
3908	VU THI TINH	1	100
3909	VO XUAN THE	1	100
3910	LE VAN BAC	1	100
3911	TRAN THI NHAN NGOC	1	100
3912	TRAN THI NHI	1	100
3913	LE THI GIANG NAM	1	100
3914	TRAN QUANG BINH	1	100
3915	NGUYEN THI HONG NHUNG	1	100
3916	NGUYEN THUC ANH	1	100
3917	TRAN BA LIEM	1	100
3918	NGUYEN THI TAO	1	100
3919	NGUYEN DINH GIAP	1	100
3920	TRAN VAN TUAN CUONG	2	100
3921	HA THI KIEU OANH	2	100
3922	NGUYEN TIEN DUNG	1	100
3923	HOANG THI THICH	1	100
3924	VO VAN THANG	1	100
3925	HO TRUC VY AN	1	100
3926	TRAN THU HANG	4	200
3927	NGUYEN HOANG TRINH	1	100

3928	LE ANH MINH	1	100
3929	NGUYEN TRONG TAI	1	100
3930	NGUYEN DUC THU HUYEN	1	100
3931	DINH TRUNG NGHIA HIEP	1	100
3932	NGUYEN KIM HONG NGOC	1	100
3933	NGUYEN THANH QUANG	1	100
3934	MAI KHAC HAI	1	100
3935	DANG THI MY TRANG	1	100
3936	KIEU MINH HOA	1	100
3937	DO HOANG NGUYEN	1	100
3938	NGUYEN CONG HAI	1	100
3939	QUACH THUY LINH	1	100
3940	VU THI THU HUONG	1	100
3941	NGUYEN THI MAI ANH	1	100
3942	VO THUY HA	1	100
3943	LE NGOC	1	100
3944	PHAM VAN THONG	1	100
3945	LUU NGOC HUNG	2	100
3946	TRAN THI HAI YEN	1	100
3947	NGUYEN VIET ANH	4	200
3948	VU DINH LINH	4	200
3949	TRAN THI OANH	1	100
3950	BUI THI THU HUONG	1	100
3951	DINH NGOC QUY	2	100
3952	NGUYEN THI MINH ANH	1	100
3953	TRAN KIM THOA	1	100
3954	PHAM THAO NHI	1	100
3955	VU HONG DOAN	1	100
3956	NGUYEN VAN DUY	1	100
3957	TRUONG THI THU LOAN	1	100
3958	DO THI TRUC QUYNH	1	100
3959	TRINH THI TUONG VI	1	100
3960	TRUONG HUYNH LUONG	1	100
3961	NGUYEN MAI PHUONG	1	100
3962	DANG CONG DAI	2	100
3963	TRAN THI HAO	1	100
3964	DO DUC HIEU	1	100
3965	LAN VAN THANG	1	100
3966	VAN HUY BINH	3	200
3967	NGUYEN TUAN ANH	1	100
3968	DO HUU PHUOC	1	100

3969	DANG NGOC KHAI	1	100
3970	TA DUY KHANH	1	100
3971	LAM QUOC HUNG	1	100
3972	LE DUC TIN	1	100
3973	LU VAN THAO	1	100
3974	NGUYEN THI THU HA	2	100
3975	NGUYEN HUY TOAN	1	100
3976	VO NGOC TOAN	1	100
3977	LUONG THI MAI TRANG	1	100
3978	NGUYEN THI MINH THU	1	100
3979	LUONG THI HOP	1	100
3980	DANG HONG QUANG	2	100
3981	NGUYEN THI TU UYEN	3	200
3982	PHAN THI PHUONG THANH	1	100
3983	NGUYEN HONG THAI	1	100
3984	PHAM TRUONG THIEN	7	400
3985	BUI THI BICH NGOC	1	100
3986	DANG THI SAO MAI	1	100
3987	NGUYEN NGOC DUYEN	1	100
3988	HO DAC HOANG	16	800
3989	NGUYEN THI HANG	7	400
3990	TRUONG DINH CHIEN	1	100
3991	BUI THIEN VUONG	1	100
3992	VU THI THU TRANG	1	100
3993	CHAU TRUONG NGOC LAN	1	100
3994	VU THI HUE	1	100
3995	LE PHAM QUANG HUY	1	100
3996	HOANG NGOC QUANG	1	100
3997	NGUYEN THI LE	1	100
3998	VANG THI CHUM	1	100
3999	NGUYEN DUC THANG	2	100
4000	PHAM VAN LONG	1	100
4001	VO NGUYEN HUONG LAI	1	100
4002	NONG THI MAI PHUONG	1	100
4003	NGUYEN THI OANH	2	100
4004	LE THAI MY LINH	1	100
4005	TA DINH HOAN	1	100
4006	NGUYEN THUC NHAT	2	100
4007	LE THI NGOC LAM	1	100
4008	NGUYEN THI MAI PHUONG	1	100
4009	LE MINH HUNG	3	200

4010	DO THI HA	1	100
4011	NGUYEN THI BICH HAU	2	100
4012	PHAM THI OANH	1	100
4013	NGUYEN THI NHUNG	1	100
4014	TRAN VAN HAY	1	100
4015	BUI QUANG TRUONG	1	100
4016	TRAN THI XUAN	1	100
4017	TRAN THI BICH THAO	1	100
4018	NGUYEN THI ANH VI	60	3,100
4019	DO NGOC ANH	2	100
4020	NGUYEN DINH TAN	2	100
4021	NGUYEN DINH SON	1	100
4022	PHAM BICH NGOC	1	100
4023	NGUYEN THUY HANH	1	100
4024	TRAN THI MONG HUONG	1	100
4025	BUI THI THANH HANG	125	6,600
4026	TRUONG THI MINH HIEN	2	100
4027	PHAM HONG NHUNG	2	100
4028	LE VAN MANH	1	100
4029	TRAN VAN ANH	2	100
4030	NGUYEN XUAN MINH	1	100
4031	BUI VAN MINH	1	100
4032	HOANG KHAI TON	9	500
4033	NGUYEN VAN QUI	1	100
4034	NGUYEN NGOC TRAM ANH	10	500
4035	BUI PHUC HAI	1	100
4036	TRIEU THI PHUONG	1	100
4037	NGUYEN THI HAU	1	100
4038	NGUYEN XUAN DAI	1	100
4039	TRUONG NGUYEN QUYNH TRAN	1	100
4040	LAM BAO TAM	1	100
4041	PHAN THI HONG NGOC	2	100
4042	NGUYEN THI HAC DINH	1	100
4043	DINH HAI ANH	1	100
4044	PHAN NGOC QUYNH	1	100
4045	NGUYEN TUAN HUNG	1	100
4046	PHAM THI TRANG	1	100
4047	BUI DUC TRUONG	4	200
4048	NGUYEN THI THANH PHUC	1	100
4049	TON NU PHU NGOC TRAM	1	100
4050	NGUYEN NGOC HOANG	1	100

4051	VU THI DIEU LINH	1	100
4052	VU TIEN THANH	1	100
4053	DUONG THI PHUONG QUYNH	5	300
4054	TRAN HONG HANH	1	100
4055	NGUYEN THI BUP	2	100
4056	NGUYEN VAN TIEN	1	100
4057	NGUYEN DANG HUNG	1	100
4058	PHAM TRONG THIEN	2	100
4059	DINH HA CHI	3	200
4060	TRAN THI HIEN	1	100
4061	TRUONG THI TRANG	1	100
4062	HA LE THANH HUYEN	3	200
4063	PHAM THI DIN	1	100
4064	CHAU TRAN HON	1	100
4065	DANG THI THU HOA	1	100
4066	NGUYEN VAN THANH	1	100
4067	NGUYEN ANH THY	15	800
4068	LY THI TRA GIANG	3	200
4069	NGUYEN THI HUYNH NHU	16	800
4070	VU THI MY LINH	1	100
4071	NGUYEN THI YEN	1	100
4072	NGUYEN MINH DUONG	1	100
4073	NGUYEN MANH THANG	2	100
4074	TRINH THAI HIEP	1	100
4075	NGUYEN DUC ANH	1	100
4076	NGUYEN NGOC HUYEN	1	100
4077	HA NGOC HIEP	1	100
4078	BUI TUAN ANH	1	100
4079	TRINH DUY THANH	1	100
4080	BUI MINH NGOC	1	100
4081	HO NHAT ANH	1	100
4082	NGUYEN QUY TRINH	1	100
4083	NGUYEN DINH NGHIA	2	100
4084	NGUYEN THI HA NHI	1	100
4085	TRAN TIEN DAT	1	100
4086	NGUYEN THE HUY	1	100
4087	PHAN THI LIEN	1	100
4088	LE THI THANH BINH	1	100
4089	NGUYEN THI BIEC	1	100
4090	TRUONG THI SANG	1	100
4091	DO XUAN CANH	1	100

4092	TRAN VAN HOI	1	100
4093	TRAN DINH QUI	2	100
4094	NGUYEN LAM TRUONG	1	100
4095	LE MINH KHOI	1	100
4096	NGUYEN THI THU	2	100
4097	CHU DINH MINH	1	100
4098	LE THI LAN ANH	1	100
4099	NGO DUC QUAN	1	100
4100	HOANG VAN THAO	1	100
4101	LE TRUNG HIEU	1	100
4102	NGUYEN HUY CAN	2	100
4103	NGUYEN YEN NHI	2	100
4104	CAO VAN DA	1	100
4105	LE THANH QUANG	1	100
4106	NGUYEN TRUONG LONG	787	41,300
4107	TRAN DINH DAT	3	200
4108	CHU THI ANH CHI	2	100
4109	NGO THI LOAN	1	100
4110	VU THI HAI YEN	2	100
4111	PHAM VIET HAI	3	200
4112	NGUYEN DUC HANH	60	3,100
4113	VI THI TUYET	1	100
4114	NGUYEN THI HIEU	1	100
4115	PHAM DINH CHIEN	1	100
4116	PHAM THI TRINH	1	100
4117	NGUYEN THI THU HUONG	1	100
4118	TRAN TRUNG HIEU	1	100
4119	LY AN AN VU	1	100
4120	HOANG ANH TUAN	1	100
4121	VO DANG KHOA	1	100
4122	NGUYEN QUANG TUAN	1	100
4123	DO THI LE THUY	3	200
4124	DINH THI HAI HA	2	100
4125	LY THIEN TRANG	4	200
4126	DINH THI HUONG GIANG	1	100
4127	NGUYEN VU THANH LAM	1	100
4128	BUI TRUONG GIANG	1	100
4129	NGUYEN BICH HOA	2	100
4130	HOANG THI HANG	1	100
4131	HUYNH CONG TAM	1	100
4132	VU THANH LONG	2	100

4133	TRAN THI YEN NHI	1	100
4134	HOANG THU HUONG	1	100
4135	PHUN VAN HAU	1	100
4136	TRAN TUAN VU	1	100
4137	PHAM HAI NHU	1	100
4138	PHUNG DINH THANH	1	100
4139	LE THI MY THANH	1	100
4140	NGUYEN THI THU HAU	94	4,900
4141	TRUONG HONG HANH	2	100
4142	LE THI HONG TUYET	1	100
4143	VU TRUONG GIANG	60	3,100
4144	VI THI HANH	1	100
4145	VU MINH THANH	1	100
4146	NGUYEN THI MY UYEN	1	100
4147	PHAM THANH TUYEN	3	200
4148	DUONG THI NGOC TRAM	3	200
4149	LE TRACH GIANG	1	100
4150	BUI VINH TAM	1	100
4151	NGUYEN NGOC CANG	1	100
4152	NGUYEN THI DIEM SUONG	1	100
4153	NGUYEN DIEU LINH	1	100
4154	LE MINH KHANG	1	100
4155	VU THI THU HIEN	1	100
4156	DINH TRONG VUONG	2	100
4157	DUONG THUY QUYNH	1	100
4158	TRUONG THI BICH TUYEN	1	100
4159	TRAN THI HUYEN VAN	1	100
4160	NGUYEN THUY BICH TRAM	1	100
4161	PHAN THI THAO HUONG	1	100
4162	LY KIM MAI	1	100
4163	TRUONG MINH THAI	1	100
4164	NGUYEN DAI DUONG	6,789	356,400
4165	NGUYEN XUAN THUONG	1	100
4166	NGUYEN VAN QUYEN	3	200
4167	TRAN HOANG HIEP	1	100
4168	QUAN VAN QUAN	2	100
4169	HO THI LY	1	100
4170	VUONG HUNG CAO ANH	3	200
4171	TRAN THI KIM OANH	3	200
4172	NGUYEN NGOC HUY DUNG	1	100
4173	NGUYEN THI BICH THUAN	1	100

4174	DANG TIEN TRUNG	1	100
4175	NGUYEN THUY LINH	1	100
4176	NGUYEN MINH DUC	1	100
4177	NGUYEN LE HOAI THU	1	100
4178	LE THI THU ANH	1	100
4179	DUONG VAN HAI	1	100
4180	BUI TIEN HIEP	1	100
4181	NGUYEN VU HOANG	1	100
4182	NGUYEN MANH HA	1	100
4183	NGUYEN VAN KIEN	2	100
4184	NGUYEN PHUONG LONG	1	100
4185	PHAM THI BINH MINH	1	100
4186	DOAN QUOC VIET	1	100
4187	DINH THI NHUNG	1	100
4188	HOANG TRAN QUOC AN	1	100
4189	NGUYEN THI HAI HA	1	100
4190	NGUYEN THI THUY LINH	1	100
4191	NGUYEN DANG QUOC HUY	1	100
4192	NGUYEN HOANG ANH	1	100
4193	NGUYEN TUAN ANH	1	100
4194	NGUYEN TAN VU	1	100
4195	NGUYEN THI THUY	1	100
4196	NGUYEN THI MAI ANH	1	100
4197	KHUAT THI KIM SEN	1	100
4198	TRAN THI BICH THAO	1	100
4199	NGUYEN VAN NGHIA	1	100
4200	PHAM LE TUYET NGAN	1	100
4201	TRAN MINH VIEC	3	200
4202	NGUYEN THANH NHA	1	100
4203	CHAU QUANG DAT	2	100
4204	TRUONG VAN HUNG	2	100
4205	TRAN NHAT MINH	1	100
4206	NGUYEN VAN NHAT	10	500
4207	LY THI LUU	1	100
4208	NGUYEN TUAN LONG	1	100
4209	NGUYEN HOANG LONG	1	100
4210	PHAM MINH THUY	1	100
4211	DO TRUNG THANH	10	500
4212	NGUYEN THAI BAO	1	100
4213	NGUYEN VAN NAM	1	100
4214	LA HOANG LONG	1	100

4215	TRAN MY LE	1	100
4216	VU PHUONG LIEN	1	100
4217	NGUYEN THE LAM	2	100
4218	LE THI BICH XUAN	1	100
4219	TRAN HAI TUYEN	1	100
4220	VU THI HIEN	7	400
4221	VU MINH ANH	1	100
4222	NGUYEN TRUNG THANH	1	100
4223	PHUNG MUI MOI	1	100
4224	NGUYEN VAN LUONG	1	100
4225	NGUYEN TRONG NGHIA	2	100
4226	TRAN QUANG KHOA	1	100
4227	VAN DUC THANG	1	100
4228	DO THI THANH NGA	1	100
4229	LE CHI SI	1	100
4230	NGUYEN VIET ANH	1	100
4231	NGUYEN NGOC DOAN	1	100
4232	LE HOANG GIANG	2	100
4233	TONG TIEU AN	1	100
4234	LAM VIET HOANG	2	100
4235	DANG BAO TRAN	1	100
4236	NGUYEN THANH TAN	1	100
4237	PHUNG THI THANH HUONG	1	100
4238	TRAN VAN HOA	2	100
4239	DOAN VAN DAO	1	100
4240	NGUYEN THI OANH	1	100
4241	NGUYEN DUC NAM	1	100
4242	DOAN THI HONG NHUNG	1	100
4243	TRAN THAI LINH	1	100
4244	NGUYEN HUU HAU	1	100
4245	NGUYEN SY LINH	2	100
4246	BUI THI QUYNH VAN	1	100
4247	CHUONG THI MY THANH	5	300
4248	DUONG DA AI LY	2	100
4249	PHAM DUC HUNG	1	100
4250	TRAN THI MAI LY	3	200
4251	NGUYEN THI THU QUYNH	1	100
4252	NGUYEN VAN DUY	1	100
4253	LE THI PHUONG THUY	1	100
4254	VU THE PHAP	1	100
4255	HOANG THI LE THAO	1	100

4256	VU THI THANH LOAN	1	100
4257	NGUYEN THI HONG	4	200
4258	BUI THI TRANG	1	100
4259	TRINH THI LINH CHI	1	100
4260	DO QUANG MINH	1	100
4261	PHAM THI TAN	4	200
4262	NGUYEN THI MINH TRANG	2	100
4263	TRAN VIET HUNG	2	100
4264	NGUYEN DUC TOAN	1	100
4265	NGUYEN VAN MINH	1	100
4266	NGUYEN CONG NAM	1	100
4267	NGUYEN THI HONG NHUNG	1	100
4268	LE DINH LONG	2	100
4269	VU QUOC THAI	1	100
4270	NGUYEN THI HAI HAU	1	100
4271	DUONG QUANG HOAN	4	200
4272	VU LY GIANG	1	100
4273	NGUYEN VAN HAU	1	100
4274	NGUYEN QUANG THAI	1	100
4275	TRAN ANH DUC	2	100
4276	PHAM THI THUY DUONG	1	100
4277	NGUYEN TUAN LINH	1	100
4278	BUI THI LAN PHUONG	1	100
4279	LE NHU MANH	1	100
4280	TRAN THI MAI	1	100
4281	NGUYEN VAN QUYEN	1	100
4282	DO MY NGOC	1	100
4283	CAO HUU THAI	1	100
4284	NGUYEN THI MY HUYEN	1	100
4285	NGUYEN HONG AN	1	100
4286	PHAM TIEN DAT	1	100
4287	NGUYEN DIEP DAN	1	100
4288	HOANG THI NGUYET HANG	1	100
4289	PHAM THI MAI THANH	2	100
4290	PHAM THI HANG	1	100
4291	NGUYEN MANH QUAN	1	100
4292	THAI MINH NHAT	1	100
4293	NGUYEN THI THUY LINH	1	100
4294	NGUYEN VAN MINH	1	100
4295	MAI VAN TIEN	1	100
4296	PHAM NGUYEN SY	1	100

4297	LUU THE HOA	2	100
4298	LE THI QUYEN	1	100
4299	PHAM VAN VINH	1	100
4300	VO TRAN NGOC MINH QUANG	1	100
4301	DINH THI BAO HA	1	100
4302	NGUYEN BA VUNG	1	100
4303	HUYNH THI THU LOAN - VPCF	2	100
4304	VU THI THU HUONG	2	100
4305	DINH NGUYEN MAI	1	100
4306	TRUONG MY LINH	1	100
4307	LE HOANG DUY	1	100
4308	MAI XUAN TRINH	1	100
4309	DAO TUAN CUONG	1	100
4310	DINH TUYET VAN	2	100
4311	PHAM THI THUY LINH	1	100
4312	THAN THANH TUNG	1	100
4313	DUONG THI TRANG	1	100
4314	NGUYEN THI HONG VAN	1	100
4315	LE HUU THANH	1	100
4316	BUI THUY AN	1	100
4317	LE NGOC ANH	1	100
4318	PHAM HO AN	2	100
4319	NGUYEN DIEU THUY	2	100
4320	NGUYEN THI NHAN	1	100
4321	TRAN THI HANG	2	100
4322	VI ANH NGUYET	1	100
4323	PHAM VAN NHOM	1	100
4324	VU HUY THE	2	100
4325	NGUYEN TAT TOAN	2	100
4326	LE VAN TAI	1	100
4327	NGUYEN THI MAI THY	1	100
4328	HO THI QUYNH THANH	1	100
4329	TRAN THI HIEN	1	100
4330	HUYNH MINH CHIEN	1	100
4331	NGUYEN SON LAM	1	100
4332	LE VAN BAN	1	100
4333	HOANG THU PHUONG	2	100
4334	NGUYEN THI THUY	1	100
4335	NGO QUANG TUONG	2	100
4336	TRAN MINH TRUNG	1	100
4337	TRAN MINH HIEU	1	100

4338	HOANG MINH ANH	1	100
4339	DAO THI QUYNH UYEN	1	100
4340	NGUYEN THANH NAM	1	100
4341	PHAM THI THUY ANH	1	100
4342	VU THANH LONG	2	100
4343	TANG THANH TUNG	1	100
4344	NGUYEN CAO CUONG	1	100
4345	PHAM THI DUNG	1	100
4346	BUI QUANG HUY	1	100
4347	HOANG THU TRANG	1	100
4348	LE HONG MINH	1	100
4349	HOANG THI THAO HUYEN	1	100
4350	DO NHAT ANH	1	100
4351	NGO VAN LOI	1	100
4352	NGUYEN THI HONG DIEP	1	100
4353	LE THI THU TRANG	1	100
4354	PHAN THI DIEM NGOC	1	100
4355	NGUYEN VAN SANG	3	200
4356	LE THI THU VAN	1	100
4357	DANG THI BICH NGOC	1	100
4358	LE THI HANG	1	100
4359	VO THI THUY QUYNH	1	100
4360	NGUYEN QUOC DU	1	100
4361	PHAM MAI NGAN	1	100
4362	VU HONG THAI	1	100
4363	TRAN THI NGOC PHUONG	1	100
4364	NGUYEN DANG HIEU	1	100
4365	CAO THI KIEU OANH	1	100
4366	TRAN VIET VAN	1	100
4367	DAU VAN VI	1	100
4368	VU THI NHAN	10	500
4369	NGUYEN THUY LIEN	1	100
4370	NGUYEN HONG NGOC	1	100
4371	NGUYEN QUOC THINH	1	100
4372	LUU ANH TUAN	1	100
4373	LUONG THI NGA	1	100
4374	NGUYEN THE TRUNG	1	100
4375	DO THI HUYEN	1	100
4376	NGUYEN THI MAI	3	200
4377	LE THI HIEN	1	100
4378	HUYNH MINH PHUC	1	100

4379	NGUYEN THI NGAN	1	100
4380	TRAN THI NGOC DIEP	1	100
4381	PHAN NHAT TOAN	1	100
4382	LE THANH VU	1	100
4383	TRAN MINH THUAN	1	100
4384	TO THANH TUAN	3	200
4385	NGUYEN THI NGOC NGHI	5	300
4386	DINH THI KIEU MI	1	100
4387	NGUYEN DUY QUANG	1	100
4388	NGUYEN THI THU HIEN	1	100
4389	NGO THI CHAU LOAN	1	100
4390	NGUYEN QUANG VINH	1	100
4391	NGUYEN THI HANH	1	100
4392	NONG VAN TRIEU	1	100
4393	DOAN DINH TUAN	1	100
4394	TA THI THANH PHUONG	1	100
4395	NGUYEN HONG SON	1	100
4396	NGUYEN QUOC KHANH	1	100
4397	NGUYEN BAO MINH THANH	1	100
4398	LY NGOC NGHI	1	100
4399	TRAN VAN CONG	1	100
4400	NGUYEN DUC TRUNG	1	100
4401	NGO HONG VU	12	600
4402	NGO THI NGOC	1	100
4403	PHUONG THANH TRI	1	100
4404	NGUYEN HUY NHAT	1	100
4405	NGUYEN BINH MINH	1	100
4406	NGO VU QUANG	1	100
4407	NGUYEN THANH THU	1	100
4408	NGUYEN NHON HOA	1	100
4409	LE THI THUY PHUONG	2	100
4410	NGUYEN NGOC HOA	1	100
4411	PHAM THI THU GIANG	1	100
4412	DANG THI THOM	2	100
4413	DUONG VAN THINH	1	100
4414	NGUYEN CHI HIEU	2	100
4415	TRAN THU HUONG	1	100
4416	NGUYEN NGOC QUANG	1	100
4417	NGUYEN DUC KINH	1	100
4418	DAM THI NHUNG	1	100
4419	NGUYEN HAI NAM	2	100

4420	NGUYEN MINH THIEN TU	1	100
4421	NGUYEN THI DAT	2	100
4422	VO VAN LAM	1	100
4423	PHAM THI YEN THU	1	100
4424	PHAM HOANG ANH	1	100
4425	HAN DUY PHONG	1	100
4426	NGUYEN THI THU THUY	1	100
4427	BUI LAN PHUONG	1	100
4428	HOANG VAN TAI	1	100
4429	NGUYEN VAN MANH	2	100
4430	NGUYEN THI KIM CHI	1	100
4431	VO THI TINH	1	100
4432	PHAM PHUONG DUNG	1	100
4433	NGUYEN DUC MANH	1	100
4434	LE DANG HIEN	2	100
4435	VU QUANG HUY	1	100
4436	TRAN THI KIM HA	1	100
4437	LE HUU DUC	1	100
4438	PHAM PHUONG THAO	1	100
4439	VUONG NGUYEN QUYNH NHU	1	100
4440	TRAN BICH PHUONG	1	100
4441	NGUYEN VAN LAU	1	100
4442	HOANG MINH TRONG	1	100
4443	NGUYEN KHANH DUY	1	100
4444	BUI THI MINH	1	100
4445	BUI THI BICH QUYEN	1	100
4446	TRUONG THI NU	1	100
4447	NGUYEN DUC TAI	1	100
4448	NGUYEN THANH THIEN	1	100
4449	VU THI HANG	1	100
4450	TRAN THI HUONG	2	100
4451	TRUONG BUU	2	100
4452	NGO THI HOANG NGAN	1	100
4453	NGUYEN DUY TOAN	1	100
4454	HA ANH	2	100
4455	NGUYEN VIET CUONG	6	300
4456	LO THI DUNG	1	100
4457	LE THI NGA	1	100
4458	DAU THI QUYNH ANH	1	100
4459	SON MINH TRI	1	100
4460	PHAM TUAN ANH	3	200

4461	DO QUANG VU	1	100
4462	BUI VAN TOAN	2	100
4463	NGUYEN BAO TRAN	2	100
4464	NGUYEN VAN HOANG	1	100
4465	NGUYEN DINH VINH	1	100
4466	NGUYEN THI NGOC BAO	1	100
4467	KHUC THANH THUY	1	100
4468	VO NGOC DANG KHOA	1	100
4469	VU NGOC QUYNH	5	300
4470	TRAN THI THANH HIEN	1	100
4471	NGUYEN TRUONG SON	1	100
4472	TRAN MINH TAN	2	100
4473	NGUYEN THI THU HA	2	100
4474	BUI HONG THU	1	100
4475	NGUYEN QUOC ANH	6	300
4476	TRAN TUAN NAM	1	100
4477	TRAN THI THANH	2	100
4478	PHAM DINH HANH	1	100
4479	TRAN NGOC HUNG	1	100
4480	NGUYEN DOAN TUAN	1	100
4481	TRAN THI CHUNG	2	100
4482	DAO THI THUY THUY	1	100
4483	DO NHAT HA	1	100
4484	LE VAN HET	1	100
4485	NGUYEN THI VIET TRINH	1	100
4486	NGUYEN THI KIEU HUONG	1	100
4487	DAO NGUYEN BICH THUY	1	100
4488	NGUYEN TRONG TAI	1	100
4489	NGUYEN THI KHANH HUYEN	1	100
4490	NGUYEN THI THUY	1	100
4491	DO THI THU HUONG	1	100
4492	NGHI DUNG	1	100
4493	TRAN NGUYEN PHI HOANG	1	100
4494	MAI VAN BAO	1	100
4495	NGO THI LIEM	2	100
4496	NGUYEN DUC NGUYEN	1	100
4497	NGUYEN VAN TRUNG	1	100
4498	NGUYEN THI THUC ANH	1	100
4499	NGUYEN THANH TAN	5	300
4500	TRUONG THI VAN ANH	1	100
4501	DOAN VAN KHAM	1	100

4502	NGUYEN BA TUNG	1	100
4503	LE NHAT QUANG	1	100
4504	NGUYEN THI HANG	2	100
4505	NGUYEN VIET KHOA	1	100
4506	PHAM MINH HIEP	1	100
4507	NGUYEN VAN SINH	1	100
4508	NGUYEN DINH NGOC	1	100
4509	NGUYEN VIET ANH	1	100
4510	TRAN XUAN HANH	1	100
4511	NGUYEN VAN MINH	2	100
4512	HA THI NGOC LOAN	1	100
4513	NGUYEN THI HUONG DIU	1	100
4514	DINH HUY HOANG	1	100
4515	NGUYEN CAO CUONG	2	100
4516	DUONG THI HONG THUY	1	100
4517	LUU ANH THUAN	1	100
4518	NGUYEN THI MAI CHI	1	100
4519	NGUYEN DINH CONG	4	200
4520	NGUYEN DUY LINH	1	100
4521	TRAN THI HOAI	1	100
4522	PHAM MINH DUNG	1	100
4523	NGO DUY HIEU	2	100
4524	LE DUY TRANG	1	100
4525	NGUYEN NGOC NAM	1	100
4526	NGUYEN THI HUONG	1	100
4527	NGUYEN THE THACH	1	100
4528	NGUYEN VIET PHUONG	3	200
4529	DANG THI HANH DUNG	1	100
4530	LUU THI KHUYEN	1	100
4531	NGUYEN THI HUONG	1	100
4532	NGUYEN THI PHUONG	1	100
4533	TRUONG THI LOC	1	100
4534	NGUYEN THI HOAI	1	100
4535	TRAN THANH THAO	1	100
4536	DANG KHANH LINH	1	100
4537	NGUYEN MINH THUONG	1	100
4538	NGUYEN THANH TRI	1	100
4539	LUONG THI NGOC HA	1	100
4540	NGUYEN QUANG VINH	1	100
4541	NGUYEN THI THU DUNG	1	100
4542	DO THI MINH THU	1	100

4543	DO TRONG HAC	1	100
4544	TRAN NGUYEN MINH NGUYET	1	100
4545	NGUYEN THI NGUYET HANG	1	100
4546	TA BICH LOAN	1	100
4547	NGUYEN THI PHUONG THAO	1	100
4548	NGUYEN THI THU HUONG	1	100
4549	NGO TUAN ANH	1	100
4550	HOANG THAI DIEU	1	100
4551	BUI PHUONG ANH	1	100
4552	TU VAN TAN	2	100
4553	DANG THI THU PHUONG	1	100
4554	NGO VAN TAM	1	100
4555	TRAN THI HUE	1	100
4556	HOANG THI NGOC	1	100
4557	NGUYEN VAN TUNG	2	100
4558	NGUYEN THI HOANG YEN	1	100
4559	NGUYEN LINH YEN NHU	1	100
4560	LUONG HONG THUC	1	100
4561	NGUYEN THI TIEN	2	100
4562	HOANG ANH TUAN	1	100
4563	NGUYEN VIET TOAN	2	100
4564	LUONG THI THU HOAI	1	100
4565	LE THI THANH LAM	1	100
4566	HOANG QUANG THANG	3	200
4567	VUONG DUC THIEN	1	100
4568	HO SY HUNG	5	300
4569	VUONG HUE TIEN	1	100
4570	PHAM MINH NGOC	1	100
4571	VO THANH PHAT	3	200
4572	HOANG NGOC DIEP	2	100
4573	NGUYEN TAN THANH	1	100
4574	HOANG THI MUNG	1	100
4575	NGUYEN HOANG THI VAN	1	100
4576	VAN TAN CUONG	1	100
4577	NGUYEN THI CAM HANG	2	100
4578	DOAN PHUC MINH	1	100
4579	VO DIEM HA VI	1	100
4580	NGUYEN THI NGAN	1	100
4581	PHAM THI HANG	1	100
4582	NGUYEN TIEN THIEN	219	11,500
4583	DINH ANH DUNG	1	100

4584	NGUYEN VAN LONG	1	100
4585	DO NGOC TU	1	100
4586	VU VAN HAI	1	100
4587	LE THUY HANG	5	300
4588	PHAN NHU LONG	1	100
4589	DANG HOANG PHUC	2	100
4590	DO VAN NON	1	100
4591	DOAN THUY KIEU	10	500
4592	BUI THI THANH	1	100
4593	NGUYEN THO CONG MINH	1	100
4594	DANG PHAM ANH HONG	1	100
4595	DANG PHAM ANH HONG	1	100
4596	LUONG THI TAM	400	21,000
4597	BAN VAN TAN	1	100
4598	NGUYEN THI HOAI TRANG	2	100
4599	HUA THI MINH TRANG	2	100
4600	NGUYEN VAN NHIEU	1	100
4601	MAI THI NHU NGUYET	1	100
4602	TRUONG MINH PHU	1	100
4603	NGUYEN HUU HONG PHUC	1	100
4604	NGUYEN THI NGOC	1	100
4605	LE MINH TIEN	8	400
4606	TON THE VINH QUYEN	1	100
4607	TRAN THI KIM LOAN	1	100
4608	HOANG MANH CUONG	1	100
4609	TRAN VAN QUAN	1	100
4610	LE HUYNH QUOC PHONG	1	100
4611	TRAN THI BAO YEN	1	100
4612	NGUYEN THAI SON	1	100
4613	TRAN BICH DUYEN	29	1,500
4614	TRAN DUC ANH	27	1,400
4615	CHU DUC HIEN	2	100
4616	NGUYEN PHUNG TIEN THANH	1	100
4617	PHAM THI NGOC HUYEN	1	100
4618	DANG HUY HOANG	1	100
4619	NGUYEN DUC HUY	1	100
4620	DO MANH DUY	1	100
4621	NGUYEN NHAT MINH	1	100
4622	LE THI GIANG	1	100
4623	NGUYEN THI HONG YEN	1	100
4624	TRAN PHUONG THAO	1	100

4625	LE CAO HOANG LONG	1	100
4626	VUONG THI NHUNG	2	100
4627	LO VAN KHANH	1	100
4628	NGUYEN THI PHUONG THAO	1	100
4629	NGUYEN MAI TRANG	1	100
4630	PHAN THI KIM CHI	1	100
4631	TRAN MANH TUNG	1	100
4632	NGUYEN QUANG TIEN	1	100
4633	VO PHAN THAO DUNG	2	100
4634	NGUYEN THI THANH THUY	6	300
4635	BUI DUC LOI	1	100
4636	VU TIEN LOC	1	100
4637	NGUYEN HUYNH ANH NGOC	4	200
4638	TRAN THANH TUNG	500	26,200
4639	NGUYEN THI LAN ANH	1	100
4640	MAI HOANG VIET	1	100
4641	NGUYEN THI HONG VAN	1	100
4642	DUONG VAN LINH	1	100
4643	NGUYEN VAN LAM	1	100
4644	PHAM NGOC THANH TUYEN	1	100
4645	NGUYEN QUANG NGUYEN	1	100
4646	TRINH VINH CHINH	1	100
4647	NGUYEN VAN CUONG	3	200
4648	NGUYEN THI LOAN	200	10,500
4649	BUI THI HUONG	4	200
4650	DUONG HO KHANH LINH	1	100
4651	NGUYEN CONG ANH	9	500

6. Hũ Kim (Từ 24/11/2025 – 30/11/2025):

STT	Họ tên	Tổng số giao dịch	Số tiền chi thưởng
1	LANG XUAN GIAP	1	
2	VAN QUOC KHANG	43	1,600
3	DONG VAN DAI	6	200
4	PHAM TRONG QUYEN	3	100
5	DO XUAN LONG	1,240	45,900
6	NGUYEN VAN HOANG	8	300
7	NGUYEN NGOC TAN	18,308	677,300
8	LO TUNG DUONG	3	100
9	NGUYEN HUYNH TRONG NHAN	7	300

10	NGO QUOC NAM	2	100
11	NGUYEN DUC DUONG	2	100
12	NGUYEN NGUYEN KHANG	7	300
13	BUI DUC THANH	31	1,100
14	NGUYEN TUAN VIET	9	300
15	NGUYEN HAI DANG	32	1,200
16	PHAM VAN HIEN	70	2,600
17	NGUYEN TRAN QUOC VIET	3	100
18	LE HUU PHU	169	6,300
19	TANG DINH PHAN	28	1,000
20	PHAN NGO PHI	23	900
21	NGUYEN THI HIEN	34	1,300
22	TRAN DANG HUNG	25	900
23	GIANG MI SUNG	32	1,200
24	TRAN VAN HOANG	32	1,200
25	DINH CONG HAI	4	100
26	HO VAN SI	17	600
27	LUONG VAN KHUYEN	1	
28	LUU XUAN DUC	8	300
29	LE THANH TRON	29	1,100
30	DANG HUY DUNG	2	100
31	NGUYEN VAN QUANG	1	
32	NGUYEN VAN LUONG	39	1,400
33	NGUYEN THANH DAI	5	200
34	DOAN THI HONG VAN	13	500
35	DANG THANH PHAT	49	1,800
36	NGUYEN LE KIET	8	300
37	HOANG VAN THANH	30	1,100
38	NGUYEN THI THUY SANG	1	
39	NGUYEN THI LIEN HUONG	19	700
40	NGUYEN TRUNG HIEU	5	200
41	LUONG VAN KHAN	4	100
42	BU BA MINH TRI	3	100
43	NGUYEN DUC THANG	1	
44	NGUYEN MINH NGOC	13	500
45	BUI DUONG HONG NGOC	40	1,500
46	HA DANG THAI	15	600
47	PHAN QUOC ANH	33	1,200
48	PHAN VAN NHU	2	100
49	HOANG HUU TUAN	8	300
50	TRAN THI BICH	24	900

51	DO MANH HUNG	73	2,700
52	NGUYEN THE VU	99	3,700
53	TRAN DUY MANH	23	900
54	LUONG VAN TOAN	1	
55	TRUONG VAN HUNG	12	400
56	BUI ANH CHUONG	2	100
57	NGUYEN ANH THOM	274	10,100
58	DUONG THAO MINH	66,900	2,474,900
59	LA CHI DU	13	500
60	HO THI HONG LAM	5	200
61	NGUYEN VAN SAU	6	200
62	NGUYEN THI KIEU NHI	23	900
63	NGUYEN VAN SACH	395	14,600
64	VO THANH HUNG	3	100
65	TRUONG NGOC THAO	3	100
66	LE THANH LUAN	1	
67	TRUONG MINH CUONG	118	4,400
68	THAN NHAN HIEN	151	5,600
69	QUAN PHI HUNG	18	700
70	HO VAN NGUY	1	
71	HUYNH THI HANG	1,259	46,600
72	NGUYEN NGOC PHAT	2	100
73	BUI THI GIAU	498	18,400
74	NGUYEN HOANG NAM	8	300
75	HO VAN THONG	122	4,500
76	VO HOANG THIEN PHUOC	1	
77	NGUYEN HOA AN	1	
78	PHAN THANH DUNG	18	700
79	NGUYEN BA DUC	5	200
80	BUI VAN HIEP	1	
81	PHUNG MINH HIEN	4	100
82	DINH CAO HANH	5	200
83	NGUYEN THI HOC	1,280	47,400
84	HUYNH THANH KHA	4	100
85	NGUYEN XUAN TUNG	14	500
86	NGUYEN VAN NHI	15	600
87	HUYNH BA VUONG	15	600
88	NGUYEN DUY HUNG	2	100
89	HOANG VAN HUAN	2	100
90	NGUYEN THI CHUNG	760	28,100
91	HOANG THAI GIANG	65,604	2,426,900

92	PHAM NGOC QUY	3	100
93	PHAM VAN TAM	65,641	2,428,300
94	NGUYEN TIEN DAT	61	2,300
95	NGUYEN QUY CUONG	2	100
96	PHAM THI HUYEN TRANG	5	200
97	VO NGO NGUYEN VU	2	100
98	LE THI PHUONG THUY	1	
99	NGO THE TAI	2	100
100	NGUYEN THANH TRUNG	16	600
101	NGUYEN DUC TOAN	18	700
102	PHAM NGUYEN XUAN SANG	6	200
103	DO THI THU TRANG	4	100
104	NGUYEN THE ANH	8	300
105	NGUYEN THI TRA MY	6	200
106	KIEU MINH THU	3	100
107	NGUYEN THANH PHONG	5	200
108	HOANG NGAN GIANG	2	100
109	CAI HOANG MINH	3	100
110	NGUYEN THI MINH UYEN	4	100
111	LA BINH LUONG NGUYEN	4	100
112	NHAN NGOC QUYEN	4	100
113	BUI VINH NGUYEN HA	14	500
114	HA VAN HUNG	24	900
115	NGUYEN THANH TUYEN	32	1,200
116	LAM QUOC TUONG	2	100
117	PHAN THE MINH	8	300
118	NGUYEN HONG THUY	8	300
119	HUYNH THI THUY VAN	12	400
120	NONG TUNG LAM	16	600
121	LE VAN KHOA	15	600
122	LE THI HAI YEN	6	200
123	TRUONG VAN TIEN	22	800
124	BUI TRONG SON	28	1,000
125	NGUYEN DUC HOA	1,487	55,000
126	NGO VAN HUNG	19	700
127	TANG HOANG KHIEM	5	200
128	NGUYEN THI THANH THUY	5	200
129	TRAN THI PHUONG UYEN	18	700
130	PHUNG NGOC ANH	4	100
131	NGUYEN THI XUAN	6	200
132	PHAN TIEN HUNG	2	100

133	NGUYEN VIET HIEU	3	100
134	DOAN XUAN THUY	4	100
135	NGUYEN DUC VIET	1	
136	NGUYEN QUOC VIET	11	400
137	NONG VAN HIEP	2	100
138	LE DUC PHAT	2	100
139	VU DUC ANH	5	200
140	TRAN THI LONG	15	600
141	DAM THI HUONG	56	2,100
142	TRAN THI THUY TRANG	6	200
143	PHAM DAI MINH	11	400
144	NGUYEN QUOC MAN	2	100
145	NGUYEN GIA HUY	15	600
146	NGUYEN NGOC DIEM	4	100
147	NGUYEN THI THAO	13	500
148	HO ANH NGUYET	2	100
149	NGUYEN TRAN THIEN	1	
150	NGUYEN DINH KHANG	11	400
151	PHAN THANH TOAN	4	100
152	TRAN THI THUY HIEN	6	200
153	NGUYEN THI NGOC ANH	1	
154	DAO NGUYEN KIM QUYEN	18	700
155	NGUYEN THI VIET HA	8	300
156	NONG THI MAI	8	300
157	NGUYEN VAN THAO	28	1,000
158	BUI THI THU HANG	77	2,800
159	NGUYEN THI THANG	8	300
160	NGUYEN THI THAO NGAN	2	100
161	LE SONG THAO NGUYEN	1	
162	DAM VAN QUANG	12	400
163	HUYNH NGOC ANH	1	
164	NGUYEN NGOC DUY	13	500
165	NGUYEN TIEN MANH	10	400
166	NGUYEN HUY CUONG	20	700
167	PHAM BINH KHANH	36	1,300
168	LE VAN THANG	19	700
169	CAO THANH GIANG	66,900	2,474,900
170	KIEU QUANG ANH	12	400
171	NGUYEN THI HUONG	2	100
172	TO DUY HUNG	7	300
173	NGUYEN DANG KHOA	6	200

174	DINH VAN TUAN ANH	31	1,100
175	NGO THI HUYEN TRANG	15	600
176	BUI QUY LUONG	4	100
177	TRAN VAN THANH	14	500
178	VO NGOC THAO	87	3,200
179	DO TIEN DUNG	5	200
180	LE THANH SANG	33	1,200
181	NGUYEN THI HUE	1	
182	HOANG MUI MUI	12	400
183	NGUYEN DUC TOAN	57,680	2,133,800
184	TRAN VO QUANG HIEN	12	400
185	NGUYEN MINH SANG	53	2,000
186	HOANG VAN TRI	29	1,100
187	HONG QUANG LONG	7	300
188	HA THI BAO GIANG	3	100
189	LO VAN DUONG	18	700
190	PHAM TUAN ANH	7	300
191	TRAN QUOC TUAN	35	1,300
192	NGUYEN PHI THONG	1	
193	NGUYEN VAN HIEU	10	400
194	HOANG THI PHUONG	118	4,400
195	NGUYEN QUANG LINH	115	4,300
196	LUONG VAN DINH	5	200
197	QUACH CONG SON	1	
198	NGUYEN DINH LONG	5	200
199	LONG DUY KHAI	9	300
200	HO VAN THUONG	4	100
201	PHAM THI CAM LY	6	200
202	NGUYEN THI DUNG	1	
203	VU THI HIEN	190	7,000
204	NGUYEN DUC ANH	31	1,100
205	DOAN MINH CONG	10	400
206	NGUYEN THE TUAN	4	100
207	NGUYEN THUY LINH	4	100
208	TRUONG QUOC THANG	1	
209	TRAN THI HUONG	2	100
210	HUYNH KIM DIEU	2	100
211	NGO VAN KIEN	22	800
212	LE NGOC HAI	2	100
213	TRUONG MINH CHANH	8	300
214	HOANG THI THI	85	3,100

215	NGUYEN VAN DIEN	5	200
216	LUU BA HIEP	38	1,400
217	TRINH TRUNG KIEN	18	700
218	LAM TAN NHU	1	
219	THAM HA MINH DUNG	10	400
220	NGUYEN DUC THINH	58	2,100
221	VU QUOC VUONG	2	100
222	HOANG NGOC CU	3	100
223	BUI HUY DAT	4	100
224	VI THI PANG	2	100
225	NGUYEN HOAI THI	1	
226	NGUYEN VAN PHUONG	36	1,300
227	NGUYEN LAN PHUONG	1	
228	DO TRONG PHAT	5	200
229	LE THI NHU QUYNH	10	400
230	NGUYEN THI KIM HANH	1	
231	VIEN DINH NAM	18	700
232	HA VAN PHUONG	6	200
233	DANG PHI THOON	2	100
234	TRINH THIEN LAM	5	200
235	CAM THI VAN ANH	25	900
236	LAI MINH DUC	5	200
237	NGO TUAN HUNG	10	400
238	BUI NGUYEN HUY CUONG	1	
239	NGUYEN VAN BANG	15	600
240	NGUYEN PHUOC HUY	6	200
241	NGUYEN DUY HIEU	4	100
242	CU A VANG	1	
243	PHAN THI LAN	1,195	44,200
244	NGUYEN NGOC NAM	19	700
245	LE DUC DAT	21	800
246	HOANG THANH TRUNG	465	17,200
247	TONG VAN PHONG	4	100
248	TRAN MINH HIEU	11	400
249	TRAN THI HAI HOA	2	100
250	LE DUY PHUOC	1	
251	TRAN VAN DONG	25	900
252	NGUYEN THI THU TRANG	15	600
253	NGUYEN TIEN LOC	14	500
254	VANG VAN CUONG	7	300
255	NGUYEN THI KHUYEN	2	100

256	DINH THE HUNG	1	
257	HOANG VAN TUYEN	3	100
258	BUI THI HANH	272	10,100
259	NGUYEN THANH LAP	2	100
260	NGUYEN VAN TIEN	3	100
261	LE HUYEN TRAN	75	2,800
262	CAO THUY LINH	6	200
263	LO VAN THUONG	16	600
264	DINH XUAN SON	6	200
265	TRAN DINH LONG	36	1,300
266	DIEM DANG KHANH	10	400
267	LE TRUONG AN	10	400
268	HO VAN PHUC	8	300
269	PHAM VAN DUY ANH	1	
270	DOAN TRUNG HIEU	2	100
271	NGUYEN NGAN HA	5	200
272	TRAN LE PHUONG NGAN	7	300
273	NGUYEN TRUNG KIEN	3	100
274	NGUYEN VAN THANG	16	600
275	LE QUOC MANH	1	
276	DINH VAN LINH	1	
277	LE TUAN MANH	8	300
278	TA DAT TRUNG	1	
279	VU GIA LINH	6	200
280	TRAN VAN TAI	8	300
281	NGUYEN THU HUONG	2	100
282	NAY THUN	1	
283	NGUYEN QUOC BAO	17	600
284	NGUYEN GIA BAO	1	
285	DANG HAI ANH	6	200
286	DUONG DIEM MY	12	400
287	HOANG TUAN ANH	5	200
288	NGUYEN THANH TUAN	5	200
289	LE TIEN DAT	2	100
290	NGUYEN HUY BAY	2	100
291	DUONG QUYNH HOA	1	
292	PHAM TRUNG HIEU	2	100
293	PHAM THI THUY	6	200
294	NGUYEN THI DIU	14	500
295	TRAN THI SINH	6	200
296	DINH MANH TUAN	5	200

297	NGUYEN PHU TRUONG	62	2,300
298	MAI LINH CUONG	17	600
299	VI THANH CHAM	1	
300	NGUYEN THI CHIEU	3	100
301	VU VAN TIEN	5	200
302	VU HA CHANG	3	100
303	LO NHAT VU	38	1,400
304	VO TRUONG TIN	38	1,400
305	VU MANH TUNG	12	400
306	DO THI HUONG	2	100
307	LUU TIEN DAT	9	300
308	HOANG MINH HUY	2	100
309	NGUYEN VAN HIEP	7	300
310	MAI NGUYEN QUOC HUY	21	800
311	NGUYEN NGOC MINH	8	300
312	PHUNG DUY LINH	9	300
313	NGUYEN DINH PHUC	27	1,000
314	NGUYEN TRUONG KHANG	9	300
315	DANG QUY NGOC	5	200
316	CHAU THI THUY TRANG	2	100
317	LUONG VAN SONG	14	500
318	NGUYEN THI THUY	8	300
319	BUI TRAN BAO NGOC	1	
320	BUI DAC THUAN	48	1,800
321	NGUYEN QUOC DUY	25	900
322	TRAN THE KHANG	2	100
323	THAN THI LOC	33	1,200
324	VU XUAN HOANG ANH	7	300
325	VO VAN THANH	10	400
326	NGUYEN THANH CONG	2	100
327	LU MANH SON	8	300
328	NONG QUOC PHONG	7	300
329	SUNG THIEN NGOC	6	200
330	DUONG HOANG DAI	8	300
331	NGUYEN VAN NAM	4	100
332	PHAN THI NHU Y	2	100
333	LAM TRUONG HUAN	1	
334	LE VAN HUNG	4	100
335	NGUYEN THI HOANG NGA	4	100
336	PHAN VAN TRANG	9	300
337	NGUYEN MINH THUAN	3	100

338	PHAN THI PHAN	11	400
339	VU TRUNG HIEU	2	100
340	NGUYEN HUU THIEN	3	100
341	NGO THANH NAM	77	2,800
342	DUONG TUAN HOANG	3	100
343	NGUYEN MINH DAT	10	400
344	LUONG QUOC MINH	7	300
345	TRAN VAN GIOI	2	100
346	HUYNH MINH THAI SON	15	600
347	NGO DUY QUANG	2	100
348	LUONG THI THUY QUYNH	3	100
349	TA THI THUONG	17	600
350	NGUYEN THI QUYNH TRANG	3	100
351	LE THANH HAI	1	
352	PHAM TAN TRUNG	3	100
353	TRAN VAN LUU	45	1,700
354	TRAN TUYET NHUNG	3	100
355	DINH THI LOAN PHUONG	1	
356	NGO GIA HUNG	1	
357	HO THIEN BAO	20	700
358	VU THI NGOC LAN	628	23,200
359	VAN THI BICH NGOC	7	300
360	NGUYEN HUY DUC	10	400
361	VU MAI LAM	4	100
362	PHAN VAN QUY	38	1,400
363	NGUYEN THANH GIANG	25	900
364	VU PHUONG HOANG DUNG	1	
365	BUI QUOC HUNG	9	300
366	DANG QUOC VIET	10	400
367	LUONG MANH PHUONG	50	1,800
368	NGUYEN QUOC HUU	2	100
369	HA THI HOANG QUYEN	1	
370	NGUYEN VAN HUY	7	300
371	DAO PHUC DUNG	36	1,300
372	VU MANH CUONG	40	1,500
373	NGUYEN DUY KHANG	7	300
374	VO LE PHUONG LINH	15	600
375	NGUYEN VAN NINH	5	200
376	PHAM HUU VINH	25	900
377	NGUYEN HA	19	700
378	VAN THI THU LY	11	400

379	NGUYEN DAI DUNG	25	900
380	HUYNH NGOC BAC	7	300
381	CAP HAO NHIE	2	100
382	TRAN THANH DUOC	2	100
383	NGUYEN CONG ANH THACH	32	1,200
384	LE THI KHUYEN	16	600
385	NGO MINH CHIEN	2	100
386	PHAM VAN BAO VUONG	14	500
387	DAO THI THUY VY	1	
388	TRAN NHAT PHONG	10	400
389	NGUYEN THANH NAM	15	600
390	NGUYEN THI TRUC LY	582	21,500
391	MAI QUY CHINH	2	100
392	DANG THANH SANG	5	200
393	DO TUAN HUNG	7	300
394	PHAN ONG NHI	1	
395	BON NGOC QUY	1	
396	HONG NGOC KIM	1	
397	THAN THI THU HA	2	100
398	PHAM ANH DUC	1	
399	DOAN THI YEN VI	1	
400	TU THI KIM PHUONG	1	
401	PHAM KHANH VAN	11	400
402	TRAN ANH TUAN	4	100
403	NGUYEN CAO PHONG	8	300
404	LE HUY THAO	5	200
405	NGUYEN DUC HANH	21,559	797,500
406	LE MINH PHUONG	10	400
407	NGUYEN VAN KHANH	7	300
408	PHAM HUY HIEP	24	900
409	NGUYEN VAN LUYEN	1	
410	DANH ANH KIET	2	100
411	NGUYEN THI TUONG VI	7	300
412	TRAN VAN TUONG	3	100
413	MANG THO	9	300
414	NGUYEN THI KIM HOA	21	800
415	TONG THE THI	24	900
416	NGUYEN THANH HOA	13	500
417	TRAN QUOC LINH	1	
418	NGO GIA VU	2	100
419	VO HOANG QUAN	93	3,400

420	HOANG VAN HOA	5	200
421	DO HOANG LINH	5	200
422	LE HUY HOANG	2	100
423	LE THI HONG HOA	6	200
424	TRINH XUAN TRUONG	6	200
425	BUI NGOC THANH	3	100
426	HO BAO NGOC	7	300
427	TRINH DINH THANH	13	500
428	CHAU DANG KHOI	7	300
429	VO CHAU PHI YEN	7	300
430	BUI VAN HA	2	100
431	NGUYEN THI TAM	19	700
432	BUI NGOC LINH	19	700
433	HOANG THE SON	11	400
434	PHAM VAN GIANG	10	400
435	PHUNG NGOC THANG	7	300
436	NGUYEN VINH CUONG	23	900
437	NGUYEN VAN LOC	3	100
438	TRAN PHUONG ANH	3	100
439	DANG BA THONG	10	400
440	TRAN THI LAM	5	200
441	LE CONG QUAN	3	100
442	PHAM QUOC VINH	3	100
443	VU TRA DINH	2	100
444	DOAN TIEN MANH	1	
445	LE THANH DAC	17	600
446	TRAN ANH DUNG	1	
447	NGUYEN VAN SON	15	600
448	DAO THANH TUNG	62	2,300
449	DANG HOAI NAM	11	400
450	HUYNH NGUYEN TUAN MINH	1	
451	DANG VAN VINH	2	100
452	NGUYEN VAN HAI	3	100
453	LE HUY HOANG	7	300
454	NGUYEN LUU LY	3	100
455	NGUYEN VAN LUYEN	1	
456	NGUYEN CONG KHANG	1	
457	DINH THI HUONG	5	200
458	DO HOANG LONG	6	200
459	PHAN THI NHI	12	400
460	TRAN CHI NHO	21	800

461	HUYNH THI QUY	9	300
462	NGUYEN ANH VAN	4	100
463	TRAN VAN SANG	3	100
464	DOAN CONG DUONG	3	100
465	PHAM XUAN TRUNG	10	400
466	TRIEU KIM CUC	1	
467	PHAN THI TIEN	10	400
468	NGUYEN THI THUY TRANG	20	700
469	NGUYEN HOAI THANH	2	100
470	LE ANH TUAN	9	300
471	LE MINH PHONG	18	700
472	HO SI TIEN	2	100
473	LY KIEM VANG	4	100
474	NGUYEN MINH THANH	4	100
475	TRAN DINH HUU CANH	5	200
476	LO VAN MAN	4	100
477	DUONG MINH THANH	14	500
478	NGUYEN LY DIEU	2	100
479	NGUYEN THI THUY LAI	4	100
480	TRAN THE HIEN	1	
481	HO VAN HOANG	53	2,000
482	LY THI HOAI TRANG	2	100
483	DUONG TRONG QUYET	21	800
484	PHAM MINH VUON	2	100
485	NGUYEN THI HONG NHUNG	15	600
486	TRAN HAI NGUYEN	3	100
487	NGUYEN THI NHU THAO	7	300
488	PHAN THI THU DUONG	2	100
489	Y YEH NIE	6	200
490	BUI THUY LINH	7	300
491	VU THI MY HUYEN	3	100
492	NGUYEN KIM HUY	6	200
493	THAN TRONG NGHIA	3	100
494	LE VAN DUONG	1	
495	NGUY TIEN VU	1	
496	PHAM TRAN CHAN	20	700
497	LO THI THANH	2	100
498	LE NGOC TU	1	
499	LUU VAN CUONG	2	100
500	DANG MINH TIEN	13	500
501	DINH VAN QUAN	1	

502	HOANG VAN LINH	9	300
503	BUI QUANG CHIEN	3	100
504	PHAM THI THANH BINH	5	200
505	NGUYEN VAN PHONG	8	300
506	NGO GIA BAO	5	200
507	NGUYEN THI MY HANG	2	100
508	DINH XUAN DANG	13	500
509	TU NGUYEN MINH TIEN	2	100
510	NGUYEN DUY THANH	1	
511	THEN VAN TAI	2	100
512	BUI NGOC THAI	1	
513	NGUYEN THANH TUNG	4	100
514	NGUYEN VAN SON	3	100
515	NGUYEN THI LIEN	2	100
516	HA ANH VU	4	100
517	NGUYEN THI BICH CHI	25	900
518	TRAN ANH HAO	2	100
519	LUONG THI THOAN	4	100
520	DO DUY HUNG	1	
521	TRAN LAN ANH	2	100
522	NGUYEN THAI AN	2	100
523	NGUYEN VAN BAU	2	100
524	LE TOAN KHANH	13	500
525	TRAN BINH TRONG	5	200
526	PHAM VINH DU	10	400
527	NGUYEN ANH PHUC	19	700
528	MAI NGOC LINH	12	400
529	TRAN VAN NAM	7	300
530	PHAN QUOC TIEN	9	300
531	NGUYEN MINH PHONG	12	400
532	DAO MINH HOANG	2	100
533	PHAN HUY THAN	4	100
534	VU THI KIM THANH	8	300
535	NGUYEN MINH DUONG	22	800
536	NGO MINH NHAT	1	
537	CHU QUANG TRUONG	7	300
538	NGUYEN VIET DIEP	2	100
539	NGUYEN PHAM MINH QUAN	5	200
540	HOANG THI LY	1	
541	BUI THI THU	3	100
542	HA QUANG LOI	15	600

543	NGO THI VAN	3	100
544	DINH XUAN HIEU	1	
545	NGUYEN VAN HUNG	19	700
546	LUU QUOC HUY	23	900
547	LAM THI TRUC QUYEN	30	1,100
548	NGUYEN VAN KHAI	3	100
549	PHAM QUANG DONG	10	400
550	NGUYEN DANG KHOI	1	
551	CU QUANG HUY	1	
552	TRAN THI HUONG	2	100
553	HOANG NGOC TUAN ANH	1	
554	LY QUOC NHINH	1	
555	LE DANG KHOA	73	2,700
556	NGUYEN NAM DINH	17	600
557	HOANG MINH HIEP	4	100
558	SUNG A KANH	10	400
559	DINH THE ANH	6	200
560	DUONG VAN CHIEN	6	200
561	TRIEU THANH CHAU	13	500
562	PHAM THI TUYET NHI	21	800
563	TRAN VAN QUYEN	3	100
564	TIEU THI YEN	4	100
565	NGUYEN NHAT THIEN BAO	2	100
566	NGUYEN THIEN MY	1	
567	NGUYEN THI HUYEN ANH	19	700
568	TRAN THI HONG	3	100
569	TRAN VAN SON	3	100
570	PHAM VAN DIEP	4	100
571	PHAM VAN NGOAN	4	100
572	NGUYEN VAN AN	13	500
573	DAU NGOC DUY	3	100
574	DINH THI HANG	12	400
575	TRUONG KHANH DAT	6	200
576	LE KHANH VINH	11	400
577	HOANG HONG QUAN	6	200
578	LAI NGUYEN DUNG	7	300
579	TRAN THI LINH	7	300
580	PHAN NGOC THY	10	400
581	TRAN QUANG HAI	12	400
582	HUYNH HUU NGHI	2	100
583	PHAM MINH TUAN	1	

584	TONG VAN TOAN	2	100
585	DO TAT DAT	7	300
586	NGUYEN QUOC TRI	35	1,300
587	DO HUU DANH	3	100
588	NGUYEN DUC ANH	1	
589	DO TRAN GIA BAO	7	300
590	TRAN THI KIM DINH	4	100
591	NGO VAN CUONG	1	
592	VU THUY LINH	5	200
593	NGUYEN MINH CHAU	3	100
594	CHAU THI XUAN MAI	9	300
595	DO HONG TAM	42	1,600
596	NGO TUAN TU	5	200
597	NGUYEN VAN HUY	4	100
598	NGUYEN NGOC LAN THANH	1	
599	NGUYEN THANH KHIEM	4	100
600	NGUYEN HUU PHI	3	100
601	MUI DUC HUNG	18	700
602	DANG VIET CHINH	7	300
603	LUONG VAN QUANG	3	100
604	PHAN NGUYEN NHU QUYNH	6	200
605	TRAN NGUYEN AN KHANG	39	1,400
606	BUI QUANG THAI	14	500
607	PHAM NHU QUYNH	5	200
608	NGUYEN THI MEN	1	
609	PHAN VAN THUONG	2	100
610	HO THI KIM THU	1	
611	LO VAN QUY	11	400
612	TA HOANG DEC	3	100
613	TRAN VAN ANH DUY	27	1,000
614	NGUYEN THI HOANG NGAN	14	500
615	VUONG DINH LAP	2	100
616	TRAN VINH TRANH	6	200
617	TRAN QUANG VINH	1	
618	NGUYEN TUAN TU	39	1,400
619	NGUYEN XUAN THUY	12	400
620	PHAN ANH THANG	6	200
621	TRAN VAN CUONG	16	600
622	NGUYEN XUAN TRUONG	31	1,100
623	NGUYEN HONG SANG	10	400
624	NGUYEN THI THU	4	100

625	NGUYEN THANH BINH	1	
626	HOANG MINH DUNG	9	300
627	TRAN XUAN BINH	4	100
628	LUU NHAT TRUONG	2	100
629	NGUYEN DINH NAM	29	1,100
630	PHAN VAN HOAN	27	1,000
631	TRINH LE THUY VI	1	
632	LE VAN TRUONG	5	200
633	MAI LE THO	6	200
634	NGO THI ANH	79	2,900
635	TRAN VAN HUNG	4	100
636	TRUONG THANH HUY	5	200
637	NGUYEN VAN TRI	3	100
638	NGUYEN VAN BA	4	100
639	BUI TAN THANH	9	300
640	LE QUOC HIEU	13	500
641	TRAN QUOC NHAT	3	100
642	LE MINH TAN	124	4,600
643	VU VAN TUAN	5	200
644	SAM NGOC BAO	2	100
645	DOAN THI THU NGAN	3	100
646	LE THI BANH	1	
647	GIANG TRAN HAI VAN	1	
648	BUI MINH QUANG	9	300
649	DAO PHUC VINH	3	100
650	NGUYEN HA LINH	3	100
651	NGUYEN TRUNG HIEU	24	900
652	PHAN SON PHONG	40	1,500
653	PHAM TUNG LAM	1	
654	DINH VAN VUNG	8	300
655	PHAN VAN VI	40	1,500
656	NGUYEN TRUNG KIEN	9	300
657	DOAN VAN PHONG	6	200
658	NGUYEN VAN DUNG	24	900
659	PHAM VAN DUJY	1	
660	DO HA PHUONG	1	
661	LE THI HONG NHUNG	6	200
662	VO THI MY NGOC	14	500
663	NGUYEN XUAN TRUNG	26	1,000
664	NGUYEN XUAN THIET	23	900
665	TRAN TUAN ANH	5	200

666	PHUNG DUY NHAT	21	800
667	TRAN BACH KIM THANH DANH	12	400
668	LE KIEU MY TIEN	1	
669	HOANG VAN KHE	5	200
670	LAM HOANG TRONG	3	100
671	DINH THI THU NGOC	8	300
672	HO VAN DINH	2	100
673	DINH DUC TAI	37	1,400
674	KHONG TRONG TU	3	100
675	DAU THI NGA	9	300
676	VO QUOC THONG	3	100
677	NGO THI CAO BINH	6	200
678	NGUYEN THI THU	14	500
679	NGUYEN QUANG HUY	1	
680	NGUYEN ANH LUAN	13	500
681	XA VAN AN	11	400
682	NGUYEN NGOC TUYEN	4	100
683	NGUYEN MINH HIEU	9	300
684	NGUYEN HUU THANG	2	100
685	PHAN TUAN ANH	1	
686	LE NGOC THANH THANH	1	
687	SA RI NAH	6	200
688	TRAN DINH HOAN	3	100
689	DO THANH QUANG	10	400
690	NGUYEN THANH LUAN	34	1,300
691	SON VAN AN	54	2,000
692	DINH QUANG THANG	4	100
693	LUU THI LOI	3	100
694	DUONG THI VI	14	500
695	LUONG THI THUY HANG	17	600
696	HO XUAN LOC	36	1,300
697	DO MINH DUC	1	
698	LE VAN TUAN ANH	1	
699	NGUYEN QUYNH NHU	1	
700	PHUNG QUOC CUONG	3	100
701	NGO THI LE TRINH	20	700
702	TRAN NAM THANG	6	200
703	PHAN THI THU LINH	1	
704	HA TRUNG DUC	2	100
705	LUONG THI NGUYET NGA	1	
706	HOANG DUC KIEN	5	200

707	A HUNG SON	7	300
708	NGUYEN VAN CHUNG	29	1,100
709	DINH VAN TUAN	3	100
710	PHI BAO NGOC	3	100
711	HUYNH NHU Y	2	100
712	DO TRUNG DUC	3	100
713	HUYNH THI NGOC OANH	10	400
714	NGUYEN THI THAO NGUYEN	5	200
715	NGUYEN TRAN LUONG	1	
716	NGUYEN THI HA TRANG	6	200
717	HA NGUYEN TUAN TRUONG	1	
718	DUONG VAN THANH	9	300
719	DO VAN TOAN	6	200
720	DIEP THANH DAN	19	700
721	VANG SEO THANG	20	700
722	NGUYEN THI CHINH	2	100
723	TRAN NGOC PHUONG	14	500
724	DOAN NGOC BICH TRAM	17	600
725	NGUYEN QUY HOANG	2	100
726	DONG KHAC PHU	1	
727	NGUYEN MINH DUC	12	400
728	NGUYEN GIANG SON	3	100
729	DINH DUC THUAN	2	100
730	NGUYEN PHUONG LAN	6	200
731	NGUYEN TUAN ANH	21	800
732	LE VAN CUONG	2	100
733	THACH THI LE XUYEN	1	
734	LO MINH DUC	4	100
735	VI QUOC VUONG	4	100
736	THAN VAN YEN	4	100
737	HA HUY CUONG	3	100
738	VO HUU QUY	1	
739	NGO THI MY LINH	8	300
740	NGUYEN QUYNH THY	1	
741	HUYNH LAP DUY	10	400
742	PHAM NHU QUYNH	2	100
743	LE THI THANH THUY	1	
744	TRINH QUANG ANH	70	2,600
745	DANG HAI NINH	15	600
746	PHAM LE NHAT ANH	9	300
747	DUONG THANH SON	16	600

748	VO THI NGOC HAN	11	400
749	LE VAN LAM	1	
750	NGUYEN THANH DO	12	400
751	NGUYEN THANH CHUNG	4	100
752	HUA QUOC QUYEN	1	
753	TRAN THI MY TRINH	10	400
754	DUONG HONG BAO	25	900
755	LE DANG SY	11	400
756	NGOC VAN VIET	2	100
757	PHAM THI NGOC AN	1	
758	DEO MINH CHI	34	1,300
759	TRAN THANH LONG	9	300
760	TRINH QUANG BINH	6	200
761	CHAO DUY MANH	1	
762	LE QUANG HUNG	30	1,100
763	CAO XUAN TRONG	1	
764	NGUYEN TAN LINH	4	100
765	NGUYEN DUY PHUONG	4	100
766	CAO THE NAM	2	100
767	DO DUC DUY	12	400
768	DO NGOC HOAN	14	500
769	LE THI THO	3	100
770	LE TIEN DAT	1	
771	PHAN VAN SON	9	300
772	VO QUOC VIET	4	100
773	TRAN ANH DOAN	2	100
774	DINH VAN TUAN	8	300
775	NGO NGUYEN TU LUC	1	
776	NGUYEN ANH TAI	1	
777	TRINH HOAI THUONG	1	
778	TRUONG THI TIEN	4	100
779	LY THANH TAN	4	100
780	DO LE BANG TUYET	9	300
781	NGUYEN QUANG DUNG	1	
782	NGUYEN PHUNG DINH HUY	3	100
783	PHAM THANH TRA	16	600
784	PHAM NGOC HIEU	2	100
785	HUYNH NGOC TRAM	19	700
786	VU HONG PHUC	3	100
787	VO THI MINH THU	1	
788	NGUYEN THI YEN	7	300

789	DO VIET TIEN	1	
790	NGUYEN DINH TIEN	12	400
791	DOAN VIET TAI	2	100
792	TRAN THANH DINH	81	3,000
793	DO HUYNH DUC	1	
794	TRAN THI KHANH LINH	34	1,300
795	HA THI HA MY	4	100
796	NGUYEN KINH HOANG	6	200
797	TRAN PHU VINH	6	200
798	LE TRUNG HIEU	6	200
799	PHAM NGOC TAN	8	300
800	TRAN XUAN HOANG GIA	2	100
801	NGUYEN KIM CHIEN	30	1,100
802	DO THI HOANG LY	6	200
803	NGUYEN VAN GIAP	3	100
804	TRAN VAN UOC	10	400
805	TRAN NGOC HOAI	4	100
806	NGUYEN HOANG VU	18	700
807	DAM QUANG HUY	2	100
808	NGUYEN HOANG DUC DUONG	4	100
809	HUYNH HUU DAI	1	
810	NGUYEN QUOC TUAN	14	500
811	HOANG PHUONG UYEN	20	700
812	PHAM NGOC THUAN	4	100
813	LA THANH HUYEN	2	100
814	VU KHOI NGUYEN	5	200
815	PHAM MINH CHUONG	15	600
816	HOANG THI THU HOAI	19	700
817	NGUYEN DUYEN KIEN	1	
818	TENH A SINH	10	400
819	NGUYEN THI BAO XUYEN	1	
820	HOANG THI VAN	5	200
821	PHAM CHAU NGHIA	17	600
822	TRUONG ANH HAO	8	300
823	NGUYEN THI MAI	9	300
824	NGUYEN VAN THANG	11	400
825	PHAN GIA KIET	13	500
826	HO PHAT DAT	28	1,000
827	DUONG THI NHAT THU	6	200
828	CAO TRUNG HIEU	6	200
829	HOANG HA VY	16	600

830	PHAM DANG DUC HUY	7	300
831	NGUYEN TRANG NGOC ANH	4	100
832	LA NGOC BICH TUYEN	5	200
833	DUONG KHANH THIEM	1	
834	LE THI HONG VAN	2	100
835	TRAN TUYEN	14	500
836	NGUYEN HUY HOANG	22	800
837	VU HAN THU HANG	2	100
838	PHAM TRUNG DUC	1	
839	NGUYEN ANH TUAN	8	300
840	DINH VAN MINH	30	1,100
841	NGUYEN VAN DAI	7	300
842	HUYNH QUANG VINH	5	200
843	DOAN TRAN NGOC KHANH	5	200
844	HUYNH CHI DUNG	5	200
845	TRAN TRUNG THANH	30	1,100
846	DO TUNG DUONG	13	500
847	XA THAO UYEN	12	400
848	DOAN NGUYEN PHUONG ANH	2	100
849	TRAN THI MINH	36	1,300
850	HOANG QUOC DUNG	16	600
851	LO VAN HUY	34	1,300
852	NGUYEN XUAN HOA	1	
853	NGUYEN QUANG MINH	16	600
854	NGUYEN BINH AN	5	200
855	DINH HUU MANH	1	
856	NGUYEN DONG QUOC KHANH	13	500
857	LO THI TRUC LY	1	
858	PHUNG THANH VU	2	100
859	TRAN VAN BAO	5	200
860	VI THE VINH	3	100
861	NGUYEN HUU HUNG	10	400
862	NGUYEN VAN THANH	25	900
863	LE TRONG TRI	1	
864	TRAN QUOC KIET	8	300
865	DANG PHUONG NAM	71	2,600
866	NGUYEN THI HONG MAI	1	
867	BUI NGUYEN NHUNG	31	1,100
868	TRIEU TON LIEU	7	300
869	PHUNG NGUYEN NAM THAI	1	
870	PHAM THANH HUNG	5	200

871	HO THI HANG	29	1,100
872	BUI VAN NHIEU	88	3,300
873	NGUYEN VAN NGHIN	10	400
874	NGUYEN THI QUYNH LY	28	1,000
875	NGUYEN VU KHIEM	1	
876	HAN NGOC BAO TRAN	1	
877	TRAN PHUONG THAO	2	100
878	TRAN QUOC TUAN	7	300
879	NGUYEN THE ANH	9	300
880	THAI BINH DUONG	5	200
881	MAI VAN BAO AN	18	700
882	PHAM THANH PHONG	1	
883	NGUYEN THAI UYEN	2	100
884	NGUYEN THI HIEN	2	100
885	XA BAO AN	6	200
886	NGUYEN GIA BAO	5	200
887	MA VAN VAN	2	100
888	BUI QUOC HUNG	30	1,100
889	KIM THU TRANG	8	300
890	NGUYEN TUAN ANH	3	100
891	NGO PHUOC THINH	3	100
892	VI THI TAM	5	200
893	PHAM THI HANG	12	400
894	LE TAT KHAI KIEN	5	200
895	HUYNH THI THOAI MY	42	1,600
896	LE CHI LAM	4	100
897	NGUYEN THI MAI	14	500
898	DO HUYNH NHAT HOANG	5	200
899	NGUYEN THU HA	2	100
900	BUI THU TRANG	5	200
901	NGUYEN HAI TUAN	9	300
902	BUI THI THANH	4	100
903	CAO VAN KIEN	3	100
904	NGUYEN DUC NHAN	3	100
905	HUN VI PHU	18	700
906	LE VAN THANH	6	200
907	LE XUAN LAM	9	300
908	LY ANH BAO	1	
909	DINH NHAT DUY	79	2,900
910	THAO A TRUNG	9	300
911	TO HAI DUONG	2	100

912	DANG VAN LINH	27	1,000
913	LE HOANG PHUC	10	400
914	BUI VAN TIEN	1	
915	TRAN CONG PHUONG	5	200
916	NGUYEN MINH QUI	4	100
917	VU MINH HIEU	13	500
918	THE DUC MINH	9	300
919	NGO TUAN HAO	2	100
920	LE TRONG NHAN	2	100
921	TRAN DANG TRONG NGAN	5	200
922	PHAM THI THANH HUYEN	20	700
923	NGUYEN DUC LUAN	1	
924	BUI VAN GIANG	15	600
925	CHAU NGOC TUAN	10	400
926	HA VAN SOAN	6	200
927	VU QUANG TRUONG	2	100
928	NGUYEN VAN NGU	11	400
929	NGUYEN THI UT	8	300
930	NGUYEN NGOC HAO	1	
931	NGUYEN DO THANH THAO	5	200
932	NGUYEN THE THANG	2	100
933	PHAM THI NHUNG	1	
934	DO DANG KHOA	2	100
935	TRINH THI TOAN	3	100
936	PHAM THI MY HUE	4	100
937	DANG NGOC TUNG	66	2,400
938	BUI HUU NGHIA	1	
939	NGUYEN DUC UY	6	200
940	TRUONG THE TY	10	400
941	DAO MINH KHOI	63	2,300
942	NGUYEN VAN HAI	15	600
943	DANG XUONG NGHIEP	2	100
944	NGUYEN THANH BINH	7	300
945	NONG VAN CHIEU	11	400
946	NGUYEN CONG LONG	1	
947	NGUYEN HOAI NAM	4	100
948	BUI ANH THU	20	700
949	TRAN QUOC HAU	8	300
950	KIEU CAO QUYET	8	300
951	LE HOANG QUYNH CHAU	103	3,800
952	HOANG VAN BAO KHANH	25	900

953	QUANG KHANH DUY	1	
954	NGUYEN THI HUNG KIEU	1	
955	NGUYEN KHAC MINH	1	
956	VU DINH BAO KHANG	1	
957	NGUYEN VAN SUM	4	100
958	PHAN THI NGUYET MINH	2	100
959	VO NGUYEN TRUONG	1	
960	DINH NHO LIEM	11	400
961	HUYNH VAN DAT	2	100
962	TRAN QUANG HUY	5	200
963	NGUYEN VAN TRUONG	4	100
964	VU VAN QUANG	6	200
965	NGUYEN THI THU DUNG	10	400
966	NGUYEN THI MY HANH	72	2,700
967	MAC CHIEN CHINH	3	100
968	NGO THI HOAI THUONG	50	1,800
969	TRAN THU PHUONG	10	400
970	LE VO QUANG TRUONG AN	1	
971	LO VAN HOA	11	400
972	LE VAN MANH	6	200
973	VU VAN PHAN	2	100
974	DO THANH TUNG	2	100
975	DUONG THUY NGAN	2	100
976	LE THI HUYEN THANH	6	200
977	BUI MINH TUYET NHI	3	100
978	PHAM THI HOA	1	
979	BUI CHI THANH	12	400
980	HO NGOC TRA	7	300
981	HA QUOC BAO	15	600
982	PHAN TRAN HUY VU	57	2,100
983	NGUYEN THAI HOA	6	200
984	MUI VAN CUONG	4	100
985	BUI VAN CUONG	3	100
986	LUONG XUAN NAM	3	100
987	DO VAN KHANH	3	100
988	BUI HUU THUY	24	900
989	PHAM QUANG DUNG	5	200
990	NGUYEN ANH DUC	1	
991	HA MINH HOAN	9	300
992	NGUYEN THAI BAO	96	3,600
993	VU LE HUONG THAO	4	100

994	NGUYEN HOANG HUY	1	
995	NGUYEN VIET HUNG	3	100
996	NGUYEN THI HUONG	6	200
997	PHAM THI KIM NGAN	1	
998	NGO TRI HOANG	1	
999	PHAN NGUYEN NGOC HUY	5	200
1000	HOANG CHINH QUAN	12	400
1001	DO THI THAO	14	500
1002	VO MINH TUAN	4	100
1003	PHAN QUANG THANG	5	200
1004	PHAM THE LUC	2	100
1005	NGUYEN TRUNG HIEU	2	100
1006	NGUYEN TRI LINH	2	100
1007	BUI QUANG ANH	16	600
1008	NGUYEN THI THAO	7	300
1009	LUONG VAN THUC	35	1,300
1010	TRAN THI TAN	3	100
1011	DO TRUNG KIEN	14	500
1012	TRUONG THI NGOC CAM	6	200
1013	DUONG QUOC BAO	2	100
1014	LE THI HIEN	149	5,500
1015	LE THUY TRANG	12	400
1016	DUONG HONG THONG THAI	1	
1017	DANG VAN DUNG	7	300
1018	KWOK THOAI DONG	12	400
1019	BUI THI HIEN LUONG	1	
1020	NGUYEN KHOA DANG	1	
1021	NGUYEN VAN KIEN	1	
1022	NGUYEN ANH TUAN	2	100
1023	PHAM TRONG KET	9	300
1024	TRAN VIET BAO CHAU	2	100
1025	PHUNG HAO KIET	2	100
1026	TRAN THE QUAN	3	100
1027	TRAN VAN TUNG	4	100
1028	NGUYEN VAN TOAN	33	1,200
1029	KIM THANH TAM	2	100
1030	LE NGUYEN MINH DAT	3	100
1031	PHAN VAN DANG	28	1,000
1032	TRIEU KIM AN	44	1,600
1033	VANG DUC MANH	1	
1034	DO THI THUAN	10	400

1035	LAM THI THUY GIANG	1	
1036	HO TRUNG VU	9	300
1037	NGUYEN CHI CUONG	58	2,100
1038	LO VAN BA	5	200
1039	TRAN GIA HUNG	2	100
1040	HO THI BAO MAI	9	300
1041	TRAN MINH CUONG	5	200
1042	TRAN VAN TOAN	43	1,600
1043	PHAN THI HOANG NGUYEN	5	200
1044	PHAN VAN CHI TAM	6	200
1045	DANH NGUYEN THAO MI	9	300
1046	HUYNH MINH NGHIEP	1	
1047	TRAN HUU TIN	3	100
1048	TRAN DUY NGHIA	1	
1049	PHAM THI BICH NGOC	20	700
1050	TRAN DIEP XUAN	1	
1051	NGUYEN THI TUYET SUONG	1	
1052	PHAM TRONG NGHIA	1	
1053	TRAN DINH HAI	20	700
1054	TRAN NGOC MINH KHOA	1	
1055	LY BAO NGOC	3	100
1056	DONG XUAN THUONG	3	100
1057	TRAN PHUONG NAM	3	100
1058	VUONG MINH TRIET	1	
1059	DAO DUY GIA VINH	9	300
1060	DO THANH HOANG	2	100
1061	NGUYEN THANH TAM	5	200
1062	NGUYEN PHUOC NHA	12	400
1063	NGUYEN XUAN LINH	4	100
1064	Y THANH AYUN	11	400
1065	NGUYEN TIEN MANH	30	1,100
1066	NGUYEN THANH DANH	11	400
1067	NGUYEN TUAN AN	8	300
1068	PHAM VAN DAT	1	
1069	NGUYEN ANH KHOA	292	10,800
1070	NGUYEN KHAC QUYET	18	700
1071	TRAN KHANH DUY	33	1,200
1072	NGUYEN THI NGOC HA	7	300
1073	NGUYEN TRAN ANH TU	1	
1074	NGUYEN CONG PHUC	16	600
1075	NGO CAM SAN	7	300

1076	BUI THI TUYEN	5	200
1077	MAI TRUONG DAI PHAT	14	500
1078	LE ANH DUONG	2	100
1079	NGUYEN DINH LAM	2	100
1080	DAO HONG PHONG	1	
1081	TRINH DUC MINH	14	500
1082	NGUYEN KHA DUY	11	400
1083	NGUYEN PHI HUNG	33	1,200
1084	QUACH THI MAI	52	1,900
1085	DAO BICH PHUONG	4	100
1086	NGUYEN QUANG HUY	4	100
1087	HUYNH THANH PHUONG	12	400
1088	NGUYEN MINH TRI	6	200
1089	LE THIEN QUAN	15	600
1090	QUACH THANH HUNG	2	100
1091	TRIEU ANH TUAN	3	100
1092	NGUYEN TRONG HOANG NAM	8	300
1093	DINH VAN SANG	5	200
1094	LE XUAN CUONG	2	100
1095	VU TIEN KHANG	19	700
1096	DANG BINH DUONG	4	100
1097	LE HOAI HAN	2	100
1098	NGUYEN THUY LINH	1	
1099	UNG VAN HIEU	8	300
1100	TA VU GIA BAO	9	300
1101	PHAM HOANG THAI BAO	12	400
1102	LUONG VAN KHIEN	5	200
1103	DOAN VAN THUONG	19	700
1104	NGUYEN VAN THO	1	
1105	NGO VAN HAO	14	500
1106	NONG DUY NAM	3	100
1107	DO VAN DAT	35	1,300
1108	PHAM HOANG GIA MY	8	300
1109	NGUYEN THI CAM NHI	2	100
1110	NGUYEN GIA BAO	3	100
1111	VU THI THUY LINH	2	100
1112	NGUYEN DUC ANH	1	
1113	VU HAI NAM	9	300
1114	HUYNH VAN LAM	2	100
1115	DANG VAN TUYEN	31	1,100
1116	TRUONG VAN HUNG	29	1,100

1117	PHAM QUYNH HUONG	2	100
1118	CHAO CAO SAN	2	100
1119	HOANG HAI ANH	19	700
1120	NGUYEN MANH TIEN	48	1,800
1121	PHAM QUOC TRUNG	7	300
1122	LE DUY ANH	1	
1123	TRAN DUY QUAN	10	400
1124	NGUYEN MINH THANH	4	100
1125	DAO MINH HOANG	9	300
1126	NGUYEN THANH CONG	4	100
1127	PHAM THI THANH HOAI	1	
1128	HO HAI BANG	3	100
1129	NGUYEN DUY HIEU	1	
1130	PHAM MINH ANH	3	100
1131	HOANG THI DIEU LINH	17	600
1132	TRAN THI NGOC HAN	1	
1133	NGUYEN CHAU ANH	1	
1134	NGUYEN KY TY	1	
1135	NGUYEN VAN PHUC	55	2,000
1136	GIAP NGUYEN PHUC	5	200
1137	LE QUYNH TRANG	2	100
1138	TIEU NHAT DANG KHOI	5	200
1139	NGUYEN HOANG LINH	1	
1140	TA VAN TIEN	2	100
1141	PHAN NGUYEN BINH MINH	1	
1142	LE HAI LONG	2	100
1143	BUI MAI HUE	22	800
1144	DAO QUOC CUONG	2	100
1145	TRAN THI THUY HIEN	4	100
1146	TRAN HA QUANG	3	100
1147	TRAN THI HAI	59,752	2,210,400
1148	DOAN DANG PHONG	93	3,400
1149	TRAN NHON NGHIA	1	
1150	VU HONG THAI SON	5	200
1151	NGUYEN VAN DUNG	2	100
1152	PHAN THE MINH	4	100
1153	NGUYEN MANH CUONG	11	400
1154	TRAN DUC QUANG	2	100
1155	TRAN DUC GIA THAI	20	700
1156	NGUYEN MY LINH	10	400
1157	HOANG QUOC HUY	20	700

1158	PHAM HOAI AN	1	
1159	NGUYEN GIA KHANH	1	
1160	HO TUAN EM	4	100
1161	DO VAN TUNG	1	
1162	NGUYEN THI THUY TRANG	7	300
1163	NGO ANH TUAN	19	700
1164	HOANG ANH TUAN	5	200
1165	NGUYEN NGOC MINH HUY	1	
1166	LU VAN NIEN	2	100
1167	Y TU MLO	61	2,300
1168	NGUYEN HOANG DINH QUOC	2	100
1169	TRINH HUY DU	32	1,200
1170	LUU DUC QUANG	1	
1171	NGUYEN VAN NAM	2	100
1172	TRAN THI NHUNG	20	700
1173	PHAM THANH TAM	7	300
1174	HUYNH NHAT MINH	7	300
1175	TRAN QUYNH NHU	2	100
1176	TRINH THU PHUONG	5	200
1177	TRAN THI THAO TRANG	6	200
1178	NGO TUONG NHUT	8	300
1179	DUONG CONG HUONG	11	400
1180	LY THI TAM	7	300
1181	DOAN QUANG HUY	3	100
1182	TRAN THI NGUYET	18	700
1183	NGUYEN THI HOANG YEN	1	
1184	NGUYEN VAN TOI	10	400
1185	NGUYEN MINH DUC	1	
1186	NGUYEN AI MY	2	100
1187	NGUYEN DUC THANG	61	2,300
1188	TAN PHUNG THANG	16	600
1189	NGUYEN XUAN HOANG	6	200
1190	NGUYEN BA SON	27	1,000
1191	NGUYEN TRUNG HIEU	2	100
1192	TRAN THANH TAM	8	300
1193	PHAM HUYNH DANG QUAN	7,598	281,100
1194	TRAN VAN VINH DAT	10	400
1195	TRAN XUAN LONG	1	
1196	NGUYEN TRI HOANG	4	100
1197	TRAN THI CAM	4	100
1198	NGUYEN THANH NHAN	5	200

1199	TRAN THI THUY	1	
1200	HO THI YEN VY	6	200
1201	MAI THANH HAN	1	
1202	NGUYEN TIEN DONG	2	100
1203	NGUYEN DUC NAM	4	100
1204	HUYNH NGUYEN THAO NGUYEN	1	
1205	HOANG THI PHUONG DUNG	17	600
1206	TRAN THI BICH	1	
1207	NGUYEN VAN NHUAN	1	
1208	Y NANG NIE	9	300
1209	VI THI DUyen	53	2,000
1210	NGUYEN THI NGOC LINH	8	300
1211	LE ANH THU	1	
1212	NGUYEN THU HIEN	14	500
1213	TRAN THI THUY TRANG	14	500
1214	NGUYEN THI ANH THU	4,616	170,800
1215	NGUYEN THAC MINH TUAN	16	600
1216	BUI THI LE DUNG	4	100
1217	LAI BAO LINH	2	100
1218	NGUYEN PHI PHAM	67	2,500
1219	DINH XUAN DUC	6	200
1220	LE THI HONG NGOC	2	100
1221	LE VU TUAN DAT	15	600
1222	DANG TAN PHUC	27	1,000
1223	PHUNG VAN THONG	76	2,800
1224	NGUYEN DINH DUONG	1	
1225	LE VAN CHIEN	58	2,100
1226	NGUYEN THI KIM ANH	7	300
1227	HO HUU NHAN	33	1,200
1228	HOANG VAN HOP	3	100
1229	DINH THU HIEN	1	
1230	NGUYEN HUY HUNG	28	1,000
1231	TRINH THI TRA MY	11	400
1232	BUI DUC MANH	4	100
1233	LE Y LONG HIEU	2	100
1234	VU DUY HUNG	14	500
1235	NGUYEN DINH NAM NHAT	19	700
1236	DOAN THAI NGUYEN	1	
1237	TRAN CONG LUONG	15	600
1238	NGUYEN THI HANH	20	700
1239	VY TY TY	4	100

1240	GIANG CHI HIEU	34,909	1,291,400
1241	NGUYEN VAN TAN	13	500
1242	DO THI KIM TRINH	4	100
1243	PHAM TIEN DAC	1	
1244	LUONG MY NGOC	7	300
1245	LA THI DUNG	12	400
1246	HOANG VAN HUONG	15	600
1247	NGUYEN VUONG KHANH	3	100
1248	NGUYEN HONG PHUC	11	400
1249	VAN THI THUY VI	9	300
1250	LO THANH VINH	9	300
1251	LE NGOC HOA	1	
1252	NGUYEN THANH CHUNG	18	700
1253	NGUYEN THI THU	7	300
1254	LAM TIEN	11	400
1255	PHAM THI THUY TIEN	3	100
1256	LO SINH THAI	12	400
1257	NGUYEN MINH HIEU	2	100
1258	NGO QUOC TUAN	5	200
1259	BUI THAI PHI	9	300
1260	HA THI THIEN LY	5	200
1261	NGUYEN VAN THONG	9	300
1262	DUONG THI MY NGAN	2	100
1263	NGUYEN VAN LAM	49	1,800
1264	TRAN ANH CUONG	3	100
1265	HOANG THANH TUYEN	1	
1266	NGUYEN TUNG DUONG	40	1,500
1267	NGUYEN THI LINH CHAU	15	600
1268	NGUYEN VAN PHONG	36	1,300
1269	NGUYEN TIEN HOAT	11	400
1270	TRAN QUOC THANG	1	
1271	BUI DUY NAM	1	
1272	HOANG QUOC QUAN	10	400
1273	NGUYEN PHUONG NGA	5	200
1274	PHAM THI NGAN	12	400
1275	DOAN NGOC YEN NHI	5	200
1276	TRAN VIET LAM	5	200
1277	DOAN THUY DUONG	3	100
1278	NGUYEN ANH QUY	20	700
1279	PHAN QUANG KHAI	1	
1280	NGUYEN GIA BAO	1	

1281	PHAM TUAN ANH	2	100
1282	DANG NGOC PHUONG	6	200
1283	NGUYEN THI THANH LAM	13	500
1284	NGUYEN DUC HUY	2	100
1285	VU HOANG TRONG HIEU	21	800
1286	LUONG VAN VUI	42	1,600
1287	THACH NGOC PHAT	7	300
1288	TRUONG THUY HONG	7	300
1289	NGUYEN HUU QUANG	6	200
1290	HUYNH VIET MINH	4	100
1291	NGUYEN VAN TRONG	9	300
1292	TRUONG TUAN HUNG	2	100
1293	LU VAN HUNG	2	100
1294	ON DUY TAN	23	900
1295	TRAN THANH CONG	5	200
1296	PHAM QUOC MINH	9	300
1297	MAI THANH CUONG	1	
1298	TO THI PHUONG THAO	6	200
1299	NGUYEN THANH LIEM	44	1,600
1300	LUONG MINH HIEU	15	600
1301	LA MANH LONG	18	700
1302	LE DIEU LINH	12	400
1303	TRAN BAO NHU	7	300
1304	NGUYEN NHAT THUC UYEN	1	
1305	LAI MINH TAM	29	1,100
1306	PHAM NGUYEN DANH TAI	10	400
1307	LAM ANH QUAN	6	200
1308	DANG THI HANH	1	
1309	VI DINH SON	1	
1310	HOANG THAI SON	1	
1311	NGUYEN QUYNH GIANG	71	2,600
1312	TRAN NGUYEN GIA HUY	3	100
1313	TA THI THU TRANG	1	
1314	NGUYEN THI THU HUYEN	7	300
1315	TRAN VAN DAI	4	100
1316	TRAN TUAN ANH	5	200
1317	NGUYEN HA MAI BINH	3	100
1318	PHAN THI MY LINH	12	400
1319	NGUYEN TRUNG SON	19	700
1320	NGUYEN PHU CUONG	35	1,300
1321	RO CHUNG	3	100

1322	DANG QUOC CUONG	5	200
1323	NGUYEN DUY KHANH	2	100
1324	NGUYEN DUC CUONG	2	100
1325	TRAN THI THANH TRUC	4	100
1326	HOANG TRUONG THINH	1	
1327	NGUYEN THI THUY LOAN	3	100
1328	NGUYEN TRA GIANG	43	1,600
1329	NGUYEN THI HUONG	39,459	1,459,700
1330	NGUYEN DAC DUONG	8	300
1331	NGUYEN VAN TIEN	14	500
1332	NGUYEN MANH HUNG	6	200
1333	VO THANH LUAN	2	100
1334	NGUYEN DUC PHONG	3	100
1335	NGUYEN TRAN AN	1	
1336	NGUYEN THI HA PHUONG	18	700
1337	LE THI DIEM TRINH	3	100
1338	LA PHUC AN	2	100
1339	LE VAN TOAN	2	100
1340	NGUYEN THI TU	36	1,300
1341	PHUNG DANG KHOA	19	700
1342	PHAN THI ANH THU	1	
1343	LE MINH TRAM	2	100
1344	PHAM NHU TRUONG GIANG	1	
1345	LUU LINH GIANG	2	100
1346	NGUYEN VAN HAU	3	100
1347	HOANG TRONG TIN	13	500
1348	PHAM QUOC BAO	1	
1349	TRAN NGUYEN TRI HAI	3	100
1350	BUI THE HIEP	13	500
1351	NGUYEN THI THU	4	100
1352	BUI THI KIEU DUYEN	7	300
1353	ME VAN TRUONG	3	100
1354	NGUYEN VAN HAO	1	
1355	VO KHAC HOANG	3	100
1356	BUI TUAN KIET	3	100
1357	NGUYEN DUC BO	1	
1358	HOANG VAN HUNG	14	500
1359	NGUYEN THI LOI	9	300
1360	TO NGUYEN XUAN QUYNH	4	100
1361	BUI THI THANH TAM	2	100
1362	DO NGOC HAI	1	

1363	DINH VAN LINH	18	700
1364	NGUYEN HO HAI PHUOC	4	100
1365	NGUYEN THI SON	5	200
1366	PHAM ANH TUAN	8	300
1367	LIEN THUC THANH	3	100
1368	NGUYEN THI CHUNG	241	8,900
1369	KIEU TRUNG HIEU	7	300
1370	NGUYEN DUY ANH	8	300
1371	NGUYEN THI THANH HANG	1	
1372	LE PHUONG THAO NHI	7	300
1373	TRAN VAN KHOI	3	100
1374	PHAM MINH TUAN	12	400
1375	PHAM HUU DAT	1	
1376	LY KINH LOC	3	100
1377	PHAM XUAN HAI	1	
1378	PHAM HONG NGUYEN	24	900
1379	BUI MINH HUNG	40	1,500
1380	PHUNG HOA HIEP	7	300
1381	BHRIU THI DANG NHI	6	200
1382	BUI THI THUY	3	100
1383	DINH XUAN BINH	1	
1384	LE TRONG TUAN	1	
1385	NGUYEN THI HUONG	1	
1386	PHAM XUAN QUANG	26	1,000
1387	LU ANH NGUYEN	5	200
1388	LE NGOC LIEN	1	
1389	NGUYEN THI THANH NHAN	7	300
1390	NGUYEN VAN XUAN	1	
1391	VU KIEU XUAN ANH	4	100
1392	DAO VAN QUYET	1	
1393	TRAN HOANG NAM	22	800
1394	NGUYEN PHUC VINH	6	200
1395	PHAM VAN LOC	1	
1396	HO THI HIEN PHUONG	1	
1397	LY DINH BAO LUC	16	600
1398	NGUYEN HUNG	20	700
1399	NGUYEN VAN PHUOC	22	800
1400	TRAN HOANG NHU QUYNH	16	600
1401	NGUYEN THI MY DUYEN	13	500
1402	LUONG MINH HOANG	12	400
1403	LIENG THI NGOC THUY	1	

1404	TA THANH TUNG	1	
1405	NGO THI DAO	5	200
1406	NHAM BA QUY	35	1,300
1407	LU BAO TRAN	1	
1408	TRAN THAI DUY KHANG	1	
1409	BUI QUANG DUNG	3	100
1410	TRAN VAN TU	6	200
1411	PHAN SY NGUYEN	11	400
1412	LE QUOC ANH	1	
1413	TRAN QUOC DAT	11	400
1414	DO DUY TRUONG	5	200
1415	NGUYEN LE PHI HAI	1	
1416	CU DUC HIEU	5	200
1417	SAM XUONG VINH	2	100
1418	NGUYEN THI NI NA	1	
1419	LE NGO DUC MANH	3	100
1420	SON KIM CHI	1	
1421	NGUYEN MINH NGOC	23	900
1422	PHAM TA THU THAU	1	
1423	BUI THUY NGA	2	100
1424	LE THI THOANG	21	800
1425	LE QUANG HANH	2	100
1426	LAM TUNG VU	59	2,200
1427	DANG HOANG LONG	9	300
1428	NGUYEN VAN MINH	6	200
1429	BUI TRAN THINH VUONG	4	100
1430	NGUYEN VAN QUYET	5	200
1431	TRAN THAO TRANG	2	100
1432	TRAN XUAN HAI	2	100
1433	BUI NHAT HUY	1	
1434	GIAP QUANG LAM	2	100
1435	NGUYEN TIEN VINH	4	100
1436	NGUYEN LINH NHI	5	200
1437	LY THE HIEU	15	600
1438	TRAN THI HA VAN	9	300
1439	NGUYEN THI CAM PHUONG	7	300
1440	DANG CHAU MINH NHAT	1	
1441	NGO GIA BAO	1	
1442	TA THI NGA	4	100
1443	DUONG THI THU VAN	1	
1444	DANG THI MEN	5	200

1445	TRUONG NGOC HONG	4	100
1446	TRIEU VAN HUNG	20	700
1447	DO HAI ANH	2	100
1448	TRAN XUAN HOANG	5	200
1449	NGUYEN HOANG KHANG	1	
1450	DO TRUONG GIANG	6	200
1451	NGUYEN TIEN DAT	12	400
1452	NGUYEN THI LAN ANH	2	100
1453	NGUYEN THI TRANG	19	700
1454	NGUYEN VAN HUNG	18	700
1455	NGUYEN BAO NGOC	2	100
1456	LE NGUYEN THANH KHAI	7	300
1457	HOANG LAM HUNG	8	300
1458	NGUYEN THANH BAO	13	500
1459	PHAN NGOC ANH	1	
1460	TRAN GIA BAO	10	400
1461	DOAN VAN HIEU	5	200
1462	VO XUAN AN	5	200
1463	HOANG QUOC TOAN	11	400
1464	TRAN GIA BAO	5	200
1465	NGUYEN NGOC TU	11	400
1466	DUONG HUY HOANG	51	1,900
1467	HOANG ANH DUC	3	100
1468	BUI VAN HUNG	265	9,800
1469	PHAN VAN TRUNG	7	300
1470	DINH TRUNG HIEU	17	600
1471	NGUYEN HOANG DANG	2	100
1472	NGUYEN VAN BINH	3	100
1473	VY HAI NAM	3	100
1474	DUONG QUOC HUNG	5	200
1475	NGUYEN THI KIM CHI	2	100
1476	NGUYEN NGOC DUONG	1	
1477	VI NHAT TIEN	26	1,000
1478	NGO THI THOM	4	100
1479	NGUYEN HOANG KHOI	1	
1480	NGUYEN VAN NGOC	2	100
1481	NGUYEN MANH DUY	17	600
1482	TRINH DINH CONG	2	100
1483	VU DUY MINH	5	200
1484	TRAN THI HONG	1	
1485	TRAN MINH HOANG	2	100

1486	NGUYEN TUNG LAM	24	900
1487	NGUYEN LE MINH HIEU	6	200
1488	LE VAN TAM	4	100
1489	NGUYEN NGOC QUYEN	16	600
1490	NGUYEN MINH NHUT	4	100
1491	VO THANH NHAN	3	100
1492	NGUYEN LE DUNG	27	1,000
1493	NGUYEN THIEN XANH	10	400
1494	MAI VAN NHAT TAN	14	500
1495	DANG NGOC DAI	1	
1496	TRAN TIEN ANH	76	2,800
1497	VU VIET PHUOC	2	100
1498	PHAM HUYNH VIET QUAN	7,599	281,100
1499	HA TU SON	3	100
1500	DOAN TUAN MINH	33	1,200
1501	NGUYEN CONG MINH	2	100
1502	TRAN VIET QUAN	4	100
1503	TRAN DUC LUONG	1	
1504	NGUYEN BAO NGUYEN	1	
1505	NGUYEN BAO HAN	2	100
1506	TU MINH TUAN	7	300
1507	NGUYEN TIEN DUNG	3	100
1508	HUYNH PHUC DUC	2	100
1509	HA KINH LUONG	1	
1510	DAO THI HONG NGUYEN	11	400
1511	LY HONG NHUNG	11	400
1512	TRAN THAI SON	5	200
1513	LE KE TUYEN	13	500
1514	HOANG ANH SON	5	200
1515	DANG THI THU	3	100
1516	VO QUANG LONG	21	800
1517	TRAN MINH TIEN	1	
1518	HOANG NGUYEN ANH THU	3	100
1519	DINH THI NGOC LOAN	3	100
1520	NGUYEN VAN DUC	34	1,300
1521	LO HUY NHAT	1	
1522	LE VAN TOT	1	
1523	DANG CONG KHANH SAO	5	200
1524	NGUYEN HUY HOANG	1	
1525	TRAN HIEU NGHIA	9	300
1526	NGUYEN VAN DUNG	9	300

1527	PHAM DUC NGUYEN	31	1,100
1528	LE VAN THANH	4	100
1529	TRAN DINH NHAT HIEN	2	100
1530	PHAM HOANG VIET	15	600
1531	DAO DINH HUNG	27	1,000
1532	DAO TIEN DUNG	3	100
1533	BUI VAN THUAN	1	
1534	PHAM GIA HUNG	2	100
1535	DINH THI NHI	3	100
1536	VAN HUYNH NHU	6	200
1537	NGUYEN QUOC TU	3	100
1538	TRAN THI DIEU LANH	8	300
1539	PHAN MINH PHUOC	13	500
1540	HA CONG HAO	4	100
1541	BUI VAN TRANG	2	100
1542	TRAN HUU TRONG	6	200
1543	DUONG THU TRANG	14	500
1544	NGO XUAN DUONG	54	2,000
1545	LAM HOANG BANG	5	200
1546	VAN GIA HIEU	2	100
1547	NGUYEN VAN LAM	2	100
1548	NGUYEN TUAN LONG	1	
1549	HUYNH CONG BINH	5	200
1550	NGUYEN TUAN KHA	3	100
1551	NGO THAI SON	3	100
1552	NGUYEN LE HY	3	100
1553	NGUYEN THI HUONG LY	7	300
1554	TRAN TRONG NGHIA	2	100
1555	TRAN MINH QUAN	1	
1556	TRAN MINH TOAN	6	200
1557	HO VAN LUAN	5	200
1558	PHAN TIEN DUNG	17	600
1559	NGUYEN DUY MANH	2	100
1560	PHAM KY DUYEN	2	100
1561	PHAM HA ANH	44	1,600
1562	HOANG DUC LUONG	2	100
1563	MA TUAN VIET	13	500
1564	NGUYEN MANH CUONG	1	
1565	DINH CONG HUY	5	200
1566	VO THI THU HANG	92	3,400
1567	NGUYEN LAN ANH	107	4,000

1568	NGUYEN THI THUY HANG	42	1,600
1569	VO THI CHAU	6	200
1570	LE QUANG TUAN	3	100
1571	NGUYEN NGOC CHINH	5	200
1572	LY VAN THI	13	500
1573	LUONG VAN THOAI	4	100
1574	HUYNH THI HUYEN TRAN	6	200
1575	PHAM DANG KHOA	3	100
1576	NGUYEN QUANG VINH	1	
1577	NGUYEN VAN CUONG	63	2,300
1578	PHUNG VAN THO	15	600
1579	VO THI NGOC HUYEN	2	100
1580	NGUYEN VU UYEN MY	3	100
1581	TRUONG THANH DAT	6	200
1582	NGUYEN TUAN ANH	5	200
1583	LE MY LAN	1	
1584	NGUYEN DINH BAO	3	100
1585	THAN THI TRANG	3	100
1586	HO GIA PHAT	1	
1587	NGUYEN PHUONG THAO	2	100
1588	NGUYEN HOANG HUY	7	300
1589	LE VAN THUC	6	200
1590	BUI DUC MINH HAU	1	
1591	DANG NGOC PHU	1	
1592	TRAN VAN VU	10	400
1593	BUI TRUONG BAC	28	1,000
1594	NGUYEN KHANH DANG	23	900
1595	DAO LONG GIANG	5	200
1596	VU VIET NGUYEN	4	100
1597	LE CONG NGUYEN	1	
1598	PHAM QUANG CHIEN	1	
1599	NGUYEN THANH CHUNG	66	2,400
1600	NGO THI PHUONG NGOC	5	200
1601	NGUYEN KIM NHE	1	
1602	PHAN NGOC NHU THANH	4	100
1603	NGUYEN VAN TAI	1	
1604	TRINH TUAN ANH	4	100
1605	PHAM HOAI TAM	6	200
1606	PHAN THI KIM VY	5	200
1607	TRAN XUAN HAU	2	100
1608	BUI THI LUONG	2	100

1609	DANG THI THANH	4	100
1610	LUONG TRONG NGHIA	1	
1611	HA THI PHUONG TAI	8	300
1612	NGUYEN TRAN KHANH NHU	1	
1613	NGUYEN DUY	72	2,700
1614	TRINH THI PHUONG THAO	1	
1615	NGUYEN THI ANH TUYET	3	100
1616	NGUYEN MINH PHU	6	200
1617	NGUYEN BAO LONG	2	100
1618	NGUYEN THI MY DUYEN	10	400
1619	NGUYEN VAN HAU	1	
1620	PHAM LE KIM UYEN	1	
1621	MAI THI TRUC LY	2	100
1622	LE DUY HUNG	3	100
1623	NGUYEN VAN TIEN	4	100
1624	NGUYEN THU TRANG	1	
1625	PHAN THI HUYNH ANH	18	700
1626	TRAN ANH TUAN	1	
1627	TRUONG CONG HAU	1	
1628	PHAN THANH HAI	1	
1629	LE HOANG HAI DANG	11	400
1630	DO DUC QUAN	11	400
1631	NGUYEN THE HOANG	3	100
1632	TRIEU VAN THIEN	2	100
1633	NGUYEN MINH KHANG	1	
1634	TRAN LONG HO	5	200
1635	VU CONG THANH	1	
1636	PHAM VAN THANG	1	
1637	TRAN THI DIEM THUY	1	
1638	NGUYEN THI XUAN HUONG	1	
1639	NGUYEN KHAC VIET	7	300
1640	DOAN THI THUY HUYEN	3	100
1641	VO PHI HUNG	3	100
1642	DAM TIEN VU	8	300
1643	ALAWLAQI RAMEZ GAMAL ALI	8	300
1644	NGUYEN QUANG HUY	3	100
1645	DO HOAI NAM	19	700
1646	DINH HUNG CUONG	22	800
1647	NGO VAN DUONG	11	400
1648	NGUYEN VAN MANH	4	100
1649	VO MINH LY	7	300

1650	LE HOANG TUAN	11	400
1651	LE HOANG THANH	3	100
1652	LE KHAC HUY	5	200
1653	VO DUY BACH	33	1,200
1654	DUONG QUOC TRUONG	3	100
1655	TRAN BAO PHUOC	1	
1656	NGUYEN THI NGOC YEN	4	100
1657	LE VAN LINH	8	300
1658	PHAM AN KHANH	1	
1659	NGUYEN QUANG HUY	1	
1660	PHAN DINH HIEU	2	100
1661	TRAN DUC CUONG	8	300
1662	NGUYEN XUAN THANH	31	1,100
1663	HOANG KY ANH	1	
1664	QUANG VAN PHUC	5	200
1665	DO THAI BAO	2	100
1666	NGUYEN DUY KHANH	2	100
1667	NGUYEN VAN HUY	10	400
1668	PHAN DUC HIEP	4	100
1669	NGO QUOC TUAN	4	100
1670	VANG VAN DAI	36	1,300
1671	HO TUAN KIET	28	1,000
1672	PHAM VAN NGOC	2	100
1673	PHAM VAN HIEP	9	300
1674	NGO THI THANH	1	
1675	NGUYEN THI TU ANH	5	200
1676	DUONG HO XUAN NGHI	10	400
1677	NGUYEN THANH HA	2	100
1678	PHAN QUOC THANH	4	100
1679	VO THI NGAN	13	500
1680	HUYNH VU PHUONG MAI	1	
1681	TRAN VAN AN	13	500
1682	LE THI NHAT LINH	12	400
1683	LE THI NGOC ANH	9	300
1684	VONG TRUNG KY	21,819	807,200
1685	NGUYEN THI VIET ANH	2	100
1686	LE THI BICH HIEU	8	300
1687	NGUYEN THI TRUC PHUONG	70	2,600
1688	DO VAN TAM	1	
1689	PHAM THI HOAI	41,434	1,532,800
1690	LUU VAN THANG	4	100

1691	DAO TIEN AN	8	300
1692	NGUYEN THI NHU NGOC	16	600
1693	NGUYEN QUOC TRUNG	4	100
1694	HA THI MINH THU	6	200
1695	LE THI NGAT	1	
1696	LE XUAN THANH	6	200
1697	NGUYEN ANH TUYET	5	200
1698	DANG HONG HANH	16	600
1699	DO VU HOANG DUONG	5,997	221,900
1700	DUONG THI PHUONG	8	300
1701	TRUONG THI NGOC ANH	3	100
1702	PHAM THI THAO	2	100
1703	DAO THI KIEU NHIEU	6	200
1704	VO MINH TU	20	700
1705	DANG BAO NAM	5	200
1706	TRAN THANH TUAN	9	300
1707	TRINH THI NGOC LAN	1	
1708	NGUYEN VAN THANH CONG	2	100
1709	VO THANH PHONG	12	400
1710	TRAN NGOC SON	2	100
1711	NGUYEN VAN MAN	14	500
1712	HUYNH THI SANG	1	
1713	NGUYEN NGOC HA	1	
1714	PHAN THI LAN ANH	1	
1715	NGUYEN VU HOANG ANH	2	100
1716	VU BAO HUY	2	100
1717	PHUNG THE QUOC VIET	6	200
1718	TRAN TUNG DUONG	6	200
1719	TRAN QUANG HUY	15	600
1720	PHAM NGOC HOANG	2	100
1721	NGUYEN TRONG NGHIA	4	100
1722	DANG VAN ANH VU	2	100
1723	DANG THI THU HUONG	1	
1724	NGUYEN ANH DUC	1	
1725	LE THUY LINH	7	300
1726	NGUYEN NHAT DUONG	2	100
1727	TRAN HAI HUNG	21	800
1728	HOANG THANH DUY	11	400
1729	DANG THI THAO TRAN	8	300
1730	LUONG TUAN NGHIA	5	200
1731	PHAM NGOC CUONG	4	100

1732	NGUYEN HUU HAI ANH	17	600
1733	LE THANH TUAN KIET	15	600
1734	HAN QUANG SON	6	200
1735	Y VA LIN TIN NIE	2	100
1736	HA NGOC PHI	1	
1737	NGUYEN SY PHUONG	2	100
1738	NGUYEN HUY DUC	5	200
1739	CHE DUY PHONG	53	2,000
1740	TUONG THUY DIEM	2	100
1741	K SUU	3	100
1742	NGUYEN THI DAN SINH	1	
1743	NGUYEN CONG THINH	31	1,100
1744	NGUYEN VIET HUNG	9	300
1745	HA VAN DUONG	3	100
1746	PHAM TIEN THANH	16	600
1747	PHAM HAI DANG	2	100
1748	HUYNH ANH QUOC	3	100
1749	VU TIEN VU	10	400
1750	TRINH QUOC VIET	55	2,000
1751	HA VIET HUNG	7	300
1752	NGUYEN THI LIEU	8	300
1753	DAO THI KIM TUYEN	3	100
1754	LE CHI KIET	5	200
1755	PHAM VAN HOANG	23	900
1756	LE PHUOC THINH	1	
1757	PHAM NGOC SON	1	
1758	NGUYEN THI HONG HANH	4	100
1759	NGUYEN MANH TUAN	2	100
1760	NGUYEN MINH TAM	5	200
1761	NGO VINH DINH	39	1,400
1762	BACH HONG VINH	2	100
1763	DO VAN CUONG	1	
1764	NGUYEN THANH TAN	3	100
1765	TRAN THI HANG MO	7	300
1766	TRAN VAN DUC	6	200
1767	NGUYEN HONG GAM	2	100
1768	TRAN NGOC BINH	5	200
1769	NGUYEN TRONG NHAN	10	400
1770	VAN HOANG TIEN	5	200
1771	NGUYEN QUANG TRUNG	29	1,100
1772	PHUNG THI VAN ANH	3	100

1773	BUI TUAN KIET	2	100
1774	LY THI THUY LINH	6	200
1775	HOANG VAN CHUNG	3	100
1776	HUYNH VAN QUYEN	2	100
1777	QUACH THI LINH	1	
1778	LE VAN DUC	5	200
1779	NGUYEN DUY HIEN	1	
1780	TON THAT TRI DUNG	1	
1781	LAY QUANG YEN NHI	1	
1782	DO BA BINH	20	700
1783	VO DUC THUAN	1	
1784	LE HOANG ANH	1	
1785	LO VAN QUANG	5	200
1786	DAM QUOC LINH	5	200
1787	DOAN THI KIM NGAN	4	100
1788	DAO NAM DINH	1	
1789	LY SIN PHA	1	
1790	HUYNH TRUONG TRUONG HUY	5	200
1791	PHAN THI HONG HUONG	5	200
1792	NGUYEN MINH TAI	7	300
1793	NGUYEN HOANG MY TRAN	2	100
1794	DO KHANH HUYEN	6	200
1795	DINH NGOC TRAM	2	100
1796	LAI MANH CUONG	7	300
1797	HA THI PHUONG NGA	4	100
1798	PHAM HA ANH	2	100
1799	TRAN BAO PHUONG	2	100
1800	VU CONG TU	4	100
1801	TRAN NGUYEN DUC TRUNG	5	200
1802	BUI MAI LAN	10	400
1803	BUI THI THANH XUYEN	3	100
1804	NGUYEN DIEU HIEN	6	200
1805	NGO THANH SI	3	100
1806	NGUYEN QUANG TRUONG	8	300
1807	HO NGUYEN DUY THIEN	1	
1808	HOANG DONG	3	100
1809	PHAM GIA MINH	10	400
1810	DUONG QUY KHANG	6	200
1811	DO VAN BACH	1	
1812	PHAM THI KHANH LY	1	
1813	BACH THE TRANG	20	700

1814	NGUYEN HOANG ANH	1	
1815	LE THUY TRANG	1	
1816	NGUYEN TRONG KHUYEN	2	100
1817	LE GIA LINH	3	100
1818	TRUONG DANG KHOA	7	300
1819	NGUYEN KIM CHUNG	2	100
1820	TRAN TRUNG THANH	2	100
1821	NGUYEN HOANG DUNG	11	400
1822	DANG THI KIM NAU	22	800
1823	NGUYEN HONG PHUC	1	
1824	PHAM THI LAM	2	100
1825	NGUYEN THU THAO	1	
1826	LY THAO NGAN	4	100
1827	NGUYEN VAN KIEN	15	600
1828	PHAM NGOC GIAU	3	100
1829	THONG KIM HOA	29	1,100
1830	LE THI BE THO	30	1,100
1831	HA VAN BINH	4	100
1832	NGUYEN MINH THUAN	4	100
1833	NGUYEN KHAC HUONG	6	200
1834	NGUYEN MONG HUYEN TRAN	1	
1835	BUI THI CHAM	2	100
1836	NGUYEN VAN THAO	1	
1837	TRAN THI THU THUY	9	300
1838	SUNG A THUNG	1	
1839	CAO THE THANG	12	400
1840	LE TAN TUAN	3	100
1841	HUNG VIET QUAN	3	100
1842	LO THI PHUONG	1	
1843	THAI MINH ANH	1	
1844	TRAN VAN THIEN PHU	1	
1845	LE MINH HUNG	1	
1846	TRAN NHAN HOA	6	200
1847	TRAN TRUNG TINH	18	700
1848	PHAM VAN DUC	14	500
1849	CHU XUAN HIEU	2	100
1850	VU HONG NHUNG	6	200
1851	LE ANH TUAN	1	
1852	TRUONG HAI YEN	1	
1853	TRANG VAN BE	7	300
1854	THAI VAN KHANH	1	

1855	KSOR HAU	5	200
1856	LE BA ANH	1	
1857	NGUYEN MINH HIEU	2	100
1858	DOAN MINH DUC	7	300
1859	NGUYEN TUAN MINH	6	200
1860	LE VAN MINH	3	100
1861	PHAM THANH LOAN	13	500
1862	NGUYEN VAN TRUONG	5	200
1863	NGUYEN DAO MINH HIEU	6	200
1864	BUI HAI DANG	1	
1865	TRAN CONG TINH	2	100
1866	CAO TIEN THINH	14	500
1867	TRAN THI KIM NGUYEN	2	100
1868	BUI THI MAI HUONG	1	
1869	NGUYEN THI HONG Y NU XAO NHI	1	
1870	LE TAM HIEU	5	200
1871	LE THANH QUOC KHANH	6	200
1872	PHAN DUC PHAP	36	1,300
1873	TON MINH TRI	21	800
1874	PHAM THUY LOAN	12	400
1875	VU TRONG HAI	4	100
1876	NGUYEN THI TRA MY	4	100
1877	TRAN GIA BAO	1	
1878	DINH HOANG PHUC	1	
1879	PHAM NGUYEN VINH PHAT	3	100
1880	NGUYEN MINH PHUONG	8	300
1881	CHAU MY DUYEN	2	100
1882	HA MINH THUAN	1	
1883	NGUYEN VAN DUY	9	300
1884	MAI GIAU HEN	2	100
1885	CAO MINH TRIET	2	100
1886	PHAN CHI KHAI	30	1,100
1887	LE TRUONG DUONG	2	100
1888	PHAN CHAU BANG	1	
1889	CHEO A KHE	19	700
1890	TRAN VAN LONG	8	300
1891	DINH VAN HAI	1	
1892	LE VO VAN LAM	14	500
1893	NGUYEN THI TU	3	100
1894	NGUYEN LE DUC	13	500
1895	NGUYEN THI HOACH	953	35,300

1896	HA XUAN VIET	2	100
1897	AI SUOT	12	400
1898	LE TRAC HUY	2	100
1899	LUU THE CUONG	1	
1900	TRAN THI BICH HUYEN	16	600
1901	NGUYEN HUU LAM	8	300
1902	BUI THI NHU MAI	69	2,600
1903	THACH THANH TINH	47	1,700
1904	NGUYEN TA HAI	2	100
1905	HOANG BAO NAM	3	100
1906	NGUYEN VAN HIEU	38	1,400
1907	PHAM ANH TUAN	1	
1908	NGUYEN TOAN THANG	1	
1909	NGUYEN VAN CUONG	1	
1910	CAO CAT LOI	4	100
1911	LU DUC HIEN	4	100
1912	PHAN MINH NHAT	1	
1913	VE NGOC HUY	6	200
1914	NGUYEN THANH HUY	10	400
1915	LAM THANH TRUC	5	200
1916	CAO ANH QUAN	12	400
1917	DUONG THI THU HIEN	3	100
1918	TRAN LE KIM YEN	2	100
1919	NGUYEN DINH HIEU	26,424	977,500
1920	NGUYEN CONG KHANH	2	100
1921	NGUYEN ANH QUAN	1	
1922	NGUYEN DINH THANH	4	100
1923	CHU HAI NAM	3	100
1924	DANG DUC CHIEN	1	
1925	NGUYEN VAN TAN	4	100
1926	NGUYEN LE ANH VY	6	200
1927	NGUYEN THI THAO LINH	27,946	1,033,800
1928	PHAM DAC NHAT TAN	2	100
1929	LE CONG TUAN ANH	4	100
1930	NGUYEN QUOC MY	5	200
1931	BUI QUANG VINH	15	600
1932	NGUYEN DINH NHAT BAO	1	
1933	NGUYEN THI XUAN MAI	6	200
1934	TUONG THAN QUANG NAM	3	100
1935	TRAN NGUYEN TIEN ANH	2	100
1936	NGUYEN YEN NHI	1	

1937	NGUYEN KHANH	1	
1938	NGUYEN THANH BINH	5	200
1939	TRAN THI THANH HA	1	
1940	HUYNH MINH HIEU	1	
1941	NGUYEN VAN ANH	2	100
1942	HUYNH BE LAI	1	
1943	CA DUY TAN	15	600
1944	PHAM VAN PHUC	3	100
1945	NGUYEN NGOC NGAN	5	200
1946	DO THI QUYNH NHU	3	100
1947	NGUYEN QUANG THANG	6	200
1948	NGUYEN VAN MANH	16	600
1949	THAN TRONG KIEU THU	7	300
1950	DO ANH DUNG	4	100
1951	VO KIM DUONG	84	3,100
1952	XA THI THAO	14	500
1953	DEO VAN CHUNG	5	200
1954	DAO THANH TRUNG	1	
1955	TRAN THACH ANH NGHI	2	100
1956	TRUONG DINH TAN	28	1,000
1957	NGUYEN TRAN TAN THO	6	200
1958	NGUYEN PHAM HOANG HAI	10	400
1959	NGUYEN CO	34	1,300
1960	TRAN NHUT HAO	3	100
1961	TA DUC THANG	7	300
1962	NGUYEN VIET QUANG TIEN	8	300
1963	LE VAN QUYEN	8	300
1964	LE NGOC MANH	15	600
1965	NGUYEN THI DUYEN	4	100
1966	NGUYEN THI NGOC THANH	7	300
1967	LE HUNG NGUYEN	7	300
1968	NGUYEN PHUOC TRONG	9	300
1969	LUONG DUC CHUNG	1	
1970	NGUYEN ANH TU	2	100
1971	BUI BANG KHAI	5	200
1972	TRAN GIA BAO	21	800
1973	VU VAN HIEN	26	1,000
1974	BAN THANH TRUONG	3	100
1975	LE VAN THINH	1	
1976	BUI QUOC DUNG	1	
1977	PHAM HUU QUAN	6	200

1978	HUYNH LE TOAN	5	200
1979	RMAH H HIEM	14	500
1980	TRUONG MONG NGUYET	2	100
1981	CHAU THI QUYEN	1	
1982	MAI LE THUY NGA	3	100
1983	HA VAN PHONG	2	100
1984	LE VAN NHAT	1	
1985	LE THI PHUONG	1,008	37,300
1986	NGUYEN DUC MINH HIEU	1	
1987	LE NGUYEN ANH VU	2	100
1988	BUI GIA HAO	6	200
1989	NGUYEN DUC HIEU	4	100
1990	NGUYEN THI NGA	27	1,000
1991	VU VAN TRUONG	8	300
1992	NGUYEN THI HOA TIEN	13	500
1993	NGUYEN THE CONG	4	100
1994	NGOC VAN HOANG	4	100
1995	LUU HOANG NAM	1	
1996	TRAN PHI LAM	5	200
1997	PHUNG THI THAO VY	1	
1998	LO MINH CHAU	6	200
1999	PHAM VAN LUYEN	26	1,000
2000	TRAN THU HUONG	8	300
2001	NGUYEN TRONG LONG	1	
2002	TRAN NGOC HAI QUYNH	2	100
2003	THAI THANH DUOC	12	400
2004	TRAN TRUNG HIEU	3	100
2005	NGUYEN THI THU PHUONG	2	100
2006	LE VAN TRANG	1	
2007	DINH PHAM MINH TU	21	800
2008	CHU THI DA THAO	1	
2009	NGUYEN THI MAI LAN	32,729	1,210,800
2010	HOANG THI YEN NHI	8	300
2011	LE TUAN VU	1,999	74,000
2012	LE VAN ANH TUAN	14	500
2013	TRAN ANH THUC	5	200
2014	PHAM VAN CHIEN	1	
2015	TRAN QUOC CONG	5	200
2016	TRAN MINH HOANG	5	200
2017	NGUYEN THI KIM TUYEN	1	
2018	TRAN NHAN QUY	1	

2019	HUYNH THI KIM HUYEN	2	100
2020	HUYNH CONG THUC	1	
2021	HOANG VAN THOAN	1	
2022	NGUYEN TUAN HUNG	1	
2023	NGUYEN MINH TUYEN	8	300
2024	NGUYEN VAN KHAI	2	100
2025	HANG THAI CHAU	6	200
2026	NGUYEN HOANG DUONG	5	200
2027	TRAN THI QUYNH MAI	15	600
2028	PHAM THI TRUC	2	100
2029	TO XUAN NGOC	3	100
2030	NGUYEN HUU HUY	23	900
2031	DOAN THI NHAT HOAN	1	
2032	NGUYEN ANH CHINH	3	100
2033	DANG THI HOAI THU	1	
2034	NGUYEN PHUONG NAM	8,873	328,200
2035	NGUYEN TRUNG HIEU	13	500
2036	VU DINH MINH	2	100
2037	KHUC CHI PHAT	1	
2038	NGUYEN THI THANH BINH	23	900
2039	TRAN CHI THIEN	7	300
2040	LE VU NGOC HAN	2	100
2041	NGUYEN VO KIM ANH	2	100
2042	BAN SON NAM	3	100
2043	TRAN VAN CUONG	5	200
2044	LE THI YEN PHUONG	1	
2045	PHAM HONG SON	1	
2046	LO VAN TINH	13	500
2047	HO VAN BAO	25	900
2048	PHUNG PHI LUAN	4	100
2049	LUONG DUC THANG	8	300
2050	BUI TAM NHU	3	100
2051	VI MANH XUAN QUYEN	1	
2052	PHAN THI LAN	13	500
2053	TRAN NONG BEN	1	
2054	LUONG XUAN DIEN	7	300
2055	VU THI THANH	1	
2056	VI THI THAO	1	
2057	HOANG NGOC LINH	14	500
2058	NGUYEN CONG HIEU	2	100
2059	VU THI SEN	12	400

2060	NGUYEN TUAN ANH	1	
2061	NGUYEN THI THU	1	
2062	HO THI THUY TRANG	1	
2063	NGUYEN MINH PHUONG	1	
2064	NGUYEN TRA MY	4	100
2065	TRAN THI THUY	35,187	1,301,700
2066	BUI VAN BAC	3	100
2067	BUI DUY KHANH	3	100
2068	NGUYEN THANH REN	7	300
2069	LE TRANG NHUNG	1	
2070	LE KIM OANH	1	
2071	NGUYEN THI DIU	2	100
2072	DO BAO VY	1	
2073	TU THI NGA	1	
2074	NGUYEN QUOC NHAT	2	100
2075	LE THI NGOC CHAM	5	200
2076	NGUYEN THI NGOC HUYEN	5	200
2077	NGUYEN THI NGOC	1	
2078	NGUYEN TAN PHU	1	
2079	TRAN MINH DUY	2	100
2080	NGUYEN THI ANH THU	1	
2081	NGUYEN DUC QUYEN	3	100
2082	PHAN QUANG HUY	2	100
2083	LUNG VAN QUYET	8	300
2084	DUONG HUYNH CHAU	8	300
2085	DAO THI HONG LINH	13,643	504,700
2086	BUI THI VI	2	100
2087	TRAN DIEM PHUONG	6	200
2088	TRAN VAN CUONG	44	1,600
2089	NGUYEN PHUONG ANH	2	100
2090	LE MANH LINH	1	
2091	LO THI DIEP	1	
2092	NGUYEN QUOC VU	1	
2093	NGUYEN VAN THUAN	19	700
2094	TRAN CONG MINH	4	100
2095	NGUYEN TAN HUNG	1	
2096	NGUYEN ANH TUAN	3	100
2097	PHAM THANH HUNG	2	100
2098	HUYNH THANH PHONG	1	
2099	NGUYEN VAN CHIEN	2	100
2100	DANG TRAN GIA HUY	6	200

2101	NGUYEN THI LINH	7	300
2102	HUA VAN VINH	1	
2103	HO A HIEU	29	1,100
2104	DUONG HOANG KHANG	1	
2105	KHIEU HUU HUY	9	300
2106	DAO THI THOA	1	
2107	DO DUC TRONG	4	100
2108	NGO DINH PHAT	8	300
2109	LONG DUY KHANH	2	100
2110	NGUYEN THI TRANG	1	
2111	HUYNH QUOC KHANG	1	
2112	KIM HOANG MINH	2	100
2113	BUI THI HA	1	
2114	NGUYEN THI TU TRINH	5	200
2115	TRAN THU THUY	1	
2116	PHAM LUONG NGUYEN	10	400
2117	VU ANH QUAN	4	100
2118	TRAN MINH KHUE	1	
2119	NGUYEN TRONG TAI	10	400
2120	VUONG LE VIET	1	
2121	DANG VIET HUY	11	400
2122	NGUYEN THI CAM NHUNG	1	
2123	TRAN GIA BAO	8	300
2124	NGUYEN MINH NHAT	42	1,600
2125	TRAN VAN CU	1,990	73,600
2126	NGUYEN VAN KHANH	95	3,500
2127	TRINH THANH TRUC	35	1,300
2128	BUI NHAT ANH	3	100
2129	HO THI PHUONG DUNG	1	
2130	NGUYEN ANH VU	4	100
2131	DAO DUY TAN	1	
2132	NGUYEN PHUONG MAI	1	
2133	DINH CONG LUAT	1	
2134	PHAM THU HUYEN	6	200
2135	NGUYEN TRI NGHIA	2	100
2136	PHAM THANH TRIEU	29	1,100
2137	NGUYEN VAN THA	3	100
2138	TRAN THI THANH	9	300
2139	CHUONG QUOC HUNG	12	400
2140	NGUYEN HUONG LY	3	100
2141	NGUYEN DUY AN	1	

2142	LE VAN TAN	2	100
2143	LUONG MINH TRUNG	1	
2144	NGUYEN HOANG PHU	10	400
2145	DONG GIA HUY	1	
2146	NGUYEN VAN RIN	5	200
2147	NGUYEN THI MINH	113	4,200
2148	TRAN THANH DIEN	1	
2149	LY THI KIM ANH	3	100
2150	LUU DAN QUE	1	
2151	NGUYEN QUOC VINH	1	
2152	TRAN MINH NHAN	4	100
2153	NGHIEM VAN KIEN	2	100
2154	LE VAN TIN	1	
2155	NGUYEN MINH HIEU	2	100
2156	NGUYEN THI NHA	2	100
2157	HOANG DUY ANH	4	100
2158	TRAN THI MY PHUNG	2	100
2159	NGUYEN THAI NHU NGOC	1	
2160	VO THI HIEN	1	
2161	NGUYEN HUY HOANG	14	500
2162	HO TRUNG TIN	30	1,100
2163	NGUYEN THE KHANG	18	700
2164	NGUYEN VAN ANH	2	100
2165	THAI HOANG GIA HUNG	1	
2166	NGUYEN DUC HAO	3	100
2167	TRAN THI HANG	4	100
2168	LE TRUONG CHIEN	2	100
2169	NGUYEN THANH HUNG	6	200
2170	TRAN NHU QUYNH	1	
2171	NGUYEN THI THU HA	4	100
2172	DANG THANH QUYET	9	300
2173	NGUYEN VAN AN	1	
2174	NGUYEN HOANG LONG	9	300
2175	SAM HUYNH THAO MY	7	300
2176	LAI DINH CAO DUC	4	100
2177	CAO THI PHUONG THAO	1	
2178	LE MINH DANG	16	600
2179	NGUYEN TRUONG THANG	2	100
2180	LE KHA TINH	5	200
2181	PHAM THI LOAN	3	100
2182	HA DINH THI	1	

2183	NGUYEN CHI TAI	2	100
2184	VU TRUONG PHUOC	4	100
2185	XA KHANH TOAN	10	400
2186	PHAN XUAN TIEN TAI	2	100
2187	CO VAN PHANH	1	
2188	PHAM THI HUYEN	1	
2189	NGUYEN HONG PHUC	1	
2190	NGUYEN THI THUY AN	1	
2191	LE BINH TRONG	52	1,900
2192	NGUYEN HUU LUAN	1	
2193	TRUONG THI YEN VY	2	100
2194	PHAN TRUONG HAI	2	100
2195	TRAN THANH CUONG	11	400
2196	NGUYEN MINH KHANH	6	200
2197	TRAN NGOC HAN	14	500
2198	AN VAN HANH	1	
2199	LAM VU LUAN	29	1,100
2200	HOANG GIA HUY	3	100
2201	VU VAN BON	2	100
2202	LAM HA MINH	2	100
2203	VI MANH QUAN	31	1,100
2204	NGUYEN MINH LOI	11	400
2205	CAO THI THUY TRANG	1	
2206	NGUYEN VAN PHONG	22,227	822,300
2207	TRAN VAN HAO	2	100
2208	TRAN TIEN HUNG	1	
2209	BAN MINH HUNG	3	100
2210	DUONG THI KHA	4	100
2211	NGUYEN TAN PHAT	1	
2212	HOANG VAN THANH	1	
2213	THACH THUAN	2	100
2214	DANG BAO ANH	13	500
2215	TONG VIET GIA BINH	1	
2216	NGUYEN VAN DANH	1	
2217	NGUYEN HOANG LINH	1	
2218	HO TAN PHAT	2	100
2219	HUYNH HIEU KIEN	1	
2220	TRAN THI TINH	1	
2221	TRAN THI THANH HONG	7	300
2222	NGUYEN THI HONG NGAN	1	
2223	TRAN XUAN BACH	3	100

2224	NGUYEN QUYNH ANH	3	100
2225	PHAN TRONG PHU	3	100
2226	NGUYEN MANH DAN	3	100
2227	DUONG VIET TIEN	10	400
2228	LUONG TUAN NGHIA	5	200
2229	DANG THI HIEN	2	100
2230	CAO VAN NAM	3	100
2231	DO THI HUE	1	
2232	NGUYEN NGOC TUYEN	2	100
2233	NGUYEN VAN HUAN	2	100
2234	TRAN DANH DAT	1	
2235	NGUYEN HOANG THIEN LONG	1	
2236	NGUYEN VAN KIEN	2	100
2237	TRUONG THI MAI	1	
2238	VU QUOC THANH DAT	1	
2239	TRAN HAI HUY	1	
2240	PHAM TUAN MINH	4	100
2241	NGUYEN QUANG VINH	1	
2242	TRAN HUU NGHIA	1	
2243	HOANG THI LE	4	100
2244	NGUYEN QUANG THANH	2	100
2245	DANG THI QUYEN	1	
2246	NGUYEN THI TUYET	2	100
2247	TRAN DINH QUOC BAO	3	100
2248	NGUYEN VIET THANG	3	100
2249	THIN A QUANG THANG	2	100
2250	THACH VAN KHANH	3	100
2251	TRAN THI MY HAN	1	
2252	TRAN QUOC THINH	3	100
2253	NGUYEN GIA THANH	7	300
2254	NGUYEN THI LAM	1	
2255	NGO THI PHUONG	3	100
2256	DAO KHAI VAN	3	100
2257	TRAN THI THOM	5	200
2258	NGUYEN VAN THAI	2	100
2259	NGUYEN VAN GIOI	2	100
2260	H LINH NHI RYA	1	
2261	DANG MINH TUAN	1	
2262	LE THI ANH THU	1	
2263	NGUYEN NGOC CONG	8	300
2264	PHAM HONG THAI	4	100

2265	NGUYEN VIET ANH	4	100
2266	NGUYEN THI NGOC MY	2	100
2267	TRUONG MINH QUY	2	100
2268	HOANG NGOC THAI	1	
2269	MAI THI YEN	2	100
2270	NGUYEN THI LAN	2	100
2271	NGUYEN THI THANH TIEN	11	400
2272	BUI THI HOAI	3	100
2273	LE SINH HUNG	4	100
2274	VU DANG KHANH AN	1	
2275	NGUYEN XUAN TUE	1	
2276	NGUYEN HOANG AN	7	300
2277	DUONG DANH PHAT	1	
2278	LY A VA	2	100
2279	TRAN THI MAI	1	
2280	DINH THI NGOC	3	100
2281	NGUYEN THI THUY VAN	5	200
2282	PHUNG TRUNG HIEU	7	300
2283	NGO THI CAM THU	1	
2284	TRINH THI LINH CHI	1	
2285	TRAN KHAC TAM	2	100
2286	NGUYEN CHINH DUY	2	100
2287	NGUYEN THI THU HIEN	2	100
2288	PHAN TRUNG HAU	1	
2289	NGHIEM DANG MANH	2	100
2290	NGUYEN TRUONG GIANG	2	100
2291	PHAN QUANG MINH TRI	1	
2292	PHAM THI HAI	2	100
2293	TRIEU KIM BINH	1	
2294	DINH THI KIM DUYEN	1	
2295	LE ANH TUNG	22	800
2296	LE THI THU	3	100
2297	DANG THI HOANG ANH	1	
2298	LUONG THI HONG NHUNG	5	200
2299	NGUYEN MINH KHOA	6	200
2300	NGUYEN DIEU HUONG	1	
2301	LE QUANG HUY	8	300
2302	LE HONG NGOC PHUNG	5	200
2303	DINH VAN BAY	2	100
2304	NGUYEN NHAT SU	1	
2305	NGUYEN THI VINH	1	

2306	LE VAN ANH	1	
2307	NGUYEN VAN LOC	1	
2308	THAN THE NAM	2	100
2309	PHAM QUOC HUY	1	
2310	TRAN THI THU HOI	1	
2311	LE NGOC QUY	9	300
2312	NGUYEN THANH NGHIEM	2	100
2313	NGO DUC HUNG	1	
2314	VU DANG	1	
2315	TRUONG BOI DUNG	1	
2316	PHAM VAN TUAN	24	900
2317	NGUYEN QUANG KHANH	2	100
2318	LE THI HOAI THANH	1	
2319	BUI QUANG THANG	3	100
2320	NGUYEN THI HUE	2	100
2321	PHAM DINH THE AN	5	200
2322	NGUYEN CONG DUC	1	
2323	NGUYEN VO ANH TU	6	200
2324	TRUONG NGOC DANH	5	200
2325	VU THU HUYEN	1	
2326	TRAN THI TIET NHI	2	100
2327	TRAN THANH PHONG	1	
2328	NGUYEN QUOC HUY	1	
2329	TRAN QUOC KHANH	2	100
2330	TRAN MINH DUC	4	100
2331	NGUYEN MANH LINH	4	100
2332	PHAM TIEN DUNG	2	100
2333	LO THI CHI	1	
2334	PHAM KHA DUY TAN	1	
2335	TA NGOC QUANG	6	200
2336	PHAM VAN KIEN	1	
2337	NGUYEN THI KIM NAM	1	
2338	DO QUY CUONG	3	100
2339	LE CONG THUC	1	
2340	NGUYEN VAN TUAN	3	100
2341	DANG THI QUYNH LAN	7	300
2342	TRAN THI HUONG LAN	3	100
2343	KIEU XUAN NHAM	1	
2344	DO VAN LINH	2	100
2345	DAO QUOC TU MINH	4	100
2346	NGUYEN THI TRA MY	8	300

2347	NGO KHAC BAO	1	
2348	NGUYEN QUOC TRI	10	400
2349	TRAN MINH THAI	1	
2350	HO VAN PHU	1	
2351	PHAM VIET PHUONG	5	200
2352	DINH DUC HAI	2	100
2353	NGUYEN VAN HIEU	1	
2354	PHAN QUANG TAI	2	100
2355	NGUYEN VAN HOA	1	
2356	TRAN ANH TUNG	1	
2357	TRAN NGUYEN HOANG OANH	1	
2358	LE THANH NANG	1	
2359	LE VIET HOANG	2	100
2360	PHAM VAN LUONG	6	200
2361	PHAN TRUONG GIANG	2	100
2362	A GIANG NAM	9	300
2363	THAI KE HUY	4	100
2364	NGUYEN HUU LOC	3	100
2365	LE QUANG DAT	2	100
2366	NGUYEN NGOC LINH	5	200
2367	LE THI HUYEN TRANG	3	100
2368	NGUYEN VAN THU	4	100
2369	HA THI THANH NGA	3	100
2370	TRAN NHAT THANH	1	
2371	DOAN THANH PHONG	1	
2372	DO THI MINH HUYEN	2	100
2373	DINH TUAN ANH	1	
2374	NGUYEN DANH KIEN	19	700
2375	TRAN NGUYEN NHAT HUY	1	
2376	MAI PHUONG DUY	1	
2377	CHAU QUOC TRONG	2	100
2378	NGO MINH SON	1	
2379	TRAN VAN CANH	6	200
2380	DO THI XIEM	2	100
2381	NGUYEN VAN HUY	2	100
2382	NGUYEN THI THAO VAN	2	100
2383	TRAN THI HONG MINH	7	300
2384	HO TAN PHAT	2	100
2385	NGUYEN TUNG LAM	3	100
2386	LUU SY QUYET	1	
2387	NGUYEN TIEN DAT	3	100

2388	TRUONG SY GIANG	1	
2389	CA VAN DUY	3	100
2390	BUI TRUNG CHANH	6	200
2391	NGUYEN VAN TAI	1	
2392	DAO DUC LONG	3	100
2393	LE DUY MINH	20	700
2394	NGUYEN THANH DUNG	7	300
2395	VU DINH CHIEN	3	100
2396	PHAM THE BAO AN	1	
2397	BUI TRONG HUU	2	100
2398	LE THANH HAI	1	
2399	NGUYEN THI HOAI NHI	1	
2400	NGUYEN BICH THUY	1	
2401	VO TAN TAI	5	200
2402	TRAN THI NGOC THUY	3	100
2403	LUC GIA BAO	3	100
2404	NGUYEN ANH TUAN	14	500
2405	TRAN VAN KHANH	1	
2406	LU KHANH DANG	2	100
2407	LAI VAN DUONG	1	
2408	DAM DUY DUY	1	
2409	LO VAN DUNG	4	100
2410	DO THI KIM TRUC	1	
2411	NGUYEN TAN DUY	1	
2412	DANG THANH DUY	1	
2413	NGUYEN THI MY LINH	1	
2414	NGUYEN THI HANG SUONG	1	
2415	NGUYEN NGOC BICH TRAM	1	
2416	DANG NGOC PHUC	5	200
2417	NGO VAN QUYEN	5	200
2418	DUONG HIEN PHUC	3	100
2419	LE THI ANH NGOC	6	200
2420	LE NGOC HA	1	
2421	NGUYEN THI NGOC LINH	2	100
2422	DINH CONG HIEU	17	600
2423	MAI HUU VINH	4	100
2424	DINH XUAN KIEN	1	
2425	TRAN QUANG MINH	2	100
2426	NGUYEN THUY LINH	2	100
2427	NGUYEN LAN PHUONG	1	
2428	NGUYEN VAN NHUAN	4	100

2429	BUI THE PHUONG	2	100
2430	DO THI QUE	3	100
2431	DINH THE TUONG	3	100
2432	NGUYEN THI NUOI	1	
2433	NGUYEN VAN VU LINH	3	100
2434	VU TIEN DUNG	2	100
2435	HA HUNG KY	5	200
2436	NGUYEN HUU HUNG	4	100
2437	NGUYEN LE THIEN KHANH	1	
2438	LE MINH NHAT	4	100
2439	NGUYEN QUANG TUONG	1	
2440	TRAN THI HONG NGAT	1	
2441	DANG KHUONG DUY	1	
2442	LUONG NHAT TAN	1	
2443	NGUYEN VAN CUONG	4	100
2444	NGUYEN VAN PHUONG	1	
2445	CAM THI LAY	2	100
2446	HOANG VIET LONG	6	200
2447	TRAN THUONG	5	200
2448	TRAN TRUC NHI	1	
2449	NGUYEN HONG CONG	1	
2450	CO PHAN KIM NGAN	1	
2451	NGUYEN THI NHU HOAI	4	100
2452	TRAN THI CHAU	3	100
2453	PHAM MINH DANG	2	100
2454	DANG VAN KIEN	1	
2455	NGUYEN TIEN THANH	1	
2456	NGUYEN THANH PHUONG	1	
2457	DANG THI TUYET MAI	1	
2458	DINH NGOC THIEN	1	
2459	NGUYEN THI MAI HUONG	2	100
2460	LE DUNG	1	
2461	NGUYEN THI THAI HANG	1	
2462	HOANG VAN TRINH	4	100
2463	HUYNH HUY HUNG	2	100
2464	NGUYEN NGOC TRUONG AN	2	100
2465	LE THI PHUONG	2	100
2466	MAI VAN SON	1	
2467	VU TRUONG CHINH	15	600
2468	HOANG THI QUYNH NGA	1	
2469	NGUYEN THI PHUONG UYEN	1	

2470	NGUYEN THI LUYEN	1	
2471	TRAN TUAN DUNG	162	6,000
2472	TRAN HUU LOI	2	100
2473	VU KHANH HIEU	1	
2474	LE THI THUY DIEU	5	200
2475	VO TAN DAT	7	300
2476	VAI KIM HANH	2	100
2477	MAI THI MY HANH	1	
2478	TRAN VAN HONG	2	100
2479	DO THI LE	1	
2480	LUU THI THUY HANG	1	
2481	NGUYEN NGOC ANH	10	400
2482	HOANG NGHIA NGOC	2	100
2483	DUONG THI LUA	8	300
2484	NGUYEN CHI CUONG	1	
2485	DO NGUYEN NGUYET MINH	1	
2486	NGO THI THU HUYEN	94	3,500
2487	BUI THI PHUONG	4	100
2488	HUYNH MINH TAN	1	
2489	NGUYEN DOAN TIEN	1	
2490	NGUYEN THANH HUNG	3	100
2491	NGUYEN THI DANH	1	
2492	LE VAN TUNG	1	
2493	PHAM THI NHUNG	5	200
2494	LE THI HOANG PHUONG	1	
2495	NGUYEN HUU DOAN	7	300
2496	LA VIET HOANG	1	
2497	PHAM TRUNG VIET	1	
2498	NGUYEN DUC HOANG	1	
2499	MAI VAN VUONG	1	
2500	NGUYEN VINH HAI	1	
2501	NGUYEN THI NGA	7,600	281,200
2502	DOAN THI ANH	3	100
2503	DO VAN NHO	5	200
2504	TU KIEU MY	5	200
2505	LO VAN DUNG	3	100
2506	LE DANG TAN DAT	4	100
2507	DINH NHAT HUY	8	300
2508	SA LY	2	100
2509	LUU TUAN ANH	2	100
2510	BUI THI THU THAM	3	100

2511	NGUYEN HUU DO	1	
2512	VO VAN DUC	7	300
2513	LE HUU HIEN	1	
2514	PHAM THI THANH NGA	11	400
2515	NONG HO THAI ANH	1	
2516	PHUNG THI PHUONG LINH	3	100
2517	TRUONG NGOC HIEU	1	
2518	NGUYEN THI THU TRA	1	
2519	LE HOANG GIANG	2	100
2520	HOANG ANH TUAN	1	
2521	NGUYEN THI BICH	1	
2522	DO GIA LINH	3	100
2523	DANG THI KIM THIEN	3	100
2524	LE THI DIEM	1	
2525	NGUYEN THI NGOC HANG	1	
2526	PHAM KIM NGOC	2	100
2527	TRAN TIEN DUC	1	
2528	HA VAN DUNG	11	400
2529	NGUYEN THI THU LUONG	1	
2530	NGUYEN THI NHUNG	2	100
2531	NGUYEN VAN CUONG	12	400
2532	HO TRUNG KIEN	1	
2533	PHAM VAN HUNG	1	
2534	TRAN THI MINH ANH	9,270	342,900
2535	DO VAN THO	1	
2536	HOANG NGOC QUYET	6	200
2537	VU HA ANH NGUYEN	7	300
2538	DANG DUC HAU	1	
2539	TRAN HOANG HAI	1	
2540	NGUYEN VAN THANH	1	
2541	TRUONG CHI TINH	1	
2542	LAM TRUONG GIANG	5	200
2543	THAN QUYNH ANH	2	100
2544	NGUYEN ANH DUC	1	
2545	NGO TRUNG KIEN	1	
2546	SUKHACHEV NIKITA	2	100
2547	BUI THI DU	3	100
2548	LE TINH TRA MY	1	
2549	TRAN NGOC BICH	2	100
2550	DUONG VAN MINH	15	600
2551	HO VAN TUONG	5	200

2552	LE MINH TRUNG	1	
2553	TRUONG NGUYEN THIEN NHAN	1	
2554	TRAN VAN TIEP	1	
2555	TONG VAN DUNG	2	100
2556	LAM THUY THIEN TRANG	1	
2557	TRAN NHAT MINH	1	
2558	LE NGOC QUYEN	1	
2559	PHAM THI TAM	1	
2560	CHU THI THIET	3	100
2561	DUONG DUY KHUONG	6	200
2562	PHUNG DINH DUY	3	100
2563	PHAN VAN QUAN	1	
2564	LE THI NGOC DUNG	3	100
2565	TRAN THANH THAO	3	100
2566	DANG KIM THOA	1	
2567	LE BA HANH	3	100
2568	NGUYEN NGOC THANH	1	
2569	PHAM MINH HIEU	2	100
2570	PHAM QUOC MINH	18	700
2571	LE NGUYEN THANH NAM	5	200
2572	CHU BAO DAI	2	100
2573	CAO MINH CHANH	4	100
2574	TRAN DINH VIET TRUNG	2	100
2575	DOAN DUC ANH	2	100
2576	THAI DOAN PHU	13	500
2577	NGUYEN THI NGAN	1	
2578	PHAM THU HUYEN	1	
2579	MAI HUYEN VY	5	200
2580	NGUYEN THI NGOC TRAN	2	100
2581	NGUYEN PHUOC DUY	4	100
2582	BUI THU HUONG	2	100
2583	LE HOANG PHUC	1	
2584	NGUYEN THANH NHAN	4	100
2585	KIEU DOAN DUC	40	1,500
2586	NGUYEN PHUC TAN TAI	1	
2587	NGUYEN THANH HUNG	2	100
2588	TRUONG NGOC TRUONG GIANG	1	
2589	LE THI HUONG	1	
2590	DAO TAN KHOA	2	100
2591	DO THI MINH NHAT	1	
2592	NGUYEN CHI THANH	1	

2593	NGHIEM THI HUYEN TRANG	1	
2594	NGO THI TUYET NHUNG	1	
2595	TRAN MANH MUOI	1	
2596	NGUYEN THANH TAN	2	100
2597	NGUYEN THI THU TRANG	5	200
2598	PHAM THI BICH	4	100
2599	TRAN THI NGOC TUYET	2	100
2600	NGUYEN DINH TRI	1	
2601	LUONG NGOC PHI	1	
2602	TRUONG MINH NGUYET	3	100
2603	NGUYEN DUY ANH	1	
2604	NGUYEN KIM HIEN	3	100
2605	VU MI SINH	2	100
2606	NGUYEN VAN VINH	1	
2607	DUONG TRUNG DUONG	2	100
2608	DO TRUNG HOA	1	
2609	NGUYEN VAN DUONG	4	100
2610	TRAN THUY TIEN	3	100
2611	LE TRUONG NHAN	1	
2612	TRAN QUANG DAT	1	
2613	NGUYEN VAN TRUONG	1	
2614	LE TU TRIEU HUY	1	
2615	HO THI BICH THI	1	
2616	NGUYEN KHOI	1	
2617	LO THI MAI YEN	1	
2618	HUYNH VAN LAM	68	2,500
2619	TRAN PHAM HOI PHONG	1	
2620	VU VAN LAM	2	100
2621	NGUYEN THI MAI	1	
2622	VU THU HANG	1	
2623	VU THI DUNG	2	100
2624	PHAN THANH MINH	2	100
2625	TO TIEN DAT	1	
2626	TRAN THI PHUONG HAO	5	200
2627	PHAM THI KIM HONG	1	
2628	NGUYEN DUY LONG	1	
2629	NGUYEN CHANH TRUC	2	100
2630	PHAM MY DUYEN	1	
2631	DO DINH LONG	1	
2632	VU THE TUAN	1	
2633	VO MONG NGHI	4	100

2634	NGUYEN THI HUYEN LINH	13	500
2635	DAM MINH DUC	2	100
2636	HO NGOC SON	2	100
2637	NINH VAN BANG	2	100
2638	LE HOANG LAN	1	
2639	TRAN DUC THINH	5	200
2640	DIEU CHINH HOAN	2	100
2641	NGUYEN MINH TRIET	4	100
2642	TRAN VAN PHUOC	6	200
2643	LE DUC THINH	2	100
2644	NGUYEN CHINH HUNG	4	100
2645	TRAN BAO PHUC	3	100
2646	PHAM VU BANG	1	
2647	PHAN THUY CAM	7	300
2648	NGUYEN VAN NONG	8	300
2649	PHUONG KIM QUOC CUONG	2	100
2650	PHAM THI HONG THUY	1	
2651	NGUYEN QUYNH HUONG	1	
2652	TRAN VAN KIEN	2	100
2653	NGUYEN THI NGA	1	
2654	HO THI TUAN	1	
2655	NGUYEN DINH TRIEU	5	200
2656	PHAN VINH TUNG	4	100
2657	DANG NGOC HOA	4	100
2658	PHAM HOANG LOC	2	100
2659	DAO QUOC DAT	2	100
2660	NGUYEN TUAN ANH	3	100
2661	NGUYEN GIA CUONG	3	100
2662	DUONG VAN DUNG	1	
2663	HO THI THANH THU	1	
2664	HOANG VIET DUNG	2	100
2665	NGUYEN VAN GIAP	1	
2666	TRAN BINH TRONG	2	100
2667	DAM VIET HUNG	1	
2668	PHAM DINH HUY	5	200
2669	HOANG NGUYEN PHI HUNG	4	100
2670	TRAN VAN TUAN	2	100
2671	NGUYEN THANH MINH	1	
2672	TRUONG THI NGOC THAM	3	100
2673	HUA THI KHANH	1	
2674	NGUYEN CHI AN	2	100

2675	NGUYEN VAN TRAI	1	
2676	DOAN THE PHUONG	1	
2677	LE DANG QUOC THAI	2	100
2678	TRAN NGOC LAN	12	400
2679	NGUYEN HAI DANG	1	
2680	PHAM TRUNG NAM	2	100
2681	LE BAO TAM	2	100
2682	TRAN VAN DAT	2	100
2683	TRINH TUAN TAI	1	
2684	NGUYEN TRAN THU TRANG	2	100
2685	PHAM NHAT MINH	1	
2686	TRAN VAN ANH	2	100
2687	TRAN THI HA THAO NGAN	2	100
2688	PHAM NGUYEN TUONG AN	1	
2689	NGUYEN TRAN THAO NGUYEN	18	700
2690	DOAN THI LIEU	1	
2691	LE HA PHUONG	1	
2692	TRUONG THI QUYNH TRANG	3	100
2693	DUONG VAN QUY	1	
2694	NGUYEN KIM KHOA	1	
2695	HUYNH LE NHI	1	
2696	TRUONG HOANG TUAN	5	200
2697	HUYNH BAO QUOC	16	600
2698	PHAM NGUYEN QUANG VINH	1	
2699	LE THI NGOC LAN	1	
2700	NGUYEN MINH CHIEN	1	
2701	NGUYEN THI THUY VAN	1	
2702	LAI QUYNH ANH	27	1,000
2703	NGUYEN VAN TUNG	2	100
2704	NGHIEM VAN SAM	6	200
2705	DOAN THI TUYET MAI	3	100
2706	PHAM HOANG	3	100
2707	THAN HOANG VU	6	200
2708	DO THI NGOC HA	1	
2709	TRAN NHAT TIEN	3	100
2710	NGUYEN NGOC TUONG VY	13	500
2711	NGUYEN NHUT DUC	3	100
2712	VU QUOC DAT	1	
2713	DANG NGOC THANH	7	300
2714	PHAM MINH TUAN	2	100
2715	LE VAN SON	2	100

2716	NGUYEN VAN DUNG	3	100
2717	NGUYEN TUAN THANH	16	600
2718	TRAN THI LINH	1	
2719	DOAN DINH QUANG	1	
2720	LE THI VAN ANH	3	100
2721	DUONG TON TRI	6	200
2722	LY MINH HOANG	9	300
2723	LE TRUC LINH	1	
2724	TONG THI UYEN	5	200
2725	TRAN DINH TRUONG	1	
2726	LE QUOC THINH	2	100
2727	LO THI ON	4	100
2728	NGUYEN QUYNH NGAN	1	
2729	VU XUAN VIET ANH	4	100
2730	NGUYEN BAO HOANG	10	400
2731	NGUYEN HONG PHAT	2	100
2732	NGUYEN THI HUYEN TRANG	3	100
2733	VU MANH DINH	1	
2734	TRAN THI THUY DUYEN	11	400
2735	LE THANH DUC	7	300
2736	NGUYEN VAN DO	1	
2737	NGUYEN NU TU TRINH	8	300
2738	VU DUC NAM	1	
2739	TRAN THI THU	1	
2740	VU HOANG LAN	1	
2741	DO THANH HOA	1	
2742	NGUYEN CHI KHANH	5	200
2743	HA LE TUAN	1	
2744	LUONG MANH TUNG	1	
2745	HOANG VAN DUONG	6	200
2746	LE MINH HAU	1	
2747	TRAN VAN MANH	3	100
2748	BUI DUC HIEP	1	
2749	LE HAI THANH	1	
2750	TA PHI LONG	1	
2751	LE MINH LY	1	
2752	HUA NHU TAM	1	
2753	NGUYEN THI THANH TRUC	3	100
2754	TRAN THI NHI DIEM	1	
2755	LUU TIEN MINH	1	
2756	DAM HUY CHIEN	4	100

2757	LE NGOC HOA	2	100
2758	LE VAN DONG	1	
2759	NGUYEN THI KIM CHI	1	
2760	PHAN THI MINH TRANG	1	
2761	TRAN DUC HUNG	2	100
2762	PHAM THI THU HA	4	100
2763	NGUYEN THI MINH	8	300
2764	NGO VAN TAN	2	100
2765	NGO BAO THAI	1	
2766	NGO XUAN DAT	9	300
2767	LE THI NGOC ANH	1	
2768	TO MINH TRI	4	100
2769	NGUYEN THI HUYEN	1	
2770	HAN HONG NHUNG	1	
2771	LUONG QUOC VINH	3	100
2772	TRAN THI THUY	1	
2773	NGUYEN THI LAN	1	
2774	TRUONG THI HUONG	1	
2775	NGUYEN TRUNG KIEN	1	
2776	VUONG DINH DUY	1	
2777	LE DINH HOI	4	100
2778	NGUYEN NHU CUONG	1	
2779	DANG THI TUYEN	3	100
2780	PHAM TRONG TUAN	15	600
2781	DANG TUYET VAN	3	100
2782	NGUYEN DUC HOANG	7	300
2783	AN QUOC VIET	4	100
2784	NGUYEN THI MUI	1	
2785	BUI THI NHU QUYNH	1	
2786	NGO THI AN	3	100
2787	NGUYEN DINH THANH	1	
2788	NGUYEN PHUONG LAN	1	
2789	CAO THI HA NHU	2	100
2790	PHAM DINH VU	1	
2791	VU VAN THANH	1	
2792	PHAM HOANG NGOC SON	2	100
2793	NGUYEN HAI DANG	1	
2794	LE THI HANH	3	100
2795	DO THI HANH	40	1,500
2796	NGUYEN THI HUONG	1	
2797	DUONG NGOC DAI	7	300

2798	NGO VAN PHONG	12	400
2799	NGUYEN NGOC PHUONG	1	
2800	VU THANH HAI	1	
2801	SUNG A DO	1	
2802	LE VAN VU	2	100
2803	DAM THAN LONG	3	100
2804	HOANG THANH THAO	2	100
2805	VAN TRAN MINH DUC	9	300
2806	NGUYEN THI CAM LY	2	100
2807	NGUYEN THANH THANH	3	100
2808	TRAN NHO THANH	1	
2809	NGUYEN MINH PHUONG	1	
2810	DAM VAN HUNG	5	200
2811	TRAN VAN HIEU	1	
2812	BE DUY HUAN	5	200
2813	NONG VAN TUAN	1	
2814	PHAM THI TRANG	2	100
2815	LE THI HONG NGOC	5	200
2816	NGUYEN VAN MANH QUY	1	
2817	TRUONG TRONG VU	1	
2818	TRAN NHAT HOANG KA	1	
2819	NGUYEN THI MY DIEM	14	500
2820	PHAN ANH TUAN	1	
2821	VU VAN TAO	2	100
2822	TRUONG LE MINH THU	1	
2823	LE HONG NAM	5	200
2824	NGUYEN QUANG MINH	13	500
2825	VANG LONG CHO	1	
2826	NGUYEN NAM ANH	1	
2827	NGUYEN HO DINH	4	100
2828	PHAM THI THUAN	1	
2829	NGUYEN THI BACH	1	
2830	NGUYEN DUC THU THUY	1	
2831	NGO XUAN QUYET	1	
2832	VO THIEN PHUC	1	
2833	TRUONG HOANG PHI	1	
2834	NGUYEN THI KIEU NHI	1	
2835	NGUYEN BAO TRAN	5	200
2836	DANG ANH PHUC	3	100
2837	NGUYEN THANH TAM	1	
2838	BUI VAN QUE	1	

2839	TRAN PHUONG THAO	2	100
2840	NGUYEN THI NHAT LINH	1	
2841	LY TUAN THANH	2	100
2842	LE THI THUY	1	
2843	TRAN DANG DUY QUYEN	1	
2844	LUONG THI KIM LIEN	1	
2845	NGUYEN THI HAI YEN	1	
2846	NGUYEN MANH HOA	4	100
2847	DINH VIET PHU	1	
2848	VANG A SON	2	100
2849	NGUYEN MINH CHAU	13	500
2850	LUC THI PHUONG	1	
2851	BUI THU TRANG	211	7,800
2852	NGUYEN THAI THUAT HUY	1	
2853	LE THI THANH HOA	1	
2854	TRAN HUYNH HUYEN TRAN	4	100
2855	DUONG VIET ANH	4	100
2856	DANG DINH MINH DUC	2	100
2857	NGUYEN TRI THAN	1	
2858	NGUYEN QUANG TRUONG	1	
2859	PHAM DAI PHU	13	500
2860	BUI QUANG VINH	1	
2861	TRAN QUAN SU	1	
2862	LE HOANG MINH THIEN	1	
2863	NGUYEN MINH TIENG	1	
2864	DUONG THI HA	1	
2865	NGUYEN THANH LAM	1	
2866	NGUYEN TIEN HUNG	3	100
2867	NGUYEN THANH LONG	1	
2868	DINH NHAN KIET	2	100
2869	BAN VAN DAO	2	100
2870	DO VAN SANG	1	
2871	NGUYEN VIET GIA VU	9	300
2872	VO QUOC CUONG	1	
2873	NGUYEN VAN QUAN	3	100
2874	NGUYEN TRONG GIAU	2	100
2875	DONG NGOC TUAN ANH	2	100
2876	NGO ANH KIET	1	
2877	TRUONG VAN TUAN	1	
2878	VU THUY HANG	1	
2879	NGUYEN THI PHUONG	2	100

2880	VU THI MAI PHUONG	1	
2881	NGUYEN THI HAI HANG	4	100
2882	DONG DOAN VAN SY	1	